

Câu chuyện tu luyện của

PHẬT MILAREPA

2025

Ban Biên tập Minh Huệ chỉnh lý

Nguồn: vn.minghui.org / Dịch từ: minghui.org

MỤC LỤC

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 1)	1
Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 2)	14
Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 3)	23
Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 4)	42
Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 5)	71
Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 6)	92
Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 7)	111
Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 8)	126
Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 9)	140
Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 10)	159
Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 11)	174
Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 12)	190

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 1)

Từ trước tới nay vùng núi Himalaya vẫn luôn là vùng đất có nhiều người tu luyện, người dân ở đó có một cuộc sống chất phác, ai ai cũng giỏi múa hát, ngoài ra còn sùng bái Phật Pháp. Lúc bấy giờ có một người tu luyện tên là Milarepa (Mật Lặc Nhật Ba). Chúng Phật Bồ Tát phải tu nhiều đời nhiều kiếp mới thành, nhưng Milarepa lại chỉ cần một đời là thành tựu được công đức tương đương với những Phật và Bồ Tát ấy, sau này trở thành thủy tổ của Bạch giáo Tạng Mật.

Một hôm, Milarepa ở khu Trung Phúc Nhai Quạt của địa phương Áp Long mà giảng Diệu Pháp Đại thừa. Trong Pháp hội có đại đệ tử Nhạ Quỳnh Ba (Retchung Dorje Drakpa), Tịch Quang Nhã Ba (Shiwa O Repa), Nhận Thuyết Nhã Ba (Repa of Ngandzong), Phật Hộ Nhật Ba (Sangye Kyab Repa) của ông, cùng các nữ đệ tử như Hà Lai Tái Ban (Legse Bum), Tiên Đa Mã (Vajra of Shen), và còn rất nhiều các tín sỹ thí chủ nam nữ; ngoài ra còn có Trường Thọ Vương Không Hành Mẫu, còn có rất nhiều Không Hành Mẫu (Dakini) vốn đã thành tựu quả vị Hồng Quang, vốn dĩ dùng để chỉ người nữ tu vô thượng Mật Tông mà đắc được thành tựu. Sau này, danh từ này được dùng rộng rãi, phạm là người nữ tu hành Mật Tông, thì đều gọi là Không Hành Mẫu. Không Hành Mẫu trong Mật Tông chiếm lĩnh vị trí cực kỳ trọng yếu, về trí huệ là bậc mẫu của tất cả các vị Phật, đồng thời đảm nhận việc hộ Pháp cho tất cả chư Phật, cùng các hành giả Du già (yoga).

Vào buổi tối trước ngày hôm đó, Nhạ Quỳnh Ba đã có một giấc mơ, trong đó ông cảm thấy dường như đã đến Ô Kim Không Hành Tịnh Thổ. Đó là một tòa thành lớn được xây dựng bằng ngọc đa bảo lưu ly, trong thành toàn là người mặc thiên y mỹ lệ, và những vị Không Hành nam nữ đeo châu báu. Họ đều gật đầu nhìn Nhạ Quỳnh Ba mỉm cười, nhưng không ai nói với ông lời nào. Đột nhiên một người nữ mặc quần áo đỏ chào hỏi ông một cách mật thiết: “Con đến lúc nào vậy? Hoan nghênh! Hoan nghênh!” Nhạ Quỳnh Ba ngẩng lên nhìn, thì hóa ra là Ba Nhiệt Mã (Bharima) vốn cùng học Pháp trước đây ở chỗ của thượng sư Đệ Bố Ba (Tepuhwa).

“Con đến thật đúng lúc, Bất Động Như Lai (Phật phương Đông trong các vị Phật ngũ phương) hiện đang thuyết pháp, nếu con muốn nghe giảng, ta có thể thay con đi thỉnh cầu Phật.”

Nhạ Quỳnh Ba hưng phấn nói: “Nhiều năm nay con vốn muốn được triều kiến Bất Động Như Lai (Buddha Mikyupa), hôm nay có thể trực tiếp nghe thuyết Pháp, thì đúng là cơ hội nghìn năm có một. Xin hãy giúp con đi thỉnh cầu ông ấy.”

Ba Nhiệt Mã mời Nhạ Quỳnh Ba một bữa tiệc ngon. Hai người họ cùng đến Pháp hội. Đó là một cung điện tráng lệ to lớn. Bất Động Như Lai ngồi ở vị trí trung tâm, trông rất trang nghiêm, con người không thể tưởng tượng được. Trong Pháp hội những thần nhân đại chúng ngồi nghe nhiều không thể đếm được. Nhạ Quỳnh Ba chưa bao giờ thấy được Pháp hội lớn và thù thắng như vậy, ông thấy cảnh tượng ấy, thì trong tâm có niềm vui và hưng phấn không nói lên lời. Ba Nhiệt Mã nói với Nhạ Quỳnh Ba: “Con hãy đợi một chút, để

ta đi trước thay con thỉnh cầu với Thế tôn!” Được một lúc Bất Động Như Lai nhìn Nhạ Quỳnh Ba rồi mỉm cười, Nhạ Quỳnh Ba biết là đã được phép, Nhạ Quỳnh Ba hành lễ với Bất Động Như Lai, rồi ngồi trong hội nghe Pháp.

Hôm đó, Bất Động Như Lai nói về những việc và truyện ký của các chư Phật và Bồ Tát, đều là những câu chuyện khiến người ta xúc động. Cuối cùng, Bất Động Như Lai lại giảng về sự tích của ba vị thượng sư là Đế Lạc Ba (Tilopa), Na Nặc Ba (Naropa) và Mã Nhĩ Ba (Marpa). Nhạ Quỳnh Ba chưa bao giờ được nghe những lời giảng tường tận và xúc động lòng người như vậy.

Lúc sắp tan hội, Bất Động Như Lai nói với mọi người: “Trong tất cả các câu chuyện, thì hy hữu nhất, vĩ đại nhất, động lòng người nhất, phải kể đến chuyện của Milarepa, ngày mai các vị lại đến tôi sẽ tiếp tục kể!”

Nhạ Quỳnh Ba nghe thấy mấy người đàm luận: “Nếu như vẫn còn những truyện còn hi hữu và vĩ đại hơn nữa, thì đúng là không thể tưởng tượng được!” Một người khác nói: “Hôm nay, chúng ta nghe chuyện về những Phật và Bồ Tát này, họ đều là tu nhiều đời nhiều kiếp mà thành; nhưng Milarepa đã thành tựu được công đức tương đương với những Phật và Bồ Tát ấy chỉ trong một đời, do vậy nên càng hiếm hơn!” Lại có một người nói: “Những câu chuyện tu luyện hiếm có như vậy, nếu như mai một đi, thì thật đáng tiếc? Nếu như không vì lợi ích của chúng sinh mà thỉnh cầu thế tôn giảng thuyết, thì chẳng phải là tội lỗi của những người làm đệ tử chúng ta sao? Do vậy chúng ta nhất định phải khẩn thiết cầu xin, thỉnh cầu thượng sư Như Lai giảng các chuyện về tôn giả mới này được!”

Người đầu tiên hỏi: “Tôn giả Milarepa hiện giờ đang ở đâu?” “Tôn giả Milarepa à? Ông ấy không ở tịnh thổ Hiện Hỷ này (Ngonga, là mảnh đất tịnh thổ của Phật Đông Phương Bất Động), mà ở Thường Tịch Quang Thổ (Ogmin, chỉ mảnh đất tịnh thổ Báo Thân của Phổ Hiền Vương Như Lai)”, một người khác nói.

Nhạ Quỳnh Ba nghe xong nghĩ: “Tôn giả hiện giờ rõ là ở Tây Tạng, vì sao nói là ở Thường Tịch Quang Thổ? Nhưng cho dù thế nào, những lời này của họ rõ ràng là nói với mình, mình nên thỉnh cầu Tôn giả giảng thuyết về tự truyện của Tôn giả mới đúng.” Đang nghĩ đến đây, Nhiệt Ba Mã kéo lấy tay của Nhạ Quỳnh Ba một cách nhẹ nhàng nói: “Con có hiểu không?” Lúc này, Nhạ Quỳnh Ba trong tâm càng rõ hơn, rồi bừng tỉnh từ trong mộng. Lúc đó trời đã nhanh sáng, Nhạ Quỳnh Ba trong tâm vô cùng vui mừng, nghĩ: “Đến Ô Kim Sát Thổ nghe Bất Động Như Lai thuyết pháp, tuy là đáng quý, nhưng được ở cùng với thượng sư, thì càng quý hơn nữa, càng khó gặp hơn. Lần này đến Ô Kim Sát Thổ nghe Pháp, là sức mạnh mà thượng sư gia trì. Người ở đó nói Tôn giả ở Thường Tịch Quang Thổ hoặc Hỷ Hiền Tịnh Thổ, mà chúng ta lại cho rằng Tôn giả là ở Tây Tạng. Kỳ thực, thân, khẩu, ý của thượng sư không có sai biệt gì với chư Phật mười phương, công đức sự nghiệp, là bất khả tự nghị. Mình vẫn luôn cho rằng Tôn giả chỉ ở Tây Tạng, thì không có gì khác với chúng ta, cũng sống cuộc sống của con người như vậy; đâu biết Tôn giả sớm đã thành Phật, Pháp thân ở khắp vũ trụ, hóa thân biến hóa lại càng là không tưởng tượng được. Nghiệp chướng của chúng ta rất nặng, do vậy thấy được thánh nhân cũng chỉ như thấy phàm phu, đúng

là nói oan cho thánh giả! Giấc mộng tối hôm qua không phải là một giấc mộng tầm thường, là ám thị của Ba Nhiệt Mã và các vị Không Hành khác bảo ta hãy thỉnh Tôn giả giảng Pháp, ta nhất định phải đi thỉnh cầu Tôn giả giảng Pháp!” Nghĩ đến đây, trong tâm bỗng có một tín tâm lớn vô tỷ, bèn chấp tay trước ngực, thành tâm khẩn cầu thượng sư.

Đột nhiên, ánh quang minh hiện ra, cảnh tượng trang nghiêm của Ô Kim Sát Thổ lại hiện ra trước mắt. Có mấy vị Không Hành Mẫu trang phục hoa lệ, mỹ lệ tuyệt đỉnh, rực rỡ tươi sáng đi đến trước mặt Nhạ Quỳnh Ba. Trong đó có một vị Không Hành Mẫu nói: “Ngày mai sẽ giảng chuyện Milarepa, chúng ta hãy cùng đi nghe thôi!”

Lại có một vị Không Hành Mẫu khác hỏi: “Vị nào là người thỉnh Pháp vậy?”

Một vị Không Hành Mẫu vừa nhìn Nhạ Quỳnh Ba mỉm cười ra hiệu, vừa nói: “Đó đương nhiên là đại đệ tử của Tôn giả rồi!” Vài vị Không Hành Mẫu khác cũng mỉm cười với Nhạ Quỳnh Ba, họ đều nói: “Thỉnh cầu Tôn giả thuyết tự truyện, là chuyện về bản thân Ngài. Chúng ta không những muốn nghe về truyện ký của Tôn giả, đồng thời cũng cần giúp khẩn cầu Tôn giả, cầu xin Ngài mở lòng từ bi giảng cho chúng ta nghe; sau này chúng ta còn phải hoằng dương kinh truyện này, là việc có lợi cho đời sau!” Nói xong họ liền biến mất.

Nhạ Quỳnh Ba tỉnh dậy thì trời đã sáng. Ông nghĩ: “Đây rõ ràng là Trường Thọ Vương Không Hành Mẫu động viên ta đi thỉnh cầu Tôn giả!” Vì vậy hôm đó, Nhạ Quỳnh Ba rất vui mừng đến trước mặt thượng sư

Milarepa, tham gia Pháp hội, sau khi cúi đầu vấn an xong, quỳ gối trước mặt Tôn giả, chắp tay trước ngực, hướng đến Tôn giả cầu đạo: “Thưa thượng sư! Trước đây vô lượng chư Phật, vì duyên có của chúng sinh, mà đặt ra 20 loại sự nghiệp, và rất nhiều không đếm được những cách để quảng độ chúng sinh. Họ hy vọng có truyện ký, lưu truyền cho thế gian, khiến cho tất cả được lợi ích, Phật Pháp cường thịnh. Hiện giờ, các thượng sư có thành tựu lớn như Đế Lạc Ba, Na Nặc Ba, Mã Nhĩ Ba đều tự nói truyện ký, có lợi rộng rãi, khiến các chúng đồ đều có thể thành tựu vô thượng Phật Đạo. Hiện giờ cũng xin thượng sư Ngài hãy từ bi vì các chúng đồ chúng con và các chúng sinh trong tương lai, giảng một chút về thân thể của Ngài và các sự tích mà Ngài trải qua trong đời ạ.”

Tôn giả Milarepa nghe xong, từ tốn nói: “Nhạ Quỳnh Ba, việc của ta con đã biết rất nhiều rồi; nhưng con vẫn còn hỏi ta, vậy ta sẽ trả lời con.”

“Tổ hệ của ta là Quỳnh Ba (Khyungpo), tông họ là Giác Tái (Josay), lúc đầu ta tập hắc nghiệp, sau đó hành bạch nghiệp (‘hắc nghiệp’ tức ác nghiệp hoặc hành vi ác, ‘bạch nghiệp’ thức thiện nghiệp hoặc hành vi thiện), hiện giờ, hắc nghiệp bạch nghiệp đều không làm nữa; đã chấm dứt tất cả các tác nghiệp hữu vi, tương lai việc gì cũng không làm nữa. Những việc này, nếu nói tường tận, thì có nhiều việc có thể khiến người ta phải khóc thương, cũng có thể nhiều việc khiến người ta cười vui vẻ. Lời nói ra thì rất dài, có thể không nhất định giảng! Để lão già ta đây được nhàn tản mà nghỉ ngơi.”

“Thượng sư!” Nhạ Quỳnh Ba quỳ gối trên đất không dậy, tiếp tục khẩn cầu:

“Ngài lúc đầu tinh tấn tu Thiện Pháp như thế nào, cầu Phật Pháp như thế nào, rồi lại tu hành như thế nào, mới đạt được cảnh giới ‘Pháp tính tận địa’ như bây giờ? (chỉ cảnh giới tối cao tối hậu của tu hành). Xin Ngài hãy vì chúng con mà kể tường tận một chút. Tổ hệ Quỳnh Ba, tông họ Giác Tái của Ngài, nhưng tại sao họ của Ngài lại biến thành Mila (Mật Lặc)? Ngài vì sao lại phải trước tiên hành hắc nghiệp, sau đó lại tu Thiện Pháp? Các câu chuyện khiến người ta có thể khóc, có thể cười ấy, xin Ngài hãy kể cho chúng con nghe. Đây không chỉ là thỉnh cầu của một mình con, mà tất cả các huynh đệ Kim Cang, (tức là những người đồng đạo trong Kim Cang Thừa) và các thí chủ đều khát vọng muốn nghe, xin Ngài hãy từ bi kể!”

“Các con đã cầu xin như vậy, thì ta cũng chẳng có gì phải bí mật, ta sẽ giảng cho các con!” Tôn giả mỉm cười từ từ kể lại:

“Tổ tông Quỳnh Ba tộc của ta, cư ngụ ở thảo nguyên lớn phía Bắc. Tổ phụ gọi là Giác Tái, là một con trai của Hồng giáo Lạt Ma, ông là hành giả đắc được chân ngôn do bản tôn gia trì, có đại uy lực của chân ngôn chú thuật (mantra). Có một năm, ông đến hậu Tạng để lên núi, đến chỗ địa bàn quận Ba Xí (Chungpachi) ở phía Bắc của đất Tạng, thì trùng hợp là vùng đất này bị nạn quỷ ôn. Bởi vì uy lực chân ngôn của ông ấy cực lớn, nên đã tiêu diệt rất nhiều quỷ ôn, những người tín ngưỡng ngày càng nhiều, người địa phương xin Giác Tái Lạt Ma ở lại lâu dài nơi của họ. Thế là ông ấy ở lại đó, cuối cùng lạc tích ở đó.

Lại đến một năm, vùng đất này có một con quỷ uy lực lớn mạnh đi khắp nơi tác quái hại người. Có một

nhà, xưa nay không tin ngưỡng Giác Tái Lạt Ma; con quỷ này liền tác yêu tác quái ở nhà này, trâu ngựa con thì chết, con thì chạy, từng người một bị bệnh, ban ngày mà thấy ma, rất nhiều sự việc bất thường, ngày ngày xuất hiện. Cho dù là mời thầy thuốc nào cũng không trị được bệnh. Mời Lạt Ma nào đến hàng yêu, thì không chỉ không hàng yêu được, mà những người đến làm phép đều bị con quỷ này làm cho toi bời. Cuối cùng khi không còn cách nào khác, có một người bạn đến gia đình đó nói: ‘Ồ! Các vị nên đi tìm Giác Tái Lạt Ma đi thôi! Người khác là không có tác dụng đâu!’

Người nhà đó nói: ‘Chỉ cần có thể trị được vết thương, thì mời ai cũng được! Phải rồi, hãy đi mời ông ấy đến đi.’ Thế là họ phái người đi mời Giác Tái Lạt Ma đến. Khi Giác Tái Lạt Ma chưa đến được lều vải của gia đình này, thì từ xa đã thấy con quỷ uy lực to lớn ấy. Con quỷ vừa nhìn thấy Lạt Ma, thì liền co chân chạy, Giác Tái Lạt Ma, thần uy nói lớn: ‘Quý kia, Quỳnh Ba Giác Tái ta chuyên môn uống máu của quỷ ma, rút gân của ma quỷ, có bản sự thì đứng lại, đừng chạy nữa!’

Nói rồi bay vút đuổi theo con quỷ. Con quỷ vừa nhìn thấy, thì sợ đến toàn thân run rẩy, nói lớn: ‘Thật đáng sợ! Đáng sợ! Mila! Mila!’ (Mila theo tiếng Tạng nghĩa là vẻ mặt sợ hãi khi nhìn thấy một người to lớn)

Giác Tái chạy đến chỗ con quỷ, con quỷ co rúm lại, không dám động đậy, nói run rẩy: ‘Lạt ma! Những nơi mà ngài đến, tôi đâu dám đến! Nơi này, ngài chưa từng đến, do vậy tôi mới dám đến, xin ngài tha mạng!’

Giác Tái Lạt Ma lệnh cho con quỷ phát thệ từ giờ không được hại người nữa. Con quỷ đành phải phát thệ trước Lạt Ma. Lạt Ma bèn thả nó đi. Về sau con quỷ

lại phụ thể trên thân một người khác nói: ‘Mila! Mila! Người này lợi hại quá! Cả đời này ta chưa bao giờ sợ hãi đến thế, lợi hại quá! Mila! Mila!’

Do vậy mà danh tiếng của Giác Tái Lạt Ma lại càng lớn, mọi người lấy một tên hiệu cho ông, gọi là Mật Lặc Lạt Ma, để tỏ lòng thành kính tín ngưỡng. Dần dần Mila đã trở thành tông họ của gia đình này. Xưng hiệu Mila Lạt Ma, là từ đó mà ra. Con trai duy nhất của Giác Tái Quỳnh Ba có hai người con trai, con lớn tên là Mật Lặc Đa Đốn Sinh Cấp (Mila Dhoton Senge), Sinh Cấp lại có một đứa con duy nhất, gọi là Kim Cang Sư Tử (Mila Vajra Lion).

Nói về Kim Cang Sư Tử, trời sinh đánh bạc rất giỏi, nhất là thích đồ xúc sắc. Ông đồ xúc sắc rất giỏi, lần nào đồ cũng thắng. Có một năm, một tên bip bọm lưu manh giang hồ, đến vùng Quận Ba Tấy đó. Thuật đánh bạc của hắn còn tinh vi hơn, dựa vào đánh bạc mà thắng được rất nhiều tiền. Nghe nói Kim Cang Sư Tử thích đánh bạc, nên hẹn ông ta đồ xúc sắc.

Ngày đầu tiên, tên đánh bạc ấy vì muốn thăm dò kỹ xảo của Kim Cang Sư Tử, chỉ dùng một ít tiền đặt cọc, hơn nữa cố ý thua Kim Cang Sư Tử. Ngày hôm sau, tên bip bọm này thi triển thân thủ, thắng bạc Kim Cang Sư Tử một cách dễ dàng. Kim Cang Sư Tử chưa bao giờ thảm bại như vậy, trong tâm hết sức không phục, muốn tiếp tục chơi với tên bip bọm đó, nói với hắn: ‘Ngày mai, ta nhất định sẽ gỡ lại được hết số tiền đã thua! Người có dám chơi tiếp với ta không?’

‘Được thôi!’ Tên bip bọm đáp lại một cách tỉnh bơ. Đến ngày thứ 3, ngày thứ 4, ngày thứ 5, tên bip bọm kia

không biết vì cố ý hay là vì vận khí không tốt, thua liền 3 ngày, đều thua bởi Kim Cang Sư Tử.

Thế là tên bịp bợm đề xuất tới Kim Cang Sư Tử một lời khiêu chiến có tính quyết định tối hậu: ‘Kim Cang Sư Tử! Mấy ngày qua ta liên tục thua, ta nghĩ ngày mai chúng ta hai bên đem hết tài sản, trâu, ngựa, ruộng vườn, lông cừu, tài vật và y phục, các loại đồ trang sức đều đem ra đặt cược, mời người trong thôn làm chứng, lập hợp đồng, làm một lần độ sức cuối cùng, thắng thua đều không được hối hận, người có đồng ý tranh cao thấp với ta một lần cuối cùng không?’

Kim Cang Sư Tử đồng ý mà không một chút do dự.

Ngày hôm sau, người trong thôn chứng kiến hai bên vây quanh xem hai bên đánh bạc, hai bên đều ném xúc xắc một cách cẩn trọng, cuối cùng Kim Cang Sư Tử thua tay trắng.

Như vậy, Kim Cang Sư Tử chỉ có thể rời bỏ quê hương gia tộc lưu lạc bên ngoài. Phụ thân Đa Đốn Sinh Cấp bèn đưa ông đến một nơi tên là Gia Nga Trạch (Kya Ngatsa), ổn định ở đó. Đa Đốn Sinh Cấp tinh thông chú thuật, có thể hàng yêu, lại giỏi trị bệnh, ông dùng đó để mưu sinh, thu nhập lại rất khá. Kim Cang Sư Tử cũng từ đó cải tà quy chính, đoạn tuyệt thói quen xấu đánh bạc, toàn tâm toàn ý làm ăn. Mùa đông, mang lông cừu đến phương Nam bán, mùa hạ, đến nông trường phương Bắc mua dê bò; ngoài ra lại còn làm một số kinh doanh nhỏ. Kết quả tất yếu là đã tích góp được một lượng tài sản lớn.

Kim Cang Sư Tử sau đó lại kết hôn với một cô gái xinh đẹp trong vùng, sinh được một người con trai, lấy

tên là Mật Lặc Tướng Thái. (Người này là phụ thân của tôn giả Milarepa)

Lúc này Đa Đốn Sinh Cấp đã rất già, vì bệnh mà mất. Kim Cang Sư Tử nhiều năm vất vả, mà dần dần giàu có lên, ông dùng rất nhiều tiền mua được một mảnh đất phì nhiêu màu mỡ hình tam giác, hơn nữa vì nó hình tam giác, nên được mệnh danh là Nga Mã Tam Giác điền (Fertile Triangle). Ngoài ra ông còn mua một căn nhà lớn ở gần đó.

Khi Mật Lặc Tướng Thái được 20 tuổi, thì kết hôn với Bạch Trang Nghiêm Mẫu (là mẫu thân của tôn giả Milarepa). Bạch Trang Nghiêm Mẫu (Nyangtsha Kargyen) là con gái của một vị phú hào địa phương, thông minh tài giỏi. Cả nhà sống trong hoàn cảnh giàu có mỹ mãn, sống những ngày vui vẻ.

Qua một thời gian, bên cạnh mảnh ruộng hình tam giác, họ lại xây một tòa nhà lớn ba tầng, bên cạnh nhà lại xây một nhà kho và phòng bếp. Mảnh ruộng tam giác lấy tên từ hình dạng, căn nhà này cũng vậy, có bốn cây cột trụ lớn và tám cái đòn dông, nên gọi nó là 'tứ trụ bát lương thất'.

Lúc này, những người thân của Đa Đốn Sinh Cấp, ở quê nhà nghe nói Kim Cang Sư Tử ở Gia Nga Trạch vô cùng giàu có, hết sức may mắn, thế là người anh con bác của Mật Lặc Tướng Thái là Ung Trọng Tướng Thái (Yungdrung Gyaltshe) và em gái Quỳnh Sát Ba Chính (Khyung-Tsha Peydon) cũng chuyển nhà đến Gia Nga Trạch. Mật Lặc Tướng Thái hết sức yêu quý những người thân thích của mình, hết sức giúp đỡ họ, cho họ mượn tiền, dạy họ cách làm ăn. Chẳng bao lâu, họ cũng trở nên giàu có.

Thời gian trôi thật nhanh, trải qua vài năm, Bạch Trang Nghiêm Mẫu mang thai. Lần này Mật Lặc Tướng Thái lại mua rất nhiều hàng hóa từ phương Nam, đến nông trường thảo nguyên phương Bắc để mua bán.

Ngày 25 tháng 8 mùa thu năm đó (tức năm 1052 TCN) là ngày tốt, mẫu thân ta Bạch Trang Nghiêm Mẫu đã sinh ra ta. Mẫu thân ta lập tức sai người đưa tin cho phụ thân ta Mật Lặc Tướng Thái, trong thư viết: ‘Ta đã sinh con trai, chàng hãy mau chóng quay về, đặt tên cho con và chuẩn bị mở tiệc ăn mừng với người thân bạn bè. Ngày mùa thu hoạch cũng đã gần, mong chờ người trở về.’

Người đưa thư cũng nhanh chóng đưa thư đến nơi. Đồng thời người đưa thư cũng kể tường tận về đứa bé và sự tình trong nhà, thúc giục phụ thân ta hãy sớm trở về để chọn tên cho ta và khánh chúc. Trong tâm phụ thân ta vui vẻ vô cùng, cười và nói: ‘Thật tốt quá! Thật tốt quá! Tên đứa bé đã được chọn rồi, họ Mila chúng ta, mỗi thế hệ chỉ sinh được một người con trai, nay ta thấy sinh được con trai, thật đúng là vui mừng quá đổi, vậy thì gọi nó là Vấn Hỷ đi!’

Thế là, phụ thân ta vội vàng kết thúc việc mua bán rồi về nhà, lấy tên cho ta là Vấn Hỷ. Sau đó, ta lớn lên, thích ca hát, những người nghe thấy ta ca hát, không ai là không thích giọng của ta, do vậy mọi người đều nói: ‘Vấn Hỷ, nghe thấy là đã vui, cái tên này chọn thật là rất chuẩn!’

Khi ta 4 tuổi, mẫu thân ta lại sinh một em gái. Mẫu thân ta từng nói trước, nếu như là con trai, thì lấy tên là Cống Mạc, nếu là con gái thì gọi là Tỳ Đạt. Vì sinh con gái nên đặt là Tỳ Đạt (Peta Gonkyi). Ta còn nhớ, khi em

gái ta và ta còn nhỏ, thì đều được mặc những tơ lụa đẹp nhất, trên tóc đeo rất nhiều châu báu; những người ra vào trong nhà, đều là người có tiền có thế, người hầu có rất nhiều.

Lúc đó người trong thôn Gia Nga Trạch thường nói: ‘Kẻ lang thang đến từ phương xa này, hiện giờ xa hoa như thế, bên ngoài thì có trâu ngựa, điền trạch, bên trong thì lương thực tài phú, ăn không hết, mặc không hết, đúng là may mắn!’ Mọi người đều ngưỡng mộ và đều đổ kị với gia đình ta. Nhưng, ngày tháng tốt đẹp chẳng được lâu, sống mỹ mãn như vậy được không lâu, thì phụ thân ta qua đời.”

Nhạ Quỳnh Ba lại hỏi: “Thượng sư! Sau khi phụ thân Ngài qua đời, có phải Ngài rất thống khổ? Nghe nói những gì Ngài gặp phải là khổ nhất, Ngài có thể giảng cho chúng con nghe không?”

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 2)

Milarepa mỉm cười nói: “Được, để ta giảng cho các con!”

“Khi ta bảy tuổi, phụ thân mắc trọng bệnh, các y sinh đều bó tay hết cách, người bói toán cũng nói bệnh của phụ thân không còn hy vọng. Bạn bè đều biết phụ thân đã mắc bệnh trầm kha khó mà qua khỏi, bản thân phụ thân cũng biết rằng bệnh tình sắp không qua khỏi, liền quyết định trước khi lâm chung sẽ phân chia gia sản cho mẫu tử chúng ta.

Phụ thân cho mời cả người anh con bác và cô em gái Quỳnh Sát Ba Chính, bạn bè gần xa và cả hàng xóm về tụ tập trong nhà, lấy di chúc mà người đã chuẩn bị sẵn từ trước đọc một lượt trước mọi người. Trong di chúc có nói rõ ràng, toàn bộ tài sản đều do con trưởng thừa kế.

Đọc xong di chúc, phụ thân nói từ tốn: ‘Lần này bệnh của ta không còn hy vọng rồi. Con cái ta tuổi đều còn nhỏ, đành làm phiền cô bác và họ hàng bạn bè chiếu cố. Mặc dù ta không phải cự phú, nhưng cũng có một chút gia tài tương đối lớn. Trong nông trại của ta, ba loại bò dê ngựa đều có cả; điền địa thì chủ yếu là mảnh ruộng Nga Mã Tam Giác, các mảnh ruộng nhỏ khác nhiều đến mức không đếm được. Trong chuồng ngựa ở dưới lầu, có ngựa có dê, có lừa; trên lầu thì có đồ dùng, có đồ cổ bằng vàng bạc, có châu báu, còn có bông tai; có quần áo bằng tơ lụa, còn có nhà kho chứa lương thực ngũ cốc. Tóm lại, sản nghiệp của ta rất sung túc, không cần

dựa vào người khác. Sau khi ta chết, sẽ đem một phần tài sản của ta để lo liệu hậu sự. Ngoài ra toàn bộ tài sản, cần thỉnh các vị đang có mặt, đặc biệt là cô và bác, giúp đỡ chiếu cố cho ba mẹ con. Đến khi Văn Hỉ trưởng thành, cưới vợ, thì sẽ xin cưới cô nương Kết Tái đã đính ước, phí tổn cho kết hôn thì nên tương xứng với thân phận của chúng ta. Đến lúc đó, tài sản của ta sẽ để cho Văn Hỉ thừa kế. Cuộc sống của mẫu tử họ họ, xin biểu huynh và biểu muội quan tâm chiếu cố, xin các vị hãy quan tâm, chớ để cho mẫu tử họ phải chịu khổ; sau khi ta chết đi, từ trong quan tài cũng sẽ dõi theo họ!’

Nói xong, phụ thân liền rời bỏ chúng ta mà đi.

Sau khi mai táng cho phụ thân xong, cả nhà chúng ta ngồi lại thương lượng, đều nhất trí quyết định, tất cả tài sản hoàn toàn quy về mẫu thân quản. Nhưng bá phụ và cô mẫu đều kiên quyết nói với mẫu thân: ‘Mặc dù chị là chí thân nhưng chúng ta còn thân tình hơn chị, chúng ta quyết không để mẹ con chị chịu khổ, cho nên muốn làm theo di chúc, chia đều toàn bộ tài sản đều do mỗi người chúng ta tự quản!’ Cậu và phụ thân của Kết Tái mặc dù đã nói rất nhiều lý do nên để cho mẫu thân quản, nhưng họ tuyệt nhiên không nghe. Thế là tài sản của con trai do người bác quản, tài sản của con gái do người cô quản, các tài sản khác thì cô và bác mỗi người chia một nửa.

Họ lại nói với mẫu tử chúng ta: ‘Từ nay trở đi, chúng ta sẽ chiếu cố cho các người!’ Nói xong câu này, thì tài sản của mẫu tử chúng ta bị tiêu tán toàn bộ.

Từ đó hễ mùa hè nóng bức, bá phụ bảo chúng ta đi làm ruộng; còn khi mùa đông rét buốt, cô mẫu kêu chúng ta dệt lông cừu; đồ ăn là những thứ dành cho

chó; làm những việc của trâu ngựa; mặc những bộ quần áo lam lũ không thể tả; dây lưng thì dùng cỏ bện thành. Từ sáng tới tối, không có chút thời gian rảnh rỗi nào; làm việc quá độ khiến cho chân tay đều nứt nẻ, máu từ vết thương chảy ra ngoài... Quần áo mặc không đủ ấm; đồ ăn không đủ no; nước da đều trở nên xám xịt, người gầy đến mức chỉ còn lại da bọc xương. Ta còn nhớ trước kia trên búi tóc trên đầu ta có trang sức bằng vàng và ngọc, sau này những đồ trang sức bằng ngọc dần dần biến mất, chỉ còn lại dải dây thừng màu đen xám. Cuối cùng cả đầu toàn là chấy, trứng chấy làm tổ ở trong những mớ tóc rối bời! Những người thấy mẫu tử chúng ta, đều mắng chửi thậm tệ người bác và cô khắc nghiệt. Da mặt của bác và cô dày đến mức giống như da bò vậy, không có chút liêm sỉ nào, càng không để tâm đến những lời chế nhạo. Cho nên mẫu thân ta bèn gọi cô mẫu là Chiết Mẫu Đạo Đẳng (quỷ mẫu lão hổ), không gọi là Quỳnh Sát Ba Chính nữa. Danh từ Quỷ mẫu lão hổ này đã trở nên phổ biến trong những người ở nông thôn. Lúc đó, người trong thôn đều nói với nhau rằng: ‘Cướp sản nghiệp của người khác, lại còn muốn chủ nhân trước kia làm chó canh cửa, thiên hạ quả thật có loại việc bất bình này ư!’

Khi phụ thân ta còn sống, cho dù là người có tiền hay không, đều chạy đến nhà chúng ta nịnh nọt xã giao. Hiện giờ bá phụ và cô mẫu cũng có tiền rồi, cuộc sống như là vương hầu, thì những người kia họ đều chạy đến chỗ của họ rồi. Thậm chí còn có rất nhiều người phê bình phụ thân của ta, nói rằng: ‘Thường nghe nói, len lỏi phẩm mới có thể làm to; khi chồng có tiền, thì bà vợ còn khéo léo. Câu này nói thật là đúng! Ông xem!

Trước kia khi phu quân của Bạch Trang Nghiêm Mẫu còn sống, bà ấy thật đúng là một nữ nhân hào phóng, hiện giờ bà ấy không còn chỗ dựa nữa, liền trở thành bần cùng như thế đấy.'

Ở Tây Tạng có câu tục ngữ rằng: 'Người đảo một lần mốc, mười phương truyền thị phi' Hoàn cảnh của chúng ta không tốt, vận số lận đận, người ta đối với chúng ta không những không thông cảm mà ngược lại còn càng ngày càng lạnh nhạt, những câu gièm pha cũng càng ngày càng nhiều.

Vì thương xót sự bất hạnh của ta, có lần cha mẹ của Kết Tái đưa cho ta một chút quần áo và giày để mặc, lại còn rất thông cảm và an ủi ta rằng: 'Văn Hỉ! Con phải biết rằng, tài sản trên thế giới không phải là trường cửu bất biến, tài vật nơi thế gian đều vô thường như sương sớm, con không được đau buồn vì con không có tiền, tổ phụ của con trước kia chẳng phải cũng rất nghèo sao? Tương lai con cũng có thể kiếm tiền phát tài mà!'

Trong tâm ta vô cùng cảm kích họ.

"Mẫu thân ta có một mảnh ruộng là của hồi môn, gọi là Thiết Ba Tiền Quỳnh, cái tên gọi này mặc dù khó nghe, nhưng lại là một nơi canh tác rất tốt, thu hoạch rất khá. Mảnh ruộng này do cậu cả của ta canh tác, mỗi năm ngũ cốc thu hoạch được đều sinh lợi, nhiều năm qua đi số lợi tức tích lũy được cũng không ít. Những ngày tháng gian khổ cũng qua đi từng ngày. Đến năm ta 15 tuổi, mẫu thân liền bán đi một nửa mảnh ruộng đó, thêm vào lợi tức từ ngũ cốc, liền dùng số tiền đó mua được rất nhiều thịt, rất nhiều lúa mì để làm bánh, rất nhiều mạch đen để làm rượu. Hành động này của mẫu thân đã khiến người trong thôn đều thấy lạ, thế là mọi

người đều tự đoán mò: ‘Xem ra Bạch Trang Nghiêm Mẫu muốn chính thức mời khách để đòi lại gia sản rồi!’ Mẫu thân ta và cậu chuẩn bị mọi thứ xong, liền ở trong nhà của mình, trong phòng khách lớn, mượn thăm từ các nơi đến, trải ra thành từng hàng trong phòng khách; mời người bác và cô làm chủ khách, chiêu đãi họ hàng bạn bè, hàng xóm láng giềng, đặc biệt là những người có mặt lúc phụ thân ta lâm chung để lại di chúc khi xưa, đều mời đến. Mẫu thân ta đem thịt và thức ăn ngon nhất đem đến trước cô và bác, ở trước mặt tất cả những vị khách khác đều bày đầy những đồ ăn phong phú, mỗi người một bình rượu lớn, thật là một yến tiệc thịnh soạn!

Khi các vị khách đã ngồi yên vị rồi, mẫu thân liền đứng trước mọi người trình trọng nói: ‘Các vị, hôm nay ta chuẩn bị một chút rượu nhạt và mấy món sơ sài mời các vị tới, chỉ là biểu đạt một chút ý tứ của ta.’

‘Hôm nay mặc dù là sinh nhật của con trai ta, kỳ thực chẳng qua cũng chỉ là lấy danh nghĩa, ta muốn có đôi lời muốn nói với mọi người: Phu quân ta là Mật Lặc Tướng Thái lúc qua đời đã để lại di chúc, các vị lão nhân gia và cô bác đang ngồi đây, đều biết được rất rõ ràng, hiện giờ ta muốn mời các vị đang ngồi đây nghe lại một lần di chúc này.’

Thế là cậu của ta đứng dậy, đọc to một lượt di chúc của phụ thân, tất cả khách đến dự đều không thốt một lời nào.

Mẫu thân nói tiếp: ‘Hiện giờ, Văn Hỉ đã trưởng thành, đã đến tuổi thành thân, tuân theo di chúc của phụ thân là Mật Lặc Tướng Thái, hiện giờ nên dùng lễ vật tương xứng với thân phận của chúng ta, để đón

rước cô nương Kết Tái về; Văn Hỉ cũng phải theo di chúc thừa kế gia sản của chúng ta. Còn về di chúc vừa mới đọc qua, các vị lúc trước khi Mật Lặc Tướng Thái nguy kịch đã tận mắt chứng kiến, không cần ta nhắc lại nữa. Hôm nay, xin mời cô và bác mang tài sản đã thay mặt bảo quản giao lại cho chúng ta. Bao nhiêu năm nay, được sự chiếu cố của cô bác cũng như các vị thân hữu, chúng ta vô cùng cảm tạ!’

“‘Hả! Các người vẫn còn tài sản!’ Cô mẫu và bá phụ đồng thanh quát lớn: ‘Tài sản của các người ở chỗ nào?’

Bình thường bá phụ và cô mẫu cho dù là chuyện gì thì ý kiến cũng luôn không nhất trí, nhưng khi chiếm đoạt tài vật của người khác thì lại liên hợp lại. Họ nói một cách nhất trí: ‘Hả! Các người vẫn còn tài sản? Tài sản của các người ở chỗ nào? Khi Mật Lặc Tướng Thái còn trẻ, đã mượn của chúng ta rất nhiều ruộng, vàng, ngọc, ngựa, bò và dê! Vì ông ta chết rồi, nên những thứ này đương nhiên là phải trả lại cho chúng ta. Tài sản của các người đến một mạt vàng, một bó lúa mạch, một chút bơ, một bộ quần áo rách, một con gia súc già, cũng chẳng thấy! Hừ! Bây giờ mà còn tới nói chuyện mộng mơ! Di chúc của các người ai viết thay cho các người? Bọn ta nuôi mẹ con các người đến hôm nay đã quá đủ rồi! Tục ngữ nói rất hay, lấy oán trả ân chính là các người!’

Họ vừa nói vừa rít, răng nghiến kèn kẹt, từ chỗ ngồi lập tức nhảy dựng lên, lấy chân đạp xuống đất một cái, quát lớn: ‘Này! Các người đã hiểu chưa? Căn phòng này là của bọn ta, các người mau chóng cuốn xéo!’

Nói đoạn họ bèn lấy roi ngựa đến đánh mẹ ta, dùng ống tay áo tát vào ta và em gái Tỳ Đạt. Mẹ thống thiết

trên mặt đất, khóc lớn tiếng: “Mật Lặc Tường Thái à! Ngài có thấy mẫu tử ta không? Ngài nói sẽ dỗi theo từ trong quan tài, bây giờ Ngài đã thấy chưa?”

Ta và em gái cùng mẫu thân chụm lại một nơi, ba người khóc đến chết đi sống lại. Cậu cả nhìn thấy bác có rất nhiều người trợ uy, cho nên cũng chỉ đành nuốt cơn giận. Có một số người khách nói: ‘Ài! Mẫu tử họ thật là đáng thương!’ và thương tâm vì sự bất hạnh của chúng ta mà rớt nước mắt, nhưng cũng chỉ có thể than thở âm thầm mà thôi.

Cơn giận của bá phụ và cô mẫu vẫn còn chưa phát tiết hết, dứt khoát xấu hổ quá hoá giận, hướng đến mẫu tử chúng ta hung dữ mắng chửi điên cuồng: ‘Hừ! Các người muốn chúng ta trả tài sản chứ gì? Khá lắm, tài sản là của các người đấy, chỉ là không muốn trả lại các người, các người có cách nào lấy về không? Chúng ta cao hứng thì dùng để uống rượu mời khách, cũng không can dự việc của các người!’

Bá phụ và cô mẫu cười mỉa mai chúng ta một cách thô lỗ khinh bỉ: ‘Có bản sự thì cứ tìm mấy người tới đánh một trận, cướp lấy tài sản đi! Không có bản sự tìm người thì đi niệm chú thôi!’ Nói xong, liền dẫn theo bạn bè của họ ra về thẳng.

Bi thương cực độ khiến cho mẫu thân đáng thương khóc nức nở không ngừng. Trong phòng lớn, chỉ còn lại mẫu tử cũng ta cùng một vài vị bằng hữu. Cô nương Kết Tái cùng phụ thân và huynh trưởng cô ấy hảo tâm an ủi chúng ta; mọi người muốn tặng một số thứ để cứu trợ hoàn cảnh bần cùng của chúng ta. Cậu thì chủ trương bảo chúng ta đi học một nghề thủ công, mẫu thân và em gái có thể giúp cậu làm ruộng; cậu càng cương quyết

muốn chúng ta làm được một số việc cho người cô và bác thấy người nhà Mật Lạc Tường Thái không phải là yếu đuối vô năng, dễ bị bắt nạt.

Mẫu thân đè nén nỗi đau thương vô hạn, lau khô dòng lệ, bi phẫn kiên quyết nói: ‘Ta mặc dù không có sức lấy lại tài sản của mình, nhưng tuyệt không thể dựa vào người khác bố thí để nuôi con của mình được, bây giờ dù bác và cô sẽ giao lại một phần tài sản cho chúng ta, ta cũng quyết không cần; nhưng Văn Hỉ cho dù thế nào cũng nhất định phải học lấy một nghề thủ công. Ta và con gái ta, trước khi chưa báo đáp ơn dày của cô và bác, thì chính là làm nha đầu người hầu cho người ta cũng đều cam tâm tình nguyện! Chúng ta sẽ làm cho họ xem!’

Mẫu thân lại nói với cậu: ‘Chúng ta muốn làm ruộng với cậu!’

Mọi người thấy ý kiến của mẫu thân kiên quyết, không có lời gì để nói cả, đành theo ý của mẫu thân mà làm.

Ở nơi Vô Thượng Quảng ở Ninh Sát, có một vị Lạt ma Hồng giáo chuyên tu Bát Long Pháp (Lạt ma Hồng giáo – Hồng giáo là Phật giáo thời kỳ sớm nhất tại Tây Tạng, tiếng Tạng Ninh Mã Ba Nguyên nên dịch thành Cựu giáo, các lạt ma đều mặc trang phục màu đỏ, cho nên tục gọi là Hồng giáo), rất được thôn dân địa phương tín ngưỡng, Pháp sự rất bận rộn. Mẫu thân bảo ta tới chỗ vị Lạt ma Hồng giáo này học tập. Khi chuẩn bị rời nhà đi, còn có ba người họ hàng đến tiễn ta. Trong đoạn thời gian này, cha mẹ của Kết Tái thường xuyên bảo Kết Tái đem đồ ăn, củi và dầu đốt v.v. đưa tới chỗ ta đọc sách. Lúc mẫu thân và em gái không tìm được công

việc, thì cậu cũng cung cấp cho chúng ta chút đồ ăn; ông vì không muốn để cho mẫu thân phải đi xin cơm nên đi khắp nơi tìm cách tìm việc cho mẫu thân. Trong khả năng của mình, ông đã tận hết sức vì ba mẹ con chúng ta. Em gái đôi lúc thay người lo toan, có lúc cũng thay người quét dọn xưởng làm chút việc vặt, nghĩ hết cách để lo chuyện cơm áo. Nhưng ăn uống vẫn rất khổ, mặc thì vẫn rất lam lũ, ngoài sự đau thương ra thì không có chút vui vẻ nào.”

Khi Milarepa tôn giả nói tới chỗ này, những người nghe Pháp đều cảm thấy đau buồn rơi lệ, sinh khởi tâm bi quan; các đệ tử ngồi kín nghe Pháp đều yên lặng và sụt sịt than thở.

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 3)

Nhạ Quỳnh Ba hỏi: “Tôn giả! Ngài nói rằng ban đầu tạo hắc nghiệp, vậy đó là chuyện gì?”

Milarepa nói: “Ban đầu tạo hắc nghiệp, chính là dùng chú thuật giết người và thuật tạo mưa đá gây ra ác nghiệp cực đại.”

Nhạ Quỳnh Ba lại hỏi: “Tôn giả! Ngài vì sao muốn tu luyện chú thuật?”

Milarepa trả lời: “Khi ta đang tu luyện ở một vùng Vô Thượng Quảng, có một ngày, thôn dân trên bình nguyên Gia Nga Trạch muốn mở một hội mừng, mời sư phụ của ta làm khách mời danh dự. Sư phụ liền đem ta đi cùng. Mọi người trong thôn đã chuẩn bị buổi tiệc cực kỳ thịnh soạn, hơn nữa còn dùng rượu ngon thượng hạng chiêu đãi sư phụ. Chà! Hôm đó rượu ngon của bọn họ quả thật là rất nhiều! Mọi người đều uống nhiệt tình, ta cũng uống một cách thoải mái đến quên cả bản thân, về sau, uống đến mức bụng trướng lên, đầu choáng váng, say mềm.

Sư phụ thấy ta đã say rồi, liền bảo ta cầm các thứ đồ cúng dường về chùa trước. Ta say ngà ngà, thân thể uể oải, tâm trạng vui vẻ vô ưu mà men theo con đường nhỏ trên sườn núi, trên đường ngã trái ngã phải, hai chân mềm oặt bước thấp thển đi về phía chùa. Trên đường đi ta chợt nghĩ đến người ca hát trong buổi tiệc, họ hát vô cùng êm tai, nghĩ ngợi miên man, cổ họng bản thân cũng cảm thấy ngứa ngáy, không kìm lòng được mà cũng hát to lên.

Giọng ca của ta vốn cũng có chút danh tiếng trong làng, hôm nay đã say, lại có hứng thú, giọng hát cũng rất vang, hơn nữa lời ca cũng hay, tinh thần như bay bổng trong hư không, hai chân bỗng bồng bềnh như bay, vừa đi vừa nhảy, vừa múa vừa ca, bất tri bất giác mà đã đến con đường về nhà rồi. Một mạch đến cổng, ta còn huơ tay múa chân ca hát. Khi đó mẫu thân ta đang sao lúa mì, nghe thấy âm thanh thì vô cùng lấy làm lạ, lâu bầu nói: ‘Giọng hát của người này, hình như là giọng hát của con trai ta! Nhưng trên thế giới không có người nào có thể khổ hơn mẹ con chúng ta nữa, con của ta sẽ không hát với tâm trạng vui vẻ như vậy đâu!’ Mẫu thân vừa ngạc nhiên vừa hoài nghi, trong tâm không tin, liền chạy tới cửa sổ ngó một cái. Nhìn thấy đúng là ta, bà tức giận đến run người, tay phải lập tức lấy kẹp gấp than vút xuống đất, tay trái cầm gậy xúc lúa mì quăng xuống đất, cũng mặc kệ cho lúa mì bị đốt cháy. Tay phải lấy một cái gậy, tay trái nắm một nắm tro bếp, rồi từ trên cầu thang chạy xuống, chạy đến ngoài cửa, tay trái cầm nắm tro vãi cả vào mặt ta, cầm gậy đánh tới tấp vào đầu ta, quát lớn rằng: ‘Mật Lặc Tưởng Thái ời! Chàng xem đứa con trai này của chàng đi! Đời sau của chàng tuyệt hậu rồi! Chàng hãy nhìn số phận của mẫu tử chúng ta đi!’

Bà vừa kêu vừa khóc, giận đến mức té xỉu xuống đất. Lúc này, Tỳ Đạt, em gái ta, cũng chạy từ trong nhà ra, vừa khóc vừa nói: ‘Đại ca! Huynh suy nghĩ một chút đi! Huynh xem mẫu thân đã thành ra nông nổi gì rồi!’

Ta đột nhiên gặp phải một cơn thịnh nộ như vậy, mơ mơ màng màng; nghe lời em gái nói, mới hồi tỉnh lại. Xấu hổ và bi phẫn một hồi, nội tâm ta đau đớn và

day dứt sâu sắc, nước mắt không ngừng tuôn. Ta và em gái vừa khóc vừa nắm tay mẫu thân, lay thân thể của mẫu thân, gọi mẫu thân tỉnh dậy. Một hồi lâu mẫu thân mới tỉnh lại, hai mắt bà rưng rưng nước mắt nhìn ta nói: ‘Con à! Trên thế giới này còn có người khổ hơn mẫu tử ta sao? Con vẫn còn hát ca với tâm trạng sung sướng như này sao? Con chỉ cần đem mẫu thân của con – cái bà già này – ra mà nhìn xem, con muốn khóc cũng không khóc được!’

Mẫu thân ta nói xong lại gào khóc, ta và em gái cũng khóc lớn theo mẹ. Sau đó, ta nén đau thương, dứt khoát nói với mẫu thân: ‘Mẫu thân à, người đừng đau lòng như thế nữa, lời của người hoàn toàn đúng, con bây giờ hạ quyết tâm. Mẫu thân, nếu như có nguyện vọng nào, bất luận muốn con làm gì, con nhất định sẽ làm được!’

Mẫu thân ta nói: ‘Ta muốn con trả thù những kẻ thù đáng hận mặc áo lông cừu (địa chủ) và cưỡi ngựa béo! Chúng ta thế cô lực yếu, biện pháp báo thù duy nhất chỉ có là dựa vào phép tru giết và chú thuật. Ta muốn con học tinh thông phép tru giết, chú thuật, phép tạo mưa đá, sau đó trở về, dùng chú thuật giết chín đời con cháu của cô bác con và những người hàng xóm đã đối xử tệ bạc với chúng ta! Đây là tâm nguyện duy nhất của ta, con có thể làm được không?’

Ta không do dự nói: ‘Con nhất định làm được, con xin mẫu thân nhanh chóng giúp con chuẩn bị lộ phí và đồ cung dưỡng cho thượng sư!’

Thế là mẹ ta bán đi một nửa thửa ruộng Thiết Ba Tiền Quỳnh, dùng số tiền này để mua một miếng đá quý tên là ‘Cự tinh quang’. Sau này bà lại mua thêm một con ngựa trắng có tên là ‘Sư tử không yên [ngựa]’

(Senge Submey), thêm một thùng thuốc nhuộm, một bộ da trâu để sau này cung dưỡng thượng sư và làm lộ phí đi đường. Rồi ta ở lại nhà trọ Nhượng Cung Thác (Lhundup) ở Cổng Đạt Hưởng (Gungthang) vài ngày để đợi bạn đồng hành.

Không lâu sau có năm thanh niên khá giả từ vùng Ngari Dol đến, họ đều muốn đến Vệ Tạng học Pháp và chú thuật. Ta rất vui khi gặp được cơ hội hiếm có như vậy, liền đề nghị kết bạn đồng hành cùng họ, họ cũng rất muốn có thêm bạn cùng đi, liền quyết định đồng hành cùng ta.

Ta liền đưa họ đến Cổng Đạt Hưởng và ở nhà ta vài ngày. Mẫu thân nhiệt tình khoản đãi họ, trước khi chia tay mẫu thân ta nói với họ: ‘Các vị, Văn Hỷ của ta là một đứa trẻ chưa hiểu chuyện, bản thân không có chí tiến thủ, mong các vị thường xuyên khích lệ nó, bảo nó học chú thuật cho tốt, khi trở về ta nhất định báo đáp các vị!’

Họ đều đáp ứng thi thoảng sẽ chiếu cố ta, và xin mẫu thân yên tâm.

Thế là chúng ta lên đường, thuốc nhuộm và hành lý đều để trên ngựa, ngọc thì cất ở trong người. Mẫu thân tiễn chúng ta một đoạn đường rất xa, dọc đường uống rượu tiễn biệt chúng ta, lại dặn dò mấy vị bằng hữu kia hãy chiếu cố cho ta. Sau đó lại đặc biệt gọi một mình ta đến bên cạnh, nắm chặt lấy tay ta. Cảm giác biệt ly cứ chất đầy trong tim hai mẹ con chúng ta, làm nghẹn hơi thở của chúng ta, hai mẹ con trầm mặc nhìn nhau, muôn lời muốn nói trong lúc ấy lại không nói ra được. Mất rất nhiều sức lực, cuối cùng mẫu thân cũng phá tan bầu không khí im lặng: ‘Con à! Con hãy nghĩ đến sự

hội ngộ của mẹ con ta! Cho dù thế nào con cũng phải nguyên rửa cái làng này đấy! Các bạn của con có mục đích học chú thuật khác với chúng ta, bọn họ chỉ muốn dựa vào chú thuật để nuôi sống bản thân! Nhưng con phải cố gắng tinh tấn nhé! Con à! Nếu con không thể nguyên rửa được cái làng này mà lại quay về, thì mẹ của con chắc sẽ chết trước mặt con đấy!’

Ta xúc động thề với mẫu thân rằng: ‘Mẫu thân, con mà học không thành công, con quyết không trở về! Xin người hãy yên tâm!’

Ta dần dần rút bàn tay bị nắm chặt ra, trở lại cùng các bạn, cáo biệt mẫu thân. Nhưng trong tâm ta không buông bỏ được mẫu thân, đi về trước mấy bước lại quay đầu lại nhìn, đi mấy bước lại quay đầu lại nhìn, nước mắt tuôn rơi. Mẫu thân dường như cũng không bỏ đi, cứ mãi đến lúc nhìn không rõ vẫn dõi theo hướng ta đi, ta rất muốn chạy lại để nhìn mẫu thân lần nữa. Lúc ấy trong nơi sâu thẳm trái tim, cứ cảm thấy phảng phất có lời nói với ta, đây là lần cuối cùng ly biệt giữa mẹ con chúng ta, từ sau lần này ta sẽ không được gặp mẫu thân nữa!

Mẫu thân cứ đợi mãi đến khi không nhìn thấy bóng dáng ta, mới khóc trở về nhà. Mấy hôm đó người trong làng đều biết con của Bạch Trang Nghiêm Mẫu đã đi học chú thuật rồi.

Chúng ta hướng đến đường lớn Vệ Tạng để xuất phát, khi đến Nhã Cổ Thái (Yakde) của vùng Tạng Châu Ung (Tsangrong), ta bán thuốc nhuộm và ngựa cho nhà giàu ở địa phương, đổi lấy vàng mang theo bên thân. Vượt qua sông Tạng Bồ (Tsang Po) chuyển hướng đến đất Vệ mà tiến. Đến vùng Nhữ Cổ ở Thác Hồng (Tuhnlok

Rakha), gặp được rất nhiều hoà thượng của đất Vệ, ta hỏi thăm họ, đất Vệ có người nào tinh thông chú thuật, phép tru (giết) và phép làm mưa đá. Có một hoà thượng nói với ta, ở vùng Ba Thông (Yarlung) có một vị lạt ma có tên là Ung Đồng Đa Giáp (Yungton Trogyel), ông ta là hành giả chân ngôn đã đắc được thành tựu về chú thuật và phép tru (giết). Thế là chúng ta bèn khởi hành đến Ba Thông. Đến Ba Thông, dâng lễ lên lạt ma Ung Đồng Đa Giáp. Năm người học đi cùng, mỗi người hiến cho vị sư phụ này một phần cung dưỡng. Ta lấy vàng, ngọc và tất cả những thứ khác đều cung dưỡng cho ông, và quỳ trước ông nói rằng:

‘Không chỉ là những vàng, ngọc và tất cả những vật chất này đều cung dưỡng cho thượng sư, đến cả hết thầy thân, khẩu, ý của con cũng đều cung dưỡng cho ngài. Sư phụ à! Hàng xóm và họ hàng của con đã làm những việc cực kỳ tàn bạo có lỗi với nhà con, con muốn dùng chú thuật để trừng phạt họ, xin lão nhân gia truyền cho con chú thuật tốt nhất! Đồng thời cơm áo dùng trong khi con ở đây học pháp thì cũng nhờ vào lão nhân gia ban cho!’

Lạt ma nghe xong lời của ta, cười cười nói rằng: ‘Ta phải từ từ xem xem lời con nói có thật không!’

Thượng sư không hề dạy cho chúng ta chú thuật tinh thâm nhất, chỉ dạy một vài ác chú, và một số khẩu quyết và tu pháp. Một chút pháp này phải dùng thời gian một năm mới truyền thụ hết. Truyền hết những chú pháp này, bạn học của ta đều chuẩn bị trở về, lạt ma thưởng cho mỗi người một bộ áo lông cừu ở đất Vệ. Nhưng ta lại không hề tự tin, trong tâm thầm nghĩ, nếu như lấy những chú thuật này ra để báo thù, chỉ e không

có chút hiệu lực nào, đem những chú thuật vô dụng này trở về, mầu thân nhất định sẽ tự sát. Nghĩ một lát, bèn quyết định chưa về vội. Bạn học của ta nói với ta: ‘Văn Hỷ! Huynh không về ư?’

Ta nói: ‘Ta sao lại không muốn về chứ? Chỉ là chú thuật học chưa đến nơi đến chốn, không dám về.’

Năm người bạn họ đều nói: ‘Những khẩu quyết này cũng vô cùng tinh thâm rồi! Bản thân lạt ma cũng nói khẩu quyết tinh thâm hơn thế nữa thì không có! Chúng ta đều tự tin sau khi trở về quê nhà, danh dự và địa vị sẽ không thành vấn đề! Chẳng qua nếu huynh muốn ở lại tiếp tục, chúng ta cũng không phản đối, cứ theo ý của huynh thôi!’

Thế là năm người họ liền đến trước thượng sư lễ bái cáo biệt, lên đường trở về. Ta cũng lấy áo mà thượng sư thưởng cho đem mặc, tiễn bọn họ nửa ngày đường. Trên đường trở về nhà của thượng sư, trên đường nhật lấy phân ngựa, nhật được một bao to, đem bón cho mảnh ruộng tốt nhất của thượng sư. Lúc đó, thượng sư đang ở trong phòng nghỉ, nhìn thấy ta qua cửa sổ, ông liền nói với một vị đệ tử khác: ‘Đệ tử đến chỗ ta học pháp rất nhiều, nhưng không có ai tốt như Văn Hỷ, sau này chỉ e không còn đồ đệ nào tốt như cậu ta nữa! Sớm hôm nay cậu ta chưa từng đến chỗ ta cáo từ, là biểu thị cậu ấy vẫn còn muốn trở lại. Lúc cậu ta mới đến đã nói với ta, họ hàng và hàng xóm cậu ta có lỗi với nhà cậu ta, xin ta truyền cho chú thuật để báo thù. Cậu ta lại nói cung dưỡng cả thân, khẩu, ý cho ta; quả nhiên là người thật lòng. Nếu như lời cậu ta nói toàn là thật, vậy thì không truyền chú thuật cho cậu ta thì có phần quá đáng tiếc.’

Vị đồng học này liền đem những lời của thượng sư nói với ta, trong tâm ta rất vui mừng, biết rằng còn có chú thuật khác vẫn có thể truyền cho ta, liền vui vẻ chạy đến trước mặt thượng sư. Thượng sư nói: ‘Vấn Hỷ! Con không về là có đạo lý gì?’

Ta cởi chiếc áo mà thượng sư thưởng cho ta, lại cung dưỡng cho ông, làm lễ đầy đủ, nói rằng: ‘Thượng sư lão nhân gia! Chú thím và hàng xóm của con, đã làm những chuyện rất có lỗi với ba mẹ con con! Bọn họ dựa vào thủ đoạn không chính đáng, đã chiếm lấy tài sản của chúng con, gây ra cho chúng con biết bao thống khổ. Chúng con không có sức để báo thù, cho nên mẫu thân bảo con đi học chú thuật; giả như chú thuật của con không tinh thì khi trở về nhà, mẫu thân con từng nói, bà nhất định sẽ tự sát trước mặt con! Cho nên con không thể trở về. Xin thượng sư thương xót, truyền cho con chú thuật thù thắng nhất ạ!’

Vừa nói, không ngăn nổi xúc động bèn khóc rống lên. Lạt ma hỏi ta: ‘Họ hàng và hàng xóm của con bắt nạt nhà con thế nào?’

Ta liền đem chuyện phụ thân Mật Lặc Tường Thái qua đời rồi cô mẫu và bá phụ chiếm lấy di sản và ngược đãi chúng ta thế nào, vừa khóc vừa nói, đã tường thuật chi tiết một lượt. Thượng sư nghe rồi, cũng không nhẫn được mà rơi nước mắt. Thượng sư nói: ‘Nếu như những lời con nói là thật, bọn họ quả thực quá đáng trách. Còn như người cầu chú thuật của ta, từ các nơi đến đều có; từ Nga Nhật Tam Châu (Ngari Korsum) đến cung dưỡng trăm nghìn vàng kim và ngọc ngà; từ Vệ Tạng đến cung dưỡng trăm nghìn nhung, bơ và thanh khoáng; từ ba vùng Đa, Khang, Cống đến cung dưỡng

rất nhiều trà và tơ điều; từ ba vùng Kháp, Tha, Khổng (Jyayul, Dakpo, Kongpo) đến cung đường trên nghìn ngựa, bò, dê. Nhưng mà, dùng thân khẩu ý đến cung đường thì chỉ có một mình con! Nhưng mà, ta không thể truyền thụ cho con chú thuật. Thế này! Ta hôm nay sẽ phái một người đi điều tra xem lời con nói có phải thật không đã!’

Trong các bạn học chúng ta, có một người Phi Mao Thối (Nub Khulung), chạy còn nhanh hơn cả ngựa, đứng dậy thì to lớn như một con voi. Thượng sư liền phái anh ta đến quê nhà ta điều tra. Chẳng đến mấy ngày, anh ta quay trở lại nói với thượng sư: ‘Sư phụ lão nhân gia! Những lời của Văn Hỷ đều không sai, xin ngài hãy truyền cho anh ta chú thuật tốt nhất!’

Thượng sư nói với ta: ‘Văn Hỷ! Đầu tiên nếu ta truyền cho con chú thuật, sợ con người ngây thơ như con sẽ hối hận; hiện giờ đã biết tất cả đều không phải là giả, ta sẽ truyền cho con chú thuật. Ta có hai mật pháp: một là ‘sát pháp hanh’, một cái là ‘huỷ pháp phi’; có một vị lạt ma tên là Cổ Dung Ba (Yonten Gyatso) công đức lớn như biển, sống tại làng Tây Khích (Khulung) ở Vệ Châu, ông ta tinh thông y dược, lại sở trường về chú thuật. Ông ta cũng có một mật chú, gọi là phép gọi mưa đá, chúng ta truyền thụ mật pháp của tự mình cho nhau rồi, liền trở thành bạn chí giao. Từ đó, phàm là những người đến chỗ ta học chú thuật, ta đều đưa sang chỗ ông ta; ông ta cũng đưa người học chú thuật bên đó sang chỗ ta. Lần này con cũng không ngoại lệ, sẽ bảo con trưởng của ta đưa con đi một chuyến!’

Sư phụ chuẩn bị đồ ăn cho ta, lại cho ta len dạ tốt của Vệ châu; còn cho ta một số lễ phẩm dùng để cung

dưỡng cho sư phụ Cổ Dung Ba. Chúng ta đều đeo những thứ này trên lưng ngựa, hướng Tạng châu xuất phát.

Đến làng Tây Khích, hội kiến lạt ma Cổ Dung Ba, ta mang những lễ phẩm dâng lên cho ông ấy, sau đó lại đem những chuyện đau buồn và lý do cầu phép tru (giết) thuật lại tường tận một lượt, khẩn cầu lạt ma truyền cho ta chú pháp. Lạt ma nói: ‘Ung Đồng Đa Giáp lạt ma với ta là chỗ sinh tử chi giao, ông ấy đưa các người đến nhất định là có lý do rồi, ta đồng ý truyền thụ cho người phép tru bí mật. Chẳng qua, bước đầu tiên các người phải tìm nơi không ai nhìn thấy để xây một căn luyện pháp đường.’

Hai chúng ta bèn tìm nơi vắng vẻ ở dưới chân núi, xây dựng nên một luyện pháp đường sơ sài. Dùng một khối đá to như con bò để che giấu căn phòng.

Thượng sư vào trong luyện pháp đường, truyền thụ cho ta khẩu quyết bí mật của chú thuật.

Ta tu pháp ở trong đường được bảy ngày, lạt ma liền nói với ta: ‘Trước giờ, pháp tu này chỉ tu bảy ngày là đủ, nay người cũng chỉ cần tu bảy ngày là đủ rồi!’

Nhưng ta nói chỗ mà ta muốn tru (giết) ở rất xa, xin hãy để ta tu tiếp bảy ngày nữa! Đến ngày thứ 14, thượng sư lại nói với ta: ‘Tối hôm nay, ở bên cạnh Mạn Đà La (pháp đàn), sẽ có biểu hiện thành quả của phép tru (giết).’

Quả nhiên, khi trời tối, Hộ thệ Tam Muội Gia Thần (tiếng Phạn, Tam Muội Gia có nhiều nghĩa, chỗ này có nghĩa lời thề ‘không vượt qua’, chỉ thần hộ pháp của Mật giáo) trong tay cầm 35 cái đầu người và quả tim nói với ta: ‘Việc mà các người bảo ta làm chính là cái này!’

Sáng sớm ngày thứ 20, lạt ma lại tới nói với ta: ‘Thần hộ pháp nói với ta, người đáng giết, còn có hai người, còn muốn giết hay không?’

Ta thoả lòng nói: ‘Để bọn họ còn sống trên đời để chứng kiến, xem xem báo ứng của mình, xin hãy tha cho họ!’

Bởi vì như vậy, ta mới để cho cô mẫu và bá phụ còn sống mà chưa giết chết. Cuối cùng, chúng ta lại tu pháp cung dưỡng Hộ thệ Tam Muội Gia Thần, tiễn Hộ thệ Tam Muội Gia Thần trở về, tán phép giải đàn.

Lúc đó ở quê nhà ta Gia Nga Trạch, mình chứng sự linh nghiệm của chú thuật là gì? Vốn là hôm đó đúng vào ngày cưới của con trai cả của chú, đã mời đến rất nhiều khách khứa đến nhà ăn uống. Những người đó lúc trước giúp cô mẫu bá phụ bắt nạt chúng ta có hơn 30 người đều cùng đến nhà của chú để ăn mừng. Ngoài ra còn có một nhóm những người đồng tình với chúng ta cũng được mời đến, đang chậm chậm đi đến nhà của chú, mọi người vẫn còn đang bàn luận những chuyện không phải của chú thím. Có người nói: ‘Tục ngữ nói khách biến thành chủ, chủ biến thành cầu nô. Lời này quả là đúng; những người ác này đúng là không muốn gặp, đã chiếm gia sản của Văn Hỷ lại còn ngược đãi mẹ con họ; Văn Hỷ đi học chú rồi, nếu như chú thuật không tới, báo ứng tam bảo sớm muộn gì cũng sẽ tới!’

Lúc đó cả nhà cô mẫu và bá phụ đều bận tiếp đãi khách, những người đến ăn mừng đều vui vẻ uống rượu. Một người trước kia từng làm công cho nhà ta lại làm giúp việc cho nhà chú, xuống lầu để lấy nước; bước xuống đến dưới lầu, nhìn thấy toàn mặt đất là bộ cạp lớn, rần rần và cua lớn bò lổm ngổm. Bộ cạp lớn

dùng càng của chúng bám vào cột trụ của nhà, muốn cắt đứt cột trụ. Cô ta kinh sợ quá, thất thanh hét lớn chạy ra cổng.

Ngày hôm đó dưới lầu toàn là ngựa của khách khứa, trong đó một con ngựa muốn ăn hiếp một con ngựa cái, những con ngựa đực còn lại không phục, náo loạn cả lên, con ngựa cái hung hăng muốn đá con ngựa đực, nhưng không biết thế nào, đá một cái lại làm cho cột trụ đổ. Nói thì chậm mà lúc đó nhanh lắm, cả căn nhà ầm ầm đổ sụp xuống, chỗ nào cũng nghe thấy tiếng kêu khóc. Con của chú, tân lang và hơn ba mươi người khác tất cả đều bị đè chết. Cả mặt đất chỉ thấy căn nhà sụp đổ, bao phủ một lớp tro bụi dày; dưới gạch ngói vỡ vụn là một đồng thi thể.

Lúc đó muội muội ta Tỳ Đạt đang ở gần đó nhìn thấy tình cảnh đó, lập tức chạy về nhà, vội vàng nói với mẫu thân: ‘Mẫu thân! Người nhìn xem? Nhà của bá phụ sập rồi, đã chết rất nhiều người!’

Mẫu thân không tin lắm, nhưng trong tâm lại mừng thầm, liền chạy vội ra xem. Nhìn thấy nhà của chú, chỉ còn lại đồng gạch vụn, cả bầu trời là tro bụi bao phủ. Mẫu thân vừa kinh vừa mừng, vội vàng xé một miếng trên bộ quần áo lam lũ, buộc vội vào một cái gậy dài, vừa vẩy cái cờ vải rách vừa chạy ra ngoài, lớn tiếng hô lớn: ‘Mọi người nhìn xem! Ông trời ơi! Lạ ma ơi! Tam bảo ơi! Xin hãy nhận lấy cung dưỡng! Hàng xóm láng giềng ơi! Nói cho mọi người rằng! Mật Lặc Tướng Thái chẳng phải là có con trai sao? Bạch Trang Nghiêm Mẫu ta mặc quần áo rách, ăn đồ ăn hỏng, nuôi con ta học chú thuật, mục đích chẳng phải là đạt được rồi sao? Các vị xem đi! Cô mẫu bá phụ đó từng thách thức người

hiều thì đánh một trận, người ít thì đi làm chú thuật với chúng ta đi. Các vị xem, hiện nay thế nào? Hiện giờ Văn Hỷ chỉ làm có một chút xíu chú thuật, mà còn lợi hại hơn cả đánh một trận lớn. Các người xem đi! Người ở bên trên, tài sản ở giữa, và súc vật ở dưới! Ta sống đến hôm nay chưa chết, có thể nhìn thấy con ta diễn ra một màn kịch, Bạch Trang Nghiêm Mẫu ta thật vui mừng muốn chết! Ha ha ha ha! Cả đời này của ta chưa bao giờ sướng thế này! Các vị xem đi! Các vị xem đi!’

Bà vừa vẫy cờ, vừa kêu la, vừa chạy, đúng là vui sướng cực kỳ. Cô mẫu bá phụ và toàn dân làng đều nghe thấy, trong đó có người nói: ‘Những lời bà này nói đúng là đáng sợ!’

Một người khác nói: ‘Đúng thì là đúng, chỉ là nói hơi quá một chút!’

Người ta nghe nói ta dùng chú thuật giết chết nhiều người thế, mọi người đều tập hợp lại nói: ‘Bà này đã gây ra chuyện lớn như vậy, lại còn vui sướng đến khắp nơi kêu la, chúng ta nhất định moi hết ruột gan bà ấy ra!’

Có người già khuyên can: ‘Cứ cho là giết bà ấy đi, thì có tác dụng gì đây? Như vậy chẳng phải khiến con trai bà ta càng hận chúng ta, lại làm chú thêm nhiều người chết nữa mà thôi. Chúng ta cần nghĩ cách giết Văn Hỷ đi, rồi mới giết bà ta, như vậy sẽ không có vấn đề!’

Như vậy họ không tính chuyện giết mẫu thân ta. Nhưng bá phụ nghe xong liền nói: ‘Con trai ta cũng chết rồi, con gái cũng chết rồi, ta cũng phải liều mạng với bà ta, không muốn sống nữa!’

Vừa nói liền muốn chạy ra giết mẫu thân ta. Mọi người vội ngăn ông ấy lại nói: ‘Đều là tại ông, nên mới xảy ra chuyện này; Hiện giờ, Văn Hỷ vẫn còn sống, nếu

như bây giờ ông giết chết Bạch Trang Nghiêm Mẫu, Văn Hỷ lại làm chú thuật nữa thì chúng ta sẽ không sống nổi. Nếu như ông không nghe chúng ta, chúng ta trước hết sẽ giết ông!’

Như vậy mới can được bá phụ. Người làng liền bàn bạc phái người đi giết ta. Cậu của ta đến chỗ mẫu thân nói: ‘Hôm qua những lời chị nói và những việc chị làm, khiến cho người làng mọi người đều muốn giết chết chị và con trai chị, chị có cách phòng bị chưa vậy? Ài! Làm một lần chú thuật là đủ rồi! Hà tất phải gây công phẫn!’

Mẫu thân nói: ‘Ài! Cậu vẫn không hiểu chúng ta sao? Những việc này ta cũng biết rõ là thế, ta chỉ là báo thù những người đã đoạt lấy tài sản của chúng ta, thì mới gieo hạt giống ác này! Oan cừu này dùng thước cũng không thể đo đếm cho rõ được!’

Không nói lời nào nữa, mẫu thân chỉ khóc lóc. Cậu thở dài nói: ‘Lời chị nói đương nhiên cũng đúng, nhưng mà, chỉ e những người muốn giết chị sắp tới, chị hãy cứ khoá cửa lại!’

Mẫu thân liền khoá kỹ cửa lại, ở trong phòng nghĩ tới nghĩ lui, vô cùng bất an. Người hầu nữ trước kia của chúng ta, bởi vì thương xót mẫu thân ta, liền lén lút chạy tới chỗ mẫu thân nói: ‘Bọn họ hiện giờ không muốn hại bà, họ muốn hại thiếu gia, bà hãy mau chóng báo cho cậu ấy, để cậu ấy cẩn thận một chút mới tốt!’

Mẫu thân nghe lời cô ấy rồi mới tạm thời yên tâm.

Mẫu thân lại đem mảnh ruộng Thiết Ba Tiền Quỳnh bán đi một nửa, tổng cộng bán được bảy lượng vàng. Muốn đưa số tiền này cho ta, lại không tiện bảo người trong làng đưa. Cuối cùng đang lúc nghĩ tự mình đưa, thì vừa khéo có một hành giả Yoga ở đất Vệ đến Nepal

bái núi, đi đến chỗ làng ta, cầm bát đi hoá duyên. Mẫu thân hỏi cho rõ ràng lai lịch của ông ta xong, cảm thấy ông ta rất thích hợp để làm sứ giả đưa tin; thế là mẫu thân nói với ông ta: ‘Sư phụ! Mời ông lưu lại chỗ này năm sáu ngày; con trai ta hiện giờ đang ở đất Vệ Tạng học pháp, ta muốn viết một phong thư cho nó, muốn nhờ sư phụ mang giúp cho.’

Vị hành giả Yoga nhận lời, mẫu thân liền chiêu đãi ông ấy mấy ngày.

Buổi tối hôm đó, mẫu thân châm đèn, quỳ trước Thần phát nguyện nói: ‘Tâm nguyện của con nếu được hiện thực, xin cho ngọn đèn này không bị dập tắt; nếu tâm nguyện con không thể như ý, xin hãy lập tức dập tắt; cầu xin tổ tiên của Văn Hỷ, thần hộ pháp khai thị.’ Sau khi phát nguyện, ngọn đèn suốt đêm không tắt, bởi vậy mẫu thân tin rằng dự định nhất định có thể thành công. Thế là ngày thứ hai bà liền nói với hành giả đi lên núi: ‘Sư phụ, người đi báỉ núi thì quần áo và giày đều rất cần, quần áo của ông hãy để ta sửa sang, ngoài ra ta còn tặng ông một đôi đế giày nữa!’

Nói xong liền đưa cho ông ấy một miếng da vừa dài vừa lớn làm đế giày, lấy chiếc áo cũ kỹ xuống dùng vải vá xong xuôi rồi. Ở chỗ áo lót, để bảy miếng vàng, cất giấu ở bên trong, dùng vải đen che kín lại, trong miếng vải đen lại dùng vải thô màu trắng, khâu thành sáu ngôi sao nhỏ, lại dùng vải che những ngôi sao nhỏ này, lại không để cho hành giả biết được. Ngoài ra còn tặng cho vị hành giả rất nhiều lễ vật, trên phong thư có một dấu ấn, rồi giao phong thư cho hành giả, để ông ấy mang đi.

Lúc này trong tâm mẫu thân thầm nghĩ: ‘Hiện giờ trong những người trong làng, không biết có chú ý gì

không, phải dùng biện pháp này để dọa họ một trận.’ Bèn nói với em gái Tỳ Đạt: ‘Hôm qua vị hành giả kia có mang về thư của anh con.’ Tỳ Đạt liền đi khắp nơi nói với mọi người, để mọi người biết rằng ta có thư gửi về nhà. Mẫu thân phỏng theo khẩu ngữ của ta viết một bức thư giả, trong thư nói: ‘Kính gửi mẫu thân, chú tru giết có hiệu lực, lòng con rất vui mừng. Nếu dân làng có kẻ nào vô lễ với mẫu thân và Tỳ muội, thì xin hãy cho biết danh tính gia tộc, để tiện phát chú. Con dùng chú thuật lấy tính mạng người ta dễ như trở bàn tay, tru diệt cửu tộc, diệt tận gốc rễ, như lấy đồ trong túi vậy. Nếu dân làng toàn bộ bất lương, xin người và Tỳ muội rời xa khỏi chỗ ấy. Con từ khi xa quê, không có đồng nào, mà nay tài sản đầy kho, dùng mãi không hết, con Văn Hỷ bái thượng.’

Lại in lên một cái ấn giả, đầu tiên để cho những người thân quen với cô mẫu bá phụ xem, sau đó đem thư đến để ở chỗ của cậu. Cứ như vậy, bọn họ lại càng thay đổi kế hoạch không dám nghĩ đến việc sát hại chúng ta nữa; cũng do sức mạnh của bức thư này, dân làng cũng yêu cầu chú giao lại mảnh ruộng Nga Mã Tam Giác cho mẫu thân.

Lại nói về vị hành giả lên núi kia, nghe nói ta sống ở tuổi Tây Đoan, bèn đến tuổi Tây Đoan tìm ta. Thuật lại một lượt rõ ràng chi tiết về mẫu thân và em gái và tình hình trong làng; rồi lại trao bức thư của mẫu thân cho ta. Ta lấy bức thư đến chỗ không người mở ra xem, trong thư viết rằng: ‘Văn nhi, mẫu thân rất khỏe, không phải nhớ nhung. Ta có đứa con như thể này cũng không đáng tiếc; Phụ thân Mật Lặc Tướng Thái ở dưới tuổi vàng, cũng có thể ngậm cười rồi. Con phát chú kết quả

làm đề chết 35 người kẻ thù. Dân làng kể bên muốn mật phái thích khách, âm mưu giết con, sau đó là đến ta, cho nên phải thường xuyên cảnh giác. Bọn họ vẫn ôm tâm báo thù, sẽ không tha thứ, nên làm mưa đá cao chín tầng, phá huỷ mùa màng của họ, ấy là mong muốn của mẹ. Nếu học phí đã hết, thì có thể ở núi phía Bắc, nơi sâu thẳm mây đen, sáu ngôi sao phát quang, có bảy hộ họ hàng nhà ta, lấy chúng ra. Nếu con không biết chỗ ở của họ hàng, thì chỗ sơn thôn ở chỗ nào, từ đó tìm trên thân của hành giả sẽ thấy. Trong sơn thôn này, chỉ có một mình hành giả sinh sống, không cần ông ta tìm. Mẫu thân: Bạch Trang Nghiêm.'

Ta đọc xong thư, không hiểu trong thư viết là ý gì, nghĩ đến quê nhà, nghĩ đến mẫu thân. Sơn thôn và họ hàng mà trong thư viết cũng không rõ, học phí cần dùng để cung dưỡng cũng không lấy được, không ngăn được nước mắt cứ tuôn rơi. Khóc một trận, lau khô nước mắt, đến chỗ hành giả nói: 'Nghe nói ngài biết chỗ sơn thôn mà họ hàng ta ở, xin ngài nói với ta được không?'

Hành giả nói: 'Ta chỉ nghe nói vùng Cống Đắc Kháng ở dưới chân núi Himalaya có họ hàng của người!' Ta hỏi ông ấy: 'Ngài còn biết chỗ nào khác không? Xin hỏi quê nhà của ngài ở chỗ nào?' Hành giả nói: 'Trừ sơn thôn ra, ta còn biết rất nhiều, nhưng mà họ hàng người sống ở chỗ nào ta lại không biết; ta là người đất Vệ!' Ta nói: 'Vậy xin ngài đợi một lát, ta sẽ quay lại!'

Ta liền đem thư đến hỏi thượng sư, nói qua một lượt về tình hình đã xảy ra. Thượng sư nói: 'Cơn giận của mẹ con quả là không nhỏ! Đã giết nhiều người thế vẫn chưa đủ, còn muốn làm mưa đá!' Lại hỏi tiếp: 'Họ hàng của con ở chỗ nào ở phương Bắc?' Ta trả lời: 'Con

từ trước tới giờ chưa nghe nói ở phương Bắc có họ hàng gì cả, nhưng trong thư lại viết rõ ràng như thế; con hỏi vị hành giả lên núi kia, ông ta cũng nói không biết, rốt cuộc là chuyện gì chứ?’

Lúc ấy, sư mẫu Trí Huệ Không Hành cũng ở đó, xem thư xong liền nói: ‘Con bảo vị hành giả kia đến đây!’ Sư mẫu bèn châm một bồn lửa lớn, mời hành giả sưởi ấm và uống rượu. Sư mẫu chỉ thiên vẽ địa, nói đông nói tây, thuận tiện bèn từ phía sau của hành giả, cởi lớp áo của ông ta xuống, khoác lên thân của mình nói: ‘Mặc bộ quần áo cũ rách này đi bái sơn, phúc khí nhất định sẽ tới.’ Vừa nói, liền bước đông bước tây đi lên lầu. Sư mẫu rạch bên trong của y phục, lấy ra được vàng xong, lại vá trở lại, trả lại bộ y phục cho hành giả, chiêu đãi ông ta ăn cơm, giữ lại qua đêm.

Sư mẫu nói với ta: ‘Văn Hỷ! Văn Hỷ! Đến chỗ thượng sư coi!’ Ta và sư mẫu cùng đến chỗ thượng sư, sư mẫu đưa cho ta bảy lượng vàng. Ta rất kinh ngạc hỏi: ‘Chỗ vàng này từ đâu ra vậy?’

Sư mẫu nói: ‘Mẫu thân người thật thông minh! Đã giấu rất kỹ bảy lượng vàng này trên thân của hành giả! Trong thư viết, thôn sơn ở hướng Bắc, chính là chỗ mà mặt trời không chiếu tới, mà lớp trong của y phục hành giả, chẳng phải là mặt trời không chiếu tới sao? Mây đen nghĩa là dùng vải đen che lại; sáu ngôi sao sáng, chính là dùng chỉ trắng khâu lại sáu chỗ; bảy nhà họ hàng ở dưới đây, chính nghĩa là bảy lượng vàng; nếu không tìm được, thì phải biết trong sơn thôn này chỉ có hành giả sống ở bên trong, không cần hỏi người khác; đó chính là nói vàng ở trên thân của hành giả, không cần tìm người khác sao!’

Sư phụ ngẩng mặt lên trời cười ha ha, nói rằng: ‘Người ta đều nói phụ nữ các người thông minh, lời này quả không sai!’

Ta cho hành giả một đồng vàng, hành giả thật vui sướng quá đi. Sau đó ta đã cung dưỡng cho sư mẫu bảy đồng vàng, cung dưỡng sư phụ ba lượng vàng. Lại nói với sư phụ: ‘Mẫu thân con còn muốn con làm mưa đá, xin sư phụ hãy dạy con phép làm mưa đá bí mật nhất ạ!’

Sư phụ nói: ‘Con muốn học phép làm mưa đá, thì lại phải đến chỗ Ung Đồng Đa Giáp thượng nhân mà cầu xin!’

Thế là sư phụ đã viết thư và đưa cho ta một số thổ sản để ta mang đi Ba Thông. Sau khi bái kiến thượng sư, lại cung dưỡng ba lượng vàng, lại giao bức thư và cung dưỡng thổ sản, kể lại tỉ mỉ nguyên do muốn học phép làm mưa đá. Thượng sư hỏi: ‘Chú thuật có thành công không?’ Ta nói: ‘Chú thuật thành công rồi, giết được 35 người; con lại nhận được thư từ mẫu thân bảo tới học làm mưa đá, cho nên muốn thỉnh thượng sư dạy cho con!’ Thượng sư nói: ‘Được! Sẽ thỏa mãn tâm nguyện của con!’ liền đem phép làm mưa đá truyền cho ta. Ta lại tu ở trong luyện pháp đường được bảy ngày. Đến ngày thứ bảy, từ khe đá ở trong núi xuất ra một đám mây đen, điện quang lấp lánh, tiếng sấm rầm rầm, cả bầu trời như thể sắp có bão tới vậy. Ta biết rằng bản lĩnh của mình đã có thể chỉ huy mưa đá rồi.”

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 4)

“Thượng sư đến đến hỏi ta: ‘Con hiện nay đã có thể làm được mưa đá rồi, nhưng không biết lúa mạch ở quê con đã chín chưa, đã mọc cao thế nào rồi?’ Ta nghĩ một chút rồi nói: ‘Thưa thầy, đại khái chỉ cao đủ che được con chim gáy thôi ạ!’

Thế là mười mấy ngày lại trôi qua, thượng sư lại hỏi, ta nói: ‘Đại khái cao bằng cây lau rồi ạ!’ Thượng sư nói: ‘Ài, vậy thì vẫn còn hơi sớm một chút.’

Qua một thời gian, thượng sư lại hỏi, ta đáp: ‘Hiện nay là lúc trổ bông rồi ạ!’. Thượng sư nói: ‘Vậy thì, con nên làm mưa đá đi!’, rồi phái một đệ tử mà trước đây đã đến nhà ta điều tra, để đi cùng với ta. Chúng ta ăn vận bộ dạng của tăng nhân vân du rồi xuất phát.

Năm đó, lúa mạch quê nhà mọc tươi tốt lạ thường, rất nhiều cụ già đều nói, từ trước đến nay chưa từng thấy vụ mùa bội thu nhiều như thế này. Người trong thôn thống nhất, không được tùy tiện thu hoạch, phải sau khi mọi người làm lễ chúc mừng thì mới đồng thời thu hoạch. Ta đợi thêm một, hai hôm nữa khi người trong thôn chuẩn bị gặt lúa, họ lập một cái pháp đàn ở thượng lưu con suối trước thôn, chuẩn bị các loại vật liệu cho lễ tế, và bắt đầu làm phép, tụng các lời chú. Lúc đó trên trời vạn dặm không bóng mây. Ta hô lớn một tiếng tên Thần hộ Pháp, kể ra sự thực dân làng ngược đãi gia đình ta, đấm ngực vỗ áo, khóc lóc thét to lên.

Thật không thể tưởng tượng nổi! Trên trời bỗng nhiên đùn lên một đám mây đen, cứ mỗi tầng mây lại

cuộn thêm một tầng mây, trong chốc lát đã biến thành một khối mây lớn đậm đặc, ánh chớp sáng lòe, tiếng sấm vang rền. Một lát sau mưa đá, các hòn đá lớn tới tấp rơi xuống. Mưa đá một trận dứt rồi lại nổi tiếp một trận, khiến cho lúa mạch của dân làng chuẩn bị thu hoạch bị mưa đá đập tan không còn một hạt nào. Trên núi lại tràn xuống một cơn lũ, cuốn sạch những hạt mạch bị mưa đá đập rơi xuống. Dân làng thấy lúa mạch bị lũ cuốn trôi, đều khóc rống lên. Cuối cùng, trên trời lại nổi lên một cơn bão. Hai chúng ta thấy người lạnh buốt, bèn chạy vào một cái hang ở phía bắc quả núi, đốt lửa lên sưởi ấm. Lúc đó, người trong thôn để chuẩn bị thịt cho bữa tiệc chúc mừng được mùa đã sai một nhóm người đi săn. Nhóm thợ săn này vừa vặn đi qua trước cửa hang, có người nói: ‘Hùm, không có ai hại thôn ta thảm hại hơn Văn Hỷ cả. Trước đây giết bao nhiêu người như thế mà vẫn chưa cam lòng, bây giờ lúa mạch như thế này lại làm cho không còn dư một hạt nào. Nếu mà bắt được nó, ta sẽ vắt khô máu nó ra, moi sống mật nó ra, cũng không giải hết nỗi hận của mình.’

Trong đó có tiếng một ông lão nói: ‘Suyt! Suyt! Không được to tiếng, nói nhỏ chút! Các anh xem, trong hang đá kia bốc ra làn khói, có người đang ở trong đó!’ Một thanh niên nói: ‘Đó chắc chắc là Văn Hỷ! Thằng khốn đó không thấy chúng ta, chúng ta mau chóng gọi người đến giết nó đi, nếu không nó sẽ hại hết cả thôn này!’ Vừa nói mọi người vừa vội vã chạy quay trở lại.

Người bạn đồng hành nhìn thấy phía dưới đang có người tới, biết đại thể đã có người phát hiện ra chúng ta ở đây rồi, liền nói với ta: ‘Huynh về trước đi, ta đóng giả huynh, đùa với họ một chút!’ Chúng ta hẹn nhau,

bốn ngày sau, vào buổi tối sẽ gặp nhau tại khách xá ở Điền Mục. Đương nhiên, ta biết huynh ấy sức lực dũng mãnh, do đó cũng rất yên tâm để anh ấy ở lại đó một mình.

Lúc đó ta rất muốn gặp mẹ một chút, nhưng lại sợ dân làng sẽ hại ta, do đó đành phải rời đi, đi đường vòng đến Ninh Nga. Không may trên đường bị một con chó hoang cắn mấy cái, chân bị thương khắp nơi, dọc đường vừa đi vừa tập tễnh, kết quả là không đến được khách xá đúng hẹn.

Bạn đồng môn của ta rốt cuộc đã làm việc gì? Hôm đó sau khi ta đi, trong thôn lại tập hợp nhóm đông người ngựa để đi giết ta, anh bạn phấn chấn, can đảm xông vào đám người ngựa, xông lên khiến người ngựa ngã tới tấp hai bên. Sau khi anh bạn xông qua rồi, dân làng lại nhất tề tập hợp đuổi theo. Dân làng đuổi theo rất gấp, anh bạn chạy cũng rất nhanh. Khi dân làng đuổi chậm, anh bạn lại thông dong chạy chậm lại. Dân làng ném đá, anh bạn cũng ném lại hòn đá lớn hơn, anh bạn hét to rằng: ‘Ai dám đánh ta, ta sẽ không khách khí dùng chú thuật giết người đó! Ta đã giết nhiều người như thế này, các người vẫn không sợ à? Năm nay vụ mùa bội thu như thế này, đã làm cho không còn một hạt lúa mạch, các người vẫn thấy chưa đủ sao? Từ nay về sau, nếu các người không đối xử tốt với mẹ và em gái ta, ta sẽ thả một cái hồ quỷ ở lối vào thôn, ở lối ra sẽ thả ma chú, khiến các người còn sống chưa chết này, cả chín họ đều cùng bị chết hết! Không biến cái thôn này thành tro bụi, thì quyết không cam lòng! Các người không sợ à?’

Dân làng nghe hết lời nói của huynh ấy đều sợ đến nổi toàn thân run rẩy, mọi người nhìn nhau, người này đùn đẩy người kia, lý nhí: “Người nói đi, người nói đi”, nhưng ai nấy đều im thin thít, lẳng lặng bỏ về.

Bạn đồng hành của ta đến Điền Mục trước. Sau khi đến khách sạn, liền hỏi ông chủ, có tăng nhân vân du như thế này, thế này đến khách sạn của ông không? Ông chủ nghĩ một lát rồi nói: ‘Đến thì không có đến, nhưng vị tăng nhân vân du mà quý khách nói đó, hiện nay hình như có đến thôn đang tổ chức yến tiệc, hình như bị thương thì phải. Quý khách không đem theo bát à? Ta có thể cho quý khách mượn một cái bát’. Nói rồi liền cho bạn đồng hành của ta mượn cái bát đáy có màu xám, hình dáng giống như gương mặt của Diêm Vương. Huynh ấy cầm bát đi đến thôn đang tổ chức yến tiệc khất thực, tìm được ta ở nơi yến tiệc, đến gần và ngồi bên cạnh ta nói: ‘Sao tối hôm qua huynh không đến?’ Ta nói: ‘Mấy hôm trước, trên đường đi khất thực, ta bị chó cắn mấy chỗ, nên đi không nổi, bây giờ mới đỡ một chút, đại thể không nghiêm trọng.’ Thế là hai chúng ta cùng nhau trở về Ba Thông. Sau khi bá kiến thượng sư, thượng sư nói với ta: ‘Hai con đã làm một việc xuất sắc.’ Chúng ta cảm thấy kỳ lạ, bèn hỏi thượng sư: ‘Trước khi chúng con trở về, đã có ai kể với Ngài rồi ạ?’ Thượng sư nói: ‘Các tướng sỹ và Thần hộ Pháp, ngày 15 lúc trăng tròn đã quay lại kể cho ta, lần này là ta sai bọn họ đi.’ Nói xong, mọi người đều thấy rất vui mừng.

Lúc đó, Tôn giả Milarepa kể xong câu chuyện trên cho các đệ tử nghe thuyết Pháp xong, bèn nói với các đệ tử: “Ta chính là báo thù như vậy mà tạo hắc nghiệp.”

Nhạ Quỳnh Ba hỏi: “Thưa thượng sư, Ngài nói trước đây tạo hắc nghiệp, sau này làm bạch nghiệp, bạch nghiệp chỉ có chính Pháp, thưa Tôn giả! Ngài gặp được chính Pháp bằng nhân duyên gì ạ?”

Tôn giả Milarepa nói: “Ta dần dần khởi tâm hối hận với việc niệm chú và giáng mưa đá. Cái tâm niệm muốn tu chính Pháp, mỗi ngày một mạnh mẽ lên. Thường thường ban ngày không muốn ăn, ban đêm không muốn ngủ. Lúc đi thì muốn ngồi, lúc ngồi lại muốn đi. Đối với tội lỗi đã mắc phải vô cùng hối hận, do đó cái tâm chán đời thường thường dội lên trong lòng, nhưng lại không dám nói muốn tu chính Pháp, cứ nghĩ ‘Chỗ thượng sư đây không biết có cơ hội tu chính Pháp không? Làm thế nào bây giờ?’

Chính lúc đang không ngừng suy nghĩ khổ sở thế này, thì gặp một chuyện như sau: Thì ra thượng sư có một đàn việt (tức thí chủ) rất tốt. Gia sản ông ta giàu có, cũng rất tín tâm đối với thượng sư, cung kính phụng sự thượng sư hết lòng. Không biết tại sao bỗng nhiên mắc trọng bệnh, mong muốn thượng sư gia trì cầu nguyện cho ông ấy, mời thượng sư đến nhà ông ấy.

Qua ba ngày, gương mặt trắng xanh của thượng sư với nụ cười khổ sở quay về. Ta liền hỏi thượng sư: “Thưa sư phụ, sắc mặt của thầy sao lại khó coi như vậy? Tại sao cứ cười khổ sở như thế này?”

Thượng sư nói: ‘Mọi việc trên đời đều là vô thường, tối hôm qua, vị thí chủ tốt nhất, tín tâm nhất của ta đã qua đời. Vì vậy, ài! Ta đã khởi lòng bi ai đối với thế giới này! Ta, lão già này, từ thanh niên đến khi đầu bạc, cứ luôn làm chú thuật, phép giết người, làm mưa đá đã tạo ba loại nghiệp. Con tuy còn trẻ, mà lại giống như ta,

cũng phạm vào các tội ác lớn chú thuật và làm mưa đá, món nợ này e rằng sẽ tính lên đầu ta.'

Trong lòng ta khởi niềm nghi vấn, bèn hỏi thượng sư: 'Chúng ta giết người là có tình, thượng sư lẽ nào không thể khiến họ sinh vào thiên quốc Đâu Suất (tức Tịnh thổ mà Bồ tát Di Lặc cư trú, người Tây Tạng tu Tịnh thổ của Phật Di Lặc rất nhiều), hoặc giải thoát sao?' Thượng sư nói: 'Sự thực là người chân chính có thể khiến cho họ được đắc cứu giải thoát, chẳng có một ai. Từ bây giờ trở đi, ta muốn tu chính Pháp, như vậy đối với bản thân và người khác đều có lợi, con dạy các đệ tử của ta là được rồi, sau này ta sẽ dẫn dắt con đến thiên quốc Đâu Suất và Đạo giải thoát. Hoặc con đi tu chính Pháp, làm người dẫn dắt để ta sinh vào thiên quốc Đâu Suất và Đạo giải thoát, những thứ con cần để cầu chính Pháp, ta sẽ cung cấp cho con.'

A! Lúc đó ta nghe, trong lòng vui sướng làm sao! Việc ta ngày đêm khát vọng cuối cùng đã thành hiện thực, vội vàng nói với thượng sư: 'Con muốn tu chính Pháp!' Thượng sư nói: 'Con còn trẻ, lòng tinh tấn và tín niệm cũng mạnh, vậy thì con hãy một lòng một dạ tu chính Pháp đi!'

Thượng sư liền tất bật chuẩn bị hành trang cho ta, đem vải lông và Tạng phiến đặc sản của Ninh Nga chất lên một con ngựa, cùng với ngựa tặng cho ta. Thượng sư bảo ta: Ở vùng Sát Nhung Na (Tsangrong Nar) có Tôn giả Lạt ma Ung Đăng (Rongton Lhaga), là bậc thượng nhân có thành tựu. Con đến chỗ Ngài tu tập chính Pháp là tốt rồi. Ta bái biệt thượng sư và sư mẫu, đến Sát Nhung Na, thấy và mấy đồ đệ vợ của thượng nhân Ung Đăng, họ nói với ta: 'Đây là chùa của Lạt ma Ung Đăng,

nhưng hiện nay thượng nhân lại ở trong chùa nhỏ ở Ninh Thác Nhạ Lộng, không có ở đây.’ Ta nói với họ: ‘Ta là được Lạt ma Ung Đồng Đa Giáp (Yungton Trogyel) phái đến, xin các người phái một người dẫn tôi đi gặp thượng nhân.’ Rồi đem lai lịch kể tường tận cho họ. Vợ của thượng nhân phái một lạt ma dẫn ta đi. Đến Ninh Thác Nhạ Lộng, bái kiến thượng nhân, ta đem vải lông và Tạng phiến dâng lên nói: ‘Con từ trên kia đến, là kẻ tội ác tày trời, xin Ngài từ bi, truyền cho đồ đệ một Pháp môn đời này giải thoát luân hồi.’

Thượng nhân nói: ‘Đại Pháp thành tựu của ta; Căn, là bàn tính thù thắng; Đạo, là đạt được thù thắng; Quả, là sử dụng thù thắng, ban ngày tư duy, ban ngày thành tựu; ban đêm tư duy, ban đêm thành tựu; Người căn cơ tốt, có túc nhân thiện căn, không cần phải tư duy, nghe Pháp liền giải thoát. Ta sẽ truyền Pháp này cho con.’ Thế là thượng sư quán đỉnh cho ta, lại truyền thụ cho ta khẩu quyết. Lúc đó ta thầm nghĩ: Trước kia khi mình tu chú thuật, chỉ tu 14 ngày là có kết quả, phép làm mưa đá chỉ tu 7 ngày là có thành tựu. Hiện nay thượng sư truyền cho mình chú thuật này còn dễ hơn thuật làm mưa đá, ban ngày tư duy, ban ngày thành tựu, ban đêm tư duy, ban đêm thành tựu, người có túc thiện nghe Pháp liền thành Phật, không cần phải tư duy, mình có thể gặp được đại Pháp này, tự nhiên cũng là người có thiện căn, do đó lòng sinh ngạo mạn, hoàn toàn không tư duy học tập, người cách ly Pháp.

Cứ như thế qua mấy ngày, một hôm thượng nhân đến gặp, nói với ta: ‘Con nói con là người tội lớn ở trên kia, lời này thật không sai, Pháp của ta, cũng hơi khuếch đại một chút, ta không thể dẫn dắt con được,

bây giờ con lập tức đến Trát Nhung (Drowo Lung) ở La Bạch Lai Khắc (Lhobrak), theo đệ tử thân truyền của Đại hành giả Ấn Độ Na Nặc Ba, chỉ tôn dịch kinh đại sư – Mã Nhĩ Ba (Marpa) tôn giả. Ông ấy là hành giả phái Mật tông mới, là người đắc được ba loại đại thành tựu không phân biệt. Ông ấy có duyên đời trước với con, con đi đi.’

Ta nghe tên của Dịch kinh vương Mã Nhĩ Ba dịch kinh sư, trong lòng vui sướng không nói lên lời, toàn thân nổi gai ốc, nước mắt tuôn trào như nước thủy triều, sinh lòng thành kính hoan hỷ và tín tâm vô tỷ.

Ta đem lương thực, hành lý và thư giới thiệu của thượng sư, liền cất bước lên đường. Suốt dọc đường cứ nghĩ, hận không được gặp ngay thượng sư.

Buổi tối hôm trước ta đến Trát Nhung, thượng sư Mã Nhĩ Ba mộng thấy Đại thiện xảo giả Na Nặc Ba thượng sư giáng lâm quán đỉnh. Na Nặc Ba tôn giả cho thượng sư Mã Nhĩ Ba một chiếc chày kim cương lưu ly 5 cạnh, trên phần nhọn cái chày có dính chút bụi trần. Ngoài ra còn cho một chiếc bình vàng chứa đầy cam lộ, nói rằng: ‘Người lấy nước trong bình này rửa vết bẩn trên cái chày kim cương, treo chày kim cương lên cao trên một cái cờ, trên khiên chư Phật hoan hỷ, dưới khiến chúng sinh được lợi ích, như thế này sẽ thành tựu hai sự nghiệp từ nó.’ Nói xong biến mất. Thượng sư Mã Nhĩ Ba theo lời tôn giả, dùng nước cam lộ trong bình rửa sạch vết bẩn trên chày kim cương, rồi treo chiếc chày lên trên cái cờ cao, chiếc chày kim cương bỗng phát ánh sáng rực rỡ, chiếu rọi tam thiên đại thiên thế giới. Ánh sáng chiếu lên thân chúng sinh trong lục đạo, tiêu trừ hết thống khổ và bi ai. Chúng sinh vui sướng

nhảy nhót, hướng về chiếc cờ của thượng sư Mã Nhĩ Ba đánh lễ. Hằng hà sa số vô lượng chư Phật đều phát sáng về phía chiếc cờ này.

Buổi sáng sau khi thượng sư tỉnh dậy, trong lòng vô cùng vui mừng, đang suy nghĩ về giấc mộng đêm qua, thì thấy sư mẫu vội vội vàng vàng chạy đến nói: ‘Thượng sư! Tối hôm qua ta có giấc mộng, mơ thấy có hai mỹ nữ trẻ từ Ô Kim Sát Thổ phương Bắc đến, trong tay đỡ một chiếc bảo tháp lưu ly, phía trên có một chút báu báu. Họ nói với ta: Đây là ý chỉ của thượng sư Na Nặc Ba, muốn bà đem chiếc tháp này, sau khi khai quang để lên đỉnh núi. Ta nói, đã là ý chỉ của thượng sư Na Nặc Ba muốn ta khai quang, đương nhiên ta sẽ làm. Thế là ta lấy nước rửa bảo tháp, rồi khai quang, sau đó đem tháo đặt lên đỉnh núi, bảo tháp bỗng nhiên phóng ra vô lượng ánh sáng như mặt trăng mặt trời. Trong ánh hào quang lại hiện ra vô số bảo tháp. Ta đã mơ như thế này, thượng sư xem giấc mơ này có ý nghĩa gì?’ Sau khi thượng sư nghe sư mẫu kể về giấc mơ đó, biết là giấc mơ của sư mẫu hoàn toàn khớp với giấc mơ của thượng sư, trong lòng tuy vô cùng vui mừng, nhưng bề ngoài lại nói nghiêm trang: ‘Mơ đều là ảo tưởng không có thật, ta cũng không biết giấc mơ này có ý nghĩa gì.’ Rồi Ngài nói tiếp: ‘Hôm nay ta muốn ra đồng trồng trọt, hãy chuẩn bị cho ta.’ Sư mẫu nói: ‘Một người đại thượng sư như Ngài đi làm những việc này, người ta sẽ cười chúng ta! Xin Ngài đừng đi nữa.’ Thượng sư không nghe, lại căn dặn rằng: ‘Đem cho ta một vò rượu, ta còn phải chiêu đãi vị khách nhỏ hôm nay đến.’ Thượng sư cầm rượu, công cụ rồi đi ra đồng.

Sau khi thượng sư Mã Nhĩ Ba ra ngoài ruộng, đầu tiên chôn vò rượu xuống đất, dùng mũ che lên, cuốc đất một lúc, rồi ngồi xuống, vừa nghỉ ngơi, vừa uống rượu.

Khi đó, ta đã sắp đến vùng giáp ranh của La Trát Ô Cốc (là tên gọi tắt của La Bạch Lai Khắc Trát Nhung), dọc đường hỏi thăm nơi ở của đại dịch sư chí tôn Mã Nhĩ Ba, nào ngờ, ngay cả người nghe đến tên đại dịch sư chí tôn Mã Nhĩ Ba cũng không có. Đến khi ta tới một ngã tư có thể nhìn thấy La Trát Ô Cốc thì gặp một người, ta lại hỏi anh ta một lượt, anh ta nói: ‘Mã Nhĩ Ba, cũng có người tên như thế, nhưng đại dịch sư chí tôn Mã Nhĩ Ba thì chưa nghe thấy.’ ‘Vậy La Trát Ô Cốc ở đâu?’ Anh ta chỉ thung lũng đối diện nói: ‘La Trát Ô Cốc thì không xa, chính là chỗ đối diện kia.’ ‘Ai sống ở đó?’ ‘Mã Nhĩ Ma sống ở đó.’ ‘Ông ấy còn có tên khác không?’ ‘Có người gọi ông ta là Mã Nhĩ Ba, có người gọi là thượng sư Mã Nhĩ Ba.’ Thế là ta biết đây nhất định là thượng sư Mã Nhĩ Ba mà ta đang sốt ruột tìm kiếm.

Ta lại hỏi anh ta: ‘Cái dốc núi này gọi là gì?’ ‘Nơi này gọi là dốc Tổ Pháp Quảng Pha.’ Trong lòng ta muốn từ dốc Tổ Pháp Quảng Pha nhìn nơi ở của thượng sư, cái duyên thật tốt. Trong lòng rất vui mừng, vừa bước lên vừa hỏi thăm người. Đi một lát thì gặp một nhóm người chăn dê, ta lại hỏi họ dịch sư Mã Nhĩ Ba ở đâu? Một cụ già nói không biết. Trong đó có một em bé rất xinh đẹp lại đáng yêu, mặc bộ y phục rất cầu kỳ, mồm miệng cũng rất lanh lợi, nói với ta: ‘Ôi, huynh nói đó là cha ta! Cha ta đã bán hết gia sản rồi, đổi ra thành vàng, đem đến Ấn Độ rồi. Khi trở về đem theo rất nhiều kinh thư trang sách rất dài. Ông xưa nay không cày cuốc, hôm nay không biết duyên cớ gì đang cuốc ruộng ở kia

kia.’ Trong lòng ta nghĩ, có lẽ không nhầm rồi, nhưng lại có nghi hoặc, tại sao đại dịch sư lại tự mình cày cuốc? Vừa suy nghĩ vừa đi, bỗng nhiên thấy thửa ruộng ven đường có một lạt ma to lớn trắng kiện, ông có đôi mắt to, ánh mắt sáng rực đang cuốc đất. Vừa nhìn thấy ông, trong lòng ta có niềm vui sướng không nói ra lời, trong tình cảm vui sướng không thể nào tưởng tượng nổi, ta đã quên hết thảy mọi thứ đời này. Một lúc sau ta mới hồi tỉnh trở lại, ta chạy đến trước mặt vị lạt ma và hỏi: ‘Ở đây có thượng sư Mã Nhĩ Ba, đồ đệ của đại sư Ấn Độ Na Nặc Ba không ạ?’

Vị lạt ma này nhìn ta chăm chú từ đầu đến chân rất kỹ lưỡng một lúc lâu rồi nói: ‘Người là ai? Người tìm ông ta làm gì?’

Ta nói: ‘Con là người có tội lớn ở trên Hậu Tạng, danh tiếng thượng sư Mã Nhĩ Ba rất lớn, con đến chỗ Ngài để học Pháp.’

Lạt ma nói: ‘Lát nữa ta đưa cậu đến gặp ông ấy, cậu giúp ta cuốc ruộng đi.’

Nói rồi ông liền nhắc chiếc mũ lên, lấy ra vò rượu, nếm chút, dáng vẻ có vẻ rất ngon. Nếm rượu xong, ông để vò rượu xuống rồi bỏ đi.

Sau khi ông đi, ta lấy vò rượu lên, dốc lên ừng ực uống hết sạch. Sau đó ta cuốc ruộng, một lát sau, cô bé lanh lợi ăn mặc xinh đẹp trong đám người chăn dê vừa rồi đến nói với ta: ‘Này, thượng sư gọi huynh vào.’ Ta nói: ‘Ta phải cuốc xong chỗ ruộng này đã rồi đến, người vừa rồi giúp ta chuyển lời đến thượng sư, ta nhất định phải thay ông ấy cuốc hết chỗ ruộng này mới được, muội về thông báo rằng ta sẽ tới ngay.’ Ta cuốc liền

một mạch xong thừa ruộng. Sau này thừa ruộng này được gọi là ruộng Thuận duyên.

Cuối xong ruộng, có bé đưa ta đi gặp thượng sư. Vị Lạt ma béo khỏe ta gặp lúc trước đang ngồi trên ghế cao có phủ ba lớp đệm dày, trên ghế có khắc hoa văn sao Kim ngưu và chim Đại bàng, ông có vẻ như là vừa rửa mặt xong, nhưng ta dường như vẫn thấy trên mi mắt ông có chút bụi. Ông thân thể to béo, ngồi đó thành một khối, cái bụng béo nhô ra. Ta thăm dò, đây chính là người vừa rồi cuốc ruộng mà, thượng sư Mã Nhĩ Ba ở đâu? Thế là ta ngó dọc ngó ngang tìm khắp nơi, thượng sư liền cười nói: 'Tiểu tử này đúng là không nhận ra ta. Nay, ta chính là Mã Nhĩ Ba, con mau dập đầu đi!'

Ta liền cung kính đánh lễ, rồi nói: 'Con là kẻ phạm tội nghiệp lớn từ đất Tạng đến, con đem cả thân, khẩu, ý hiến dâng cho thượng sư. Xin thượng sư cho con ăn mặc và truyền cho con chính Pháp, và xin thượng sư từ bi ban cho con pháp môn 'đời này thành Phật'.'

Thượng sư nói: 'Con là kẻ phạm tội lớn có liên quan gì đến ta? Tội nghiệp sẽ không lên đến đầu ta. Hơn nữa cũng không phải ta bảo con đi tạo nghiệp. Ài, con rốt cuộc đã tạo những nghiệp gì?'

Ta liền đem các chuyện đã qua kể tỉ mỉ một lượt.

Thượng sư nói: 'Ồ, thì ra là thế. Đem thân khẩu ý cúng dường lên thượng sư thì nên làm, nhưng ta không thể vừa cho con ăn mặc lại vừa truyền cho con Pháp được. Nếu cho con ăn mặc, con đi nơi khác học Pháp. Nếu truyền Pháp cho con, thì con phải đi nơi khác tìm ăn mặc, hai việc này chỉ có thể cho con một thôi, con lựa chọn đi. Hơn nữa, cho dù ta truyền Pháp cho con,

cũng không nhất định đời này liền thành Phật, nó hoàn toàn dựa vào sự tinh tấn của con.’

Ta nói: ‘Con đến bái nơi thượng sư đây là để học Pháp, về cái ăn cái mặc con sẽ tìm cách khác ạ.’ Nói rồi, ta cầm một quyển kinh thư đến Phật đường. Thượng sư nhìn thấy bèn nói: ‘Sách của con mau đem ra ngoài, Thần hộ Pháp của ta ngại thấy khí tà thư của con, nói không chừng sẽ hắt hơi.’ Ta ngạc nhiên nghĩ: ‘Thượng sư có lẽ biết trong sách của mình có chú thuật và phép giết người.’

Thượng sư nhường cho ta một căn phòng để ta ở. Ta ở trong đó bốn, năm ngày, làm xong một cái túi da đựng đồ. Sư mẫu lại cho ta rất nhiều đồ ăn ngon, đối với ta rất tốt.

Để cúng dường sư phụ, ta bèn đi khắp nơi La Trát Ô Cốc xin cơm, xin được 21 thưng lúa mạch. Ta lấy 14 thưng lúa mạch mua một chiếc đèn lớn bằng đồng bốn mặt vuông không một chút sứt mẻ hoen gỉ nào. Ta lấy một thưng lúa mạch mua rượu và thịt, chỗ mạch còn lại ta để vào cái túi da mà mình làm. Sau đó buộc cái đèn đồng vào miệng túi da khoác sau lưng trở về. Đến trước nhà thượng sư, ta đã mệt mỏi lắm rồi, thở phì một tiếng, hạ những đồ khoác sau lưng xuống. Một túi đầy lúa mạch rất nặng, làm cho căn phòng rung lên. Thượng sư đang ăn cơm, vội ra ngoài xem, nhìn thấy ta liền nói: ‘Tiểu tử này quả là có sức vóc. Nay, con có phải muốn làm sập căn phòng của ta đè chết ta à. Thật vô lễ. Hãy đem cái túi đi mau!’ Nói rồi Ngài liền giơ chân đá ta. Ta đành đem lúa mạch ra ngoài, trong lòng thầm nghĩ: ‘Vị thượng sư này không thể đùa được. Sau

này cần cần thận hầu hạ mới được.’ Nhưng trong lòng ta không này sinh chút tâm lý bất mãn nay tà kiến nào.

Ta đánh lễ với thượng sư, đem chiếc đèn đồng lớn cúng dường cho thượng sư. Thượng sư cầm chiếc đèn đồng, nhắm mắt trầm tư một lát, bất giác rơi lệ. Ngài rất thích, rất cảm động nói: ‘Duyên khởi tốt quá. Đây là cúng dường học giả đại Phạn thượng sư Na Nặc Ba.’ Thượng sư kết ấn làm cúng dường, sau đó lấy gậy gõ gõ chiếc đèn đồng, chiếc đèn phát ra tiếng leng keng. Thượng sư đem chiếc đèn đồng đến Phật đường, đổ đầy dầu, lắp bắc đèn rồi thắp đèn lên.

Trong lòng ta rất sốt ruột, nóng lòng cầu Pháp, liền chạy đến trước mặt thượng sư thỉnh cầu: ‘Xin thượng sư truyền cho con Đại Pháp và khẩu quyết.’

Thượng sư nói: ‘Do đồ đệ và tín đồ ở Vệ Tạng muốn đến chỗ ta học Pháp rất nhiều, nhưng người ở Thục Đại và Lệnh Ba phá rối, thường cướp của bọn họ, không cho bọn họ tặng thực phẩm và cúng dường cho ta. Hiện nay ta muốn con làm mưa đá xuống hai nơi đó, nếu thành công, ta sẽ truyền Pháp cho con.’

Để cầu Pháp, ta lại lần nữa sử dụng thuật làm mưa đá, quả nhiên thành công. Ta lại trở về đến trước thượng sư cầu Pháp. Thượng sư nói: ‘Con chẳng qua là làm mưa đá có vài ba viên, mà đã muốn đắc được chính Pháp mà ta đã khổ hạnh đến Ấn Độ đắc được là sao? Nếu con thực sự muốn cầu Pháp, vậy để ta nói cho con biết: Những người ở Ka Oa đã đánh các đồ đệ của ta, trước nay luôn đối địch với ta, con nếu thực sự có phép giết người lợi hại, con niệm chú bọn họ. Sau khi thành công, ta sẽ đem Pháp đời này thành Phật của thượng sư Na Nặc Ba truyền cho ta truyền cho con.’

Chẳng còn cách nào, ta lại bắt đầu niệm chú. Chẳng bao lâu, vùng Ka Oa quả nhiên xảy ra nội loạn, giết chết rất nhiều người, những người đối địch với chúng ta đều chết cả. Thượng sư thấy chú thuật của ta thực sự đã linh nghiệm, bèn nói: ‘Người ta nói phép giết người của con ghê gớm, lực chú rất lớn mạnh, quả là không sai.’ Từ đó thượng sư gọi ta là ‘Đại Lực’.

Ta lại cầu xin thượng sư truyền chính Pháp cho ta, nào ngờ thượng sư cười và nói: ‘Ha, ha, ha! Con đã tạo ra nghiệp lớn như thế này mà vẫn muốn ta lấy khẩu quyết, tâm yếu của Không Hành Mẫu, mà ta đã không tiếc sinh mạng sang Ấn Độ, dùng vàng cúng dường thượng sư, nhẹ nhàng dễ dàng cấp cho con ư? Đúng là trò cười, mà trò cười cũng quá đáng rồi. Hơn nữa, con là người giỏi phép thuật giết người, hôm nay nếu không phải là ta mà là một người khác, sợ rằng đã bị con giết lâu rồi. Được! Hiện nay nếu con có thể làm cho vụ mùa ở Thục Đại, Lệnh Ba khôi phục lại, và người bị giết ở Ka Oa sống lại, ta sẽ truyền Pháp cho, nếu không thì con không được ở chỗ ta nữa.’ Thượng sư nói khiến ta khóc rống lên. Ta thất vọng đến cùng cực, khóc to lên. Sư mẫu thấy ta đáng thương, bèn đến an ủi.

Sáng hôm sau, thượng sư tìm ta và nói: ‘Hôm qua ta nói với con cũng hơi tàn nhẫn, đừng có tức giận. Thân thể con rất khỏe mạnh, ta muốn con làm cho ta một thạch thất để cất trữ kinh thư. Thạch thất làm xong, ta sẽ truyền Pháp cho con. Y phục ăn ở của con sẽ do ta cung cấp.’

Ta liền nói: ‘Nếu con đang làm thạch thất, Pháp chưa được truyền con đã chết, thế thì làm thế nào?’

Ta đảm bảo con trong thời gian này sẽ không chết. Một người không có dũng khí thì không thể tu Pháp được. con giống người có nghị lực, có thể tin tấn. Đời này thành Phật hoặc không thành Phật, hoàn toàn xem bản thân con tinh tấn thế nào. Giáo phái của ta khác với người khác, có lực gia trì khác nhau.’ Thượng sư vui vẻ nói với ta rất thân thiết.

Cứ như vậy, ta liền con nên vô cùng hoan hỷ, lập tức thỉnh thượng sư cho ta bản vẽ thạch thất. Thượng sư nói: ‘Căn phòng này của ta, cần xây ở trên núi nơi hiểm yếu. Nhưng nơi này trước đây người trong dòng tộc đã họp quyết định không được xây nhà ở trên. May mà trên văn bản thời đó ta không ký tên, do đó không chịu sự ước thúc của họ. Ta muốn xây căn nhà hình tròn trên mỏm núi phía đông, con cũng có thể nhờ việc này mà tiêu trừ các nghiệp chướng.’

Ta liền phụng mệnh thượng sư như thế, bắt đầu xây dựng căn nhà. Đại thể khi căn nhà xây được khoảng một nửa, thượng sư đến, nói với ta: ‘Thời gian trước ta nghĩ chưa thỏa đáng, nơi này không tốt, bây giờ con đem đá và vật liệu về chỗ cũ đi. Ta đành đem đá, đồ gỗ, cứ từng cái từng cái từ trên núi công xuống núi. Thượng sư lại dẫn ta đến mỏm núi phía tây, lấy chiếc áo hình bán nguyệt, gấp lại nhiều lần, để trên mặt đất rồi nói: ‘Con hãy theo hình này làm cho ta một căn nhà.’ Lần này vô cùng tốn công sức, một người một mình làm nhà, mỗi một kiện vật liệu đều phải tự mình công từ chân núi cách mấy dặm lên đỉnh núi, thật sự khổ không sao nói hết. Đến khi làm được một nửa, thượng sư lại lên, nói: ‘Cái nhà này xem ra vẫn chưa đúng, con hãy tháo dỡ nó ra. Gỗ, đá và các vật liệu vẫn chuyển lại

về chỗ cũ.’ Ta đành phải làm theo lời thượng sư, từng viên từng chiếc tháo dỡ ra.

Thượng sư lại dẫn ta đến mỏm núi phía bắc, nói với ta: ‘Đại Lực, mấy hôm đó ta uống rượu say, đã không nói rõ ràng. Bây giờ ở chỗ này, hãy cẩn thận làm cho ta một căn nhà.’

Ta nói: ‘Làm xong rồi, lại tháo dỡ đi. Con chịu khổ vô ích, sư phụ mất tiền vô ích. Lần này xin sư phụ hãy suy nghĩ kỹ đi mới được.’

‘Hôm nay ta đã không uống rượu, hơn nữa cũng đã xem xét đầy đủ kỹ lưỡng rồi. Nhà của hành giả, chân ngôn nói phải là hình tam giác, con hãy làm một căn nhà hình tam giác. Lần này đương nhiên ta sẽ không bảo con tháo dỡ ra nữa.’ Ta lại bắt đầu làm căn nhà hình tam giác này. Đến khi ta làm được 1/3, thượng sư lại đến, ông nói: ‘Đại Lực, căn nhà con đang làm đó, là ai bảo con làm vậy?’

Ta cuống lên, vội trả lời: ‘Đó là thượng sư đích thân căn dặn mà.’

Thượng sư gãi đầu nói: ‘Hừm, sao ta không nhớ nhỉ. Lời còn nói nếu là chân thực, chẳng phải ta đã phát điên rồi sao?’

‘Lúc đó con cũng sợ chuyện như này xảy ra, nên con có xin sư phụ suy xét cho kỹ. Sư phụ nói đã suy xét đầy đủ kỹ lưỡng rồi, nói rằng nhất định sẽ không tháo dỡ ra nữa, sư phụ phải nhớ được rõ ràng chứ,’ ta nói gấp gáp.

‘Hừm, lúc đó có người nào làm chứng ở đó không? Ở nơi phong thủy xấu thế này mà lại làm nhà hình tam giác, giống như làm cái đàn tu phép giết người. Có phải người muốn hại ta à? Ta không cướp đồ gì của người,

cũng không cướp tài sản của cha người. Nếu người không có dự tính hại ta, thực sự muốn cầu Pháp, vậy hãy nghe lời ta mau chóng tháo dỡ căn nhà này đi, đem gỗ, đá, vật liệu chuyển về dưới núi.'

Vì công đá, làm việc khổ cực, làm trong thời gian quá lâu dài, vì mỗi lần đều là vội vã làm cho xong nhà để cầu Pháp, do đó làm việc thực mạng, rất ghê. Lúc đó trên lưng ta bị đá chà sát thành mấy vết thương, đã thành sẹo, rồi sẹo lại bị chà sát vỡ, cứ sẹo vỡ thành vết thương rồi lại thành sẹo, thống khổ khó chịu nổi. Ta vốn muốn để thượng sư thấy các vết thương, nhưng ta biết ngoài bị đánh mắng ra, quyết không có kết quả nào khác. Nếu cho sư mẫu xem, thì cũng giống như cố ý kể khổ, do đó ngay cả sư mẫu ta cũng không nói cho biết, chỉ xin sư mẫu nói giúp với thượng sư xin cầu Pháp. Sư mẫu lập tức đến trước mặt thượng sư nói: 'Làm cái nhà vô nghĩa như thế này, không biết là để làm gì? Ông xem Đại Lực thật đáng thương, khổ chết đi được! Ông mau truyền Pháp cho nó đi!'

Thượng sư Mã Nhĩ Ba nói: 'Bà đi làm món ăn ngon cho ta trước đi, rồi gọi Đại Lực lại cho ta.' Sư mẫu chuẩn bị đồ ăn xong, cùng ta đến trước mặt thượng sư. Thượng sư nói với ta: 'Ta hôm nay không phải là ta hôm qua, đừng có bức tức như vậy nữa. Con muốn cầu Pháp, ta sẽ truyền cho con.' Nói xong liền đem Tam quy, Ngũ giới của Hiến giáo phổ thông truyền cho ta. Thượng sư nói: 'Bây giờ truyền chẳng qua là pháp yếu phổ thông mà thôi, nếu muốn cầu khẩu quyết bất cộng (tức đặc biệt, siêu thường, người khác không có), thì phải làm thế này, thế này.' Nói rồi Ngài liền đem truyện ký khổ hạnh của thượng sư Na Nặc Ba kể cho ta nghe.

Thượng sư lại nói với ta: ‘Những khổ hạnh như thế này, e rằng con không làm được.’ Lúc đó sau khi nghe xong truyện ký khổ hạnh của thượng sư Na Nặc Ba, ta cảm động rơi nước mắt, lòng nảy ra một tín tâm kiên định. Trong lòng thề rằng: ‘Tất cả những lời thượng sư nói, ta phải nghe theo. Tất cả những khổ hạnh, ta đều phải vượt qua.’

Sau đó mấy ngày, ta cùng thượng sư đi tản bộ, lại đi đến một nơi hiểm yếu mà người trong dòng tộc cấm làm nhà. Thượng sư nói với ta: ‘Làm cho ta một căn nhà hình vuông ở đây, phải làm 9 tầng, ở trên lại làm cái kho, tổng cộng 10 tầng. Lần này quyết sẽ không phá dỡ, nhà xây xong rồi, ta truyền cho con khẩu quyết, lương thực đồ dùng tu Pháp ta sẽ cung cấp cho con.’

Ta nghĩ một lát rồi nói: ‘Vậy con mời sư mẫu đến làm người làm chứng có được không?’

Thượng sư đồng ý yêu cầu của ta: ‘Được!’

Thượng sư vẽ xong bản vẽ xây dựng, ta liền mời sư mẫu đến, trước mặt thượng sư và sư mẫu, ta đánh lễ ba lần rồi nói: ‘Thượng sư bảo con làm nhà, con đã làm ba lần, rồi lại tháo dỡ ba lần. Lần thứ nhất là do sư phụ chưa nghĩ kỹ, lần thứ hai là do sư phụ nói uống rượu say, không có kế hoạch tốt, lần thứ ba sư phụ nói bị phát điên, làm sao sư phụ có thể làm nhà tam giác được? Sau khi con giải thích, sư phụ lại nói có ai làm chứng? Rồi mắng con một trận. Hôm nay con muốn mời sư mẫu làm chứng cho con làm căn nhà lần thứ tư này. Sư mẫu, xin sư mẫu làm người làm chứng cho con lần này có được không ạ?’

Sư mẫu nói: ‘Ta nhất định sẽ làm người làm chứng cho con. Thượng sư, ta sẽ làm người làm chứng thực

sự. Nhưng kế hoạch làm nhà này rất khó khăn. Núi cao thế này, từng hòn đá, từng khúc gỗ, đều một mình con chuyển từ dưới núi lên, đoán chừng cái nhà này phải làm một năm mới xong. Thực ra, căn bản không cần làm nhà ở đây, làm rồi cũng chẳng cần tháo dỡ. Nơi này không phải là của chúng ta, mọi người trong dòng họ đã thề rồi, không được làm nhà ở đây, sau này e rằng sẽ có tranh cãi.’

Ta nói: ‘Sư mẫu, e rằng thượng sư không nghe theo sư mẫu đâu.’

Thượng sư nói: ‘Bà muốn làm người làm chứng thì làm người làm chứng là được rồi, không phải nhiều chuyện.’

Thế là ta bắt đầu xây dựng cái lô cốt hình vuông này. Khi ta đặt móng cho căn nhà, ba đại đệ tử của thượng sư là Nga Đông Khử Đa đất Vệ, Thổ Tông Cương Thái đất Đa Nhật, Mạch Thông Tổng Ba đất Sát Nhung, họ đến giúp đỡ, giúp ta chuyển rất nhiều tảng đá lớn. Ta lấy một phần số đá họ vận chuyển đến để làm móng. Đến khi làm xong hai tầng lầu, thượng sư Mã Nhĩ Ba đến, ông đi khắp nơi xem xét tỉ mỉ, chỉ những tảng đá lớn mà ba đại đệ tử chuyển đến nói: ‘Những tảng đá này ở đâu đến?’

‘Cái này... cái này... là Nga Đông, Cương Thái giúp con chuyển đến.’

Mã Nhĩ Ba nói: ‘Con không được lấy đá của họ làm nhà, mau tháo dỡ nhà ra, chuyển những tảng đá này đi.’

‘Nhưng, sư phụ, sư phụ đã thề rồi, quyết không tháo dỡ căn nhà này.’

‘Đúng, ta đã nói rồi, nhưng các đệ tử của ta, đều là những hành giả Yoga tu vô thượng tầng thứ hai, không

thể bảo chúng làm việc như đầy tớ của con. Hơn nữa, ta cũng không bảo con tháo dỡ hết, chỉ là muốn con chuyển những tảng đá của họ về chỗ cũ thôi.’

Ta bắt lực, đành tháo dỡ từ trên đỉnh, tháo dỡ xuống đến móng, đem những tảng đá đó từ trên núi công về chỗ cũ dưới núi. Thượng sư lại đến, nói với ta: ‘Bây giờ con có thể lại chuyển những tảng đá này lên làm móng.’

Ta hỏi: ‘Sư phụ chẳng phải không muốn những tảng đá này đó sao?’

Thượng sư nói: ‘Không phải ta không muốn những tảng đá này, là ta muốn con tự mình chuyển đá, không được lợi dụng người ta.’

Những tảng đá mà ba người khiêng, ta một mình vận chuyển, đương nhiên là mất rất nhiều thời gian và sức lực rồi. Sau này những tảng đá mà ta vận chuyển này được mọi người gọi là ‘Đá Đại Lực’.

Khi ta trên đỉnh núi đem đá lót làm móng xong, mọi người trong dòng tộc thương lượng rằng: ‘Mã Nhĩ Ba làm nhà ở đất cấm, chúng ta đi quấy rối đi’. Có người nói rằng: ‘Mã Nhĩ Ba phát điên rồi, không biết từ đâu đến một thanh niên rất khỏe. Cứ mỏm núi nào cao là Mã Nhĩ Ba bảo hấn đi làm nhà. Mã Nhĩ Ba bảo hấn làm nhà ở đó, đã làm được một nửa rồi, lại bảo hấn tháo dỡ đi, lại đem đá, gỗ, vật liệu chuyển xuống chỗ cũ. Lần này e rằng cũng sẽ phá dỡ. Đợi khi hấn tháo dỡ chúng ta đi quấy rối cũng chưa muộn, chúng ta hãy tạm đợi một chút, xem hấn có phá hay không.’

Nhưng lần này thượng sư lại không bảo ta tháo dỡ. Ta tiếp tục xây nhà. Khi làm đến tầng bảy, eo của ta bị chà sát dập một miếng lớn.

Lúc đó người trong dòng tộc tu tập lại bàn bạc rằng: ‘Hừm, lần này xem ra sẽ không phá dỡ rồi, trước đây phá mấy lần, thì ra là muốn xây nhà ở đây. Lần này chúng ta nhất định phải phá tan nó đi.’ Thế là tập hợp người ngựa xông đến ngôi nhà có lô cốt. Nào biết thượng sư đã biến rất nhiều hóa thân, trong ngoài ngôi nhà đó, đã bố trí đầy binh tướng từ lâu rồi. Người trong dòng họ khinh ngạc lắm, không biết Mã Nhĩ Ba mời từ đâu đến nhiều binh tướng như thế này. Kỳ tích này làm những người đến tấn công khiếp sợ, mọi người không ai dám làm càn, trái lại lại còn dập đầu bái lạy nữa, xin thượng sư tha thứ. Sau này bọn họ đều thành thí chủ của thượng sư.

Lúc đó, Mạch Thông Tổng Ba đất Sát Nhung (Meton of Tsangrong) đang thỉnh cầu Thắng Lạc Kim Cương (Yidam Chakrasamvara – một trong bản tôn chủ yếu của Mật tông vô thượng) quán đỉnh. Sư mẩu nói: ‘Lần này, dù thế nào đi nữa con cũng phải nhận quán đỉnh một lần.’ Ta thầm nghĩ: ‘Ta làm nhiều nhà thế này, cho dù là một hòn đá, một sọt đất, một thùng nước, hay một viên bùn, đều không có người giúp, lần này thượng sư nhất định sẽ quán đỉnh cho ta.’

Khi quán đỉnh, ta bái lễ thượng sư, ngồi ở chỗ người thụ Pháp. Thượng sư nói: ‘Đại Lực, cúng dường quán đỉnh của con ở đâu?’

‘Thượng sư đã nói với con, sau khi làm xong nhà thì ban cho con quán đỉnh và khẩu quyết, do đó bây giờ con mới dám xin thượng sư cầu Pháp.’

Thượng sư Mã Nhĩ Ba nói: ‘Con chẳng qua làm qua loa một căn nhà nhỏ mấy ngày mà thôi, cái đó quyết không thể có được quán đỉnh và khẩu quyết mà ta đã

khổ hạnh từ Ấn Độ cầu được về. Có cúng dường thì đem lên, nếu không có thì không được ngồi ở vị trí quán đỉnh thọ Pháp nữa.’ Nói rồi Ngài liền ‘Bốp! Chát!’ tát ta hai cái, một tay túm lấy tóc ta, kéo một mạch ra khỏi cửa, miệng vẫn giận dùm dùm nói ‘Cút ra ngoài mau!’

Sư mẫu thấy tình hình này, áy náy chạy đến an ủi ta: ‘Thượng sư thường nói: Pháp yếu mà thượng sư từ Ấn Độ cầu về, là cầu để cho tất cả chúng sinh. Bình thường, cho dù một con chó chạy qua mặt thượng sư, thượng sư cũng thuyết Pháp và hồi hướng cho nó. Nhưng thượng sư đối với con lại luôn không vừa ý, ta cũng không biết nguyên do, không biết là có gì. Nhưng con nhất định không được có tà kiến đó nhé.’

Ấm ức đầy bụng chẳng thể nói ra, tuyệt vọng và bi ai đan xen, trong tim ta nổi thống khổ cùng cực, đêm đó, ta trần trọc suy nghĩ: Hay là tự sát đi thôi!

Sáng hôm sau, thượng sư đến gặp ta và nói: ‘Đại Lực, bây giờ con tạm thời không cần làm lô cốt nữa, trước tiên hãy làm cho ta cái khách điểm lớn có hình dạng như thành lâu, phải có 20 cái cột, bên cạnh còn có một khách đường. Làm xong ta sẽ truyền quán đỉnh và khẩu quyết cho con.’ Thế là ta là bắt đầu làm móng nhà, bắt đầu làm khách điểm. Sư mẫu thường đem những đồ ăn ngon và rượu cho ta, đồng thời cũng thường thường an ủi ta rất thân thiết.

Khi khách điểm lớn làm sắp xong, Thác Thông Cương Ngạn (Tshurton Ouangnye of Dol) đất Nhật Đa đến cầu đại quán đỉnh Mật tập kim cương (Guhyasamaja, một trong những bản tôn chủ yếu của Mật tông vô thượng).

Sư mẫu nói: ‘Lần này bất luận thế nào con cũng nhất định được thọ quán đỉnh’, bèn cho ta một cái túi

mỡ, một súc vải lông và một cái mâm đồng nhỏ để làm đồ cúng dường. Ta lòng đầy hy vọng, vui vẻ đem đồ cúng dường vào chỗ ngồi cầu Pháp ở Phật đường.

Thượng sư nhìn ta nói: ‘Con sao lại đến? Con có cúng dường quán đỉnh gì không?’ Trong lòng rất yên tâm, ta nói một cách chắc chắn: ‘Đây là mỡ, vải lông, và mâm đồng, là đồ cúng dường con dâng lên thượng sư.’

‘Ha, ha, ha! Con nói thật tuyệt diệu! Chỗ mỡ này là thí chủ A cúng dường ta. Vải lông là thí chủ B cúng dường. Mâm đồng là thí chủ C cúng dường ta. Tuyệt thật! Lấy đồ của ta cúng dường ta, thiên hạ có đạo lý này không? Con có đồ cúng dường của mình thì đem đến, không có thì không được ngồi ở đó.’ Nói rồi, lập tức đứng dậy, mắng ta một trận, dùng chân đá ta ra khỏi Phật đường. Lúc đó ta chỉ hận không chui được xuống đất cho rồi. Khổ sở nghĩ một chập: Đây có phải là báo ứng mình niệm chú giết rất nhiều người, làm mưa đá hủy rất nhiều hoa màu không? Có lẽ thượng sư biết duyên cớ mình căn bản không phải là pháp khí, không thể thọ Pháp chăng? Hay là thượng sư không đủ từ bi, không muốn truyền thụ Pháp cho mình? Bất kể thế nào, giữ cái thân người không được thọ Pháp, vô tích sự, đây ta ác này, thì chẳng thà chết đi cho rồi, hay là tự sát đi thôi! Đúng lúc nghĩ nát óc không có câu trả lời, sư mẫu đem thức ăn đến cho ta, dốc sức an ủi ta một hồi.

Thất vọng và thống khổ khiến ta chẳng muốn động đến thức ăn mà sư mẫu đem đến, khóc cả một đêm. Ngày hôm sau, thượng sư lại đến, nói: ‘Bây giờ hãy làm khách điểm và lô cốt cho xong mau lên, khi khánh thành, ta sẽ truyền chính Pháp và khẩu quyết cho con.’

Trăm đấng ngàn cay, khó khăn lắm ta mới làm xong khách điểm. Lúc đó, lưng lại chà sát vỡ một miếng lớn, mọc mụn nhọt trên lưng. Cái nhọt này có ba ngòi mủ, thịt thối kèm máu tươi, nát như một đồng bùn.

Ta đi thỉnh cầu sư mẫu rằng: ‘Bây giờ khách điểm đã làm xong rồi, sợ rằng thượng sư lại quên chuyện truyền Pháp mà thượng sư đã nhận lời, do đó xin sư mẫu giúp con cầu Pháp đi!’ Khi đang nói, do mụn nhọt trên lưng đau quá, trên mặt ta không nén nổi lộ ra dáng vẻ đau khổ.

‘Đại Lực, con làm sao đó! Bị bệnh à?’ Sư mẫu sợ hãi hỏi. Ta đành cởi áo ra, cho sư mẫu xem cái nhọt lưng. Sư mẫu vừa nhìn, không nén nổi nước mắt tuôn rơi, vội nói: ‘Ta phải đi báo với thượng sư.’ Người lập tức vội vàng chạy đến trước mặt thượng sư nói: ‘Thượng sư à! Đại Lực làm nhà thế này, tay chân đều bị thương hết cả rồi, da thịt cũng nứt hết ra. Trên lưng còn mọc ba cái nhọt lớn, lại bị chà sát vỡ ba chỗ, có một cái nhọt còn có ba ngòi, máu mủ be bét. Trước đây chỉ nghe nói la và ngựa thồ hàng nặng quá mới mọc nhọt lưng. Nhọt mọc trên lưng người chưa từng nghe thấy. Càng chưa từng nhìn thấy. Chuyện như thế này, người ta nhìn thấy hoặc nghe thấy, chẳng phải chê cười chúng ta sao? Thượng sư! Vì thượng sư là một vị Đại lực ma, do đó nó mới hầu hạ thượng sư, ban đầu chẳng phải thượng sư nói làm xong lô cốt thì truyền Pháp cho nó sao? Nó thực sự đáng thương quá, bây giờ xin thượng sư truyền cho nó đi!’ Thượng sư nói: ‘Nói đúng là nói như thế, nhưng ta nói là làm 10 tầng lâu, bây giờ 10 tầng lâu ở đâu?’

‘Cái khách điểm lớn đó chẳng phải lớn hơn cả 10 tầng lâu đó sao?’

‘Bà không được nói năng lời thôi lắm lời! Làm xong 10 tầng lầu rồi truyền Pháp cho nó.’ Thượng sư phản bác sư mẫu, bỗng nhiên nhớ đến cái nhọt trên lưng ta liền hỏi: ‘Này! Bà vừa nói gì? Trên lưng Đại Lực mọc cái nhọt lưng à?’

‘Khắp lưng đều là nhọt! Xin thượng sư đến xem đi! Máu mủ một cục, nát trông đáng sợ, ai thấy cũng không nở lòng! Ôi! Thật đáng thương quá!’ Sư mẫu nói.

Thượng sư mau chóng chạy đến đầu cầu thang gọi: ‘Đại Lực, lên đây!’

Ta nghĩ: ‘Chà, lần này đúng rồi! Nhất định được truyền Pháp rồi! Ta liền vội vàng chạy bước dài lên lầu. Thượng sư nói: ‘Đại Lực, đưa ta xem cái nhọt lưng.’ Ta cho thượng sư xem. Thượng sư xem xét tỉ mỉ rồi nói: ‘Chỉ tôn Na Nặc Ba, 12 đại khổ hạnh, 12 tiểu khổ hạnh, so với con thì ghê gớm hơn nhiều! Lớn nhỏ 24 loại khổ hạnh, ngài đều nhẫn chịu. Bản thân ta cũng bất chấp sinh mệnh, chẳng tiếc tài sản đến hầu thượng sư Na Nặc Ba. Con nếu thực sự muốn cầu Pháp, hãy mau bỏ cái kiêu cố ý làm ra vẻ này đi, giả cái vẻ ghê gớm lắm, hãy mau đi làm xong lộ cốt đi.’

Ta cúi đầu ngẫm nghĩ, thượng sư dạy quả không sai.

Thượng sư làm mấy cái túi đựng đồ trên y phục của ta, rồi nói: ‘Ngựa và lừa mọc nhọt lưng đều dùng các túi quàng qua thồ, ta giờ đây làm cho con mấy cái túi này dùng để chuyển đất, chuyển đá.’

Ta không nén nổi hỏi: ‘Trên lưng có mụn nhọt thì những thứ này có tác dụng gì?’

Thượng sư nói: ‘Có tác dụng, có tác dụng! Cho đất vào trong túi có thể tránh đất cát dính vào nhọt lưng!’ Ta nghĩ, đây là lời căn dặn của thượng sư, thì cứ

nhấn chịu đau đớn mà vận chuyển bảy túi cát lên đỉnh núi thôi.

Thượng sư thấy ta đối với tất cả những lời thượng sư nói đều cẩn thận thực hiện. Thượng sư biết ta là đại trượng phu không gì lay chuyển nổi, nan hành năng hành (khó làm vẫn cứ làm bằng được), thực sự khiến cho thượng sư cảm động và khen ngợi. Ở chỗ không có người, thượng sư cũng rơi lệ rất nhiều.

Cái nhọt trên lưng cứ to lên từng ngày, dần dần đau không thể chịu nổi. Ta nói với sư mẫu rằng: ‘Sư mẫu có thể nói với thượng sư giúp con, tốt nhất là truyền Pháp trước cho con, hoặc chí ít cũng để con nghỉ ngơi một chút, dưỡng vết thương.’

Sư mẫu đem lời của ta bẩm lên thượng sư. Thượng sư vẫn giữ ý như trước, nhà không làm xong, quyết không thể truyền Pháp. Nếu cái nhọt cần điều dưỡng, vậy thì nghỉ ngơi mấy ngày cũng được. Sư mẫu cũng khuyên ta điều dưỡng một thời gian, đợi cái nhọt khỏi rồi lại tiếp tục làm.

Trong thời gian ta dưỡng thương, sư mẫu cho ta rất nhiều đồ ăn ngon và bổ dưỡng, cũng thường đến an ủi ta. Ta tạm thời cũng nguôi ngoai quên đi chút nỗi ưu sầu không đắc được Pháp.

Nghỉ dưỡng thư thế này một chập, vào ngày cái nhọt lưng sắp khỏi, thượng sư đến gọi ta, nhưng việc truyền Pháp thì không nhắc đến một chữ. Thượng sư nói: ‘Đại Lực, bây giờ mau đi làm nhà đi!’

Lúc đó ta vốn đã chuẩn bị đi làm rồi, nhưng sư mẫu thông cảm ta, sắp xếp muốn dùng kế để thượng sư sớm truyền Pháp cho ta. Do đó ngầm thương lượng với ta, muốn làm giả một lần. Ta từ chỗ thượng sư trở về liền

khóc thút thít, giả bộ thu xếp hành lý, đem ít ta-ba (thức ăn chính hàng ngày của người Tây Tạng, bằng bột đại mạch chiên) chuẩn bị bỏ đi. Đến chỗ thượng sư có thể nhìn thấy, giả bộ bỏ về, sư mẫu liền giả bộ giữ ta lại, kéo lấy ta nói: ‘Lần này ta nhất định cầu xin thượng sư truyền Pháp cho con, đừng bỏ đi, đừng bỏ đi.’ Mỗi, hai người cứ lôi kéo đã gây chú ý cho thượng sư. Thượng sư bảo sư mẫu: ‘Đặt Mi Ma, hai người làm cái gì vậy?’

Sư mẫu nghe thấy cho rằng cơ hội đã đến, liền nói: ‘Đồ nhi Đại Lực này từ nơi xa xôi đến với thượng sư cầu Pháp, không những không học được chính Pháp, trái lại bị đánh mắng, làm việc khổ nhọc của trâu ngựa. Nó bây giờ sợ cầu Pháp không được sẽ chết, do đó muốn đến nơi khác tìm sư phụ. Tuy ta đảm bảo với nó nhất định có thể cầu được Pháp, nhưng nó có vẻ vẫn muốn bỏ đi.’ Thượng sư nghe vậy, nổi giận dùng dùng, chạy vào trong phòng lấy ra một cái roi da, chạy ra nhè khắp người ta mà đánh tơi bời, và nói: ‘Người là kẻ khốn nạn, ban đầu lúc ngươi đến, đem thân khẩu ý đều dâng cho ta rồi, bây giờ còn muốn đi đâu hả? Ta mà nổi hứng lên thì đã đem cái thân, khẩu, ý của ngươi cắt thành vạn miếng, đây là ngươi cho ta, do đó ta có cái quyền này. Bây giờ bất kể thế nào, ngươi muốn cút, thì cút đi, tại sao lại lấy ta ba của ta đem đi? Đó là đạo lý gì? Người nói đi?’ Roi da vô tình quất ta tới tấp, đánh đến khi ta ngã xuống đất. Thượng sư lại đến lấy ta-ba đem hết đi.

Lúc đó, trong lòng ta thực sự cực kỳ buồn rầu, nhưng lại không thể nói với thượng sư đây là kẻ của ta và sư mẫu thương lượng giả bộ. Dù thế nào đi nữa cũng không chống lại được uy lực của thượng sư, chỉ đành chạy vào trong nhà khóc rống lên một trận. Sư mẫu

cũng than thở nói: ‘Ôi, bây giờ có lột da rút gân thượng sư, thượng sư cũng không truyền Pháp cho. Bất kể là thế nào, ta cũng phải nghĩ cách truyền Pháp cho con! Ta có một pháp tu ‘Kim Cương hơi mẩu’ (Một trong các bản tôn của Mật tông, là Phật Mẫu giải thích tự tính Bát Nhã Ba La Mật Đa), ta truyền cho con.’ Ta tu theo Pháp tu này, tuy chưa sinh giác thụ, nhưng trong lòng cảm thấy được an ủi và rất bình hòa. Ta cảm thấy sư mẫu đối với ta quá tốt. Ta luôn nghĩ báo ơn sư mẫu, lúc thì giúp sư mẫu vắt sữa bò, xào thanh khoa, có lúc ta thực sự nghĩ đi tìm thượng sư khác, nhưng suy đi ngẫm lại, khẩu quyết đời này thành Phật, chỉ có thượng sư này mới có, đời này nếu không thành Phật, ta đã làm bao nhiêu tội nghiệp, làm thế nào giải thoát đây? Vì để cầu Pháp, ta phải tu khổ hạnh giống như tôn giả Na Nặc Ba, bất kể như thế nào, phải nghĩ ra cách để thượng sư này vui thích, đắc được khẩu quyết, đời này thành chính quả. Thế là ta một lòng một dạ công đá, chuyển gỗ, vật liệu, làm phòng tu định bên cạnh khách điểm lớn.

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 5)

“Khi ta còn đang trát vữa lên tường và phòng thờ, thì thấy Ngokton Chodor từ đất Vệ dắt theo nhiều đệ tử mang đến rất nhiều đồ cúng dường để xin được làm đại lễ quán đỉnh Hevajra. Sư mẫu nói với ta: ‘Mã Nhĩ Ba chỉ yêu tiền! Một người khổ hạnh tu luyện như con mà ông ấy lại không chịu truyền Pháp. Ta sẽ nghĩ cách làm một món vật để con cúng dường cho thượng sư. Dầu thế nào ta cũng phải giúp con được quán đỉnh. Con hãy dâng vật cúng dường này lên trước. Nếu ông ấy vẫn không truyền Pháp cho con thì ta sẽ cầu xin giúp con.’ Nói rồi sư mẫu lấy từ trong áo ra một viên bảo ngọc màu đỏ. Ta cầm lấy viên hồng ngọc phát sáng lung linh ấy bước vào Phật đường, quỳ lạy thượng sư và dâng viên bảo ngọc này lên. Ta nói: ‘Lần quán đỉnh này, dầu thế nào cũng cầu xin thượng sư từ bi truyền cho con.’ Nói rồi ta bèn ngồi vào ghế thụ Pháp.

Thượng sư cầm viên đá hồng ngọc lại ngắm nghía rồi hỏi rằng: ‘Đại Lực, thứ này ở đâu ra vậy?’

‘Là sư mẫu cho con.’

Thượng sư mỉm cười: ‘Cho gọi bà ấy đến đây!’

Sư mẫu tới nơi, thượng sư bèn hỏi: ‘Làm sao bà có được viên hồng ngọc này?’

Sư mẫu liên tục dập đầu run rẩy nói: ‘Viên hồng ngọc này vốn dĩ không có liên quan gì đến thượng sư. Khi ta xuất giá phụ mẫu nói với ta rằng: Tính khí của thượng nhân có vẻ không được tốt lắm. Nếu như cuộc sống sau này gặp phải khó khăn, mà cần đến tiền thì

hãy dùng tới viên đá hồng ngọc này, nên mới cho ta. Song thân còn bảo ta đừng để người khác nhìn thấy. Đây là tài sản bí mật của ta. Nhưng nay vị đồ đệ này quả thực quá đổi đáng thương, vậy nên ta đã cho Đại Lực viên bảo ngọc này. Xin thượng sư chấp nhận viên bảo ngọc này mà khai ân truyền thụ quán đỉnh cho Đại Lực. Nhiều lần quán đỉnh trước đây, ngài đều đui Đại Lực ra ngoài, khiến cậu ấy vô cùng thất vọng. Lần này, cầu xin Nga Ba lạt ma (Ngokpa – tên gọi khác của Ngokton Chodor) và các đệ tử giúp ta cùng cầu xin thượng sư.’ Nói xong, bà liên tục dập đầu.

Nhưng thượng sư lại tỏ vẻ giận dữ, Nga Ba lạt ma và mọi người không ai dám nói năng gì, chỉ cùng sư mẫu hướng về phía thượng sư. Thượng sư nói: ‘Sao bà lại làm chuyện hồ đồ thế này, mang một viên hồng ngọc đẹp như thế này cho người ngoài hả?’ Nói rồi thượng sư bèn đội viên đá lên đầu nói: ‘Bà lầm rồi, mọi thứ của bà đều là của ta. Viên hồng ngọc này cũng là của ta! Đại Lực! Người có tài sản gì thì mang ra đây, ta sẽ quán đỉnh cho người! Viên bảo ngọc này là của ta! Không được tính là vật cúng dường của người.’

Nhưng ta nghĩ rằng sư mẫu nhất định sẽ nói đi nói lại về nguyên nhân cúng dường viên đá hồng ngọc, mọi người cũng đều đang cầu xin giúp ta, nên ta vẫn đợi, mặt dày mà chẳng rời đi.

Thượng sư nổi trận lôi đình, nhảy xuống từ trên ghế mắng ta té tát: ‘Ta bảo người cút ra ngoài sao người còn không chịu đi. Đây là đạo lý gì vậy?’ Ngài giơ chân lên đạp loạn xạ lên người ta. Khi ta cúi gằm mặt xuống đất, thì chân ngài đạp lên đầu ta. Ta mê man như trời sập tối. Ngay tức khắc ngài đạp ta ngã lộn nhào. Ta đột

nhiên ngược mặt lên thì thấy giống như trời đột nhiên bừng sáng, ánh vàng kim nháy nhót khắp nơi. Sau khi đã thoả thích một hồi ngài lại cầm cây roi đánh ta một trận như tử. Khi Nga Ba lạt ma can ngăn thượng sư, đáng vẻ thượng sư trông vô cùng đáng sợ. Ngài nháy lên nháy xuống trong đại sảnh. Ngài phần nộ ngùn ngụt như đã đến đỉnh điểm! Ta nghĩ: ‘Ngoài đau khổ ra ta chẳng có được gì cả, hay là tự sát vậy! Khi ta đang khóc lóc thảm thiết, sư mẫu cũng nước mắt giàn giụa an ủi ta: ‘Đại Lực, đừng quá thương tâm! Trên đời này không còn đệ tử nào tốt hơn con đâu. Trên thế giới này không thể tìm được nữa đâu. Nếu con muốn tìm một vị lạt ma khác ta nhất định sẽ giới thiệu cho con. Học phí và vật cúng dường ta sẽ cấp cho con!’ Theo lệ thường, sư mẫu phải tham dự Hội Cung Luân, nhưng lần này, ta đã khóc cả đêm, sư mẫu cũng ở bên ta cả đêm.

Sáng hôm sau, thượng sư cho người gọi ta tới. Ta cứ nghĩ là tới truyền Pháp, bèn chạy đến. Thượng sư nói: ‘Hôm qua ta không quán đỉnh cho ngươi, trong tâm ngươi không vui phải không? Ngươi có nảy sinh tà niệm gì không vậy?’

Ta nói: ‘Niềm tin của con đối với thượng sư không hề dao động. Con đã nghĩ rất nhiều, đây là do tội nghiệp của con quá lớn, nên vô cùng thương tâm.’ Ta vừa nói vừa khóc. Thượng sư nói: ‘Khóc lóc trước mặt ta mà không biết hối lỗi là thứ đạo lý gì! Cút ngay!’

Sau khi ra ngoài ta như một kẻ tâm thần, vô cùng đau khổ. Ta thầm nghĩ: ‘Thật kỳ lạ! Khi mình gây tội thì học phí cũng có, đồ cúng dường cũng có. Vậy mà sao khi học Pháp tiền học phí mình không có nữa, vật cúng dường cũng không có, nghèo tới mức này. Chỉ

cần mình có được một nửa số tiền như khi gây tội thì cũng đủ để có được khẩu quyết quán đỉnh rồi. Bây giờ vị thượng sư này nếu không có đồ cúng dường thì sẽ không truyền khẩu quyết cho mình. Giờ tới nơi khác cũng không có đồ cúng dường thì có tác dụng gì đây! Không có tiền bạc thì chẳng thể đắc Pháp và cũng chẳng thể đến tập trung được.’ Suy nghĩ miên man hồi lâu ta kết luận rằng: Kiếm tiền là số một! Vậy thì ta đi làm nô bộc cho nhà giàu, tích lũy chút tiền làm vốn cầu Pháp được không? Hay ta lại làm việc ác, làm thuật chú để kiếm tiền nhỉ? Hay là ta về quê cho rồi! Nhìn thấy cha mẹ thật vui biết bao! Về quê cũng tốt, cũng chưa chắc đã kiếm được tiền! Aida! Dầu là cầu Pháp hay cầu tài thì yêu cầu cũng như nhau. Ở mãi đây cũng không phải là cách hay. Nên ta quyết định rời đi. Lại chỉ vì lấy được vài thứ của thượng sư mà bị đánh bị mắng, cho nên ngay cả một chút đồ ăn ta cũng không mang theo, mà chỉ cầm theo sách vở và đồ đạc của mình rồi rời đi.

Khi bước chân trên đường, nghĩ tới ân đức của sư mẫu, trong lòng ta rất buồn. Khi ta đi nửa chặng đường đến Ly Trát Nhung (Drowo Lung) thì cũng đã đến giờ ăn trưa. Ta bèn xin ít bánh ăn và mượn người ta một cái nồi, rồi đốt lửa trên bãi đất cỏ ngoài trời đun chút nước uống. Ta thầm nghĩ: Mình làm ở chỗ thượng sư, dầu vừa là hầu hạ thượng sư, vừa là kiếm tiền trang trải cho việc ăn uống của mình, nhưng món ăn tinh thần an ủi nội tâm mình chính là sự từ bi và yêu thương của sư mẫu. Sư mẫu đối xử với mình tốt như vậy, thế mà sáng nay mình lại không tạ từ sư mẫu, đi mà chẳng nói một lời nào, làm gì có cái lý như vậy? Ta vừa nghĩ như vậy nên bèn muốn quay trở về nhưng lại không có dũng

khí làm vậy. Đợi tới khi ta trả lại nồi nước thì ông chủ nói với ta rằng: ‘Trẻ trung trai tráng như thế này mà chẳng làm nên trò trống gì, mà còn muốn xin cơm ăn? Nếu cậu biết chữ thì có thể tụng kinh cho người ta. Nếu không biết chữ thì làm công cho người ta cũng kiếm được miếng cơm ăn! Này, chàng trai, cậu có biết chữ hay không? Cậu có biết tụng kinh không?’

‘Mặc dù ta không hay tụng kinh nhưng biết thì ta cũng biết!’

‘Vậy thì đúng lúc quá rồi. Ta đang muốn tìm người tụng kinh. Vậy nhờ cậu tụng kinh cho ta năm, sáu ngày! Ta sẽ nuôi cậu ăn!’

Ta vui vẻ trả lời: ‘Được!’

Thế là ta ở nhà ông lão tụng ‘Bát Nhã Bát Thiên Tụng’ (Eight Thousand Stanzas). Trong kinh kể về câu chuyện của Bồ Tát Thường Đề. Đại Bồ Tát Thường Đề cũng nghèo giống ta, nhưng vì muốn cầu Pháp ông chẳng màng đến cả tính mệnh của mình. Ai cũng biết rằng moi tim mình ra thì chỉ có đường chết. Nhưng vì để cầu Pháp ông vẫn kiên quyết moi tim ra. So với chút khổ này của ta, quả thực chẳng được coi là khổ tu! Thế là ta nghĩ, thượng sư có lẽ sẽ truyền Pháp cho mình, không truyền Pháp cũng chẳng sao. Sư mẫu chẳng phải đã nói rằng sẽ giới thiệu mình với một vị lạt ma khác hay sao? Nghĩ tới đây ta bèn đứng lên quay trở về.

Về phía thượng sư, sau khi ta đi rồi, sư mẫu nói với thượng sư rằng: ‘Ngài đã đuổi một kẻ thù không đội trời chung đi rồi! Cậu ấy không còn ở đây nữa, bây giờ chắc Ngài vui vẻ lắm nhỉ!’

Thượng sư Mã Nhĩ Ba nói: ‘Bà đang nói tới ai?’

‘Ngài còn không biết nữa sao? Là Đại Lực, cái người Ngài gặp mà như kẻ thù, người mà Ngài đã mang lại đau khổ cho cậu ta!’

Vừa dứt lời thì mặt thượng sư đột nhiên trắng bệch, nước mắt như mưa. Thượng sư chấp tay mà cầu nguyện rằng: ‘Hỡi các vị thượng sư các đời truyền miệng! Hỡi những vị Không hành mẫu và hộ pháp! Xin hãy mang đệ tử ngoan của con quay trở lại!’ Nói xong thì ông trầm ngâm im lặng.

Sau khi trở về, trước tiên ta tới bái lạy sư mẫu, sư mẫu vô cùng vui mừng: ‘Ai da! Lần này thì ta yên tâm rồi. E rằng lần này thượng sư có lẽ sẽ truyền Pháp cho con rồi. Khi ta nói với ông ấy, lão gia đã hét lên rằng: ‘Xin hãy mang đệ tử ngoan của con quay trở lại!’ Ông ấy còn rơi cả nước mắt! Đại Lực! Con đã khơi dậy được lòng từ bi của ông ấy rồi!’ Ta thầm nghĩ chỉ là sư mẫu an ủi mình mà thôi. Nếu quả thực Ngài rơi nước mắt, lại còn gọi mình là đệ tử ngoan thì dĩ nhiên sẽ hài lòng với biểu hiện của mình, chứ không chỉ nói: Gọi cậu ta quay về nhưng vẫn không quán đỉnh và truyền khẩu quyết cho mình. Vậy thì ‘ngoan’ cũng chỉ là hạng bét mà thôi. Nếu mình không đi nơi khác, thì đau khổ cũng sẽ tìm đến! Đúng lúc đang thầm nghĩ như vậy thì sư mẫu nói thượng sư: ‘Đại Lực không nỡ bỏ chúng ta mà đi, cậu ấy đã quay trở về! Gọi cậu ta đến trước mặt ngài bái lạy có được không?’

Thượng sư Mã Nhĩ Ba nói: ‘Ồ! Cậu ta đâu phải vì không nỡ bỏ rơi chúng ta, cậu ấy không nỡ bỏ rơi bản thân mình mà thôi!’

Khi ta đến bái lạy thượng sư nói: ‘Ngươi đừng sốt ruột, cũng đừng suy nghĩ lung tung. Nếu dốc tâm cầu

Pháp thì nên vì Pháp mà xả bỏ sinh mệnh. Hãy xây cho ta một toà nhà ba tầng, xây xong ta sẽ quán đỉnh cho ngươi. Lương thực của ta cũng không nhiều, cũng không thể để người khác ăn bảm. Nếu trong tâm ngươi nghĩ không thông, muốn ra ngoài đi đây đó thì ngươi có thể đi bất cứ lúc nào!’

Ta bước ra ngoài không nói một lời.

Ta chạy đến chỗ sư mẫu, nói với sư mẫu rằng: ‘Con rất nhớ mẹ con, thượng sư lại không chịu truyền Pháp cho con. Ngài vẫn muốn con xây nhà xong mới truyền Pháp, nhưng đợi đến khi xây nhà xong, Ngài lại quyết định không truyền nữa, còn đánh, còn mắng con. Con quyết định sẽ về quê, mong thượng sư và sư mẫu hai vị bình an vô sự, bách sự cát tường.’ Nói rồi ta thu dọn hành lý chuẩn bị lên đường.

Sư mẫu nói: ‘Đại Lực à! Con nói không sai. Ta nhất định sẽ giúp con tìm một vị thượng sư thật tốt. Nga Ba lạt ma là đại đồ đệ của thượng sư. Ông ấy đã đắc được khẩu quyết. Ta sẽ nghĩ cách gửi con đến học Pháp chỗ Nga Ba lạt ma, con đừng vội làm chi, tạm thời cứ ở đây vài ngày.’ Vậy nên ta đã nán lại không rời đi.

Vào ngày mồng 10 hàng tháng Thượng sư Na Nặc Ba học giả Đại Phạn chí tôn chắc chắn sẽ tổ chức Hội Cung Luân rộng khắp (Tức là mỗi tháng sẽ tụ họp một lần, những người tu luyện mật thừa sẽ cúng dường chư Phật trong buổi hội họp này và cùng tụng niệm giáo lý.) Thượng sư Mã Nhĩ Ba cũng thường tổ chức hội cúng dường vào mồng 10 hàng tháng. Hôm đó lại là mồng 10, theo lệ thường sẽ có Hội Cung Luân, sư mẫu sẽ dùng một túi lúa mạch lớn, ủ ra ba loại rượu: Một loại là rượu nặng, một loại là rượu nhẹ, một loại

bình thường. Sư mẫu sẽ mời Thượng sư uống nhiều rượu nặng, những vị lạt ma còn lại uống loại rượu bình thường. Ta và sư mẫu sẽ uống rượu nhạt, hơn nữa chỉ giả vờ nhắm nháp một chút mà thôi.

Hôm đó kính rượu rất nhiều, các lạt ma đều uống say túy lúy. Thượng sư cũng say mềm. Đợi đến khi thượng sư say ngất ngây, sư mẫu bèn lén vào phòng ngủ của thượng sư. Sư mẫu lấy ra một bức hình và con dấu trong một cái thùng nhỏ, và thân trang nghiêm của đại sư Na Nặc Ba (đồ trang sức dùng trên người của thượng sư) cùng viên đá hồng ngọc. Sư mẫu sớm đã chuẩn bị một bức thư giả, đóng trộm con dấu của thượng sư và âm thầm đặt trở lại cái thùng. Sư mẫu đưa phong thư giả cùng viên đá hồng ngọc và thân trang nghiêm bọc trong một túi vải xinh đẹp và dùng nến phong kín miệng lại, giao cho ta nói: ‘Con cứ nói rằng đây là thượng sư cho con làm vật cúng dường cho Nga Ba lạt ma. Giờ con hãy đi ngay tới chỗ Nga Ba lạt ma đi!’

Ta khấn đầu bái biệt sư mẫu, mang theo phong thư đi tới đất Vệ. Hai hôm sau thượng sư hỏi sư mẫu: ‘Giờ này Đại Lực đang làm gì?’

‘Cậu ta đi rồi! Những việc khác ta không biết!’

‘Cậu ta đi đâu?’

‘Cậu ta lẩn lộn xây nhà, ông không những không truyền Pháp, mà còn thích đánh mắng cậu ta. Bây giờ cậu ta đi rồi, đi tới chỗ thượng sư khác rồi. Cậu ta vốn định nói với Ngài, nhưng lại sợ lão gia đánh cậu ta, nên không dám nói mà đi rồi. Ta chẳng thể nào giữ chân được cậu ta.’

Sư mẫu nói xong, thượng sư Mã Nhĩ Ba mặt mày lập tức biến sắc xám xịt và hỏi rằng: ‘Cậu ta đi hôm nào?’

‘Đi hôm qua rồi!’

Thượng sư trầm ngâm một chút rồi nói: ‘Đồ đệ của ta sẽ không đi xa đâu!’

Ta đã đi tới núi Khổng Khánh (Mount Kyungding) đất Vệ, thượng sư Nga Ba đang giảng “Hỷ Kim Cương Bốn Tục” cho rất nhiều vị lạt ma khác. Ông đang giảng đến câu:

‘Thuyết Pháp là ta, Pháp cũng là ta, người nghe Pháp cũng lại là ta, ta là vì thành tựu chủ thể giới, xuất thế gian chính là ta, tức là ta sinh hoan hỷ, đại tự tại.’

Khi giảng tới đây, ta từ nơi xa đến bèn bái kiến thượng sư Nga Ba. Thượng sư bỏ mũ xuống đáp lễ nói: ‘Đây là tư thế bái kiến của Mã Nhĩ Ba thượng sư, cơ duyên tu Pháp rất tốt, tương lai người này sẽ thành tựu vương của mọi Pháp. Mọi người hãy đi xem xem đó là vị nào?’ Một vị tỳ kheo chạy tới nhìn ta. Ông ấy vốn đã biết mặt ta, bèn nói: ‘Ồ! Hoá ra là người! Sao người lại đến đây?’

Ta nói với ông ấy rằng: ‘Bởi vì thượng sư Mã Nhĩ Ba vô cùng bận rộn, không có thời gian truyền Pháp cho ta, cho nên ta tới đây thỉnh Pháp. Thượng sư Mã Nhĩ Ba bảo ta mang thân trang nghiêm của Na Nặc Ba và ấn đá hồng ngọc tới, là bằng chứng cho phép cầu Pháp.’

Vị tỳ kheo ấy liền chạy về chỗ thượng sư Nga Ba nói: ‘Đại Lực đến rồi!’ và rành rọt nhắc lại một lượt những gì ta nói.

Thượng sư Nga Ba vô cùng vui mừng nói: ‘Thân trang nghiêm của và ấn ngọc của thượng sư Na Nặc Ba đến chỗ ta, quả thực như hoa Ưu Đàm Bà La nở, quả

là hiếm có, không thể tưởng tượng nổi! Chúng ta nên cung kính nghênh đón. Bây giờ tạm thời dừng thuyết Pháp. Các người hãy mau vào trong chùa mang lọng quý, cờ chiến thắng, đồ trang nghiêm và nhạc cụ ra đây, rồi bảo Đại Lực đợi ở bên ngoài một chút.’

Vị tỳ kheo đó bèn bảo ta đợi ở ngoài một chút. Sau này nơi ta đỉnh lễ được gọi là ‘Đốc đỉnh lễ’.

Một lát sau, trong tiếng chào đón long trọng của lọng quý, cờ phướn và tấu nhạc vang lên, mọi người đẩy ta vào trong đại điện. Đỉnh lễ xong xuôi, cúng dường lễ vật xong, thượng sư Nga Ba rơi nước mắt đội thân trang nghiêm lên đầu. Sau khi cầu xin được gia trì, Ngài lại dùng những vật phẩm kỳ diệu vây quanh để cúng dường. Sau đó mới mở phong thư ta mang tới, trong thư viết rằng:

‘Kim Cương pháp thân Nga Ba biết rằng, ta bế quan nhập định, không có thời gian hướng dẫn Đại Lực, nên lệnh cho cậu ta tới nơi cửa con cầu Pháp, con nên quán đỉnh và truyền lại khẩu quyết cho cậu ta. Nay tặng con thân trang nghiêm và đá hồng ngọc của đại sư Na Nặc Ba để biểu thị đóng dấu cho phép.’

Nga Ba lật ma đọc thư xong, bèn nói với ta: ‘Đây là mệnh lệnh của thượng sư, quán đỉnh và khẩu quyết, dấu thế nào cũng phải truyền lại cho con. Ngày trước rất lâu rồi ta cũng muốn gọi con tới chỗ ta học Pháp, lần này con đã tự mình tới đây, quả là ân huệ của thượng sư.’ Nói tới đây, đột nhiên Ngài dừng lại nói rằng: ‘À! Đại Lực! Ta nhớ ra rồi! Ở Kham, Tagpo, Kongpo và Yarlung có rất nhiều đệ tử của ta. Nhưng những kẻ xấu ở làng Yehpo và Yemo thường ngăn không cho họ tới

cúng dường ta. Con hãy giáng mưa đá vào chúng, sau đó ta sẽ quán đỉnh và truyền khẩu quyết cho con.'

Ta nghe thấy thì trong lòng thất kinh, thầm nghĩ: Ta quả thực là kẻ tội đồ ác nghiệp chồng chất! Đến nơi nào cũng phải hành ác! Ta đến đây vốn không phải là vì muốn làm mưa đá hại người, mà là tới để học chính Pháp. Không ngờ vừa đến lại phải tạo nghiệp. Nếu như không làm mưa đá thì sẽ vi phạm ý chỉ của thượng sư, chắc chắn là Pháp sẽ chẳng thể cầu được. Nếu ta thực sự làm mưa đá thì lại tạo nghiệp một lần nữa. Ai da! Thôi đành tuân theo lời dặn dò của sư phụ làm mưa đá một lần nữa vậy.

Ta chẳng còn cách nào, đành phải chuẩn bị làm chú thuật, sau khi gia trì bằng chân ngôn, ta hướng đến ngôi làng kia. Vừa làm chú thuật xong, khi mưa đá sắp rơi, vì để tránh mưa đá, ta vội vàng tìm đến nhà một bà lão ở nhờ. Đột nhiên trên bầu trời sấm chớp chằng chịt, mây đen ùn ùn kéo đến từng tầng từng tầng. Khi trận mưa đá lớn còn chưa đến, khi trận mưa đá nhỏ vừa đổ xuống thì bà lão đã khóc mà rằng: 'Trời ơi! Mưa đá đã đánh nát hết lúa mạch của ta rồi, sau này ta biết sống bằng thứ gì đây!'

Lời của bà lão khiến nổi khổ tâm dâng lên trong tim ta: 'Ôi! Ta đúng thực là kẻ đại ác!' Ta bèn nói với bà lão: 'Bà ơi, ruộng của bà ở đâu, trông như thế nào? Bà mau vẽ một bức hình cho ta xem đi!' Bà lão nói: 'Thửa ruộng của ta trông như thế này!' Nói rồi bà bèn vẽ một hình tam giác trông như cái môi bè ra. Ta lập tức kết 'chỉ thị ấn', dùng một cái vung úp lên hình tam giác ấy. Ruộng của bà nhờ vậy mà được bảo toàn, không bị mưa đá tàn phá. Nhưng ở một góc nhỏ, vì che không kín, nên

có một chòm nhỏ đã bị trận cuồng phong mưa bão thổi không còn vết tích. Rất lâu sau, mưa đá mới dừng. Ta chạy ra ngoài xem, trên hai ngọn núi có hai thôn đều dâng lũ lớn, cuốn trôi tất cả ruộng nương không còn sót lại chút gì. Chỉ có thửa ruộng của bà lão không tổn thất là bao, mạ vẫn vô cùng xanh tốt. Nhưng cũng kỳ lạ là, sau này bất kỳ trận mưa đá nào cũng không đổ xuống thửa ruộng ấy. Bà lão cũng không bao giờ phải bỏ tiền mời lạt ma làm chú thuật chống mưa đá nữa.

Trên đường trở về, ta gặp hai ông lão du mục, trâu và dê của họ đều bị nước lũ cuốn trôi. Ta nói với họ: ‘Sau này đừng cướp đệ tử của Nga Ba lạt ma nữa. Nếu vẫn còn cướp giết ta sẽ tới làm mưa đá!’

Khiếp sợ trước trận mưa đá lần này, quả nhiên người ở hai nơi này không bao giờ dám cướp bóc nữa, dần dần sinh ra lòng tin và sự cung kính đối với thượng sư Nga Ba và trở thành những thí chủ của thượng sư Nga Ba.

Trên mảnh đất đầy cỏ kinh gai, ta tập hợp rất nhiều xác chết của những chú chim nhỏ và rất nhiều chú chuột núi bị mưa đá đánh chết. Ta dùng quần áo bọc những thi thể này lại, đựng được cả một túi, rồi công về nhà. Về đến chùa, vừa gặp thượng sư, ta bèn bày ra cả một đồng lớn thi thể chim thú trước mặt ông nói: ‘Thượng sư lão gia ời! Con là đến cầu chính Pháp, ai biết rằng lại tạo ác nghiệp, xin thượng sư từ bi nhìn kẻ đại tội đồ như con đây!’ Nói xong ta khóc lóc vô cùng thống thiết.

Thượng sư Nga Ba nói rất hiền hoà: ‘Đại Lực! Không phải sợ, đệ tử của Na Nặc Ba và Mã Nhĩ Ba, có Pháp ở đây gia trì, có thể khiến kẻ đại tội được siêu độ giải thoát trong Pháp thanh tịnh.’ Thế là chỉ trong nháy

mắt đã khiến mấy trăm muông thú đều có được khẩu quyết đặc độ, ta cũng có! ‘Tất cả chúng sinh bị trận mưa đá lần này đánh chết, sau này khi con tu thành Phật, sẽ vãng sinh vào miền tịnh thổ của con và là những chúng sinh đầu tiên nghe Pháp của con. Những chúng sinh này trước khi chưa thể vãng sinh, thì dựa vào sức mạnh của ta cũng sẽ không bị đọa vào nẻo ác. Nếu không tin, thì con hãy xem đây!’ Thượng sư yên lặng trong khoảng khắc, loáng một cái thì thể của tất cả muông thú đều hồi sinh. Đột nhiên chúng đi lại, con thì chạy, con thì bay, loáng cái đã chạy đi hết sạch.

Ta nhìn thấy đạo hạnh chân thực ly kỳ thù thắng như vậy, trong tâm tràn ngập niềm vui và ngưỡng mộ. Ta còn hối hận lúc đó giết quá ít, nếu không chẳng phải là đã có thể độ được thêm nhiều chúng sinh hay sao!

Thế là Nga Ba lật ma đã truyền Pháp cho ta, ta vui mừng được đại quán đỉnh và có được khẩu quyết trên thành đàn kim cương.

Ta đã tìm thấy một hang đá, lối ra của động đá hướng về phía Nam. Từ miệng hang có thể nhìn thấy nhà ở của thượng sư. Ta tu bổ lại động đá một chút, bèn bắt đầu ở trong động tinh tấn suy ngẫm về Pháp mà thượng sư đã truyền. Nhưng vì thượng sư Mã Nhĩ Ba không đóng dấu cho phép, cho nên mặc dù ta đã nỗ lực tu tập mà vẫn không hiệu nghiệm.

Một hôm, thượng sư Nga Ba hỏi rằng: ‘Đại Lực! Lẽ ra con sớm đã nên có cảm nhận như thế này như thế kia rồi. Bây giờ con làm sao vậy?’

‘Con không có cảm giác gì!’

‘Gì cơ? Con nói gì cơ? Trong khi truyền thừa Pháp này, nếu là giới luật thì không được vi phạm, công đức

cảm thụ chứng ngộ, không có thứ gì là không thể lập tức thành tựu. Huống hồ con đến chỗ ta cũng là vì niềm tin!’ Thượng sư lại trầm tư một hồi, dường như tự nói với mình: ‘Nếu không có sự cho phép của thượng sư Mã Nhĩ Ba, con cũng sẽ không đưa cho ta dấu ngọc thể hiện sự cho phép! Ai! Thật là kỳ lạ, đây là đạo lý gì vậy nhỉ?’ Sau đó Ngài lại nói với ta: ‘Con thử lại tư duy tinh tấn xem sao!’

Lời của thượng sư khiến ta vô cùng sợ hãi, nhưng lại không dám nói rõ ngọn ngành. Ta đành thầm tính: Dấu thể nào cũng cần thượng sư Mã Nhĩ Ba cho phép mới phải, một mặt mình vẫn phải tinh tấn nỗ lực tu trì không mệt mỏi.

Lúc đó thượng sư Mã Nhĩ Ba đã dựng một ngôi nhà cho con trai mình và viết thư cho Lạt ma Nga Ba rằng: ‘Nhà của con ta cần gỗ, hãy chuyển hết những cây gỗ linh sam chỗ con qua đây. Sau khi xây nhà xong, sẽ tụng kinh Đại Bàn Nhược Kinh đồng thời tổ chức lễ chúc mừng. Lúc đó con phải tới tham gia. Đại Lực là kẻ ác. Hiện giờ cậu ta ở ẩn ở chỗ con, nhớ dẫn cậu ta cùng tới cũng được. Ký tên: Mã Nhĩ Ba.’

‘Nga Ba Lạt ma bèn mang bức thư tới chỗ ta và nói với ta rằng: ‘Sao trong thư thượng sư lại nói con là kẻ ác? Rốt cuộc là đã xảy ra chuyện gì vậy? Có vẻ như con không được thượng sư cho phép!’

Ta đành phải nói rõ tường tận sự thật: ‘Đúng vậy! Thực sự là con không được thượng sư cho phép.’

‘Ồ! Hoá ra là như vậy! Vậy thì hai người đã làm một việc vô nghĩa rồi. Không được thượng sư cho phép thì không khởi được công đức là đương nhiên.Ồ! Vậy thì cũng chẳng có cách nào! Ông ấy muốn ta và con cùng đi.’

Ta nói: ‘Vâng! Con cũng chỉ biết đi thôi!’

‘Vậy thì, đợi ta chuyển gỗ xong, rồi sẽ chọn một ngày tốt đến đó. Giờ con vẫn có thể tiếp tục tu ở đây.’ Nga Ba lật ma rất ôn tồn nói với ta.

Vài ngày sau, mọi người ở chỗ Nga Ba lật ma biết ta sắp rời đi, đều tới tán ngẫu với ta, nói về việc chúc mừng tân gia và chúc mừng con trai thượng sư Mã Nhĩ Ba đã trưởng thành. Trong đó có một vị lật ma vừa về từ chỗ thượng sư Mã Nhĩ Ba đã tới tìm ta. Ta bèn hỏi ông ấy: ‘Mọi người có hỏi đến ta không?’ Vị lật ma ấy nói rằng: ‘Sư mẫu từng hỏi: Đại Lực của ta đang làm gì? Ta trả lời bà ấy rằng: Cậu ấy đang tu định. Sư mẫu lại hỏi: Ngoài việc tu định ra, cậu ấy còn làm việc gì nữa không? Ta nói: Cậu ấy chỉ ngồi tĩnh tọa một mình trong động đá mà thôi. Sư mẫu nói thêm: Ngài đừng quên mang thứ này đi. Khi cậu ấy còn ở đây, cậu ấy chỉ thích chơi thứ này. Ngài hãy mang cho cậu ấy đi! Nói rồi bà bèn đưa cho ta mấy con xúc xắc bằng đất.’ Một vị lật ma bèn đưa mấy quân xúc xắc cho ta. Ta cầm quân xúc xắc trong tay, bất giác nhớ đến sư mẫu.

Sau khi vị Lật Ma ấy rời đi, ta nghịch mấy quân xúc xắc và thầm nghĩ: ‘Xưa nay mình chưa hề chơi xúc xắc trước mặt sư mẫu, sao sư mẫu lại nói mình chỉ thích chơi thứ này. Phải chăng sư mẫu không còn thích mình nữa?’ Ta bèn nghĩ tới ông nội mình từng vì mấy quân xúc xắc này mà phải lưu lạc tứ xứ. Nghĩ lung tung mãi, bất giác ta sợ ý khiến mấy quân xúc xắc rơi xuống, vỡ thành hai mảnh. Một tờ giấy ở giữa rơi ra. Cầm lên, ta thấy trên đó viết rằng: ‘Đệ tử à! Thượng sư sẽ quán đỉnh và truyền khẩu quyết cho con. Con hãy theo Nga Ba lật ma cùng về nhé!’ Đọc xong ta vô cùng vui mừng,

bèn chạy nhảy tung bừng trong động đá. Vài ngày sau, Nga Ba lạt ma nói với ta: ‘Đại Lực! Con cũng phải chuẩn bị lên đường thôi!’

Nga Ba lạt ma, ngoài việc để lại những vật gia trì mà thượng sư Mã Nhĩ Ba ban tặng, còn lại ông mang tất cả tượng Phật, kinh điển, pháp lý, chuông lắc và tất cả vàng, ngọc, quần áo lụa là, đồ dùng hàng ngày... Ông chỉ để lại một con dê mẹ già, thọt một chân. Chú dê núi này không những đã già mà tính tình cũng quái gở và thích ở một mình. Xưa nay nó không hề đi chung với những chú dê khác, nên đành phải để chú ta lại. Còn lại toàn bộ tài sản ông đều chuẩn bị hết đi cúng dường cho thượng sư Mã Nhĩ Ba.

Nga Ba lạt ma cho ta bốn cuộn lụa và nói với ta rằng: ‘Con là một đệ tử tốt. Con hãy mang bốn cuộn lụa này đi, làm lễ bái kiến thượng sư.’ Phu nhân của thượng sư Nga Ba cũng cho ta một túi điểm tâm bằng bơ và nói với ta: ‘Con hãy mang thứ này đi cúng dường sư mẫu!’

Mang theo những thứ này cho thượng sư và sư mẫu, ta cùng Nga Ba lạt ma và dân chúng rời đi. Khi sắp đến thung lũng Birches, thượng sư Nga Ba bèn nói: ‘Đại Lực, con hãy đi báo với sư mẫu trước, rằng chúng ta đã đến rồi, xem liệu có thể cho ta một ly rượu được không!’ Ta bèn vâng mệnh đi trước. Gặp được sư mẫu, ta dâng túi điểm tâm bằng bơ lên và nói: ‘Nga Ba lạt ma đến rồi, xin sư mẫu ban cho Ngài ấy một ly rượu mừng ạ.’

Sư mẫu nhìn thấy ta thì rất mừng và nói: ‘Thượng sư đang ở trong phòng ngủ, con tới chào Ngài một tiếng!’ Ta thấp thỏm đi vào phòng ngủ của thượng sư. Thượng

sư đang ngồi trên giường nhập định, mặt hướng về phía Đông. Ta bèn thi lễ với thượng sư và dâng lên bốn cuộn lụa. Thượng sư không nhìn ta, mà quay đầu về phía Tây. Ta lại chạy sang hướng Tây và tiếp tục hành lễ. Thượng sư lại quay đầu sang phía Nam. Ta đành phải nói: ‘Thượng sư, lão gia Ngài vì trách giận con mà không chịu thụ lễ. Nhưng Nga Ba lạt ma đã mang tất cả thân, khẩu, ý và vàng, bạc, ngọc ngà, súc vật cùng những tài sản khác cúng dường cho Ngài. Ông ấy hy vọng Ngài ban cho một ly rượu mừng. Xin Ngài từ bi cho ông ấy được toại nguyện!’ Thượng sư Mã Nhĩ Ba nghe xong lập tức tỏ ra vô cùng tự đại cao ngạo, bất giác phần nộ lớn tiếng quát nạt: ‘Khi ta mang bí mật Tam Tạng, tâm yếu Tứ Thừa, khẩu quyết thù thắng từ Ấn Độ về một cách không thể tưởng tượng được, thì đến chào đón ta đâu một con chuột cũng chẳng có. Giờ này Nga Ba lạt ma là thứ gì. Mang đến một chút tài sản, lại muốn một đại dịch sư như ta tới chào đón! Chẳng thà đừng đến còn hơn! Hãy rút ngay đi cho ta!’

Ta ra khỏi phòng kể lại với sư mẫu những lời của thượng sư. Sư mẫu nói: ‘Tính nết thượng sư quả thực quá tệ! Nga Ba lạt ma là một người rất giỏi giang, chúng ta cần nghênh đón. Hai người chúng ta cùng đi nghênh đón thôi!’ Ta nói: ‘Nga Ba lạt ma không dám hy vọng thượng sư, sư mẫu đích thân tới chào đón, chỉ hy vọng ban cho ông ấy một ly rượu.’

Nhưng sư mẫu nói: ‘Ừ! Không, không! Ta vẫn phải đi!’ Sư mẫu bèn dẫn vài lạt ma mang theo rất nhiều rượu cùng ra nghênh đón.

Khi mở tiệc chúc mừng, dân chúng của ba thôn trong thung lũng đều cùng nhau quy tụ mở tiệc rượu,

chúc mừng con trai của thượng sư Mã Nhĩ Ba. Trong tiệc rượu thượng sư Mã Nhĩ Ba hát một bài ca cát tường.

Thượng sư Mã Nhĩ Ba sau khi hát xong bài hát chúc mừng thì Nga Ba lật ma cúng dường mọi thứ lên trên, bèn nói rằng: ‘Thưa thượng sư! Thân khẩu ý của con tất cả đều thuộc về lão gia Ngài. Lần này, trong nhà chỉ còn lại một con dê cái thọt chân. Nó là tổ mẫu của đàn dê, nhưng bởi vì quá già, lại bị thọt chân nên đành phải giữ nó lại. Ngoài ra, con đều mang tất cả đến, đều để cúng dường cho thượng sư. Xin Ngài truyền quán đỉnh và khẩu quyết sâu xa, thù thắng cho con. Đặc biệt là hy vọng Ngài truyền cho con khẩu quyết cao thâm Nhĩ Thừa Phái. (Việc truyền pháp của phái này bí mật một cách cực đoan, do thượng sư đích thân truyền thụ bằng miệng, đệ tử tự mình nghiêng tai lắng nghe. Cho nên gọi là Nhĩ Thừa Phái)’. Nói xong ông lại bái lạy thượng sư.

Thượng sư Mã Nhĩ Ba cười nói rằng: ‘Ồ!Ồ! Quán đỉnh và khẩu quyết sâu xa, thù thắng và con đường tắt Kim Cương Thừa. Theo khẩu quyết này, không phải là tu hành suốt bao nhiêu kiếp thì bản thân đã có thể thành Phật, đây là phần khẩu truyền đặc biệt trong khẩu quyết. Là thượng sư, là lời dặn dò không hành. Người đã muốn cầu Pháp, thì con dê cái đó của người mặc dù vừa già lại bị thọt, nhưng không mang đến thì không thể nói là người đã cúng dường toàn bộ. Khẩu quyết này của ta vẫn không thể truyền cho người, còn những thứ khác ta đã sớm truyền cho người rồi!’ Nói xong mọi người đều cười ồ lên ha hả.

Nga Ba lật ma nói: ‘Nếu con cúng dường chú dê già này thì lão gia Ngài có chịu truyền Pháp cho con

không?’ Thượng sư Mã Nhĩ Ba nói: ‘Nếu người tự mình mang đến đây, ta sẽ truyền cho người.’

Ngày hôm sau, sau khi tan hội, Nga Ba lạt ma một mình quay về, mang con dê mẹ già đến cúng dường cho thượng sư. Thượng sư Mã Nhĩ Ba vô cùng vui vẻ nói: ‘Người học Chân Ngôn Thừa (thần thông) bí mật phải giống dê tử như người đây. Kỳ thực, một con dê núi thì có ích gì với ta? Chỉ là vì tôn vinh Pháp và coi trọng Pháp nên mới làm như vậy, phải làm vậy!’ Sau đó thượng sư Mã Nhĩ Ba bèn truyền quán đỉnh và khẩu quyết cho Nga Ba lạt ma.

Mấy hôm sau, vài vị lạt ma đến từ phương xa và vài người chỗ thượng sư cùng tập trung lại làm Hội Cung Luân. Thượng sư Mã Nhĩ Ba để một cái roi rất dài bằng gỗ hoàng đàn bên cạnh, mắt mở to nhìn chăm chăm vào Nga Ba lạt ma tay kết ấn phần nộ, nói với giọng đanh sắc: ‘Ngokton Chodor! Người truyền quán đỉnh và khẩu quyết cho Văn Hỷ, một kẻ ác như vậy là vì sao?’ Vừa nói vừa nhìn chiếc roi bên cạnh, tay Ngài cũng dần dần vớ ra lấy cái roi. Nga Ba lạt ma run rẩy sợ hãi, vừa cúi đầu vừa nói: ‘Là lão gia Ngài đưa cho con một bức thư, cho phép con truyền Pháp cho Văn Hỷ. Đồng thời Ngài còn tặng cho con thân trang nghiêm của đại sư Na Nặc Ba và con dấu ngọc hồng bảo. Con chỉ là phụng mệnh truyền Pháp cho Đại Lực thôi ạ. Kính mong lão gia Ngài lượng thứ!’ Nói xong Nga Ba lạt ma nhìn quanh không biết phải làm thế nào mới có thể khiến thượng sư nguôi giận.

Thượng sư kết ấn phần nộ uy hiếp chỉ vào ta mà nói: ‘Tên tội đồ này! Những thứ này sao người có được?’ Lúc đó tim ta đau như dao cắt, toàn thân run rẩy,

dường như chẳng thể nói được lên lời! Ta run rẩy đành phải miễn cưỡng đáp lại: ‘Đó...đó...đó là sư mẫu cho con ạ!’ Thượng sư vừa nghe xong, ngay lập tức nhảy từ trên ghế xuống, cầm cây roi quất vào người sư mẫu. Sư mẫu sớm đã biết chuyện này sẽ xảy ra nên đứng tít tận bên ngoài. Vừa thấy tình hình không tốt, bà bèn chạy ngay vào trong phòng. Xoạch xoạch cửa phòng đóng lại. Thượng sư vừa giận dữ hét lên vừa chạy đuổi theo, dùng cây roi quất mạnh liên hồi vào cánh cửa. Quất một hồi lâu ông mới quay lại ghế ngồi nói rằng: “Ngokton Chodor! Người đã làm chuyện không có đạo lý như vậy thì hãy mau mang thân trang nghiêm của đại sư Na Nặc Ba và ngọc ấn ra đây!” Vừa nói Ngài vừa lắc đầu thở phò vô cùng giận dữ. Nga Ba lạt ma vội vàng dập đầu, lập tức đi lấy ngọc ấn và thân trang nghiêm.

Lúc này ta và sư mẫu đều chạy ra ngoài. Nhìn thấy Nga Ba lạt ma đi ra, ta bèn khóc nói với ông ấy rằng: ‘Sau này nhờ Ngài chỉ dẫn cho con!’ Nga Ba lạt ma nói: ‘Thượng sư không cho phép mà ta lại chỉ dẫn cho con thì cũng giống với lần này thôi, đều không ích gì cho cả hai chúng ta. Nên ta vẫn mong là con sẽ ở đây, đợi sau khi thượng sư cho phép, thì dầu thế nào ta cũng giúp con!’

Ta bèn nói: ‘Nghệp chương của con quá nặng, thượng sư và sư mẫu đều phải chịu khổ vì con thế này. Đời này kiếp này con chẳng thể tu Pháp thành tựu, chỉ bằng tự sát còn hơn!’ Nói xong tôi bèn rút ra một con dao nhỏ định tự sát (Người Tạng đa phần đều mang theo một con dao nhỏ). Nga Ba lạt ma ôm chặt lấy ta, nước mắt tuôn rơi xối xả mà rằng: ‘A! Đại Lực, người bạn của ta! Cớ sao lại phải làm vậy! Giáo pháp của Thế

Tôn coi trọng Kim Cương Thừa bí mật. Mà giáo nghĩa của Kim Cương Thừa bí mật lại nói rằng: Ẩn, giới, xử chính là khi Phật Đà thọ mệnh còn chưa hết, thì dẫu xoay lại mà nhận thức Pháp cũng đều là đang phạm phải tội giết Phật.’ (Thực hiện được một trong các cách thành tựu Pháp sẽ có thể tu thành là điều thuận tiện khi Mật Tông tu tịnh thổ. Nếu Pháp này thành tựu có thể đắc được sinh tử tự tại). Trên đời không có tội nào lớn hơn tự sát. Trong Hiển Giáo cũng nói rằng: Không có tội nào nặng hơn tự chặt đứt sinh mệnh của mình. Con phải suy nghĩ cho thật kỹ, mà buông bỏ ý niệm tự sát này! Thượng sư có lẽ cũng sẽ truyền Pháp cho con, dẫu không truyền thì cũng không sao, cầu Pháp ở chỗ lạt ma khác cũng được. Khi ông đang nói, tất cả các vị lạt ma đều bày tỏ sự thông cảm với ta. Có người an ủi ta, có người tới chỗ thượng sư xem có cơ hội cầu xin truyền Pháp hay không. Lúc đó tâm ta vững như bàn thạch, nếu không chắc chắn sẽ suy sụp vì đau khổ! Milarepa ta nửa đời tích đức như núi, vì cầu chính Pháp mà phải chịu nỗi thống khổ lớn như vậy!”

Sau khi tôn giả Milarepa kể đến đây, trong số những người nghe Pháp không một ai là không rơi lệ, có người còn sinh tâm chán ghét và muốn xa lánh thế sự. Có người nghe xong quá đổi bi thương mà ngắt lịm!

Nhạ Quỳnh Ba nghe bèn hỏi Phật Miparela: “Tôn giả thượng sư! Cuối cùng thì vì sao thượng sư Mã Nhĩ Ba lại truyền Pháp cho Ngài, gia trì cho Ngài vậy?”

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 6)

Thượng sư Milarepa nói: “Khi ta muốn tự sát, các lạt ma chạy lên chạy xuống khuyên ta, cầu xin thượng sư. Một lúc sau, thượng sư Mã Nhĩ Ba tâm tình bình tĩnh lại, rồi nói: ‘Ồ, gọi Dakmema đến đây!’ Sư mẫu đến, thượng sư hỏi: ‘Nga Ba Pháp thân Kim Cang đi đâu rồi?’

Sư mẫu nói: Nga Ba lạt ma theo mệnh lệnh của Ngài đi lấy thân trang nghiêm và ngọc ấn của Na Nặc Ba, khi đến ngoài cửa, thì thấy Đại Lực muốn tự sát, cầu Nga Ba lạt ma siêu độ cậu ấy sau khi chết. Hiện giờ họ đang khuyên giải Đại Lực.’

Thượng sư nghe thấy, không cầm được nước mắt, nói: ‘Đệ tử tốt như vậy! Những điều kiện nên có của một người thừa học chân ngôn bí mật thì đều có đủ, đúng là đáng thương xót. Bà hãy gọi hết họ đến đây đi!’

Ta nghe được câu này, cảm thấy nóng lòng, tranh lời nói: ‘Con đi sợ không có ai vui mừng! Một tội nhân giống như con đây, khi thượng sư tâm tình bình tĩnh rồi, cũng không xứng đến trước mặt Ngài; cho dù bất chấp khó khăn mà đi; chỉ sợ cũng chỉ có thể bị đánh mắng mà thôi!’ Nói xong vẫn khóc rống thống khổ không ngừng. Nga Ba thượng sư nói với vị đồ đệ kia: ‘Người hãy đem lời này của Đại Lực nói lại với thượng sư, xem Đại Lực có thể đến trước mặt thượng sư hay không. Ta muốn ở đây chăm sóc cho cậu ấy, nếu không có thể lại xuất hiện sự việc gì đó ngoài ý muốn!’ Vị đồ đệ này bèn chạy về kể lại hết đầu đuôi gốc ngọn cho Thượng sư Mã Nhĩ Ba. Sư mẫu cũng đi cùng vào trong.

Thượng sư nói: ‘Lời cậu ta nói, chiếu theo tình hình trước đây thì quả là đúng; có điều hiện giờ đã khác rồi, cậu ta không cần phải sợ hãi nữa. Lần này, ta tiếp đãi Đại Lực như vị khách chính. Dakmema! Bà đi gọi cậu ta đến đi!’ Sư mẫu hết sức vui mừng đến nói với ta: ‘Thượng sư đã khởi một tâm thương cảm lớn nhất đối với con! Lần này sẽ chiêu đãi con như vị khách chính, bảo ta đến gọi con vào! Con biết đấy, ông ấy không hề mắng ta. Con hãy mau vui mừng rạng rỡ mà đi đi!’ Ta nửa tín nửa nghi, không còn tin vào tai mình nữa, bèn bước vào trong phòng đó một cách mơ hồ.

Mọi người ngồi xuống rồi, thượng sư nói: ‘Theo những việc đã qua mà nói, chúng ta ai cũng không sai. Ta vì muốn thanh tịnh đi tội nghiệp của Đại Lực, do vậy cố ý để cho cậu ấy khổ hạnh, lại bảo Đại Lực sửa nhà ở, như vậy thuận theo đạo thanh tịnh mà thanh trừ đi nghiệp lực kia; hiện giờ đã hoàn thành rồi, do vậy ta không hề sai. Dakmema là một nữ nhân, tâm địa quá mềm yếu, quá từ bi, khó trách bà ấy, nhưng làm giả ẩn tín, thì lại là làm một việc sai lớn. Nga Ba cũng không sai, nhưng trước hết phải trả lại cho ta thân trang nghiêm và ngọc thạch, sau này ta sẽ lại đưa cho. Còn về Đại Lực, cậu ấy vì nóng lòng cầu Pháp, dùng hết tất cả các biện pháp để đắc Pháp, cũng thực sự khó trách.

Lần này, Nga Ba không biết là tin giả do Dakmema tạo ra, nên đã truyền cho Đại Lực khẩu quyết và quán đỉnh, do vậy, ta không còn cách nào khác khiến cậu ấy thống khổ, do vậy lửa giận bùng lên, thỉnh cầu của các người ta đều không nghe. Nhưng các người cần biết rằng, sự phát nộ này so với sự phát nộ của người thường ở thế gian là khác nhau, trước đây bất bất kỳ

sự việc gì ta biểu hiện ra, đều là vì duyên có của Pháp, về bản chất tự bản thân nó là thuận theo đạo Bồ đề (ý nói phù hợp tương thích với tinh thần của Phật Pháp). Các người là người không hiểu phương tiện giải thoát, không được khởi tà kiến! Thêm nữa, đứa con trai Đại Lực này của ta, nếu có thể chịu chín lần đại thống khổ, đại dày vò, thì cậu ấy sẽ không còn phải chịu “hậu hữu” (tức là không phải tiếp tục lục đạo luân hồi); không chỉ như vậy, còn có thể có cơ hội tu thành Phật. Hiện giờ không thể được như vậy, còn có một chút chút nghiệp lực còn dư lại, ở đây duyên có hoàn toàn là do tâm đàn bà mềm yếu của Dakmema.

Nói là như vậy, nhưng một phần lớn nghiệp lực của cậu ấy đều đã căn bản được thanh trừ trong chín lần đại khổ hành và vô số lần tiểu khổ hành rồi. Từ nay về sau, ta cần gia trì, truyền quán đỉnh và khẩu quyết cho cậu ấy, truyền thụ cho cậu ấy những tâm yếu khẩu quyết bí mật nhất của ta, còn phải cho cậu ấy một cái vốn tu hành, giúp cho cậu ấy tất cả trợ duyên tu hành, khiến cậu ấy có thể tu hành cho tốt. Đại Lực! Con hiện giờ có thể thật sự vui mừng rồi!’

Lúc đó, ta thầm nghĩ: ‘Đây là mộng? Hay là thật? Nếu là mộng, ta hy vọng vĩnh viễn không tỉnh lại nữa.’ Trong tâm khởi lên một niềm vui vô lượng, thích đến mức nước mắt chảy ra như suối. Vừa khóc vừa bái lạy thượng sư. Sư mẫu, Nga Ba lạt ma và tất cả mọi người trong đại hội, có người nghĩ: Cách tận diệt tội nghiệp của thượng sư thật là kỳ diệu! Có người nghĩ: Sư từ bi gia trì của thượng sư thật lớn! Có người lại nghĩ: Thượng sư đúng là không khác gì Phật Đà! Sư mẫu và Nga Ba lạt ma đều cảm động thay cho ta, vui mừng cho

ta, hai mắt rơi lệ, thay ta quỳ lạy thượng sư nói: ‘Thực sự cảm ơn Ngài!’ Thế là mọi người đều cười vui trong nước mắt mà dự hết Hội Cung Luân.

Đêm hôm đó, mọi người tụ tập lại, sau khi làm xong Hội Cung Luân, thượng sư nói: ‘Ta làm lễ xuất gia, truyền thụ giới giải thoát cho con’, bèn xuống tóc tịnh thân cho ta. Thượng sư nói với ta: ‘Tên của con, khi ta và con mới gặp mặt, đã chọn tốt rồi. Ta mộng thấy Na Nặc Ba (Naropa) thượng sư lấy tên cho ngươi, gọi là Mila (Mật lặc) Kim cang tràng.’ Thế là lấy đó làm pháp danh của ta, truyền giới cư sỹ và giới Bồ tát cho ta.

Sau khi thượng sư làm lần gia trì tâm ý lần cuối cùng cho Nội Cung Thiên Linh Cái (một loại Pháp khí mà mật thừa tu trì sử dụng), Thiên Linh Cái đột nhiên bừng sáng ngũ sắc quang minh, mọi người trong hội đều nhìn thấy. Sau khi tổ sư Cam Lộ Thượng Cung và chư Phật gia trì, Mã Nhĩ Ba thượng sư tự mình uống Cam Lộ, sau đó đưa Cam Lộ cho ta, ta đón lấy uống một mạch đến hết. Thượng sư nói: ‘Căn cơ quả là tốt!’

‘Nội cung của ta so với bốn quán đỉnh chính thức truyền thừa khác (bình quán, mật quán, huệ quán, đại thủ ấn quán, bốn cái này là bốn bộ quán đỉnh vô thượng của Mật tông, gồm hết tất cả Mật Pháp) thì còn đặc thù hơn, sáng sớm hôm sau, ta sẽ truyền quán đỉnh cho ngươi!’ thượng sư lại nói.

Sáng sớm hôm sau, chúng ta tiến hành thiết lập nghi lễ Chakrasamvara mandala, truyền thụ quán đỉnh. Khi khai hiển đàn thành, thượng sư chỉ biểu đồ đàn thành nói: ‘Đây là biểu tượng đàn thành do màu vẽ dân gian vẽ thành, đàn thành chân chính, các ngươi xem!’ Nói rồi tay chỉ vào hư không, vừa chỉ một cái, trong

không trung hiện ra Chakrasamvara Yidam (biệt danh của Thượng lạc Kim Cang). 24 cảnh giới trang nghiêm, 32 nơi thánh khiết, bát đại thi lâm (tám chỗ hỏa táng lớn). Các vị Không hành bay lượn vòng quanh. Sau đó, thượng sư và tất cả chư Phật và các Thánh đồng thanh nói: ‘Lấy tên cho người là Hỷ Tiểu Kim Cang.’ (Pal Zhepa Dorje)

Thượng Sư quay lại nói với ta một số bản Tục của Tây Tạng (kinh điển của Mật tông thường gọi là “Tục” – Tantra), chỉ cho ai xem Pháp và các khẩu quyết mật tu; lại đặt tay lên đỉnh đầu ta nói: ‘Con à, ngay từ khi con mới đến, ta đã biết con là đệ tử có căn khí; vào đêm trước khi con đến chỗ ta đây, ta có một giấc mộng: mộng này điềm báo rằng, con sẽ có một sự nghiệp quảng đại trong Phật Pháp. Dakmema cũng có một giấc mộng tương tự, đó là sự hiển hiện của hộ Pháp không hành thủ miếu. Do vậy, con là đệ tử do thượng sư Không Hạnh Mẫu đem đến cho chúng ta, do vậy ta mới giả làm ruộng đến nghênh tiếp con đó.’

‘Con uống hết rượu mà ta cho con, rồi canh tác ruộng cho đến khi không còn chút nào, đó chính là điềm báo con lĩnh hội được khẩu quyết thành pháp khí, đạt đến viên mãn đại giác. Sau này, con cung phụng ta một cái bát đồng có bốn núm, điều này cho thấy con sẽ trở thành một trong bốn đại đệ tử của ta. Trên bát đồng không có một chút sứt mẻ nào, cho thấy những phiền não dơ bẩn của con là ít, báo hiệu thân hưởng ‘Chuyết Hỏa Định’ đại noãn lạc. Con dùng bát đồng đến cung phụng ta, cho thấy tương lai khi con tu hành sẽ có khó khăn về thức ăn, phải chịu đựng thống khổ của việc đói bụng. Vì để khiến nửa đời sau này của con và

đệ tử Pháp thống của con thu được lợi ích, lại vì để khiến cho những đệ tử có căn khí dựa theo tình yếu của khẩu quyết để khởi được hỷ lạc, ta bèn cho đầy bơ vào trong cái bát đồng không, rồi đốt cháy thành đèn sáng. Để khiến cho con có thanh danh quảng đại, ta gõ bát đồng cho nó kêu. Để tịnh trừ đi tội nghiệp của con, do vậy ta gọi con đến xây dựng các căn phòng tức, tăng, hoài, tru (nghỉ, ghét, nhớ, giết). Ta đuổi con ra khỏi hội quán đỉnh, lại làm rất nhiều sự việc không hợp tình hợp lý, nhưng con không khởi một tà kiến nào; điều này cho thấy tương lai đệ tử và Pháp thống của con sẽ có đủ các điều kiện nên có của đệ tử như tín tâm khi học đạo, tinh tấn, trí huệ, từ bi. Khi tu đạo, có thể như vậy mà không sinh chút đại tham nào, có nỗ lực tu hành nhẫn khổ tinh tấn; cuối cùng có thể có được giác ngộ, có được chứng giải (giác ngộ chứng giải), có đủ từ bi và gia trì, trở thành thượng sư viên mãn. Pháp thống khẩu thụ thừa truyền này của ta sẽ phát huy rực rỡ, như trăng tròn lên cao, quang huy vô hạn. Con à! Con nên vui mừng đó!’

Thượng sư thụ ký, cổ vũ, an ủi và khen ngợi ta như vậy. Từ đó về sau, ta bước trên con đường tu chính Pháp hạnh phúc.”

Nhã Quỳnh Ba lại hỏi: “Tôn giả, sau khi ngài đắc được khẩu quyết, là lập tức đến núi tu hành phải không? Hay là vẫn ở lại nhà của thượng sư Mã Nhĩ Ba?”

Milarepa nói: “Thượng sư bảo ta trước mắt cứ yên tâm ở bên cạnh Ngài mà tu hành, lại chuẩn bị lương thực rất tốt, để ta đến chỗ động Ngọa Hổ đá (Tiger Nak) gần thôn La Trát Ô để tu hành. Khi ta tu hành ở trong động, thì đốt một chiếc đèn bơ ở trên đỉnh đầu; đèn

không cháy hết thì thân thể bất động, cũng không ngồi xuống. Cứ vậy tu định cả ngày cả đêm, qua 11 tháng.

Một hôm, Thượng sư và Sư mẫu mang theo những đồ ăn thức uống tốt nhất của Hội Cung Luân đến động để thăm ta. Ở cửa động, thượng sư nói: ‘Con à, con tự học định đến hôm nay, vừa tròn 11 tháng rồi đó, con có thể làm cho cái đệm ngồi không lạnh biến thành lạnh, nếu tinh tấn tu hành, ta thực sự rất vui mừng. Hiện giờ tạm thời phá vỡ ‘cửa khu’ đến chỗ cha đây nói chuyện, nghỉ ngơi một chút, khôi phục sức lực, rồi nói một chút với ta về giác thụ chứng giải (trải nghiệm) của con.’

Ta ở trong động, sau khi nghe thấy lời của thượng sư, ta nói: ‘Nghỉ ngơi thì quả không cần thiết, nhưng đây là mệnh lệnh của thượng sư, không thể không đi ra!’ Chính lúc muốn phá vỡ ‘cửa khu’, thì trong tâm do dự, cảm thấy đi ra rất đáng tiếc. Do dự như vậy một hồi, thì lại càng mất đi dũng khí đánh vỡ cửa. Sư mẫu bèn tới nói: ‘Con à! Con có phải đang phá cửa không vậy!’

‘Con không có dũng khí phá cửa.’

Sư mẫu bèn nói: ‘Con đi ra là hoàn toàn không sai lầm đâu, đây là căn nguyên to lớn thâm sâu của Mật tông chân ngôn thừa. Đặc biệt là tính khí của thượng sư nóng nảy, con không được mất đi căn nguyên. Mẫu thân đến thay con phá cửa, mong con hãy ra cho sớm!’ Sư mẫu nói xong thì hủy luôn đi cái cửa. Thế là ta đi cùng thượng sư và sư mẫu trở về chùa.

Về đến chùa, thượng sư nói: ‘Hiện giờ cha con chúng ta sẽ tu nghi quỹ của ‘hiện quan’! Dakmemba bà hãy chuẩn bị Hội Cung!’ Trong Hội Cung, Thượng sư nói: ‘Con à! Đối với khẩu quyết thì con hiểu thế nào?’

Có được giác chứng ngộ cảnh gì không? Hãy từ từ nói với ta đi!’

Ta quỳ trước mặt thượng sư, chấp tay trước ngực, rơi lệ mà hát một bài ca cung phụng bảy chi.

Sau khi cung kính với thượng sư, ta lại dần dần khởi bầm với thượng sư: ‘Không có khác biệt gì với Kim Cang trì thừa thượng sư phụ mẫu! Sự từ bi và gia trì vô tỷ của Ngài, khiến đệ tử cảm nhận được ân đức vô tỷ của Ngài. Bây giờ để con trình bày trước tôn sư một chút ngộ giải, xin Ngài hãy từ trong tâm cảnh Pháp tịch tĩnh (tĩnh lặng) của mình, mà thương xót hạ cố lắng nghe!’

‘Cái thân tâm vương víu này của chúng ta, là do 12 cái duyên ‘vô minh’ khởi mà sản sinh; thân người này của chúng ta, một phương diện là một chất hỗn hợp do huyết nhục trói buộc, nghiệp quả lôi kéo, chấp về tinh thần; nhưng cái thân người này! Đối với những người có phúc đức, có chỗ thiện, thì lại là một con thuyền quý vô giá. Bảo thuyền này sẽ dùng để đi qua con sông sinh tử, đi đến bờ bên kia của giải thoát! Đối với những người làm điều ác tạo nghiệp, thì thân người lại là nơi tập hợp những tình thú độc ác dẫn dụ con người. Cùng là thân người, làm thiện làm ác, hướng lên hướng xuống, sẽ chiêu mời tới niềm vui hay thống khổ, chính là khác nhau như vậy! Con đã giác ngộ được – việc làm thế nào để có thể lựa chọn ở chỗ ngã ba đường, làm thế nào để vận dụng cái thân người này, là việc trọng yếu nhất trong cuộc đời.

Biển lớn luân hồi là căn nguyên của hết thủy thống khổ, nó là khó vượt qua như vậy, hôm nay may có

thượng sư từ bi chỉ dẫn, trong biển lớn mênh mông cuộn cuộn đã chỉ cho con một phương hướng.

Con cũng ngộ ra: Lúc mới đầu bước vào Phật đạo, nên quy y thượng sư tam bảo, thứ đến mới là học tập [như] Pháp. Hết thấy trong việc học tập, điều khẩn yếu nhất là nghe theo thượng sư, bởi vì thượng sư là căn nguyên của hết thấy hạnh phúc; tất cả giáo huấn của thượng sư đều phải tuân theo; [như] Pháp giữ gìn Tam muội gia giới (giới trong Mật tông), thủ giới là cơ sở khẩn yếu nhất!

Trong vô vàn chúng sinh, tỷ lệ của con người ít ỏi như rồng này; trong vô vàn quần thể người, người có thể nghe được Phật Pháp, biết được con đường giải thoát, có thể bước trên con đường lớn (đại đạo) Bồ Đề, lại càng ít ỏi; vì vậy trong tất cả các chúng sinh vô tận, người có cơ duyên bước vào Phật Pháp, nếu so tỷ lệ thì lại càng ít ỏi như rồng nào, khó đắc được như rồng nào!

Mặc dù chúng ta đã may mắn đắc được cái thân người này, nhưng lại không thể bảo đảm an toàn sinh mạng, ai biết được đến ngày nào đó sẽ chết, đến ngày nào đó sẽ mất đi cái thân người quý giá này, cho nên phải trân quý cái thân người này, quý tiếc cái thân người này.

Vạn vật vạn tượng của vũ trụ, đều chịu chi phối của luật nhân quả, thiện nhân thì đắc thiện quả, ác nhân thì đắc ác quả; hiểu được luật nhân quả trong tam thế, mới có thể liễu giải báo ứng khổ lạc, và nguyên do của hiền ngu quý tiện. Lại bởi hết thấy của vũ trụ đều là biến hoá vô thường, cho nên hết thấy quả báo đắc được do hành vi thiện ác, cũng không phải là vĩnh hằng bất biến. Phúc đức đắc được nhờ tích thiện, phú quý đắc được

nhờ nỗ lực, thân quyến nhờ tình yêu mang đến, với hết thảy hưởng thụ và khoái lạc, cũng đều là tạm thời, đều sẽ hoại diệt, không thể trông cậy, không thể dựa vào, không phải cứu cánh. Mà khoái lạc trong đời người so với thống khổ của người ta, lại càng như hạt kê trong biển rộng! Thống khổ của tam ác đạo, lại càng không thể tưởng tượng, trong biển lớn sinh tử luân hồi vô tận, chúng sinh nếm đủ thống khổ và bi ai. Con tư duy về sự mệt mỏi và đau khổ của sinh tử vô tận này, khiến con một lòng hướng Pháp một cách tự nhiên; khát vọng cầu giải thoát, khiến con quyết tâm làm Phật.

Thanh tịnh thâm tâm làm cơ sở để bước vào Phật Pháp, cho nên bước đầu tiên là thụ biệt giải thoát giới, sau đó dần dần học tập chính Pháp; giữ gìn sở học, cũng như giữ gìn con người của mình, chớ khiến cho tổn hại suy bại. Vậy mà tìm cầu giải thoát cá nhân, chỉ là con đường hữu hạn tiểu thừa mà thôi. Còn thương xót hết thảy chúng sinh, khiến chúng sinh đều giải thoát bể khổ, thì phải phát tâm đại từ bi và tâm đại Bồ Đề. Tu niệm hết thảy chúng sinh như cha như mẹ có ân đức và thương yêu đối với con, con phải báo đáp như thế nào? Cho nên việc hành thiện trên con đường Bồ Đề, đều nên quay trở lại cấp cho hết thảy chúng sinh. Như vậy, vì rằng hết thảy chúng sinh như cha như mẹ, bèn thề cầu Phật quả, phát tâm đại Bồ Đề, tu tập hết thảy hành xử Bồ Tát.

Có cái gốc rễ tâm đại thừa như vậy rồi, mới có thể bước vào Kim Cang chân ngôn thừa. Dựa vào thanh tịnh kiến [cảnh giới], nghe theo một vị thượng sư tài giỏi; tiếp thụ chỉ thị về tự tính luân hồi, đồng thời cần cầu đắc tứ đại quán đỉnh dồi dào trí huệ; dựa vào lực

quán đỉnh để đắc kiến (cảnh giới) thâm sâu hơn; sau đó mới đến tu quán, tinh tấn tu trì “Nhân vô ngã quan cộng đạo”; do truyền thụ của Phật đà và tư duy lý trí, tìm cầu chỗ nào là ‘ta’, lại không thể đắc; từ đó chúng ngộ cái lý Nhân vô ngã. Dựa vào kiến vô ngã như vậy mà tu Chính Định, đoạn dứt vọng niệm, không nối với nhau, tâm tiến nhập vào ‘vô phân biệt’, duy trì định không đứng dậy, có thể kéo dài quanh năm tháng; như vậy có thể nói là ‘đắc định’ rồi.

Từ đó, dựa vào lực chính niệm hằng trì giữ gìn, không bị rơi vào hôn mê, dần dần minh giác tăng trưởng; dù hiển hiện (rõ ràng) mà vô tự tính, sáng tỏ mà vô phân biệt, trần trụi sáng tỏ; nhưng đó mới chỉ là giác thụ về định tướng mà thôi. Rất nhiều người coi đó đã là thắng quan [cảnh tượng thù thắng]. Nhưng chúng sinh phàm phu là khó sinh khởi thắng quan đáng kể! Chỉ có sau khi chúng đắc sơ địa (bước đầu trong thập địa xuất thế đạo, gọi là hoan hỷ địa, hành giả mới đắc được Thánh tính, hoan hỷ vô lượng, do vậy có tên là hoan hỷ địa), mới có thể nhìn thấy thắng quan một cách chân thực, bởi vậy nên dựa vào thắng quan [mà] nhập đạo. Trong các định cảnh khác nếu nhìn thấy tượng Phật chẳng hạn, thì đó chỉ là chút xíu thể nghiệm trong tu tập, không giá trị quan trọng chút nào.

Trước khi tu bất kỳ những gì hữu tướng vô tướng định lại, ắt phải phát tâm từ bi, hết thấy đều là vì chúng sinh, sau đó dựa vào kiến thanh tịnh để tiến vào vô quan [tu] hành. Cuối cùng trả lại công đức cho hết thấy chúng sinh. Những việc được làm trong [cảnh giới] vô phân biệt này là thù thắng nhất trong hết thấy các

đạo. Hiện giờ con đã biết một cách thực sự những đạo lý này!

Những người chết đói kia, mặc dù biết rằng đồ ăn có thể dùng con đói; nhưng chỉ là ‘biết’ lại có tác dụng gì? Cuối cùng cũng không thể giải quyết cái khổ chết đói. Giải quyết cái khổ chết đói, thì phải thật sự đi ăn đồ ăn mới được! Cũng như vậy, đối với đạo lý về Không tính, chỉ là hiểu, thì có tác dụng gì? Phải chứng ngộ không tính mới được, sự thuận lợi về huệ quan nên tăng tiến về sau trong khi tịch tĩnh. Cái không tính mà hành giả Yoga thấu triệt, chính là vô ngôn thuyết, vô phân biệt kia, Mật tông kiến [cảnh giới] có tính Pháp nhĩ bình đẳng (Pháp nhĩ bình đẳng tức là nói vốn dĩ là bình đẳng, là tính bình đẳng hết mực thanh tịnh). Đây là một chút liễu giải của con. Vì để chứng được toàn bộ sự thù thắng này, cho nên nhẫn chịu mệt mỏi, đói khổ, vứt bỏ hết thảy những yêu thích của thế gian, hệt như tử thi vậy, không sợ chết, không lo lắng, tinh tấn tu trì. Trước ân đức vô tỷ của thượng sư phụ mẫu, Milarepa con không có bất kỳ tiền bạc vật chất nào để cung dưỡng; chỉ có thể trong một đời của con, dựa vào tu hành và thành tu để cung dưỡng; dựa vào cứu cánh chứng giải, phục thân trang nghiêm tịnh thổ đến cung dưỡng Ngài.’

Nói xong ta lại hát lên một khúc ca.

Thượng sư nghe xong, vô cùng cao hứng nói: ‘Con à! Con đã đạt đến cảnh giới này rồi sao?’ Sư mẫu cũng cao hứng lắm, nói rằng: ‘Con của ta, tinh tấn và trí huệ thật không ít!’ Rồi lại đàm luận với ta rất nhiều lời về tu Pháp. Sau đó ta lại quay trở lại trong động tu hành.

Có một lần, thượng sư đến đất Vệ để hoằng Pháp, vào buổi tối khi làm xong hội Cung, nghĩ tới trong giáo huấn của tôn giả Na Nặc Ba có chỗ không hiểu, Không Hạnh Mẫu cũng có biểu thị đối với thượng sư, thượng sư bèn nghĩ đi Ấn Độ lần nữa để bái kiến Na Nặc Ba đại sư.

Sau khi thượng sư từ đất Vệ trở về thôn La Trát Ô mấy ngày, có một buổi tối, ta có một giấc mộng, mộng gặp một nữ lang trẻ tuổi [diệu linh] mặc y phục màu trắng xanh, thân mặc vải lụa, cốt cách trang nghiêm, giữa lông mày và phần eo đều có trang sức vàng đỏ, cô ấy nói với ta: ‘Con à! Con trường kỳ tu hành, mặc dù đắc được đại thủ ấn thành Phật (đại thủ ấn – Mahamndra, là pháp môn tối cao tu Bát Nhã tâm truyền thừa bí mật, có kiến hạnh tu trì có phần giống với Thiền tông ở [Trung Quốc]), khẩu quyết, và lục Pháp tâm yếu (sáu loại thành tựu Pháp trong Mật tông, tức là 1-Chuyết hoả, 2-Hoá thân, 3-Mộng tu, 4-Quang minh, 5-Trung âm, 6-Chuyển thức); nhưng mà trong một sát na mà thành khẩu quyết ‘đoạt xả’ Pháp của Phật (đoạt xả Pháp – đắc được hành giả tâm khí tự tại, dựa vào khẩu quyết này có thể dựa vào Thần thức chuyển nhập vào thân thể của người khác đã chết hoặc chưa chết, vì vậy gọi là ‘đoạt xả’ Pháp), con vẫn còn chưa đắc được sao?’ Trong tâm ta nghĩ, vị nữ lang này có dáng vẻ và trang điểm đều giống hệt Không Hạnh Mẫu, nhưng không biết là cứu cánh hay là ma chướng đây? Hay là Không Hạnh Mẫu thật sự thọ ký? Chẳng qua cho dù thế nào, phạm là Pháp mà chư Phật trong tam giới biết, thì thượng sư của ta đều biết; khẩu quyết dù cao như [biển] thành Phật, thấp thì như hàng phục chuột lang, ông đều có cả.

Nếu như là ý của Không Hạnh Mẫu, vậy ta bèn quyết định thỉnh cầu khẩu quyết đoạt xả Pháp. Thế là ta bèn đánh vỡ cửa hang, xuất động đi đến trước mặt Thượng sư. Thượng sư nói: ‘Con à! Sao con không chịu khó bề quan, xuất ra làm gì vậy? Rốt cuộc vì sao lại xuất quan? Coi chừng sinh ma chướng đấy!’

Ta nói: ‘Tối hôm qua con mộng gặp một vị nữ lang nói rằng con nên đi cầu ‘đoạt xả’ Pháp, chẳng hay là ma chướng? Hay là Không Hạnh Mẫu thọ ký? Nếu như là thọ ký, con muốn cầu ngài truyền cho con khẩu quyết ‘đoạt xả’. Thượng sư lặng yên một lúc rồi nói: ‘Đó không phải ma chướng, là thọ ký của Không Hạnh Mẫu; khi ta từ Ấn Độ trở về, chí tôn Na Nặc Ba nói ra khẩu quyết của ‘đoạt xả’, ta hướng đến thượng sư cầu Pháp, thượng sư bảo ta đi tìm kinh thư; nếu như kết quả hai thầy trò đã tìm cả một ngày, sách về Pháp ‘thiên di’ [dịch chuyển] đã tìm được không ít, nhưng sách về ‘đoạt xả’ lại không tìm được. Mấy ngày trước khi ta ở phía Bắc của đất Vệ, thì cũng mộng gặp một dấu hiệu bảo ta đi cầu Pháp này, đồng thời còn có một số chỗ không thật rõ ràng về khẩu quyết muốn xin hỏi thượng sư. Cho nên ta quyết định lại đi Ấn Độ một chuyến để gặp Na Nặc Ba thượng sư!’ Mọi người nghe xong, đều khuyên thượng sư đừng đi, nói rằng: ‘Thượng sư, lão nhân gia ngài đã cao tuổi, đừng nên đi!’ Thượng sư không nghe, quyết tâm muốn đi. Liền mang cung dưỡng của đệ tử, đổi lấy được cỡ một bát vàng, mang trên thân, rồi lên đường đến Ấn Độ.

Lúc này đúng lúc tôn giả Na Nặc Ba xuất ngoại tu hành rồi. Thượng sư Mã Nhĩ Ba không tiếc sinh mạng đi tìm ông ấy, dùng rất nhiều các loại phương pháp để

liên lạc, đều không tìm được. Nhưng bởi vì ông ấy có dấu hiệu sẽ có thể gặp được thượng sư Na Nặc Ba, nên tiếp tục đi tìm bằng được. Về sau cuối cùng cũng gặp được ở trong một khu rừng, liền thỉnh tôn giả đến chùa Phổ Lai Cáp Từ, truyền thụ ‘đoạt xả’ Pháp, học giả đại Phạm Na Nặc Ba hỏi: ‘Người tới cầu Pháp này, là bản thân người nghĩ ra? Hay là có chư Phật thọ ký?’

Thượng sư Mã Nhĩ Ba nói: ‘Cũng không phải là tự con nghĩ ra, cũng không phải là Không Hành thọ ký. Là bởi vì, con có một đệ tử tên là Văn Hỷ, Không Hạnh Mẫu thọ ký cho cậu ấy, cậu ấy cầu con Pháp này, bởi vậy con mới tới Ấn Độ.’

Tôn giả Na Nặc Ba ngạc nhiên nói: ‘Ồ! Thật là hiếm có! Ở vùng Tây Tạng u tối, lại có thể xuất sinh một vị đại trượng phu như vậy, thật như mặt trời chiếu sáng tuyết sơn vậy.’ Vừa nói hai tay hợp chưởng, cung kính đưa lên trên đầu, hát rằng: ‘Trong u tối phương Bắc, như nhật xuất tuyết sơn; người ấy tên Văn Hỷ, ta toàn tâm kính lễ.’

Hát xong, hợp chưởng nhắm mắt, hướng đến phương Bắc cúi đầu, kính lễ ba lần; cây cối núi rừng ở đương địa, cũng nhất loạt hướng đến phương Bắc gấp thân gập đầu ba lần. Mãi đến hiện nay núi và rừng ở địa phương Phổ Lai Cáp Từ vẫn còn như đang hướng đến Tây Tạng ở phương Bắc gấp thân gập đầu.

Thế là tôn giả Na Nặc Ba liền đem khẩu quyết của Không Hạnh Mẫu và ‘đoạt xả’ Pháp đều truyền lại toàn bộ cho thượng sư Mã Nhĩ Ba.

Tôn giả Na Nặc Ba vì để quan sát duyên khởi, đã làm hiện ra đàn thành trống không. Thượng sư Mã Nhĩ Ba trước tiên hướng đến bản tôn đàn thành kính lễ, rồi

chưa kịp kính lễ thượng sư Na Nặc Ba; thượng sư Na Nặc Ba liền đắc được điềm báo, biết rằng con cháu của Mã Nhĩ Ba truyền thừa sẽ không thể dài lâu, nhưng việc truyền thừa sự nghiệp Pháp thống của ông thì lại như vô tận như sông lớn, vĩnh cửu trên thế gian.

Sau khi thượng sư Mã Nhĩ Ba đắc Pháp, liền quay trở về Tây Tạng.

Bởi mỗi duyên khởi sắp đặt của thượng sư Mã Nhĩ Ba, con trai ông đánh ngựa nhiều đến mức chết yếu. Khi cậu ta qua đời được một năm, tòa bộ đồ đệ tập trung lại, mấy vị đại đồ đệ thỉnh vấn thượng sư Mã Nhĩ Ba rằng: ‘Thưa thượng sư! Bởi vì chúng sinh chúng con không có duyên cố phức đức, cho nên Ngài mới biểu hiện ra sự già nua; sau này giáo Pháp được truyền thừa bằng miệng làm sao hoằng dương, sự nghiệp hoằng Pháp cứu độ chúng sinh đệ tử chúng con phải làm sao? Xin ngài – hãy thọ ký cho chúng con!’

Thượng sư nói: ‘Những gì của ta được Na Nặc Ba khẩu truyền, cho dù là báo mộng hay là duyên khởi, đều sẽ phát dương quan đại; bản thân tôn giả Na Nặc Ba cũng có thọ ký rất tốt. Các người hãy về nhà nằm mộng, ngày mai hãy tới nói cho ta điềm báo mộng của các người.’ Ngày hôm sau, các đệ tử đều nói về điềm báo mộng, điềm mộng của mọi người mặc dù đều vô cùng tốt đẹp, nhưng vẫn không thể hoàn toàn tương hợp với thọ ký.

Ta bèn đến trước mặt thượng sư, kể lại tường tận giấc mộng của ta về bốn cây cột lớn.

Thượng sư Mã Nhĩ Ba sau khi nghe xong, vô cùng cao hứng nói: ‘Điềm mộng quá tốt rồi! Dakmema chãy chuẩn bị đồ ăn và Hội Cung Luân tốt nhất ra!’ Sư mẫu

chuẩn bị xong Hội Cung Luân và đồ ăn xong, các vị đại đồ đệ đều tập trung lại tham gia Hội Cung Luân. Thượng sư liền nói: ‘Mật Lặc Kim Cang Tràng đêm hôm qua có một giấc mộng thể này, thực sự khó mà gặp được!’ Các đại đồ đệ đều thỉnh cầu thượng sư giải thích điềm mộng ấy, thượng sư vô cùng vui vẻ, bèn hát cho mọi người một bài ca giải mộng.

Thượng sư Mã Nhĩ Ba nói xong, cùng với các đại đệ tử trong lòng sinh khởi niềm vui vô cùng.

Thế là thượng sư khai mở khẩu quyết tạng bí mật, ban ngày thuyết Pháp cho đệ tử, ban đêm bảo đệ tử tu hành; mọi người đều vui vẻ hăng hái, cảm nhận được tăng trưởng.

Vào một buổi tối, khi thượng sư đang làm mẫu tục quán đỉnh cho các đệ tử thì nghĩ đến: Ta nên tùy vào thời tiết nhân duyên của các đệ tử, mà truyền thụ và Pháp yếu khác nhau. Ngày hôm sau, lúc sáng sớm thượng sư xem xét duyên khởi cho từng đại đệ tử, thuyết cho Đoá Dương Quảng ở vùng Nga Đồn ở đất Ung Hỷ Kim Cang Pháp yếu; cho Thốn Ba Ưng ở Mễ Đồn đất Tạng tu Quang Minh thành tựu Pháp (chú giải: một trong sáu loại thành tựu Pháp, tu Pháp ban đêm, là Pháp lấy sự vô minh u ám làm [chỉ] đạo) cho Cương Nhai Ưng ở Thác Đồn đất Đa tu Pha Oa thành tựu Pháp (một trong lục Pháp, Pháp môn Tịnh Độ của Mật thừa); ta thì nên tu Chuyết Hoả thành tựu Pháp (căn bản của lục Pháp, là Pháp tu tâm khí hợp nhất, có thể chuyển nghiệp thức và nghiệp khí thành trí huệ và quang minh), hơn nữa sau hôm đó mỗi người đều có các thời tiết nhân duyên và sự nghiệp khác nhau.

Sau khi thượng sư quan sát, liền dạy cho lạt ma Nga Ba và Ma Ni Bảo chỗ thuận tiện của lục môn tứ tướng (lục môn tứ tướng, chỗ này không biết chỉ về điều gì), giải thích khẩu quyết trong tục bộ, và ban cho lục trang nghiêm của Na Nặc Ba, hồng bảo thạch ấn, hộ ma thịnh tiêu, cho đến chú giải của luận tập kinh điển bằng Phạn ngữ, khiến họ có thể dựa vào môn thuyết pháp mà hoằng dương Phật Pháp.

Đối với Thác Đốn Cương Nhai của đất Đa, thì dạy cho khai đỉnh ‘Dịch chuyển’, (chú giải: biểu trưng của chuyển thức thành tự). Như Điều Phi Không Pháp, ban cho tóc, móng tay, hoàn cam lộ, ngũ Phật quan trang nghiêm v.v. của Na Nặc Ba, gọi đó là ‘Thiên Di Pháp’ (tức Chuyển Thức Pháp) độ chúng sinh.

Đối với Mễ Đốn Thốn Ba ở đất Tạng thì dạy cho Quang Minh thành tự Pháp của Dạ Trung Minh Đăng (Ngọn đèn sáng trong đêm), và ban cho chuông chày kim cương, trống nhỏ, và thiên linh cái của Na Nặc Ba, dặn dò anh ta tận lực vì ‘Trung Âm thành tự Pháp’.

Còn với ta thì dạy cho Chuyển Hoả thành tự Pháp của Như Tân Sinh Hoả, ban cho ta mũ của Mai Kỳ Ba tôn giả và y phục của đại sư Na Nặc Ba, nói với ta rằng: ‘Con nên ở tại đỉnh cao trên núi tuyết mà tu hành.’

Thượng sư thọ ký truyền Pháp xong, các lạt ma lớn nhỏ đều tới tham gia Hội Cung Luân, dựa vào thứ bậc mà ngồi. Thượng sư nói: ‘Ta đã chiếu theo thời tiết nhân duyên của các con mà truyền dạy khẩu quyết, các con mỗi người nên dựa vào nhân duyên của bản thân mà hoằng Pháp, tương lai sự nghiệp truyền thừa hoằng Pháp của các con nhất định sẽ phát dương quang đại. Con trai ta Đả Mã Đa Đắc đã chết rồi, hiện giờ ta đem

khẩu quyết cha truyền con nối và truyền thừa gia trì đều cấp cho các con rồi.’

Sau này, mỗi đại đệ tử đều sẽ trở về địa phương của mình. Thượng sư nói với ta: ‘Con thì tiếp tục ở lại đây mấy năm, ta còn muốn truyền cho con quán đỉnh và khẩu quyết đặc biệt, việc giác thụ chứng giải của con cũng phải được lựa chọn trước mặt thượng sư, con hãy mau chóng bế quan đi!’ Thế là ta bèn vào trong Đồng Nhai động được Na Nặc Ba thọ ký để tu định.

Phụ mẫu thượng sư thường đem đồ ăn và những vật phẩm hội cúng tốt lành của mình đưa cho ta, đối với ta quả thực vô cùng từ bi.”

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 7)

Nhạ Quỳnh Ba lại hỏi tôn giả Milarepa: “Thượng sư, Ngài đã tuân theo lời căn dặn của thượng sư Mã Nhĩ Ba sống ở đó nhiều năm ạ?”

Tôn giả nói: “Ta chẳng ở đó nhiều năm, ở đó không lâu, ta liền trở về quê. Để ta kể chuyện nguyên nhân về quê cho mọi người nghe.

Khi ta bế quan tinh tấn tu định, có bước tiến lớn. Ta một mạch không ngủ. Một hôm vào buổi sáng, bỗng nhiên mơ mơ màng màng ngủ thiếp đi, rồi có giấc mộng. Ta mơ thấy ta đã về nhà ở Gia Nga Trạch. Ta thấy ngôi nhà, bốn cột tám rường đều đã vỡ nát như cái tai con lừa già. Đại Bảo Tích Kinh là báu vật gia truyền cũng bị nước mưa dột làm cho rách bươm. Ruộng Nga Mã tam giác bên ngoài cũng mọc đầy cây gai và cỏ dại. Mẫu thân đã chết, em gái thành kẻ ăn xin, lưu lạc tha hương rồi. Ta nghĩ mình từ nhỏ đã gặp nhiều bất hạnh, cách xa mẫu thân, bao nhiêu năm nay, mẹ con chưa được gặp mặt. Trong lòng nhói lên nỗi đau buồn vô hạn, không nén nổi khóc rống lên gọi: “Mẫu thân ơi, Tỳ Đạt em ơi!”, khóc trong mơ liền tỉnh giấc, nước mắt chảy ướt vạt áo. Nhớ mẫu thân khiến ta không thể nào ngăn nổi nước mắt nóng hổi cứ tuôn rơi, bèn quyết tâm phải trở về nhà gặp mẫu thân.

Trời vừa sáng, ta bắt chắp tất cả phá cửa hang, đến phòng ngủ của thượng sư, cầu xin thượng sư cho phép ta về quê. Đúng lúc thượng sư vẫn đang ngủ, ta bèn quỳ trước giường, bên gối thượng sư thưa bẩm.

Thượng sư đã tỉnh dậy.

Lúc đó mặt trời sáng sớm chiếu qua cửa sổ, chiếu lên đầu thượng sư Mã Nhĩ Ba đang gối đầu trên gối. Cùng lúc đó, sư mẫu đem bữa sáng vào phòng. Thượng sư Mã Nhĩ Ba nói: ‘Con trai, con đột nhiên xuất quan là duyên có gì? E rằng ma chướng bỏ dở, mau trở về tu định đi.’

Ta lại thừa bầm vói thượng sư chuyện giấc mộng và lòng nhung nhớ mẫu thân của mình.

Thượng sư nói: ‘Con trai, khi con mới đến đã từng nói không cần quê nhà và gia tộc nữa rồi mà. Hiện nay con rời xa quê nhà đã nhiều năm thế này, cho dù có về nhà, cũng chưa chắc đã gặp mẫu thân. Còn những người khác, có thể gặp được không ta cũng không dám nói. Con ở Vệ Tạng đã nhiều năm, rồi lại ở chỗ ta nhiều năm như thế này rồi. Nếu con nhất định muốn về, ta có thể để con đi. Con nói rằng sau khi về quê lại quay trở lại chỗ ta. Tuy con nghĩ như vậy, nhưng e rằng khó làm được. Vừa rồi lúc con vào, đúng lúc ta đang ngủ, đây chính là duyên khởi cha con ta đời này không được gặp nhau nữa.

Nhưng mặt trời chiếu lên căn nhà của ta, tượng trưng giáo Pháp của con sẽ giống như mặt trời buổi sáng chiếu khắp mười phương. Đặc biệt là mặt trời chiếu lên đỉnh đầu ta, đây chính là duyên khởi để giáo Pháp tu truyền sẽ được hồng dương rộng rãi. Dakmema lại vừa đúng lúc đem đồ ăn uống vào, điều này biểu thị con sẽ có thể dùng Tam muội định thực dưỡng thân.

Chao ôi! Bây giờ ta đành phải để con đi. Dakmema, bà hãy chuẩn bị đồ cúng tốt.’

Thế là sư mẫu chuẩn bị đồ cúng dường, thượng sư thiết lập Mạn đà la, đem đạo thành thực Không hạnh nhĩ truyền tỏ ý quán đỉnh, và giải thích khẩu quyết chưa từng được nghe thấy này, tất cả đều truyền thụ cho ta.

Thượng sư nói: ‘Ôi, những khẩu quyết này, đều là bậc chí tôn Na Nặc Ba thọ ký cho ta, bảo ta truyền lại cho con. Con cũng nên căn cứ vào thọ ký Không Hạnh Mẫu, đem những khẩu quyết này truyền cho đệ tử có căn cơ bậc thượng cao nhất, cho đến đời thứ 13.

Nếu vì tiền bạc báu vật, danh lợi, hoặc mong muốn được người ta cung kính, hoặc do yêu thích cá nhân, mà truyền Pháp này, thế thì chính là vi phạm lời thề của Không Hạnh. Do đó con cần đặc biệt cẩn thận trân quý những khẩu quyết này, hãy nghiêm túc dựa vào quyết mà tu hành. Nếu gặp đệ tử có thiện căn, cho dù cậu ta vô cùng nghèo hèn, không có bất kỳ vật gì cúng dường, cũng phải truyền cho cậu ta khẩu quyết quán đỉnh mà thu nạp cậu ta để hoằng dương Phật Pháp. Thậm chí giống như sư tổ Đế Lạc Ba cho đại sư Na Nặc Ba đủ loại khổ nạn, và ta cho con đủ loại khổ nhọc, những phương pháp này sẽ hoàn toàn không có chút lợi ích nào đối với những người có căn cơ thấp sau này, do đó không được sử dụng nữa. Hiện nay cho dù ở Ấn Độ, Pháp hạnh đã buông lời nhiều so với trước đây. Do đó từ nay về sau ở Tây Tạng, phương pháp quá nghiêm khắc như thế này, cũng sẽ không nên dùng nữa.

Đại pháp Không Hạnh, tổng cộng có chín bộ, ta đã truyền cho con bốn bộ, vẫn còn năm bộ nữa, sau này trong các đệ tử truyền thừa của ta, sẽ có một người đến Ấn Độ đến gặp đệ tử chân truyền của thượng sư Na Nặc

Ba để cầu Pháp, sẽ có lợi ích to lớn đối với chúng sinh, con nên nỗ lực đi cầu những pháp yếu này.

Có lẽ trong lòng con sẽ nghĩ: ‘Con rất nghèo, lại không có cúng dường, thượng sư có truyền hết hoàn toàn khẩu quyết cho con không?’ Con chớ hoài nghi như thế. Nên biết, ta đối với cúng dường tài vật, vốn không hề để ý đến. Con hãy lấy việc tu hành tinh tấn làm vật cúng dường, đó mới là thứ ta thực sự vui thích. Con phải nỗ lực tinh tấn, kiến lập thành tựu kỳ tích.

Ta đã đem Pháp yếu Bất cộng, giáo dụ Không hạnh nhĩ truyền của tôn giả Na Nặc Ba, tất cả truyền thụ cho con rồi. Những khẩu quyết này, tôn giả Na Nặc Ba không truyền cho đệ tử nào khác, chỉ truyền cho một mình ta. Giờ đây ta đem những khẩu quyết này truyền lại cho con, giống như một bình nước đổ sang một bình nước khác, không rót một giọt nào. Để tỏ rõ những lời của ta không có nửa lời nào là sai, hoặc nói quá, bây giờ ta sẽ trước thượng sư và Tam thế chư Phật, bản tôn Hộ Pháp lập lời thề.’

Nói xong, thượng sư để tay lên đỉnh đầu ta và nói: ‘Con trai à, lần này con muốn ra đi, trong lòng ta vô cùng buồn bã. Nhưng tất cả Pháp hữu vi vốn là vô thường, ta cũng chẳng có cách nào. Con chớ có vội vàng ra đi, hãy ở lại đây thêm vài hôm, đem tất cả các khẩu quyết pháp yếu ra ôn luyện tỉ mỉ lại một lượt. Có nghi vấn gì thì hãy nói ra, ta có thể giải đáp cho con.’

Ta tuân theo ý của thượng sư, bèn ở lại mấy ngày, đem tất cả những chỗ nghi vấn ra làm rõ. Thượng sư nói: ‘Dakmema, hãy chuẩn bị đồ cúng tốt nhất để tiễn đưa Mila.’ Thế là sư mẫu liền chuẩn bị đồ cúng Phật Bồ Tát, thực phẩm Không hạnh Hộ pháp và đồ cúng

Huynh đệ Kim Cang cho thượng sư, bày rất nhiều đồ cúng. Thượng sư đại hiển thần thông, lúc thì biến thành Hỷ Kim Cang, lúc lại biến thành Thượng Nhạc Kim Cang, lúc lại biến thành Mật Tập Kim Cang... thân trang nghiêm bản tôn, có đủ chuông, chày, bánh xe, bảo, hoa sen, bảo kiếm kim cương rất trang nghiêm. Hồng, bạch, lam, ông, a, hồng, ba chữ ông, a, hồng là căn bản của hết thầy mật chú. Chữ ông là màu đỏ, chữ a là màu trắng, chữ hồng là màu lam. Ba chữ phóng ra vô lượng quang minh, hiển thị các biến hóa thần thông trước nay chưa từng có. Thượng sư nói: ‘Những cái này chỉ là thần thông của thân thể mà thôi, cho dù có thể hiển hiện rất lớn, vẫn chỉ là cảnh huyền ảo, chẳng có tác dụng gì lớn. Hôm nay là để tiễn đưa con Milarepa, ta mới hiển hiện thôi.’

Ta thấy công đức của thượng sư chẳng khác nào chư Phật, trong lòng sinh tâm hoan hỷ vô cùng, nghĩ rằng: ‘Mình nhất định phải nỗ lực tu hành, cũng đắc được thần thông như thượng sư.’

Thượng sư hỏi: ‘Con có nhìn thấy không? Có sinh ra lòng quyết tâm không?’

Ta nói: ‘Con thấy rồi thưa thượng sư. Không thể không sinh tín tâm quyết định. Con muốn nỗ lực tu hành, tương lai cũng có thể đắc được thần thông như thượng sư.’

Thượng sư nói: ‘Đúng rồi. Con nên cố gắng tu hành, ghi nhớ kỹ lời ta truyền thụ, các pháp như huyền ảo, tu như cảnh huyền ảo. Còn về nơi tu hành, nên dựa vào hang động ở Tuyết Sơn, hang núi hiểm trở và nơi sâu trong rừng già. Trong những hang động vách núi này, núi Hỷ Nhật ở Đa Giáp là thắng địa mà các bậc đại

thành tựu Ấn Độ gia trì, có thể đến đó tu hành. Na Kỳ Tuyết Sơn là một trong 24 Thánh địa, cũng là thắng địa tu hành. Núi Ba Bạt ở Mang Ngọc, Ngọc Mẫu Cổng Nhà ở Bát Ngọc là thắng địa thọ ký trong kinh Hoa Nghiêm. Khư Bả ở Đình Nhật là nơi tập hợp Hộ đại Không hạnh mẫu, cũng là thắng địa tu hành. Các chỗ khác, bất kỳ nơi không có người nào, khi thuận duyên, đều cũng có thể tu hành. Con nên dựng chàng tu hành ở các nơi đó.

Trong các thắng địa ở phương Đông, có Đắc Oa Đa Thế và Cha Nhật. Hiện nay nhân duyên chưa đến, vẫn chưa xuất hiện, tương lai khi con thuyết Pháp, sẽ xuất hiện một loạt nhân tài đến những nơi này quảng bá rộng rãi.

Con nên đến các thắng đại đã thọ ký ở trên tu hành. Nếu đắc được thành tựu, đó chính là cúng dường cho thượng sư, là báo ân với sư mẫu, là lợi ích cho chúng sinh. Ngoài cuối cùng thành Phật ra, bất cứ việc gì cũng không được tính là cúng dường cao nhất, báo ân cuối cùng và sự nghiệp lợi ích cho mọi người chân thực. Nếu không có thành tựu, cho dù trường thọ trăm tuổi, thì chẳng qua cũng chỉ là sống làm thêm một chút tội ác mà thôi. Do đó con phải bỏ hết thấy tham dục và quyến luyến cõi hồng trần trong đời này. Chớ giao du với những người chỉ chăm chăm các việc thế tục, chớ nói chuyện vô bổ, phải một lòng nỗ lực tu hành.'

Thượng sư vừa nói vừa rơi lệ, nhìn ta từ bi nói: 'Con trai, cha con ta đời này không còn gặp lại nữa, ta sẽ mãi mãi không quên con. Con cũng chớ quên ta. Nếu con có thể làm theo lời ta, tương lai, chúng ta nhất định sẽ gặp lại ở Sát thổ của Thanh tịnh Không hạnh. Con trai, con nên vui lên nhé. Sau này khi con tu hành, sẽ

xảy ra chương ngại nghiêm trọng của khí mạch, đến lúc đó, hãy mở cái này ra xem. Chưa đến lúc đó, nhất thiết không được mở.'

Nói rồi, thượng sư đưa cho ta một bức thư đã được phong kín bằng sáp. Lúc đó ta ghi nhớ thật kỹ khắc sâu trong lòng những lời dạy dỗ của thượng sư. Những lời dạy dỗ của thượng sư thực sự có lợi ích không thể nói hết đối với ta. Sau này mỗi lần nhớ lại những lời dạy dỗ của thượng sư, thiện tâm liền tăng lên, tu hành liền có tiến bộ. Thượng sư suy nghĩ sâu xa, thật không thể nói hết.

Thượng sư nói với sư mẫu: 'Dakmema, bà chuẩn bị sáng mai đưa tiễn Milarepa. Ta trong lòng tuy muôn phần buồn bã, nhưng ta vẫn sẽ đi đưa tiễn nó. Con trai, tối nay ngủ với ta, để cha con ta trò chuyện.'

Tối hôm đó, ta ở cùng phòng thượng sư, tiếp chuyện thượng sư. Sư mẫu cũng ở cùng, sư mẫu vô cùng đau buồn, không ngừng nhỏ lệ. Thượng sư bèn nói: 'Dakmema, khóc lóc làm gì. Đại Lực đã đắc được khẩu quyết thâm sâu nhất của Không hạnh nhĩ truyền trước mặt thượng sư, thì phải đến hàng động tu hành chứ, có gì đáng khóc đâu? Bản tính của chúng sinh vốn đều là Phật tính, do vô minh, không những không thể tự chứng bản giác Phật Đà, mà lại cứ sinh ra rồi chết đi trong thống khổ một cách oan uổng. Thực ra những người đã có được thân người mà không thể gặp được chính pháp, mới là thực sự đáng buồn nhất, những người đó mới thực sự đáng phải khóc. Nếu bà khóc vì những người đó, vậy thì e rằng cả ngày từ sáng đến đêm cũng đều phải khóc.'

Sư mẫu nói: ‘Những lời của thượng sư quả là đúng, nhưng ai có thể từ sáng đến đêm có được từ bi như thế này? Con trai ruột của tôi, bất kể là nhập thế pháp hay là xuất thế pháp nó đều thông minh dị thường, đối với lợi người lợi mình, nhất định sẽ làm nên sự nghiệp to lớn, nhưng nó lại chết rồi. Trong lòng ta đau buồn khôn xiết. Giờ đây, đồ nhi hể căn dặn gì không cái gì không nghe theo, không hề có chút lỗi lầm nào, có tín tâm lại có trí tuệ, cũng sẽ rời xa ta rồi. Ta xưa nay chưa từng có đồ nhi nào tốt như thế này, ta thực sự không thể nén nổi nỗi buồn đau trong lòng...’ Lời nói chưa dứt, nước mắt sư mẫu lại tuôn càng ngày càng nhiều, cuối cùng khóc rống lên nức nở.

Ta cũng không nén được đau buồn khóc lên, thượng sư cũng không ngớt lấy tay gạt lệ. Ba thầy trò lưu luyến không rời, đau buồn vô hạn, chẳng ai cất lên lời. Do đó đêm hôm đó, thực tế chẳng thể nói được chuyện gì.

Sáng sớm hôm sau, đem theo đồ cúng, thầy trò gồm 13 người đưa tiễn ta hơn 10 dặm đường. Trên đường đi, mọi người trong lòng đều rầu rĩ thê lương, không tránh khỏi cái tình ly biệt. Đến dốc Pháp Quảng Pha, cảnh tượng bốn bề hiện ra trước mắt. Mọi người ngời xuống dốc núi, bày các đồ cúng ra.

Thượng sư cầm tay ta nói: ‘Con trai, con phải đi Vê Tạng. Các nơi như Tát Nhi Mã đất Tạng có cướp ẩn náu rất ghê gớm. Ta vốn muốn sai một người đi tiễn con, nhưng có quan hệ nhân duyên thì chỉ có một người. Bây giờ con tuy chỉ có một mình độc hành, nhưng ta sẽ thỉnh thượng sư bản tôn gia trì, lệnh Hộ pháp Không hạnh đến bảo hộ con. Con không phải lo lắng, trên đường sẽ không xuất hiện việc gì cả. Tuy nói như thế,

con vẫn nên phải cẩn thận một chút mới được. Con có thể đến chỗ Nga Ba lạt ma trước, so sánh khẩu quyết với cậu ấy, xem có gì sai khác không. Sau đó đi một mạch về nhà. Ở quê nhà, con chỉ được ở bảy ngày, sau đó nên vào núi tu luyện, để thành tựu sự nghiệp lợi mình lợi người.'

Thế là sư mẫu đem những thứ chuẩn bị cho ta như y phục, mũ, giày và lương khô dùng trên đường đi, tất cả tặng cho ta. Sư mẫu nói trong nước mắt: 'Con trai, đây chỉ là bày tỏ một chút về vật chất thôi, đây là thời khắc cuối cùng mẹ con ta đoàn tụ trong đời này. Ta chúc con thượng lộ bình an, từ nay về sau viên mãn hạnh phúc. Phải phát nguyện mẹ con ta sau này sẽ gặp nhau ở Ô Kim Sát Thổ.'

Sư mẫu nói rồi, lại khóc rất bi ai. Những người tiền đưa cũng theo đó mà rơi lệ. Ta thành kính bái thượng sư và sư mẫu, sư phụ và sư mẫu mô đỉnh gia trì phát nguyện xong, rồi chia tay.

Ta đi 10 bước thì 9 bước quay đầu lại nhìn, thấy những người đưa tiễn vẫn đứng đó không ngừng nhỏ lệ. Ta thực không nỡ lòng quay đầu nhìn. Dần dần, đường núi uốn khúc, cũng dần dần không nhìn thấy sư phụ sư mẫu nữa.

Khi ta đi hết đoạn đường nhỏ, đi qua một con suối nhỏ, quay đầu nhìn lại, vì khoảng cách quá xa nhìn không rõ, nhưng vẫn phảng phất thấy thượng sư và mọi người, vẫn như không nỡ rời xa ta, chăm chăm nhìn về hướng ta đi. Ta ủ rũ bi thương, không nén nổi chỉ muốn chạy trở lại. Nhưng lại nghĩ, ta đã đắc được khẩu quyết viên mãn, chỉ cần không làm ra các nghiệp ác trái pháp, từng thời khắc nhớ đến thượng sư, kính trọng thượng

sư, thì chẳng khác gì ở cùng với thượng sư. Tương lai nhất định sẽ tái ngộ thượng sư và sư mẫu ở Thanh tịnh Sát Thổ. Lần này, trước tiên hãy về quê nhà thăm mẹ, rồi trở lại thăm thượng sư chẳng phải cũng khá dĩ đồ sao? Thế là cố gắng nén bi thương trong lòng, cất bước về nơi ở của Nga Ba lạt ma.

Gặp Nga Ba lạt ma, đem khẩu quyết của ngài ấy và của ta so sánh. Về giải thích Mật tục và khéo thuyết pháp, ngài ấy mạnh hơn ta, nhưng về khẩu quyết tu hành, ta quyết không kém ngài ấy. Đặc biệt là Không hạnh khẩu truyền, ta biết được thực sự nhiều hơn ngài ấy rất nhiều. Cuối cùng, ta đánh lễ Nga Ba lạt ma, sau khi phát nguyện, liền đi thẳng về quê nhà.

Lộ trình 15 ngày, 3 ngày là đã đến. Trong lòng ta nghĩ: năng lực tu khí công, thật sự vĩ đại.

Nhạ Quỳnh Ba lại hỏi: “Thưa thượng sư, sau khi ngài về quê nhà, tình hình quê nhà có như điềm báo trong mộng không ạ? Cuối cùng có gặp được mẫu thân của ngài không ạ?”

Tôn giả nói: “Tình hình ở nhà, đúng như mộng báo, ta đã không gặp được mẫu thân.”

Nhạ Quỳnh Ba nói: “Vậy ngài sau khi về nhà, rốt cuộc là tình hình như thế nào? Ở trong thôn gặp những gì?”

“Khi ta về cách quê nhà không xa, đầu tiên là đến bên dòng suối ở phía trên thôn, từ đó có thể thấy ngôi nhà của ta. Gần đó có rất nhiều đứa trẻ đang chăn dê, ta bèn hỏi chúng rằng: ‘Các bạn nhỏ, cho hỏi ngôi nhà to kia là nhà ai đó?’

Một đứa trẻ mục đồng lớn tuổi hơn nói: ‘Ngôi nhà đó gọi là ‘Nhà bốn cột tám rường’”, trong nhà đó ngoài quỷ ra thì chẳng có bóng người nào.’

‘Chủ nhân ngôi nhà chết rồi à? Hay là đi nơi khác rồi?’

‘Trước kia người nhà đó là người có nhiều tiền nhất trong thôn trang, trong nhà có một người con trai độc nhất. Vì cha chết sớm, khi chết, di chúc không làm thỏa đáng, dẫn đến tất cả gia sản của họ bị họ hàng đoạt lấy mất. Khi cậu con trai đó lớn lên, yêu cầu trả lại, nhưng họ hàng không muốn trả lại anh ta. Thế là anh ta thề đi học chú thuật. Quả nhiên sau này anh ta niệm chú giáng mưa đá, giết chết rất nhiều người, làm cho cái thôn này bị tàn hại rất thâm trọng. Người trong thôn trang chúng ta đều sợ Thần Hộ pháp của anh ta. Đừng nói là đến nhà anh ta, thậm chí nhìn còn không dám nhìn. Ta nghĩ bây giờ ở ngôi nhà đó, e rằng chỉ có thi thể của mẫu thân anh ta và quý ở đó thôi. Anh ta còn có một em gái, cô gái đó cùng cực đến nỗi bỏ thi thể mẫu thân, không biết đi đâu ăn xin hành khất rồi. Còn anh con trai đó, rốt cuộc là sống hay chết, nhiều năm nay, chẳng có tin tức gì. Nghe nói trong ngôi nhà đó có rất nhiều giai thoại kinh điển, anh nếu có can đảm, cứ vào đó xem xem.’

Ta truy vấn đưa mục đồng đó: ‘Sự tình này đã trải qua bao nhiêu năm rồi?’

Mục đồng nói: ‘Mẫu thân anh ta chết khoảng 8 năm rồi. Việc niệm chú giáng mưa đá, ta nhớ rất rõ ràng. Còn những việc khác đều là ta hồi nhỏ nghe người ta nói, đến nay cũng không rõ nữa.’

Ta trong lòng thầm nghĩ, người trong thôn sợ Thần Hộ pháp của mình, có lẽ không dám hại mình. Lại biết mẫu thân thực sự đã chết rồi, em gái lưu lạc tha hương hành khất rồi, trong lòng đau buồn vô hạn.

Lúc hoàng hôn không có người, ta một mình chạy ra bờ sông, khóc rống lên một chặp. Trời vừa tối ta liền vào trong thôn.

Tất cả tình hình mà ta thấy đều giống y như trong mộng: Ruộng bên ngoài mọc đầy cỏ dại và cây gai. Ngôi nhà và Phật đường xanh vàng rực rỡ đều đã mục nát. Vào trong phòng liền thấy: Chính pháp bảo tàng chữa kinh đã bị mưa dột tan hoang, bùn đất và phân chim trên tường và cũng rơi khắp nơi. Một bộ kinh có vẻ như đã biến thành tổ chim tổ chuột rồi.

Nhìn thấy những điều này, nghĩ lại trước đây, một cảm giác thê lương bi ai tràn lên trong lòng. Đến gần cửa, thấy một đồng đất dường như là đất và quần áo rách bực lầy, bên trên đầy cỏ dại. Ta dùng tay chuyển đất đi, phát hiện ra ở trong có một đồng xương người. Ban đầu cảm thấy mơ hồ, bỗng nhiên nghĩ ra, đây chính là thi hài mẫu thân. Bi ai bóp nghẹt cổ họng ta, trong lòng nhói lên từng cơn, lăn ra đất bất tỉnh. Một lúc tỉnh lại, lập tức ta nhớ đến khẩu quyết của thượng sư, liền quán tưởng, đem thần thức của mẫu thân và tâm ta dung hợp với tâm trí huệ của thượng sư. Ta gối đầu lên xương của mẫu thân, thân, khẩu, ý, không hỗn loạn một giây, ẩn nhập vào đại thủ ấn tam muội. Như thế trải qua 7 ngày đêm, tận mắt thấy phụ thân và mẫu thân đều thoát khỏi khổ thú, siêu xuất đến Tịnh thổ rồi.

Sau 7 ngày, ta từ Tam muội định xuất định. Suy nghĩ kỹ lưỡng, hết thấy các Pháp luân hồi đều không có chút ý nghĩa thực tế nào, hết thấy mọi thứ thế gian, thực sự không có chút ý nghĩa nào. Ta nghĩ lấy xương mẫu thân làm tượng Phật, lấy các kinh cất giữ ở Chính pháp bảo cúng dường trước tượng Phật, bản thân

mình quyết tâm đến hang Hộ Mã Bạch Nhai, không quản ngày đêm tu luyện: Nếu tâm không kiên trì sẽ bị Bát phong thể gian dao động (Bát phong tức là 8 pháp thể gian: Khổ, Lạc, Bần, Phú, Hủy, Dự, Quý, Tiệt. Tám cái này kích động tâm người tu luyện, do đó gọi là Bát phong). Ta thà tự sát cũng không muốn để Bát phong dụ dỗ mê hoặc. Nếu trong tâm có nảy sinh chút tâm cầu an dật, vui thú nào, nguyện Không hạnh Hộ pháp hãy lấy đi sinh mệnh ta. Cứ thế này thề mấy lần với mình, hạ quyết tâm tu hành.

Cuối cùng ta thu thập xương tàn của mẫu thân, dọn sạch phân chim ở trên kinh sách, phát hiện ra, chỗ bị nước mưa làm hỏng không nhiều lắm, chữ vẫn nhìn thấy rõ ràng. Thế là lấy xương mẫu thân và kinh Bảo tích cống trên lưng, trong lòng thề lương vô hạn. Đối với thể gian luân hồi, lòng nảy sinh ra tâm xuất ly cực đoan, quyết tâm vứt bỏ thể gian, cần mẫn tu chính Pháp. Ta ra khỏi cửa nhà, lòng đầy bi ai, vừa đi vừa hát bài ca giác ngộ hư vọng thể gian.

Ta vừa hát vừa đi, đến nhà thầy trước đây dạy ta chữ. Nhưng thầy cũng đã qua đời rồi. Ta bèn đem tất cả kinh Bảo tích cúng dường cho con trai thầy, nói rằng: ‘Tất cả kinh này đều cúng dường cho anh, nhờ anh lấy xương tàn mẫu thân ta nặn thành một pho tượng Phật.’

Con trai thầy nói: ‘Không, kinh của anh có Thần Hộ pháp ở sau, ta không dám nhận. Việc nặn tượng Phật, ta có thể làm giúp anh.’

Ta nói: ‘Anh yên tâm đi. Đây là đích thân ta cúng dường anh, Thần Hộ pháp sẽ không đến nữa.’

Anh ấy nói: ‘Thế này thì ta yên tâm rồi.’ Thế là anh ta giúp ta lấy xương mẫu thân nặn thành tượng Phật.

Ta làm lễ khai quang xong, đặt tượng vào trong tháp. Sau khi mọi việc xong xuôi, anh ta thành khẩn nói với ta: ‘Xin anh ở thêm mấy ngày, chúng ta nói chuyện.’

Ta nói: ‘Ta không có thời gian nói chuyện lâu với anh được, ta đang gấp đi tu hành.’

Anh ta nói: ‘Vậy xin anh ở lại đêm nay với ta, ngày mai ta còn muốn cúng dường anh lương thực đồ dùng tu hành.’ Thế là ta đồng ý ở lại chỗ anh ta một đêm. Anh ta nói: ‘Khi anh còn trẻ tu phép giết người, niệm chú thuật. Bây giờ tu học chính Pháp, thực sự là thật hiếm có khó tìm. Tương lai nhất định có thể có thành tựu lớn, xin anh cho biết, anh đã gặp vị thượng sư như thế nào? Đắc được những pháp yếu gì?’

Ta bèn đem chuyện ban đầu theo Hồng giáo Lạt ma đắc được Đại viên mãn pháp và sau đó gặp được thượng sư Mã Nhĩ Ba kể lại chi tiết cho anh ta.

Anh ta nghe xong nói: ‘Đúng là hiếm có khó tìm. Nói như vậy, anh có thể học tấm gương thượng sư Mã Nhĩ Ba, tự mình làm một căn nhà, đem vợ chưa cưới của anh đến cưới làm vợ, kế thừa tông phong của thượng sư chẳng phải tốt sao?’

Ta nói: ‘Thượng sư Mã Nhĩ Ba vì lợi ích chúng sinh mới lấy vợ, ta không có sức mạnh đó.’ ‘Nơi sư tử nhảy, cỏ không biết tự lượng sức mình mà nhảy theo, nhất định ngã chết.’ Hơn nữa ta đối với thế gian luân hồi thì cực kỳ chán ghét. Trên đời, ngoài khẩu quyết của thượng sư và tu hành ra, hết thấy mọi thứ ta đều không muốn, ta đến hang đá tu hành, chính là cúng dường tốt nhất đối với thượng sư, chính là kế thừa tông phong của thượng sư, cũng là phương pháp tốt nhất khiến thượng sư hoan hỷ. Lợi ích chúng sinh, hoằng dương

Phật pháp. Cũng chỉ có tu hành mới có thể làm được. Siêu độ mẹ cha cũng chỉ có tu hành mới có thể làm được. Tự lợi cũng phải dựa vào tu hành. Ngoài tu hành ra, các việc khác ta đều không biết, cũng không muốn quản, càng không có hứng thú.'

Lần này ta trở về quê nhà, thấy nhà cửa tan nát, người thân chết, lưu lạc, khiến ta giác ngộ sâu sắc được sự hư ảo vô thường của đời người. Con người thực mạng kiếm tiền, kết quả của muôn cay vạ đấng thành gia lập nghiệp, chỉ là một giấc mộng ảo, khiến ta nảy sinh cái tâm vô hạn muốn rời khỏi thế gian.

Nhà cửa giống như nhà lửa, bao nhiêu người không chịu thống khổ của nhân sinh, và những người đã quên đời người cuối cùng cũng phải chết, và sau khi chết phải chịu cái khổ của ác thú luân hồi, thì mới muốn tìm kiếm lạc thú thế gian. Nhưng ta đã nhìn thấu nhân sinh, sẽ chẳng để ý đến bần cùng đói rét và người khác cười chê, quyết tâm dốc sức hết thọ mệnh của mình, vì lợi ích của hết thầy chúng sinh của mình mà tu hành.

Nhà cửa tan nát, mẫu thân chết, em gái ly tán, thực sự đã cho ta bài học khắc cốt ghi tâm, thể nghiệm sâu sắc ý nghĩa đích thực của vô thường. Ta đã không nén nổi nhiều lần thốt lên 'Đến núi sâu tu hành'. Trong sâu thẳm tâm hồn ta, cũng nhiều lần hạ quyết tâm lớn nhất, quyết vứt bỏ hết thầy hưởng thụ thế gian, cả đời tu hành."

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 8)

Nhạ Quỳnh Ba hỏi rằng: “Thưa thượng sư, lão gia ngài khổ tu như thế nào? Tu hành ở nơi nào vậy?”

Milarepa nói: “Sáng hôm sau con trai của người thầy dạy chữ chuẩn bị cho ta một túi bột mỳ và một túi đồ ăn, nói với ta rằng: ‘Thứ này là để cấp dưỡng cho ngài tu hành, xin ngài phát nguyện cho chúng ta, đừng quên chúng ta!’ Ta bèn nhận những món đồ ăn này tới tu luyện thiền định trong một cái hang trên một ngọn núi cao sau nhà cũ. Ta rất tiết kiệm khi quấy bột mỳ ăn. Thời gian lâu sau cơ thể ta trở nên vô cùng suy nhược, nhưng công phu lại tăng lên không ít. Cứ tu luyện như vậy vài tháng, cuối cùng ta cũng ăn hết toàn bộ số lương thực đó, cơ thể ta yếu đến mức không thể tiếp tục như vậy nữa. Ta thầm nghĩ hay là mình đến nơi chăn bò xin một ít bơ, đến nông trang xin ít bột mỳ, thì có thể giữ được cơ thể này không đến nỗi chết đói, mới có thể tiếp tục tu hành.

Ta bèn xuống núi, đến một nơi chăn thả gia súc gần nhất, ta nhìn thấy một cái lều làm bằng lông bò. Ta đứng trước lều nói: ‘Thí chủ! Hành giả Yoga tới xin ít bơ!’ Nào ai biết oan gia ngõ hẻm gặp nhau, vừa hay ta gặp ngay căn lều của cô mình. Cô mẫu vừa nghe thì đã nhận ra tiếng của ta, thế là nổi trận tam bành, lập tức thả chó dữ ra cắn ta. Ta vội vàng ném đá vào chú chó để tự vệ. Lúc này cô mẫu rút cây chống lều lông bò, chạy như bay đến trước mặt ta, lớn tiếng nhiếc móc: ‘Cái tên phá gia chi tử này! Kẻ thù của bè bạn họ hàng! Ma quỷ

của quê nhà! Thứ vô liêm sỉ, người đến làm gì? Chỉ có ông già nhà người mới sinh ra thứ con trai như người!’ Cô mẩu mắng ta không ngớt, tay còn cầm gậy quật tới tấp. Ta cầm đầu cầm cổ chạy đi, nhưng chẳng may vì không đủ dinh dưỡng nên cơ thể suy nhược, một hòn đá mắc vào chân lập tức khiến ta ngã xuống một dòng suối. Cô mẩu vẫn mắng mỗ không ngớt, dùng gậy đánh loạn cả lên, ta phải dùng hết sức bình sinh giãy giụa, mới đứng dậy được. Tay đỡ đòn, nước mắt giàn giụa hát với cô mẩu.

Một cô gái bước ra cùng với cô mẩu nghe thấy tiếng hát của ta thì thương cảm không cầm được nước mắt. Cô mẩu cũng cảm thấy ngại ngùng, bèn quay vào trong lều, sau đó bảo cô gái lấy ra một túi bơ và pho mát đưa cho ta. Thế là ta lê từng bước một rời khỏi lều của cô mẩu, tiếp tục đến cái lều khác khát thực. Những người này ta không quen nhưng họ đều biết ta. Thấy ta đến, họ đều nhìn ta từ đầu đến chân, đều bố thí cho ta rất nhiều đồ ăn ngon. Lúc này ta thầm nghĩ: Dầu sao cô mẩu đã đối xử với mình như vậy, thì bá phụ chắc chắn sẽ chẳng dễ dàng gì tha cho mình, thôi thì đi tới cái lều khác vậy. Ta bèn mang theo số lương thực xin được đi về phía bên kia của thôn trang.

Nào ai biết nhà của bá phụ bị đổ nên bác đã dọn xuống thôn dưới từ nhiều năm nay. Ta hoàn toàn chẳng biết gì mà cứ đi thẳng đến trước cửa nhà họ. Bá phụ nhìn thấy ta đến thì nhảy lên hét lớn: ‘Quân khốn nạn này! Tên phá gia chi tử này! Mặc dù ta đã già chỉ còn cái bộ xương, nhưng kẻ ta muốn tìm kiếm cả đời này chính là người!’ Nói rồi ông nhặt đá ném như mưa về phía ta. Ta vội vàng quay đầu trốn chạy. Bác trai chạy như bay

về nhà, lấy cung tên ra hét lớn: ‘Tên phá gia chi tử lòng lang dạ sói này! Người hại cả cái thôn này chưa đủ hay sao? Làng nước ơi! Láng giềng ơi! Mau ra đây! Kẻ thù của chúng ta đã đến rồi!’ Rất nhiều người trẻ nghe bá phụ của ta hét lên như vậy bèn vội vàng chạy ra, giúp bác ném đá vào người ta. Hoá ra họ đều là những người trước kia chịu thiệt vì ta. Thấy tình hình không tốt, ta sợ bị họ đánh chết, nên đành giả vờ kết án phần nộ rồi hét lớn: ‘Bản tôn của thượng sư phái giáo sắc truyền thừa ơi! Biển rộng thệ ước Hề Lỗ Cát ơi! Kẻ tu hành gặp phải kẻ thù đến đòi mạng! Thỉnh Thần hộ pháp trả lại hắc tiễn cho bọn họ! Dầu ta chết rồi thì Thần hộ pháp cũng không bao giờ chết!’

Mọi người nghe xong đều sợ hãi, vội vàng kéo bá phụ lại. Một vài người đồng cảm với ta cũng tới hoà giải, những người ném đá vào ta vội chạy lại gần cầu xin ta tha thứ. Họ đều bố thí cho ta rất nhiều lương thực, chỉ có bá phụ trước sau vẫn nhất quyết không chịu tha hiệp với ta, cũng không bố thí cho ta bất cứ thứ gì. Ta mang đồ ăn đi chậm chậm trở về hang. Trên đường đi ta thầm nghĩ: Mình ở gần thôn này, chỉ khiến mọi người phần nộ và bất an, chi bằng mau rời khỏi nơi này!

Đêm hôm đó ta nằm mơ thấy dường như có điềm báo bảo ta ở lại vài ngày rồi hăng đi. Nên ta quyết định ở tạm vài hôm.

Vài hôm sau, cô nương Kết Tái đến, mang theo rất nhiều đồ ăn và rượu đến thăm ta. Nhìn thấy ta thì ôm lấy ta khóc nức lên thống thiết. Cô khóc lóc kể lại tường tận quá trình mẫu thân ta chết đi và tình hình em gái ta lưu lạc nơi xa. Nghe về quá khứ bi thảm của mẫu

thân và em gái, ta chẳng thể kìm nén mà khóc lên thống thiết.

Sau đó ta cố nín khóc, hỏi Kết Tái rằng: ‘Giờ này muội vẫn chưa xuất giá sao?’

‘Mọi người đều sợ Thần hộ pháp của huynh thì ai dám lấy ta. Dẫu có người muốn lấy ta thì ta cũng không muốn xuất giá! Huynh tu chính Pháp như vậy quả là khó gặp!’

Trầm ngâm một lúc, Kết Tái lại hỏi ta: ‘Nhà cửa và ruộng vườn của huynh giờ tính sao?’

Ta bèn hiểu ý của cô ấy, ta thầm nghĩ: ‘Mình đã rời bỏ gia đình, thế tục chuyên tu chính Pháp, hoàn toàn đều là nhờ ân đức của thượng sư Mã Nhĩ Ba. Còn về Kết Tái, nên để cô ấy phát một thiện nguyện về Phật Pháp. Điều này tốt hơn mọi thứ khác. Với những chuyện thế gian, cô ấy nên tự mình quyết định, ta phải nói rõ ràng suy nghĩ này cho cô ấy biết.’

Ta bèn nói với cô ấy: ‘Nếu muội gặp em gái Tỳ Đạt thì hãy để lại nhà cửa và ruộng vườn cho muội ấy! Trước khi chưa gặp Tỳ Đạt thì muội có thể thừa hưởng những gia sản này. Nếu quả thực Tỳ Đạt đã chết thì nhà cửa và ruộng vườn ta đều để lại cho muội.’

‘Lẽ nào huynh không cần sao?’

Ta nói: ‘Ta tu khổ hạnh, sống cuộc sống như chuột và chim khổng tước. Vậy nên điền viên chẳng có tác dụng gì với ta. Dẫu có toàn bộ tài sản trên thế giới này thì khi chết đi cũng như nhau mà thôi, ta chẳng thể đem theo được thứ gì. Nếu nay ta buông bỏ tất cả, thì không những tương lai có thể sống thoải mái, mà bây giờ ta cũng có thể sống thoải mái. Hành vi của ta và thể nhân

là trái ngược nhau. Từ giờ trở đi, xin mọi người đừng đối đãi với ta như con người bình thường nữa.’

Cô ấy nói: ‘Vậy thì huynh không tán thành với tất cả những người tu Pháp khác hay sao?’

‘Người học Phật Pháp nếu ban đầu đến học kinh giảng Pháp là vì muốn đứng đầu thế giới, nếu môn phái của mình mà thắng thì sẽ thích thú, người khác mà thua thì sẽ vui mừng, một mực cầu danh cầu lợi, khoác lên danh xưng học Phật một cách rỗng tuếch, mặc một chiếc hoàng bào, thì ta phản đối kiểu người tu học Phật này. Nếu vui vẻ, thanh tịnh, chân thành, vậy thì người theo học tất cả các tông phái đều hướng về Bồ Đề, thì ta tuyệt sẽ không phản đối. Vậy nên mới nói, về căn bản là ta không tán đồng với những người không thuần tịnh.’

Kết Tái nói: ‘Từ xưa đến nay ta chưa từng nghe nói tới người học Phật cùng khổ rách rưới như huynh! Huynh tu theo cách một phái trong Đại Thừa phải không?’

‘Đây là Pháp thừa thù thắng nhất trong các Pháp thừa, xả bỏ bát pháp tại thế gian, tức là Pháp thượng thừa nhất sinh thành Phật.’

‘Những điều huynh nói và làm đều khác với các pháp sư khác. Xem ra, giữa hai pháp này chắc chắn sẽ có một cái là sai. Giả dụ hai pháp này đều sai, thì ta cũng vẫn thích môn pháp của huynh.’

Ta nói: ‘Pháp sư mà mọi người thích nơi trần tục, nhưng ta lại không thích. Mặc dù ý nghĩ, tôn chỉ của họ khác với ta, nhưng là thân mặc hoàng bào truyền bát pháp cho thế gian, rốt cuộc đều không có nghĩa thực. Dẫn cho không động vì bát phong, thì sự khác biệt khi thành Phật nhanh chậm tại thế gian cũng là một trời

một vực. Điểm này thì muội không thể hiểu được. Tóm lại, nếu muội có thể lập chí, thì tốt nhất hãy nỗ lực tu Pháp. Nếu không đủ thì sao? Hãy về chăm sóc điền viên vậy!’

Kết Tái nói: ‘Ta không cần nhà cửa ruộng vườn của huynh, huynh cứ để lại cho em gái mình đi! Ta muốn tu Phật Pháp, nhưng tu Pháp như anh thì ta không làm được.’ Nói xong cô ấy bèn rời đi.

Vài ngày sau, cô mẫu nghe nói ta không cần đến nhà cửa, ruộng vườn thì vô cùng kinh ngạc và nghĩ rằng: ‘Nghe nói cậu ta không cần ruộng vườn theo giáo huấn của thượng sư. Để ta đi xem có phải thật vậy không!’ Thế là cô mẫu mang rượu tới thăm ta. Vừa gặp ta cô mẫu đã nói: ‘Cháu à! Mấy hôm trước là cô mẫu không đúng, cháu là người học Phật, mong cháu nhẫn nại tha thứ cho cô mẫu! Cô mẫu có ý định trồng trọt thay cháu, hàng tháng cô mẫu sẽ nộp tô thuế cho cháu. Nếu không ruộng đất của cháu để hoang phế cũng đáng tiếc, cháu xem có được không?’

Ta nói: “Tốt quá ạ! Cháu chỉ cần mỗi tháng một khai lương thực là được rồi, còn lại thì xin tặng cho cô ạ!” (*đơn vị đo trọng lượng của Tây Tạng, một khai bằng 25 kg*). Cô mẫu rất mãn nguyện, vui vẻ rời đi.

Nhưng được hai tháng thì cô mẫu lại đến, nói với ta rằng: ‘Mọi người nói rằng trồng đất của cháu thì thần hộ Pháp của cháu sẽ phần nộ mà phát lời nguyện. Xin cháu đừng phát lời nguyện!’

Ta nói: ‘Sao cháu lại có thể phát lời nguyện được? Cô mẫu là người có công đức, xin cô mẫu cứ yên tâm trồng trọt và mang lương thực cho cháu là được rồi ạ.’

Cô nói: ‘Nếu đã như vậy, thì cô mẫu yên tâm rồi. Xin cháu hãy phát một lời thề được không?’

Ta thầm nghĩ: Cô mẫu có ý gì? Dầu không có ý tốt thì cũng có thể tăng thêm duyên. Ta bèn đồng ý thề với cô mẫu. Cô mẫu vui mừng rồi đi.

Ta tiếp tục tu hành tinh tấn trong hang núi. Mặc dù đã dốc hết sức mình, nhưng ta vẫn không thể xuất sinh công đức Noãn Lạc. Khi đang suy nghĩ xem phải làm thế nào, thì tối hôm đó ta nằm mơ, ta mơ thấy ta đang cày trên một thửa ruộng rất cứng, không sao cày được. Khi ta vừa mới nghĩ tới việc từ bỏ thì thượng sư Mã Nhĩ Ba đột nhiên hiển hiện giữa không trung nói rằng: ‘Con trai! Hãy dùng sức mà cày! Chỉ cần con dũng cảm tiến về phía trước, đừng sợ nó cứng thì sẽ thành công!’ Nói xong thượng sư Mã Nhĩ Ba bèn cày phía trước, ta cày phía sau. Quả nhiên khắp thửa ruộng đều mọc lên những đám mạ tươi tốt.

Sau khi tỉnh dậy, lòng ta vô cùng hân hoan. Nhưng ta lại nghĩ giấc mơ chỉ là hiển hiện mơ hồ mà thôi, phàm phu thì không nên chấp trước hay coi trọng. Mình vui thích chỉ vì một giấc mơ, há chẳng phải là điều ngốc nghếch hay sao? Mặc dù như vậy, ta biết rằng đây là một điềm báo. Nếu nỗ lực tinh tấn, ta nhất định có thể xuất sinh công đức.

Lúc này ta đã định tới hang Hộ Mã Bạch tu hành. Vừa hay lúc đó cô mẫu mang tới 3 đấu bột mỳ, một chiếc áo da rách, một mảnh vải, một miếng mỡ bò và mỡ trâu trộn lẫn với nhau tới thăm ta. Cô mẫu phần nộ oán trách mà rằng: ‘Những thứ này là giá của cháu bán ruộng. Cháu cầm lấy những thứ này, rồi xin hãy đi tới một nơi mà tai cô không nghe thấy, mắt cô không nhìn

thấy. Bởi vì mọi người trong thôn đều nói: Văn Hỷ hại chúng ta thê thảm tới mức này, bây giờ bà lại gọi cậu ta về, tương lai người trong thôn có thể đều bị cậu ta giết tận! Nếu bà không bảo cậu ta đi, thì chúng ta sẽ giết bà cùng với cậu ta! Cho nên cô đến đây để nói cho cháu biết là tốt nhất xin cháu hãy tới một nơi thật xa! Giả sử cháu nhất định ở lại đây, họ e rằng không giết cô, mà ngược lại lại muốn giết cháu!’

Ta hiểu rằng người trong thôn chắc chắn sẽ không nói như vậy. Nếu ta là một người tu hành chân chính, ta quyết sẽ không vì bị cô tước đoạt ruộng đất mà nguyên rửa cô mẫu. Ta thề sẽ không phát lời nguyền, chứ không phải là muốn để cô lừa gạt chiếm ruộng đất của ta. Trong lòng ta nghĩ như vậy. Ta còn nói với cô mẫu rằng: ‘Cháu là một người tu luyện, điều người tu luyện cần nhất chính là tu đức nhẫn nhục. Nếu không thể nhẫn nại trước nghịch cảnh, thì sao có thể tu đức nhẫn nhục đây? Nếu tối nay cháu chết đi, không chỉ là ruộng đất chẳng có ích gì, mà bất kỳ vật gì trên thế giới cũng đều vô ích. Muốn thành Phật phải lấy việc tu đức nhẫn nhục làm điều then chốt, cô mẫu chính là đối tượng giúp cháu tu đức nhẫn nhục. Sở dĩ cháu có thể gặp được chính Pháp, cũng là ân đức của bá phụ và cô mẫu, vì để báo đáp ân đức khai thị của hai người, cháu phát nguyện hy vọng tương lai các vị sẽ trở thành Phật. Không những ruộng đất cháu không cần mà ngay cả nhà cửa cháu tặng lại cho cô mẫu cũng được.’ Nói xong ta bèn hát một bài.

Nhờ ân đức của thượng sư, tiêu diêu ẩn cư nơi núi rừng, họa phúc của đệ tử, Sư tôn đều hay biết. Thế nhân bận lòng vì sự nghiệp, sinh tử khó thoát, nếu tham pháp

tại thế gian, tuyệt đối có thể giải thoát cái gốc của sinh mệnh. Thế nhân bận hành ác, cuối cùng khổ nạn, tham luyến và sân si, dẫn con người vào chảo lửa. Tìm kiếm tài vật, việc, xung đột thường tự chiêu mời, rượu ngon như thuốc độc, uống vào khó giải thoát.

Cô mẫu ham tiền, nếu tâm tham không mệt, so đo vật thế gian, e lạc lối quở đời. Những lời của cô mẫu, đều là lời thị phi, người đa ngôn mới vậy, chẳng có lợi cho cô. Mọi điền sản của cháu, đều tặng cho cô mẫu, người theo pháp được tẩy tịnh, Phật điện ở trong tâm. Từ bi khổ độ linh, lửa khổ nghiệp rủi ro, ta là người hướng thượng, chẳng thể động tâm mình, Người thụ ơn từ bi, nguyện gia trì độ tử, tiêu diêu nơi sơn động.

Cô mẫu nghe ta hát vậy bèn nói: ‘Người giống như cháu đây mới là người tu hành thực sự!’ Và vô cùng mãn nguyện đi xuống núi.

Sau khi ta hứng chịu những kích động này, ta lại càng nổi lên cái tâm chán ghét với thế gian. Bởi lẽ ta quyết định từ bỏ nhà cửa và ruộng vườn nên ngược lại trong tâm cảm thấy an nhiên vô sự. Vậy nên ta lập tức nghĩ tới việc tu hành trong hang đá Hộ Mã Bạch. Động đá này là nơi ta bắt đầu tu hành cho đến ngày đạt được thành tựu sau này. Cho nên sau này được mọi người gọi là “Động đá phát túc”.

Ngày hôm sau, ta mang theo đồ ăn và tất cả những thứ vụn vặt bên mình, ngay khi mọi người còn chưa dậy, trời còn chưa sáng, ta đã đi bộ tới động đá Hộ Mã Bạch. Động đá này rất thích hợp làm nơi cư ngụ. Sau khi đến nơi, ta trải một tấm thảm cứng ra, phía trên lót một miếng lót nhỏ làm đệm ngồi thiền. Sau khi sắp

xếp mọi thứ xong xuôi, ta bèn hát một bài hát về thệ nguyện:

Trước khi ta chưa chứng đạo, chí thệ nguyện vẫn thường ở đây. Dầu nay chết vì đói vì lạnh, cũng không ham ăn ham mặc. Thà bệnh tật đến chết, cũng không xuống núi chữa trị, nhẫn khổ thà xả mệnh, cũng không xuống núi tìm thuốc. Cho đến giây phút ấy, không vì thân sắc này, mà cầu lợi nơi thế gian. Duy chỉ có tâm khẩu ý, dành quả vị đại giác.

Cầu xin thượng sư tôn, cùng chư phật mười phương, ban cho đại gia trì, nay chẳng phạm lời thề. Cầu xin thần vũ trụ, và chư thần hộ Pháp, giúp cho thiện duyên này, nay lời thề được toại nguyện.

Tiếp đó ta phát lời thề rằng: ‘Nếu con không thành tựu, không chứng ngộ được sự thù thắng, thì dầu cho phải chết vì đói cũng không xuống núi tìm cơm ăn, dầu cho chết vì lạnh cũng không xuống núi tìm áo mặc, dầu cho chết vì bệnh cũng không xuống núi tìm thuốc uống. Ta quyết tâm xả bỏ sinh mệnh đời này và mọi thứ liên quan đến thế tục. Tam nghiệp bất động (thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp là tam nghiệp, thân khẩu ý sẽ không bị mê hoặc, dao động bởi tất cả, nên gọi là tam nghiệp bất động), nhất tâm tu thành Phật, thỉnh xin thượng sư, các chư thần hộ Pháp trong vũ trụ gia trì thành tựu cho nguyện này của con. Nếu vi phạm lời thề này, lưu lại thân người không tu chính Pháp, thì chẳng bằng như đã chết. Vậy nên hể con vi phạm lời thề, thỉnh các vị chư thần hộ Pháp nhiều như biển cả lập tức đoạn tuyệt sinh mệnh của con. Sau khi con chết đi, cầu xin sư tôn gia trì ta được đầu thai làm thân người có thể tu chính Pháp.’

Từ lúc lập lời thề, hàng ngày ta chỉ ăn một chút, ngày qua ngày vẫn tiếp tục khổ tu.

Dẫu rằng tâm ta nắm giữ đại thủ ấn, nhưng vì đồ ăn quá ít, thể lực không đủ, hơi thở chẳng điều hoà, nên không thể sinh noãn lạc (“tướng ấm áp” và “tướng lạc quan” là tướng cộng hưởng của mọi thiền định, “ngốc hoá định” lại càng hiển lộ), ta thấy trong người vô cùng lạnh lẽo. Ta chỉ nhất tâm cầu xin thượng sư. Một đêm, trong cảm giác mơ hồ về ánh sáng, dường như ta nhìn thấy thượng sư Mã Nhĩ Ba, có rất nhiều cô gái vây quanh cúng dường ngài. Trong đó có một người nói: ‘Vị Milarepa đó nếu chẳng thể sinh noãn lạc thì làm thế nào?’ Thượng sư Mã Nhĩ Ba nói: ‘Cậu ấy nên tu hành như thế này, thế này.’ Nói rồi bèn làm tư thế tu cho ta xem. Sau khi tỉnh dậy, ta bèn làm theo phương pháp kết ấn Lục Táo (Một thể ngồi đặc thù). Để cầu sinh thân lạc, điều hoà hơi thở, dĩ mệnh căn phong (tức là sinh khí, nơi trông chờ của bát thức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, căn ý, Như Lai tạng) mà bó khẩu nghiệp, dùng tượng Phật Pháp Nhĩ tiện cho việc hàng phục những vọng tưởng, tâm vô cùng thần đẳng tự tại. Sau khi tu luyện như vậy, quả nhiên ta đã sinh được noãn lạc.

Mới một năm qua đi, mà trong tâm ta đã nghĩ tới việc muốn ra ngoài đi dạo, tới điền trang một chút. Khi chuẩn bị muốn đi, đột nhiên ta nghĩ tới lời thề của mình trước kia.

Bản thân ta lại càng thêm khích lệ mình phải ngày đêm tinh tấn không ngừng, đạo hạnh ngày một tăng lên. Cứ như vậy ba năm lại trôi đi.

Mặc dù cả năm ta chỉ ăn một chút bột mì, nhưng vài năm sau thì lương thực cũng hết, cuối cùng chẳng

còn chút gì mà ăn. Ta thấy nếu cứ tiếp tục như vậy thì chỉ còn đường chết đói. Ta nghĩ tới thể nhân dùng thân người trần quý mà theo đuổi tiền tài không mệt mỏi, đắc được một chút thì vui thích, mất đi một chút thì khổ não, quả thực đáng thương. Làm giàu có cho vàng bạc trong Tam thiên đại thiên thể giới, so với sự nghiệp thành Phật, quả thực chẳng đáng kể gì. Nếu không thể thành Phật mà xả bỏ thân thể này một cách vô ích, thì quả là quá đáng tiếc thay. Thế nên phải chăng ta cần đi tìm một chút đồ ăn để duy trì sinh mệnh này? Đồng thời ta lại nhớ tới lời thề trước kia, rốt cuộc có nên xuống núi không? Suy đi tính lại, ta cảm thấy lúc này cần phải rời đi, không phải vì ham chơi, mà là vì cần nguồn lương thực thiết yếu để tu Pháp. Cho nên làm vậy không những không được tính là đã vi phạm lời thề, mà còn là việc nên làm. Vì để cầu một chút lương thực cho khổ hạnh, ta đã đi tới trước động đá Hộ Mã Bạch.

Nơi ấy ngược mắt nhìn thấy rộng rãi, ánh mặt trời ấm áp, nước suối trong veo, khắp mặt đất cỏ xanh tốt và cây tầm gai dại xanh mượt. Ta vừa nhìn thì trong lòng vô cùng vui thích, thầm nghĩ: ‘Thế này thì chẳng cần xuống núi nữa, có thể ăn cây tầm gai ở đây rồi.’ Từ đó về sau ta ăn cây tầm gai để sống qua ngày và tiếp tục tu hành.

Sau đó rất lâu, quần áo bên ngoài cũng rách nát không còn một mảnh vải. Bởi vì chỉ ăn mỗi cây tầm gai mà không có bất kỳ đồ ăn nào khác, nên người ta chỉ còn sót lại da bọc lấy xương, tóc và lỗ chân lông vì chỉ ăn cây tầm gai mà đều đổi thành màu xanh.

Ta bỗng nhớ tới bức thư trong chiếc túi gấm mà thượng sư cho ta, ta nâng bức thư lên đỉnh đầu, niệm

vui không tả xiết. Mặc dù không có một chút đồ ăn, nhưng cứ như ta đã được ăn một món rất ngon vậy. Ta cảm thấy vô cùng dễ chịu và mãn nguyện. Ta muốn mở bức thư ra xem, nhưng có một điềm báo nói rằng thời khắc mở bức thư chưa đến nên ta không mở ra. Cứ như vậy lại một năm qua đi.

Một hôm, một nhóm người đi săn dắt theo chó đang săn mồi thì chẳng săn được thứ gì, vô tình đi tới trước động của ta, vừa nhìn thấy ta thì vô cùng sợ hãi hét lớn: ‘Ông là người hay là ma?’

Ta nói: ‘Ta là người, là một người tu hành!’

Họ nói: ‘Sao ông lại thành ra bộ dạng này? Sao cả người lại xanh lét như vậy?’

‘Vì ta ăn tầm gai quá lâu rồi nên mới thành ra như vậy.’

‘Lương thực ông tu hành ở đâu? Cho chúng tôi ăn lương thực của ông với, sau này chúng tôi sẽ trả ông tiền. Nếu ông không lấy được đồ ăn ra chúng tôi sẽ bắn chết ông.’ Họ bèn nhìn một lượt khắp động, uy hiếp ta rất ghê gớm.

‘Ngoài tầm gai ra, ta chẳng có gì khác. Nếu có thì cũng chẳng phải giấu. Vì ta tin rằng với người tu hành, chỉ có người cúng dường đồ ăn, chứ quyết không ai đi cướp đồ ăn của người tu hành.’

Một người thợ săn trong số họ nói: ‘Cúng dường cho người tu hành thì có ích gì?’

Ta nói: ‘Cúng dường cho người tu hành thì có phúc khí.’

Ông ta cười nói rằng: ‘Được rồi! Được rồi! Tôi sẽ cúng dường ông một lần!’ Nói xong, ông ta bèn ôm ta từ chỗ ngồi ném xuống đất, rồi lại nhắc ta quăng lên,

ném xuống rồi lại quăng lên. Quăng quật như vậy khiến thân thể yếu ớt của ta tự nhiên không thể chịu nổi, đau khổ muôn phần. Mặc dù họ làm nhục ta như vậy, nhưng trong tâm ta vẫn sinh tâm từ bi với họ, vô cùng thương xót họ, nước mắt cứ tự nhiên rơi xuống.

Một người thợ săn khác không hành hạ ta mà ngồi một bên bèn nói: 'Này, các người không được làm như thế. Ông ấy quả thực là một hành giả tu khổ hạnh đấy! Dầu ông ấy không phải là một người tu hành, mà sỉ nhục một người gầy như que củi thế này cũng không được coi là anh hùng, hảo hán! Huống hồ bụng chúng ta cũng sẽ bị đói vì ông ấy. Những chuyện không hợp đạo lý thế này tốt nhất là đừng có làm!' Rồi ông ta quay sang nói với ta: 'Hành giả Yoga! Ta thực sự bái phục ông. Ta không làm phiền ông, xin ông hồi hướng bảo hộ ta.' Người thợ săn làm nhục ta lại nói: 'Ta đã cúng dường ông lên xuống rồi đó. Ông cũng nên hồi hướng bảo vệ ta.' Nói rồi cười ha hả bước đi.

Ta vẫn không niệm chú, có thể Tam Bảo sẽ trừng phạt họ, có thể đó là báo ứng cho ác nghiệp của bản thân ta. Nghe nói không lâu sau đó xảy ra chuyện, pháp quan đã xử tử hình người thợ săn đó. Ngoài người thợ săn nói là đừng bắt nạt ta ra thì những người còn lại đều chịu án rất nặng.

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 9)

“Lại một năm nữa, tất cả y phục mà ta vận đều đã rách nát, cái áo khoác da mà cô mẩu bán đất đưa cho ta cũng giống như da người chết rồi. Ta muốn lấy những thứ này may thành một cái nệm ngồi. Nhưng lại nghĩ, mệnh người vô thường, có thể tối nay ta sẽ chết, chi bằng tu định nhiều thêm một chút, liền lột cái áo rách đó xuống dưới thân ta, phần thân dưới lấy thứ gì đó che lại, lấy một mảnh da của cái túi đựng bột mỳ bị rách đặt lên, rồi lại phủ một mảnh vải rách lên chỗ cần che trên thân. Nhưng mảnh vải đó thực sự đã quá cũ nát rồi, không thể dùng được nữa. Ta muốn khâu nó lại một chút, nhưng lại không có kim chỉ. Cuối cùng ta đành phải dùng cỏ lau bện một cái dây, buộc ba thứ đó lại, cột vào thân trên và giữa eo, phần thân dưới cũng che đầy lại một chút. Cứ như vậy mà ngồi trên mặt đất. Ban đêm dùng cái áo da và tấm nệm rách để chống chọi qua đêm, ngày ngày ngồi tĩnh tọa tư duy. Vậy là lại một năm trôi qua.

Một hôm đột nhiên ta nghe có tiếng người làm ồn ào, rất nhiều người chạy đến trước cửa động. Họ nhìn vào trong động thấy một đồng xanh rì có hình người, sợ hãi hét lên ‘Có quỷ, có quỷ’, nói xong quay đầu chạy như bay, người đi sau không tin nói: ‘Giữa thanh thiên bạch nhật sao lại có quỷ được? Các anh đã nhìn rõ chưa? Để chúng tôi đến xem xem nào’, họ đến gần nhìn cũng rất sợ hãi. Ta liền nói với họ: ‘Ta không phải là

quý, ta là một hành giả tu định ở trong động này’, rồi kể chi tiết lai lịch của mình cho họ nghe.

Lúc đầu họ không tin, đến khi vào trong động xem kỹ một lượt, phát hiện chẳng có gì, chỉ có một ít cây gai, lúc đó họ mới tin. Do vậy, họ đã cho ta rất nhiều tấm ba (một loại bột mỳ) và thịt, còn nói với ta: ‘Chúng tôi thực sự khâm phục người tu hành như ông, xin ông hãy siêu độ cho những động vật mà chúng tôi đã sát sinh, tịnh trừ tội nghiệp của chúng tôi’, họ thành kính lễ bái rồi đi.

Bao nhiêu năm nay, đây là lần đầu tiên ta được nhận thức ăn do người làm, trong tâm vô cùng vui mừng, liền nấu thịt lên ăn. Thân thể lập tức cảm thấy rất thoải mái, sức khỏe cũng cải thiện, trí huệ cũng nhạy bén, đạo hành khởi lên chứng giải thâm sâu, rộng lớn, cũng sản sinh ra không lạc khác với trước đây. Ta nghĩ trong tâm: ‘Cúng dường rất nhiều tài sản cho vị pháp sư có cuộc sống an nhàn và sung túc trên thế gian cũng không thể tích nhiều công đức bằng cúng dường một bát cơm cho người tu hành chân chính, thể nhân người dật hoa trên gấm thì nhiều mà người đưa than sưởi ấm trong ngày tuyết rơi thì ít, thật là đáng tiếc!’

Ta ăn tấm ba và thịt rất dè sẻn, một thời gian sau thịt chưa ăn hết xuất hiện rất nhiều giòi bọ, ta muốn vớt hết lũ giòi bọ này đi rồi lại ăn. Nhưng suy nghĩ kỹ, làm vậy là đi ngược lại Bồ Tát hành, ta không nên cướp đồ ăn của giòi bọ đang ăn để ăn, cho nên đành phải ăn cây gai như trước.

Một đêm, một tên trộm muốn lấy đồ ăn và đồ đạc của ta, hần lén lút chạy vào trong động tìm kiếm. Ta không nhìn được cười ha hả, ta nói: ‘Này anh bạn, ban

ngày ta còn chẳng tìm thấy gì, vậy mà ban đêm anh lại còn muốn tìm cái gì chứ?’ Anh ta nghĩ một lúc rồi cũng cười theo, một lúc sau cũng ái ngại mà bỏ đi mất.

Lại một năm nữa trôi qua, có một nhóm thợ săn người vùng Gia Nga Trạch quê hương của ta, đi săn chẳng được con nào nên chạy tới trước cửa động của ta. Trông thấy ta ngồi một đống xanh rì, vắt ba mảnh vải trên người, trông như một bộ xương khô đang ngồi ở đó, họ bèn sợ run rẩy giương cung lên nhắm vào ta, cất tiếng hỏi: ‘Người là người hay là quỷ? Là thú vật hay là hình ảnh? Sao trông giống quỷ vậy?’

Ta ho khan một tiếng nói: ‘Ta là người, không phải quỷ.’

Những người này nghe thấy giọng ta, có người nhận ra nói: ‘Ông chẳng phải là Văn Hỷ sao?’

Ta nói: ‘Đúng vậy, ta chính là Văn Hỷ.’

‘Vậy sao, thế thì hôm nay xin ông cho chúng tôi ít đồ ăn, chúng tôi đi săn cả ngày mà chẳng được con nào, xin ông cho chúng tôi mượn ít đồ ăn, sau này chúng tôi sẽ trả lại cho ông.’

Ta nói: ‘Tiếc là ta chẳng có thứ gì cho các anh ăn cả.’

‘Vậy à, không sao đâu, xin hãy cho chúng tôi ăn thứ mà ông ăn là được rồi.’

‘Ở đây ta chỉ có cây gai thôi, các anh hãy nhóm lửa nấu cây gai lên ăn vậy.’

Nghe ta nói vậy, họ liền nhóm lửa nấu cây gai lên ăn. Họ nói: ‘Chúng tôi cần một ít bơ để cho vào nấu cùng.’

‘Có bơ thì tốt quá, ta đã không dùng bơ mấy năm nay rồi, trong cây gai cũng có dầu mà.’

‘Vậy xin ông hãy cho chúng tôi một ít đồ gia vị cũng được.’

‘Ta cũng không dùng gia vị mấy năm rồi, trong cây gai cũng có hương liệu làm gia vị rồi.’

Những người thợ săn nói: ‘Vậy thì dù thế nào cũng cho chúng tôi một chút muối.’

Ta nói: ‘Có muối thì còn nói làm gì nữa, ta không dùng muối mấy năm rồi, trong cây gai cũng có muối rồi.’

Những người thợ săn nói: ‘Ông ăn mặc thật chẳng ra làm sao, chẳng giống cuộc sống của con người chút nào! Dù ông có đi làm công cho người ta thì chí ít cũng được ăn no mặc ấm. Chao ôi, thế gian này không tìm nổi một người vừa nghèo khổ, vừa đáng thương như ông.’

Ta nói: ‘Xin các anh đừng nói vậy, ta là người thù thắng khó gặp nhất trong con người. Ta đã gặp đại dịch sư Mã Nhĩ Ba, đắc được câu chú lập thân thành Phật, sống trong vùng núi tịch lặng không người, buông bỏ những mong nghĩ trong đời này, tu hành thiền định, thành tựu tam muội, danh, tiếng, kính trọng, quần áo, ăn uống, tài sản, lợi không thể động đến tâm của ta. Do vậy ta đã buông bỏ được hết thủy phiền não nơi thế gian. Trên thế gian không có ai xứng là nam tử hán đại trượng phu giống như ta. Các anh mặc dù lớn lên ở vùng đất Phật Pháp thịnh vượng, nhưng đừng nói tu hành, ngay cả tâm ý nghe Pháp cũng không có, cả đời này của các anh chỉ bận rộn phạm tội làm điều ác, chỉ e xuống địa ngục không lâu, chỉ e thời gian không còn nhiều nữa. Các anh mới là những người đáng thương nhất, nghèo khổ nhất trên thế gian. Nội tâm của ta thường xuyên vui vẻ, yên định. Để ta hát cho các anh một khúc hát tu hành hoan lạc nhé.’

Họ đều rất hiếu kỳ, hào hứng lắng nghe ta hát:

‘Kính lễ đại ân thầy Mã Nhĩ Ba, nguyện xả thân này để cầu được gia trì; trong hang Hộ Mã Bạch Nhai, có ta thầy yoga Mật Lặc. Để cầu Vô Thượng Bồ Đề đạo, không quan tâm ăn mặc, xả thân này; bên dưới vui vì có tấm nệm mỏng, bên trên vui vì có áo bông Bát Ba (ghi chú: Bát Ba là tên một địa danh ở Nepal ngày nay) tu mang theo an lạc, bình ổn, cơ hàn bình đẳng hoan thân lạc; bỏ đi vọng niệm, tâm tính vui vẻ, luôn luôn thoải mái; thể này cũng vui, thể kia cũng vui, ta cảm thấy hết thảy đều vui, vì nói liệt căn vô duyên bối, ta vì cái lợi cuối cùng. Mệnh của ta không biết lúc nào hết, không có thời gian làm những việc trần tục, để chứng viên mãn quả vị Phật Đà, xin chớ quấy rầy việc ta tu thiền.’

Nghe ta hát xong, họ nói: ‘Ông hát hay quá! Niềm vui mà ông nói có lẽ là thật. Nhưng chúng tôi lại không làm được. Hẹn gặp lại.’ Rồi họ cùng nhau xuống núi.

Những người dân trong thôn tôi, Gia Nga Trạch hàng năm đều tổ chức đại hội đúc tượng Phật. Trong đại hội năm nay, những người thợ săn kia đều đồng thanh hát bài hát tu hành hoan lạc của ta. Mọi người đều khen ngợi bài hát này rất hay. Lúc đó em gái của Tỳ Đạt cũng đến lễ hội hành khất, nghe bài hát này xong, cô ấy nói: ‘Tác giả của bài hát này có lẽ là một vị Phật.’

Một thợ săn cười lớn nói: ‘Ha ha, là Phật hay là chúng sinh thì tôi không biết, nhưng bài hát này là của một người đói khổ đến nỗi chỉ còn da bọc xương, sắp chết đói rồi mà vẫn hát một cách vui vẻ đó.’

Tỳ Đạt nói: ‘Phụ mẫu ta mất từ rất sớm, bạn bè người thân đều coi ta là kẻ thù, anh trai cũng không biết đi đâu mất, chỉ còn lại một mình đưa con gái như ta

khổ sở đi xin ăn, các anh còn lấy ta ra làm trò đùa nữa, chẳng phải tâm địa các anh quá độc ác sao?’ Nói rồi nức nở khóc. Lúc đó Kết Tái cũng ở lễ hội, thấy Tỳ Đạt khóc liền khuyên cô rằng: ‘Đừng khóc nữa, người hát bài hát này xem chừng rất giống huynh trưởng của muội. Mấy năm trước ta cũng từng nhìn thấy huynh ấy. Sao muội không đến hang Hộ Mã Bạch Nhai xem xem liệu có phải huynh ấy không? Ta cũng đi cùng với muội nhé!’

Tỳ Đạt nghe thấy rất có lý, liền mang một bình rượu và một ít tấm ba mà người ta bố thí cho Lạt Ma để đi đến Hộ Mã Bạch Nhai.

Tỳ Đạt đến hang Hộ Mã Bạch Nhai, đứng ngoài cửa hang ngóng vào trong, nhìn thấy ta đang ngồi đó, mắt trũng sâu thành hai cái hốc lớn, xương xẩu nhô ra từng cục, giống như đỉnh núi vậy. Toàn thân một chút thịt cũng không có, da và xương cứ như sắp sửa rụng ra, lỗ chân lông khắp người đều có màu xanh rì, tóc vừa dài vừa rậm, ta ngồi đó lù lù một đống rối bời, chân tay co quắp như thể sắp vỡ ra. Tỳ Đạt mới nhìn tưởng là quỷ, sợ đến nỗi muốn chạy mất, đột nhiên nghĩ đến câu ‘Anh trai cô sắp chết rồi’, liền nghi hoặc hỏi: ‘Ông là người hay là quỷ?’

‘Ta là Mật Lặc Văn Hỷ.’

Cô ấy vừa nghe đã nhận ra giọng ta, liền chạy vào động ôm lấy ta gọi: ‘Anh trai ơi, anh ơi’, rồi lăn ra ngất xỉu.

Ta nhận ra em gái Tỳ Đạt, vui buồn lẫn lộn. Nghĩ đủ mọi cách mới khiến cô ấy tỉnh lại. Cô ấy hai tay ôm mặt khóc, nói: ‘Mẫu thân nhớ anh đến nỗi chết rồi. Trong làng không còn ai muốn giúp đỡ em, không chịu nổi khổ sở, em đành phải đi khắp nơi xin ăn. Trong tâm

luôn nghĩ: ‘Anh đã chết hay còn sống? Nếu còn sống thì cuộc sống chắc là vui vẻ lắm’. Ai ngờ anh lại ra nông nổi này. Trên đời này còn có ai đáng thương hơn anh em chúng ta chứ?’ Nói rồi gọi to tên phụ mẫu, dậm ngực dậm chân, gào khóc thảm thiết.

Ta gắng sức khuyên nhủ cô ấy nhưng không có kết quả gì, bèn hát cho cô ấy nghe một bài hát rất bi thương.

Tỳ Đạt nói: ‘Nếu quả đúng như vậy thì cũng là hiếm có khó tìm, nhưng thực tế thì e không làm nổi. Nếu đúng là như vậy, tại sao những người theo học Phật không giống như anh? Cho dù không hoàn toàn trông giống như anh thì cũng hẳn phải có một số người giống anh. Kiểu người tu luyện như anh, em chưa từng nghe ai nói đến.’ Vừa nói vừa mang rượu và đồ ăn ra cho ta ăn. Ta ăn xong, lập tức cảm giác trí huệ thông suốt. Tối hôm đó, đạo hành đã có sự tăng trưởng vô cùng lớn.

Sáng hôm sau khi Tỳ Đạt đi rồi, thân và tâm ta đồng thời cảm nhận được sự đau nhói của niềm an lạc và thống khổ, trong tâm cảnh xuất hiện các loại biến hóa và dấu hiệu của thiện lẫn không thiện. Mặc dù cố gắng loại bỏ tu quan cũng không làm được. Mấy hôm sau, Kết Tái mang rất nhiều bơ, thịt và cả một vò rượu ngon, cùng Tỳ Đạt đến thăm ta. Vừa lúc gặp ta ra ngoài lấy nước về, trên người hầu như chẳng còn chút quần áo nào, toàn thân một màu xanh rì, họ không dám nhìn ta bèn quay đầu đi, đứng bên cạnh khóc.

Ta vào động ngồi xuống, họ liền mang tám ba, bơ, rượu và thịt cho ta ăn.

Tỳ Đạt nói với ta: ‘Anh à, trông anh không giống con người chút nào, hãy ra ngoài xin ít đồ ăn của người

ta rồi về tu hành không được sao? Em cũng sẽ nghĩ cách kiếm cho anh một bộ quần áo để mặc.’

Kết Tái cũng nói: ‘Dù thế nào thì huynh cũng nên đi hóa duyên xin ít đồ ăn, ta cũng sẽ nghĩ cách tìm cho huynh một bộ quần áo.’

Ta nói: ‘Anh lúc nào chết còn chưa biết, đi hóa duyên chỉ lãng phí thời gian, có ý nghĩa gì đâu? Dù có chết đói chết rét thì cũng vì Pháp mà chết, anh sẽ không hối tiếc gì. Buông bỏ tu hành, chạy khắp nơi để kiếm đồ ăn, cố gắng tích lũy của cải, ăn ngon, mặc đẹp, ăn uống lu bù với bạn bè người thân, hát hò buôn chuyện, sống cuộc đời vui vẻ, cuộc sống như vậy chỉ uống phí đời người, anh nhất quyết phản đối. Cho nên các em cũng không cần tìm quần áo cho anh nữa, anh cũng sẽ không đi hóa duyên. Ai cảm thấy thế nào đúng thì làm thế nấy.’

Tỳ Đạt nói: ‘Anh đúng là tự tìm cái khổ mà chịu, em không biết làm thế nào mới khiến anh hài lòng, xem ra anh cũng chẳng còn cách nào khác để hành hạ bản thân nữa, để khiến anh khổ hơn nữa đâu.’

Ta nói: ‘Anh đây có gì mà khổ, tam ác đạo mới thực sự là khổ, nhưng chúng sinh thật dễ làm điều ác, những kẻ tự mình đi tìm cái khổ mà chịu này quả là nhiều vô kể. Anh rất mãn nguyện với cuộc sống này của mình rồi’, liền hát một bài ca mãn nguyện cho họ nghe.

Kết Tái nghe ta hát xong, cảm khái nói: ‘Những điều trước đây huynh nói hoàn toàn thống nhất với những điều hiện nay huynh làm, thực khiến người ta khâm phục.’

Tỳ Đạt nói: ‘Dù anh có nói thế nào, nhưng thấy anh chẳng có một chút quần áo hay đồ ăn nào, em quả thực không cam tâm. Dù thế nào em cũng nghĩ cách tìm cho

anh một bộ quần áo. Anh nói vì tu hành nên không đi tìm đồ ăn, có chết cũng không hối hận, nhưng trước khi anh chết, em vẫn phải nghĩ cách kiếm quần áo và thức ăn cho anh.'

Nói rồi họ cùng nhau đi mất.

Sau khi được ăn ngon, cảm giác đau đớn vì khổ lạc trên thân thể và những can nhiễu trong ý niệm ngày càng lớn, khiến ta không thể nào tu tiếp được nữa. Ta liền mở bức thư của Thượng Sư ra xem. Trên đó viết các loại chú quyết để trừ chướng tăng lợi, chuyển qua hoan vi công đức, đặc biệt nhắc nhở ta hiện giờ nên ăn uống cho no. Nhờ năng lượng mà trước đây ta không ngừng cố gắng tu hành, khiến cho các yếu tố trên thân thể (chỉ bốn yếu tố lớn: đất, nước, lửa, gió, tức là những yếu tố được gọi là vật chất) đều tập trung ở trong mạch, vì ta ăn quá ít đồ ăn nên không có năng lượng để hóa giải những thứ này.

Ta liền uống chút rượu mà Tỳ Đạt mang đến và ăn chút thức ăn mà Kết Tái mang đến, rồi theo chỉ thị trong sách, theo tâm yếu, khí yếu và quan yếu, nỗ lực tu hành. Đả khai các nút kết của tiểu mạch trên thân, lại đả khai các nút kết của trung mạch, sản sinh ra cảm giác hoan lạc, minh mẫn, vô niệm chưa từng có trước đây. Cảnh giới đó không ngôn ngữ nào có thể hình dung được. Loại cảm thụ bất động này chứng ngộ công đức, kiên cố, quảng đại, chuyển khiếm khuyết thành công đức. Ta thông suốt được vọng niệm tức là pháp thân, hiểu được hết thấy pháp về niết bàn luân hồi đều là duyên khởi, hết thấy chủng thức tự tâm vốn cách hết thấy phương sở, những hành vi sai trái sẽ phải chịu luân hồi, còn hành động thiện lương giải thoát thì được về niết

bàn. Mà thể tính sinh tử niết bàn đều là bất nhị không tính (chính là vấn đề bất nhị pháp môn được nói đến trong kinh Duy Ma Cật Sở). Cơ sở để sinh ra loại công đức này chính là nhờ khổ tu thanh tịnh tích lũy thành, sự trợ giúp để sinh ra loại công đức khác nhau chính là đồ ăn và khẩu quyết thâm sâu, thờ tín tâm quyết định, hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng Dĩ Tất.

Ta tiếp tục nỗ lực tu hành, dần dần cảm thấy ban ngày thân thể có thể biến hóa tùy ý, có thể bay lên không trung và triển hiện các loại thần thông. Ban đêm trong mộng có thể du hành đến đỉnh thế giới, có thể đập tan sông hồ, có thể hóa thành hàng trăm nghìn hóa thân, đến vùng đất của chư Phật để nghe Pháp Yếu, thuyết pháp cho vô lượng chúng sinh. Thân thể ta có thể vào nước, lửa, có được các loại Thần biến không thể tưởng tượng được. Trong tâm ta nảy sinh hoan hỷ, vừa vận dụng, vừa tiếp tục tu trì thần thông. Không lâu sau, ta thực sự có thể bay trên không trung, ta liền bay đến đỉnh Nhã Môn Khứ Tự để tu quan, sản sinh chuyết hỏa noãn lạc chưa từng có.

Khi bay trở lại hang Hộ Mã Bạch Nhai, qua xóm Nhung Nga, có hai cha con đang cày ruộng, họ vốn thuộc về nhóm người ủng hộ bác trai. Người cha đang giơ cuốc lên cuốc đất, cậu con trai đang dắt trâu cày ruộng. Cậu con trai ngẩng đầu nhìn thấy ta đang bay trên không trung, lập tức hô lên: ‘Cha ơi nhìn kia, trên trời có một người đang bay kia’. Cậu ta quên mất công việc đồng áng, ánh mắt dõi theo tư thế của ta bay trên không trung. Cha cậu ấy nói: ‘Có gì hay đâu mà nhìn, Dưỡng Sát Cát Cẩm Bạch Trang Nghiêm Mẫu ở Gia Nga Trạch sinh được một đứa con trai là ác quỷ, vô cùng

độc ác, người ta gọi nó là ‘Ác Quỷ Mật Lặc’, chính là nó đấy. Chớ để hình ảnh của nó làm mê mờ con, hãy chăm chỉ cày cấy đi.’ Ông già kia sợ nhìn thấy ta, liền lẫn trốn hết chỗ này đến chỗ khác. Cậu con trai nói: ‘Nhìn thấy người sống đang bay thật thú vị quá. Nếu con có thể bay được, thì dù có bị cắt chân cũng bằng lòng.’ Thế là cậu ấy bỏ dở việc đồng áng, mắt chăm chú ngắm nhìn ta trên không trung.

Lúc đó ta nghĩ rằng mình đã có khả năng có thể mang lại lợi ích cho chúng sinh, ta nên đi hồng Pháp độ chúng sinh mới phải. Nhưng Bản Tôn xuất hiện nói với ta: ‘Nên làm theo lời căn dặn của Thượng sư tu hành đến hết đời mới phải, trên thế gian này không có sự việc nào có thể có lợi cho hồng Pháp cứu chúng sinh hơn việc tu luyện.’ Ta liền nghĩ trong tâm: Trách nhiệm tu hành suốt đời để làm gương cho những người tu hành sau này sẽ có lợi ích to lớn cho chúng sinh và giáo Pháp trong tương lai. Do vậy ta quyết định vẫn tu hành trong núi suốt đời.

Ta lại nghĩ: ‘Ta ở nơi đó đã nhiều năm rồi, người biết đến ta ngày càng nhiều. Hôm nay đứa trẻ này còn nhìn thấy ta đang bay, sau này e rằng người đến xem sẽ ngày càng đông. Nếu tiếp tục ở đây thì có bị rơi vào thế gian bát pháp, bị dụ dỗ bởi quỷ trên trời và những lời khen tụng danh tiếng, cuối cùng tất địa (*nghe là thành tựu*) có thể chấm dứt. Hay là đến thắng địa (Khứ Ba) của Thượng sư thọ ký để tu hành.’ Ta liền khoác cái nôi đất nấu cây gai lên vai rời khỏi hang Hộ Mã Bạch Nhai.

Vì trường kỳ khổ tu nên thể lực của ta không đủ, quần áo rách tơi tả buông thõng xuống đất. Đi không cẩn thận bị xảy chân trượt ngã trên đường. Dây buộc

bị đứt làm cái nồi đất cũng rơi vỡ mất. Trong nồi còn có một nắm cây gai còn tươi, rơi tung tóe trên đất. Nhìn thấy cảnh này, ta nghĩ đến đạo lý ‘vô thường’, nảy sinh tâm xuất lý tinh tiến. Vừa hay phía sau sườn núi có một người thợ săn đang ăn, chạy đến xem thấy ta đang cầm cái nồi vỡ trên tay, bèn hỏi: ‘Cái nồi đã vỡ rồi, ông còn cầm nó làm gì? Thân thể ông vừa gầy vừa xanh xao, ông bị làm sao vậy?’

Ta thuật lại vắn tắt cho anh ta nghe quá trình tu hành của mình. Anh ta nghe xong nói: ‘Người như ông thật hiếm có khó gặp, mời ông lên trên cùng ăn với chúng tôi được không?’ Ta liền cùng họ lên sườn núi. Ở đó còn có mấy người thợ săn đang ngồi, một người trong đó nói: ‘Này anh bạn, tôi thấy mắt anh rất sáng, nếu anh không khổ tu mà dành thời gian làm các việc thế gian, thì nhất định có thể cưới vợ tử tế như cưới ngựa, nhà anh sẽ có những gia súc và người ở tốt nhất, hưởng thụ vinh hoa phú quý, không ai dám ăn hiếp anh. Anh có thể sống những ngày hạnh phúc. Nếu không thì chí ít anh làm kinh doanh cũng có thể tự nuôi sống bản thân, sống cuộc sống thoải mái. Dù không may nếu có làm người ở cho người ta, cũng có thể được ăn no mặc ấm, tóm lại đều tốt hơn nhiều so với tình trạng của anh hiện nay. Trước đây có thể anh không biết làm thế nào, sau này anh làm theo lời chúng tôi nói thì nhất định sẽ tốt.’

Một ông lão khác nói: ‘Thôi đi, cậu chớ nói lung tung, vị này là một người chân tu, làm sao nghe được lời nói của người phàm tục chúng ta, mau ngậm cái miệng nhiều lời lại, thưa ngài, giọng của ngài thật hay, xin ngài hãy hát cho chúng tôi nghe một bài.’

Ta nói: ‘Các người nhìn ta cảm thấy ta vô cùng đáng thương. Nhưng trên thế gian này e là không tìm được ai có cuộc sống hạnh phúc, vui vẻ hơn ta đâu.’

Ta rời nhóm thợ săn đi về hướng Khúc Ba, đi qua Ba Khố, đến Đình Nhật, bèn nằm nghỉ một lát ở bên đường. Có mấy cô nương trang điểm xinh đẹp chuẩn bị đi tham dự Pháp hội, đi qua thấy ta nằm đó với thân thể gầy gò như que củi, một cô nương nói: ‘Các cô mau đến xem, người này thật đáng thương, chúng ta phải phát nguyện rằng kiếp sau không được có thân thể như người này.’

Một cô nương khác nói: ‘Thật đáng thương, ai nhìn thấy bộ dạng này cũng sẽ thương tâm.’

Họ không ngờ rằng trong tâm ta cũng đang nghĩ, những chúng sinh vô tri này thật đáng thương, bất chợt khởi lên lòng thương xót vô hạn đối với họ, liền đứng dậy nói với các cô gái rằng: ‘Ồ, xin các cô đừng nói vậy, cũng không cần cảm thấy buồn như vậy. Nói thật là các cô có phát nguyện muốn có một thân thể như ta cũng không dễ đâu. Các cô xót thương cho ta ư, thương hại cho ta ư? Ta nói với các cô rằng tà kiến mới thực là đáng thương, ngu tri mới thực là đau xót.’

Một cô gái nghe xong liền nói với một cô bên cạnh: ‘Ông ấy chính là Milarepa! Chúng ta chỉ nhìn người khác mà không nhìn thấy mình nên mới nói những lời không hợp lý này, chúng ta nên sám hối với ông ấy.’

Hai người họ liền đến trước mặt ta quỳ xuống xin sám hối, còn dâng tặng ta bảy chiếc vỏ sò nhỏ, những cô gái còn lại cũng cùng nhau quỳ xuống trước ta, xin ta thuyết Pháp.

Ta đến Bồ Lâm, nghe nói tình hình cụ thể ở Khúc Lâm và Kỳ Phổ, bèn quyết định đến hang Thái Dương ở Kỳ Phổ tu hành, ta ở lại hang Thái Dương mấy tháng, giác chứng đều tiến bộ rất nhanh. Người dân ở Bồ Lâm thường xuyên mang thức ăn đến cúng dường ta, lúc đó có rất nhiều người đến thăm ta, dần dần ta cảm thấy việc tu định có một chút trở ngại, liền muốn đến tu hành ở nơi thâm sơn không người mà sự phụ chỉ thị.

Lúc này Tỳ Đạt đã kiếm được một ít lông dê, dệt thành một tấm vải lông, cô mang vải lông chạy đến hang Hộ Mã Bạch Nhai tìm ta, nhưng ta đã đi rồi, cô liền đi xung quanh hỏi tin tức của ta. Có người nói: ‘Ở Thượng Phương Cống Thông có một hành giả Yoga trông giống ma thảo trùng, từ Ba Khố đi qua đó về phía Nam.’ Tỳ Đạt nghe xong biết đó là ta, liền đi về phương Nam tìm ta. Đi đến Bồ Lâm, vừa hay gặp Đại Thích Sư Ba Nhật đang mở Pháp hội. Trên Pháp tọa của Ba Nhật Thích Sư có phủ một tấm nệm cao mấy tầng, một cái ô lớn trang trọng treo trên đỉnh đầu, những dải lụa ngũ sắc bay phấp phới. Các đệ tử Lạt Ma bận rộn thổi tù và, uống rượu, thưởng trà; Người đến Pháp hội vô cùng đông đúc, thật là một thịnh hội náo nhiệt. Tỳ Đạt thấy cảnh tượng này, trong lòng nghĩ: ‘Người khác học Phật thì được hoàn cảnh hưởng thụ này, còn anh mình học Phật lại thật đặc biệt. Ngoài việc tự tìm cái khổ ra thì không có chút gì hay cả, còn bị người ta chê cười, người thân cũng vì thế mà mất mặt. Lần này gặp anh ấy, mình nhất định phải thuyết phục anh, nghĩ cách đưa anh đến làm đệ tử lạt ma cho vị Ba Nhật này.’

Tỳ Đạt hỏi mọi người ở pháp hội về tin tức của ta, có người nói với cô ấy rằng ta ở Kỳ Phổ, do vậy Tỳ Đạt

liền đi qua Bồ Lâm đến Kỳ Phổ, cuối cùng tìm được ta, vừa gặp mặt liền nói với ta: ‘Anh à, pháp mà anh tu là một pháp dạy người ta ăn không có mà ăn, mặc không có mà mặc, thực là đáng hổ thẹn, khiến em thực sự không còn mặt mũi nào mà nhìn người khác nữa. Chỗ khác thì không nói, thân dưới của anh chẳng có thứ gì che đậy, thật khó coi quá, giờ xin anh hãy lấy tấm vải lông này làm một cái khố vậy.’

‘Anh xem những người học Phật khác, như Đại Thích Sư Ba Nhật ấy, phía dưới ông ấy là tấm nệm dày mấy tầng, phía trên ông ấy che ô đại bảo, trên người ông mặc toàn lụa là gấm vóc, vừa uống trà, vừa thưởng rượu, các môn đồ và đệ tử của ông ấy thối tù và. Mọi người tề tựu quanh ông ấy, lễ vật dâng lên nhiều vô kể. Như vậy mới là có lợi cho đại chúng, người thân và bạn bè, mọi người đều hài lòng, thỏa mãn. Cho nên em thấy ông ấy mới là người tu Pháp tốt nhất trong những người tu Pháp, anh xem có cách nào trở thành môn đồ của ông ấy không, dù làm một lạt ma nhỏ bé nhất cũng có thể sống thoải mái. Nếu không thì với cái Pháp này của anh và cái mạng này của em, anh em chúng ta e là chẳng sống được lâu.’ Nói rồi òa lên khóc.

Ta nói với Tỳ Đạt: ‘Em đừng nói như vậy, em thấy xấu hổ vì cái thân mình trần như nhộng của anh, nhưng anh lại cho rằng đó là thân thể mà con người vốn dĩ có, để lộ ra thì không có gì đáng xấu hổ cả, khi phụ mẫu sinh ra anh thì chính là như vậy, vậy có gì mà xấu hổ? Những người thông minh, tài trí tưởng rằng không thể tạo tội nghiệp lại không biết xấu hổ mà tạo tội nghiệp, khiến phụ mẫu lo phiền, trộm cắp tài sản của Thượng Sư Tam Bảo, lại vì muốn thỏa mãn dục vọng cá nhân

mà nghĩ đủ mọi cách lừa gạt chúng sinh, hại bản thân, hại người khác. Loại người này khiến người và Thần khinh thường. Hành vi của loại người này mới là đáng xấu hổ, họ không chỉ đời này đáng xấu hổ mà tương lai cũng đáng xấu hổ. Và lại, nếu em cho rằng thân thể do phụ mẫu sinh ra là đáng xấu hổ, vậy thì lúc đầu khi phụ mẫu sinh ra em, trong đầu em không hề có khái niệm về hai bầu vú, tại sao bây giờ em lại cảm thấy xấu hổ vì hai bầu vú này?’

‘Em tưởng rằng anh không có gì để ăn, không có gì để mặc, cực khổ tu hành như vậy là vì anh không tìm thấy đồ ăn, không tìm thấy quần áo để mặc, vậy là sai rồi. Sở dĩ anh khổ tu như vậy, một là vì anh sợ nổi khổ bị rơi vào tam ác đạo, hai là vì anh nhìn thấy luân hồi thực đáng sợ giống như người sống bị ném vào chảo lửa vậy. Những hỗn loạn nơi thế tục, tranh quyền đoạt lợi của thế nhân, hết thấy bát pháp thế gian, đối với anh chỉ giống như thứ đồ ăn ôi thiu mà người bệnh nôn mửa ra, khiến anh ghét bỏ và ghê tởm. Nhìn thấy những thứ này, anh cảm thấy giống như nhìn thấy máu thịt của phụ mẫu mình bị giết chết vậy, trong lòng cảm giác nỗi buồn khó tả, ba là vì Mã Nhĩ Ba Thượng sư giáo huấn anh rằng: Phải vứt bỏ thế gian bát pháp và náo loạn, không vì cái ăn cái mặc mà tranh giành với người khác, phải sống ở nơi thâm sơn không người, đoạn tuyệt hết thấy hy vọng và suy nghĩ đời này, chuyên tâm tinh tấn tu hành, cho nên anh cực khổ tu hành cũng là vì tuân theo lời dạy của Thượng sư.’

‘Anh tuân theo lời giáo huấn của Thượng sư mà tu hành, không chỉ có lợi cho bản thân, mà rốt cuộc cũng có lợi cho tất cả chúng sinh. Con người sống trên đời

có thể chết bất cứ lúc nào, bị bát pháp thể gian làm cho phiền não, chỉ bằng tìm cầu sự giải thoát cuối cùng. Còn về việc em bảo anh đến làm đồ đệ cho Ba Nhật Lạt Ma, câu này thật đáng cười. Nếu anh muốn xuất hiện ở thể gian thì ít nhất cũng không thua kém Ba Nhật Lạt Ma. Vì anh muốn lập tức thành Phật, cho nên mới tu khổ hạnh. Em gái Tỳ Đạt à, em cũng nên buông bỏ bát pháp thể gian, tu Phật cho tốt, cùng với anh trai em lên núi tuyết tu hành, tương lai đối với hết thảy lợi ích của con người, sẽ giống như ánh mặt trời rực rỡ chiếu khắp thể gian.'

Tỳ Đạt nghe xong bèn nói: 'Bát pháp thể gian mà anh nghe nói chính là hạnh phúc của con người, anh em chúng ta sao phải vứt bỏ chúng chứ? Anh biết rõ bản thân không làm được như Ba Nhật Lạt Ma, anh muốn trốn tránh nên cố ý nói những lời xem ra rất có đạo lý này. Anh bảo em cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc, chạy đến đỉnh núi tuyết để chịu rét, chịu đói thì em không làm đâu. Từ nay về sau, bản thân em còn không biết mình đi đâu. Anh à, xin anh đừng có như con nai rừng bị chó đuổi chạy loạn khắp nơi nữa, cứ ở lại nơi này được không? Anh cũng có thể tu hành, mà em cũng dễ tìm được anh, người ở đây xem ra cũng tin tưởng anh, cho nên tốt nhất là cứ ở lại đây. Nếu không, xin anh ở lại vài ngày, lấy tấm vải lông này làm thành cái khố quây, để che phần thân dưới lại. Em đi rồi mấy hôm sẽ quay lại.'

Ta đồng ý với Tỳ Đạt ở lại đó vài ngày, cô ấy liền đến thôn Bố Lâm xin ăn.

Tỳ Đạt đi rồi, ta liền chia tấm vải thành mấy mảnh, lấy mảnh vải lớn làm một cái mũ lớn bao quanh đầu,

lại dùng một mảnh vải làm một đôi giày, rồi dùng một mảnh vải làm 20 cái bao chụp ngón tay để lồng vào 10 đầu ngón tay, ngón chân, lại làm một cái bao nữa chụp lên chỗ kín của ta.

Mấy hôm sau Tỳ Đạt quay lại, hỏi ta quần áo đã may xong chưa, ta nói may xong rồi, liền đưa mấy thứ đó ra cho cô ấy xem.

Cô ấy vừa xem xong đã la lên: ‘Anh à, anh thật không phải là con người nữa, chẳng còn chút xấu hổ nào, anh đem tấm vải lông mà em vất vả xin ăn đổi được làm thành một đồng vải vụn, thật lãng phí quá. Có lúc anh dường như chẳng có chút thời gian rảnh nào, chỉ bận rộn tu hành, có lúc anh lại có rất nhiều thời gian rảnh để làm những việc nực cười này. Chao ôi, anh thật là không giống con người chút nào.’

Ta nói: ‘Anh là một người chân chính, người có một sự nghiệp ý nghĩa, anh là người biết xấu hổ nhất, nên anh rất tuân thủ các giới luật và lời thề. Vì em gái anh cảm thấy chỗ kín của anh để lộ ra trông khó coi, cảm thấy xấu hổ, mà anh lại không cắt nó đi được, cho nên mặc dù để lỡ việc tu hành, anh vẫn đáp ứng yêu cầu của em, anh bèn nhẫn nại làm những thứ này. Anh lại nghĩ nếu chỗ kín bên dưới để lộ ra khiến em xấu hổ, vậy thì tất cả đầu ngón tay, ngón chân hẵn cũng khiến em cảm thấy xấu hổ. Cho nên anh cũng làm một cái chụp cho mỗi bộ phận. Anh không hề phá nát tấm vải lông này, anh dùng nó làm những cái chụp để che đi. Xem ra, có vẻ như anh còn biết xấu hổ hơn cả em đấy, nếu chỗ kín của anh đáng xấu hổ, thì chỗ kín của em có đáng xấu hổ không? Tích lũy những thứ đáng xấu hổ chi bằng không

có thì tốt hơn.’ Cô ấy nghe xong không thốt lên được lời nào, tức đến nỗi xây xẩm mặt mày.

Ta nói tiếp: ‘Con người nơi thế gian coi những thứ không đáng xấu hổ thành đáng xấu hổ, những thứ đáng xấu hổ lại không cảm thấy xấu hổ. Làm những việc lừa gạt hại người, làm chuyện bậy bạ, vậy mà lại không cho là đáng xấu hổ.’

Sắc mặt của Tỳ Đạt vẫn xây xẩm, cô ấy đưa thức ăn và rượu xin được cho ta nói: ‘Cho dù thế nào, anh vẫn cứ không làm theo lời em bảo. Nhưng anh vẫn là anh trai của em, xin anh hãy ăn những thứ này. Em sẽ lại xuống núi tìm đồ ăn tiếp.’ Nói rồi lại đi, ta nghĩ trong lòng: ‘Lẽ nào trong tâm Tỳ Đạt thực sự không thể được Pháp hóa độ sao?’ Ta liền nói với Tỳ Đạt: ‘Em đừng đi vội, đợi ăn hết những đồ ăn này rồi hãy đi. Trong thời gian ở đây, cho dù em không tu Pháp, em cũng tránh khỏi phải xuống núi tạo nghiệp, hãy ở lại đây vài hôm.’

Tỳ Đạt đồng ý ở lại, trong thời gian đó, ta cố gắng nói cho cô ấy nghe về đạo lý nhân quả thiện ác. Cô ấy dần dần có nhận thức đúng đắn về Phật Pháp, tính tình cũng có cải biến một chút.”

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 10)

“Khi đó, bá phụ ở quê nhà đã qua đời rồi. Sau khi ông chết, cô mẫu nảy sinh tâm sám hối chân thành, đem theo rất nhiều đồ đạc đến Bồ Lâm tìm ta. Cô mẫu đem những đồ lớn không mang theo được gửi ở thôn trang, nhặt những thứ có thể mang được đều đem lên núi. Tỷ Đạt ở bên ngoài trông thấy cô đến, lập tức bảo với ta: ‘Anh à, cô mẫu đến rồi. Cô đã hại chúng ta bao đau khổ, chết em cũng không muốn gặp cô.’ Nói rồi, liền chạy đi, chạy đến bờ đá trước hang đá rồi kéo cầu treo lên.

Cô mẫu đến bên cầu gọi: ‘Cháu gái, xin đừng kéo cầu lên, là cô của các cháu đến đây.’

Tỷ Đạt nghe rồi nói: ‘Chính vì cô đến, nên cháu mới kéo cầu lên.’

Cô nói: ‘Cháu gái, cũng không trách gì cháu, cô bây giờ thực sự hối hận trước đây đã đối xử sai trái với các cháu. Do đó cô đến đây xin lỗi các cháu, mong muốn cháu và anh trai tương ngộ. Nếu cháu thực sự không muốn gặp cô, thì ít nhất xin cháu báo cho anh trai cháu là cô đã đến.’

Lúc này ta cũng đã đến bên bờ đá và ngồi xuống. Cô nhìn thấy ta, liền hành lễ, khẩn cầu mãi xin ta gặp cô. Ta thầm nghĩ: Nếu mình không gặp cô, thì chẳng phải là một người học Phật. Nhưng tốt nhất trước tiên hãy để cô sám hối, bèn nói với cô rằng: ‘Cháu đã đoạn tuyệt tất cả mọi quan hệ với cô rồi, đặc biệt đoạn tuyệt quan hệ với bá phụ và cô. Trước đây các người đã gây bao đau khổ cho chúng cháu, sau này cháu tu hành khổ thực,

các người cũng vẫn không tha, lại còn gây cho cháu bao đau khổ, cháu đã quyết định đoạn tuyệt quan hệ với các người rồi.’

Cô nghe xong khóc òa lên, đánh lễ với ta mấy lần, nước mắt tuôn rơi nói: ‘Cháu trai, lời cháu nói không sai chút nào, xin cháu hãy khoan thứ cho cô. Hôm nay cô thật lòng thành ý đến xin sám hối. Trong lòng cô vô cùng buồn bã, không thể vứt bỏ được lòng yêu thương họ hàng thân thích, do đó mới đến gặp anh em cháu. Cho dù thế nào đi nữa cũng xin các cháu cho cô gặp, nếu không cô quyết định sẽ tự sát trước mặt các cháu.’

Ta không nỡ lòng, bèn bước lên để hạ cầu xuống. Nhưng Tỳ Đạt nói thầm vào tai ta rằng không được gặp cô, lại nói ra rất nhiều lý do không được gặp cô. Ta nói: ‘Thông thường cùng uống nước với người phá giới đều có chướng ngại, nhưng bây giờ việc này không có liên quan đến cái gọi là phá giới trong Phật Pháp. Anh là người tu hành, bất luận thế nào cũng phải gặp cô.’ Nói rồi, ta hạ cầu xuống, đợi cô qua cầu, thuyết pháp nhân quả cho cô.

Tâm của cô đã cải biến hoàn toàn, cô quy y Phật Pháp. Từ đó trở đi, cô tu hành theo giáo lý, trở thành một hành giả Yoga vô cùng tốt, đã đắc được giải thoát.”

Tôn giả Milarepa nói xong, Tịch Quang Nhã Ba (Shiwa O Repa) bèn nói với tôn giả rằng: “Bẩm tôn giả, khi ngài cầu pháp nương thầy, thành kính tin theo thượng sư như vậy, nhẫn nại chịu khổ, sau khi đắc Pháp, ở trong núi tu luyện tinh tấn như vậy, bất luận là ở phương diện gì đều là những điều chúng con không thể làm được. Chúng con đều không dám tu Pháp này nữa, nhưng không thể giải thoát khỏi phiền não luân

hồi, vậy nên làm như thế nào mới được?” Nói rồi khóc òa lên.

Tôn giả nói: “Con không phải thất vọng, ta nói cho con biết, chỉ cần con thường xuyên nghĩ đến thống khổ của luân hồi và ba ác đạo (ba đạo chúng sinh là súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, thiếu năng lực phán đoán suy nghĩ trí huệ, thường bị khổ não bức bách, không có đường giải thoát, cho nên gọi là ba ác đạo). Như vậy cái tâm tinh tấn và tâm cầu pháp của con sẽ tự nhiên sinh ra. Hễ người có tâm, nghe pháp nhân quả thì sẽ tín, nhất định cũng làm được những điều như ta tu trì tinh tấn như thế này. Nếu đối với Phật Pháp mà không sinh ra tín ngưỡng rất sâu, chỉ hiểu một số nghĩa lý, thì cũng không có tác dụng. Bởi vì như thế này sẽ rất khó mà không bị Bát phong dẫn động, cho nên học Phật, yêu cầu đầu tiên là phải tin nhân quả, những người không tin nhân quả báo ứng, miệng tuy đàm luận những không tính tương hợp của Thánh lý nhị lượng (tức Thánh giáo lượng và Lý lượng, Thánh giáo lượng là huấn thị của Phật Đà, Lý lượng là kết luận suy ra theo lý tính), nhưng trên thực tế, cũng chỉ là nói thuyết suông mà thôi, không hề có giá trị chân thực gì. Vì không tính vô cùng huyền diệu, khó hiểu khó tin. Nếu đối với không tính có thể sinh ra tín giả quyết định, thế thì nhất định thế hội được không tính và không xa rời nhân quả, tức là nhân quả hiển không tính. Do vậy đối với chọn bỏ nhân quả và bỏ ác hành thiện, nhất định phải đặc biệt chú ý, đặc biệt cẩn thận hơn so với người thường, cho nên căn bản của hết thủy pháp đều là tin nhân quả, nỗ lực hành thiện bỏ ác, đây là việc quan trọng nhất của học Phật.

Ban đầu ta cũng không hề hiểu không tính, nhưng đối với nhân quả lại có tín tâm kiên định. Biết mình đã tạo đại ác nghiệp rồi, sẽ bị đọa ác thú, cho nên trong lòng sợ hãi. Vì vậy thành kính tín phục đối với thượng sư và tu hành khổ hạnh tinh tấn, đều tự nhiên mà làm được. Các con cũng nên giống như ta, một mình vào trong núi tu trì Chân ngôn thừa (tức Mật thừa hay Mật tông). Nếu có thể làm như thế này, ta bảo đảm các con nhất định có thể có thành tựu giải thoát.”

Thế là Nhạn Thuyết Nhã Ba (Repa of Ngandzong) liền khởi bầm tôn giả rằng: “Bầm thượng sư, ngài nhất định là hóa thân của Đại Kim Cang (Vajradhara), để độ chúng sinh hóa hiện nhân thế, hiện sự tích hiếm có này, nếu không, ít nhất cũng là một Đại Bồ Tát tu hành Phật đạo vô lượng kiếp, đã đăng được bất thoái chuyển địa. Ngài vì Pháp, không tiếc sinh mệnh mà tu hành, những gì đã làm, đâu đâu cũng biểu hiện ra ngài là một vị Bồ Tát phi phạm. Khổ hạnh và nhẫn nại như thế này của tôn giả, đối với các đệ tử phạm phu như chúng con, không cần nói là làm không nổi, ngay cả nghĩ cũng không dám nghĩ. Cho dù muốn học, thân thể cũng không chịu nổi. Do đó thượng sư, ngài nhất định là hóa thân của Phật, Bồ Tát, chúng con tuy không thể tu hành được như ngài, nhưng cũng là những chúng sinh đã có thể gặp được thượng sư, và được nghe Pháp, đều có thể giải thoát luân hồi, điều này nhất định không sai lệch. Xin ngài nói cho chúng con biết, ngài rốt cuộc là hóa thân của Phật, Bồ Tát nào?”

Tôn giả Milarepa nói: “Bản thân ta cũng không biết là hóa thân của ai, khả năng nhất có lẽ là hóa thân của ba ác đạo. Các con coi ta là Kim Cang, đương nhiên sẽ

được gia trì, nhưng các con cho rằng ta là hóa thân, điều này cố nhiên là tịnh tín đối với ta. Nhưng đối với Pháp là trở thành đại tà kiến vô cùng. Điều này vì các con không hiểu rõ lợi ích quả vị vĩ đại của Phật Pháp. Ví như ta vốn trước đây chỉ là phàm phu phổ thông, hơn nữa nửa đời trước còn tạo ra đại ác nghiệp. Vì tin vào nghiệp báo nhân quả, quyết tâm vứt bỏ hết thấy đời này, một lòng tu hành, hiện nay cách giai đoạn thành Phật có thể nói là không xa nữa rồi. Nhất là gặp được một vị thượng sư đầy đủ các điều kiện, được ngài nhiếp thụ. Đặc được khẩu quyết tâm yếu của con đường tắt chân ngôn, và chỉ thị quán đỉnh không bị ngôn từ giải thích làm tiêm nhiễm, nhìn thấu bản lai diện mục, nương theo Pháp tu hành, cho nên đời này thành Phật là tuyệt đối không nghi ngờ. Nếu đời này chỉ là tạo nghiệp và ngũ vô gián tội, vậy thì sau khi hết mệnh, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián. Đây là kết quả của không tin nhân quả và không tu hành tinh tấn. Nếu trong sâu thẳm tâm hồn đối với đạo lý nhân quả nảy sinh tín tâm kiên quyết, sợ thống khổ của ác đạo và cầu mong Phật quả vô thượng, thế thì người người đều có thể giống như ta, tuyệt đối thành kính đối với thượng sư, khi tu hành sẽ có nỗ lực và giác chứng lớn nhất. Điều này người nào cũng có thể làm được. Điều con nói hóa thân của Phật, Bồ Tát gì đó, hoàn toàn là do chưa hiểu chính xác đối với Mật tông. Các con nên đọc nhiều truyện ký của các bậc đại đức xưa, suy nghĩ cái lý luân hồi, phải thường ghi nhớ thân người khó được, và thọ mệnh vô thường mà nỗ lực tu hành. Ta đã không để ý gì đến danh tiếng và ăn mặc, cố gắng dũng mãnh, nhẫn chịu những thống khổ lớn, một mình ở trong núi không có người để tu hành, do đó đạt

được công đức giác thụ và chứng giải. Hy vọng các con cũng học như ta nỗ lực tu hành.”

Nhạ Quỳnh Ba nói: “Tôn giả, những sự nghiệp này của ngài, thực sự là hy hữu hiếm có, khiến người ta kinh ngạc thán phục. Nhưng ngài nói đều là những việc đáng buồn đáng khóc. Bây giờ xin ngài giảng những chuyện khiến cho người ta vui mừng có được không?”

Tôn giả nói: “Việc khiến người ta vui mừng à? Đó có lẽ là thành quả đắc được do tinh tiến, siêu độ hết thủy con người và phi nhân (không phải con người) (phi nhân ý nghĩa là tất cả các quỷ thần phi nhân loại. A Tu La và các quỷ thần khác đều được gọi chung là phi nhân), và sự tích hoằng dương Phật Pháp.”

Nhạ Quỳnh Ba hỏi: “Ngài siêu độ con người trước hay siêu độ phi nhân trước?”

Tôn Giả nói: “Ban đầu có rất nhiều phi nhân đến khiêu chiến với ta, ta liền hàng phục chúng, sau đó siêu độ chúng. Sau nữa lại siêu độ rất nhiều đồ đệ nhân loại. Cuối cùng nữ Thần Trường Thọ Vương (Tseringma) đến hiển thị Thần thông khiêu chiến với ta, ta lại siêu độ cho nữ Thần. Giáo pháp của ta cho phi nhân, nữ Thần Trường Thọ Vương sẽ là người kế thừa và hoằng dương. Còn giáo pháp trong nhân loại thì Ô Ba Đốn Ba (Tức đại sư Cương Ba Ba) sẽ là người hoằng dương.

Sắc Vấn Nhạ Ba (Repa of Seban) bèn hỏi sư tôn rằng: “Tôn giả, nơi ngài tu hành chủ yếu là hai nơi Na Kỳ Cống Tuyết Sơn (Lachi) và Khúc Ba (Chubar), ngoài đó ra, ngài còn tu hành ở chỗ nào khác nữa không?”

Tôn giả nói: “Nơi ta tu hành có Ước Mạc Cống Nhạ (Mount Yolmo Gangra) và 6 hang núi nổi tiếng, 6 hang núi ẩn danh, và 6 hang núi bí mật ở Nê-pan, cùng với

hai chỗ khác, tổng cộng là 20 hang núi. Ngoài ra còn có 4 hang núi nổi tiếng khác, có 4 hang núi không nổi tiếng, vẫn còn các hang động nhỏ khác có duyên ở trong núi các nơi. Kết quả tu hành ở những nơi này, ta đã chứng được cảnh giới 'không có Pháp đáng tu, không có người có thể tu'. Hiện nay ta đã chẳng còn gì đáng tu nữa."

Nhạ Quỳnh Ba nói: "Vô duyên đại bi pháp tính tận địa của Tôn giả khiến các đồ đệ chúng con đắc được chánh kiến không điên đảo và tín tâm kiên cố, chúng con vô cùng vui mừng, thực sự cảm ơn ngài. Hiện nay vì lợi ích cho chúng sinh tương lai, ngài có thể nói cho chúng con biết tên các thắng địa tu hành ở trong và ngoài đất Tạng không ạ?"

Tôn giả nói: "Hang núi nổi tiếng bên ngoài có 6 cái, đó là hang Hộ Mã Bạch Nhại (Dakar Taso Umadzong), Minh Tước Chi Mã (Minkyug Dibma), Ấm Oa Trứ Mã (ingpa Dakmar Dzong), Nhạ Mã Bồ Đề (Ragma Jangchub Dzong), Tương Phan Lang Ca (Kyangphen Namkha Dzong), Trứ Giáp Đa Kết (Dagkya Dorje Dzong).

Hang núi bên trong không nổi tiếng có: Kết Ba Ni Mã (Chonglung Kyung), Khố Hư Vấn Ba (Kyipuh Nyima Dzong), Tạ Phổ Khứ Tân (Khujuk Enpa Dzong), Bạch Tắc Đa Diêm (Shelpuhk Chushing Dzong), Tắc Ba Cương Thế (Betse Doyon), Quỳnh Long Khánh Cấp (Tsikpa Kangthil Dzong).

Hang núi bí mật có 6 cái: Hang Giáp Chiêu Lang Ca (Gyadak Namkha Dzong), Đáo Bính Sinh Cấp (Takpuhk Senge Dzong), Bạch Phổ Ma Mẫu (Beypuhk Mamo Dzong), Lai Phổ Bạch Mã (Lapuhk Pema Dzong), Long

Ca Lô Đa (Lango Ludu Dzong), Trước Giáp Đa Kết (Trogyel Dorje Dzong).

Hai chỗ khác là: Hang Kết Phổ Ni Mã (Kyipuhk Nyima Dzong), Bá Tha Lang Ca (Potho Namkha Dzong).

4 hang núi lớn nổi tiếng là: Trước Ba Phổ ở Nhã Long (Nyanang Dopa Puhk), Đa Đổ ở Lai Hỷ (Lachi Dudal Puhk), Triết Tá Phổ ở Đình Bạch (Dringi Diche Puhk), Chân Xứ Phổ ở Đích Sắc (Tisi Dzutrul Puhk).

4 hang núi không nổi tiếng là: Hang Cương Sử (Tsai Kangtsuk Puhk) ở Cha Địa, Nga Tát ở Nhung Địa (Rongi Osey Puhk), Tắc Nga (Ralai Zaok Puhk) ở Nhạ Na, Bá Nhung (Kuthangi Puhkron Puhk) ở Cổ Thông.

Tu hành trong các hang núi nói trên, có thể được gia trì thuận duyên và truyền thừa. Các con nên đến những nơi đó tu hành.”

Tôn giả kể xong câu chuyện của ngài, mọi người tham gia Pháp hội đều khởi sinh lòng tín ngưỡng đối với Phật Pháp và tâm yếm thế xuất ly và từ bi, mọi người đều chán Bát pháp thế gian, thành kính hâm mộ vui thích Chính Pháp.

Các đại đệ tử của tôn giả đều hướng về tôn giả phát nguyện: Nguyện đoạn xả thế dục, cả đời tín tâm tu Pháp, thành tựu sự nghiệp lợi ích chúng sinh. Các đệ tử Thiên Thần cũng phát nguyện duy hộ Phật Pháp. Trong các thánh chúng thế tục, có rất nhiều có có thượng căn, đều quy y tôn giả làm đệ tử, tu hành theo Pháp, cuối cùng trở thành hành giả Yoga đắc được cảnh giới chứng thực tướng. Người có trung căn, cũng quyết tâm cả đời không làm việc ác, thường làm việc thiện. Đại chúng tham dự nghe Pháp đều đắc được lợi ích cứu cánh.

Trên đây là truyện ký ghi chép lại lời tự thuật của tôn giả, do các đệ tử của ngài ghi chép. Sự tích cả cuộc đời của tôn giả, nếu kể ra chi tiết, có thể chia làm ba loại lớn: Thứ nhất là sự tích quý thần phi nhân khiêu khích tôn giả và tôn giả hàng phục siêu độ họ. Thứ hai là sự tích hóa độ và thành công đối với các đệ tử đại căn thiện. Thứ ba là sự tích thuyết pháp phổ thông đối với các đệ tử bình thường và ứng hóa của họ.

Thứ nhất, về sự tích hóa độ cho phi nhân, đại thể rằng: Tôn giả hàng phục ma vương Tất Nan Nha A ở Hồng Nhai Cốc (Demon King Binayaka), mà thuyết Pháp thượng sư 6 loại ức niệm. Sau đó tôn giả theo lời dặn của thượng sư Mã Nhĩ Ba đến Na Kỳ Cống (Lachi) tu hành. Ở Na Kỳ Cống Tuyết Sơn, ngài đã điều phục rất nhiều Sơn Thần (Ganesha), ở đó thuyết pháp yếu Na Kỳ Khứ Tống. Năm thứ hai, tôn giả đến hang ở trong núi Tuyết Sơn, thuyết Đại ca tập Tuyết Sơn mà mọi người đều nghe đến. Sau đó lại theo lời dặn của thượng sư, ngài lại đến núi Đức Nhiên (Mount Peybar) ở Mang Địa (Mangyul) và núi Ước Mẫu Tuyết (Yolmo Gangra) ở Nê-pan. Sau đó lại trở về Cống Thông Ấm Oa Nhai (Gungthang), thuyết giảng Ma Mẫu ca tập. Sau đó đến hang Nhạ Mã Bồ Đề (Lingpa Cave) ở núi Đức Nhiên hàng phục Nữ Thần, thuyết giảng Hàng Thần ca yếu. Rồi lại lần lượt đến hang Triển Lợi Hư Không, và hang Sư Hổ ở rừng A Na. Điều phục con người và phi nhân, số lượng nhiều vô cùng. Sau đó tôn giả quay trở lại Tây Tạng, thường ở trong núi sâu, thị hiện tu hành để độ chúng sinh. Ở một hang núi ở Cống Thông, Tây Tạng, ngài thuyết giảng Cáp thi tập.

Thứ hai, sự tích tôn giả hóa độ các đại đệ tử, có thể lược thuật như sau: Tôn giả ở trong hang Bạch Nhai Kim Cang (Dagkya Dorje Dzong), lợi ích rộng rãi cho quảng đại chúng sinh. Khi đó mẹ của Kim Cang Du Già do duyên khởi tôn giả thọ ký cho các đệ tử, đã được đệ tử khẩu truyền không hạnh là Nhạ Quỳnh Ba Kim Cang thọ ký riêng.

Khi tôn giả đến Cống Thông Phổ Lợi Nhai (Ronpuhi Osey Puhk), gặp Nhạ Quỳnh Ba. Sau này Nhạ Quỳnh Ba đến Ấn Độ trị bệnh, trên đường về cùng tôn giả đến hang Ung Phổ Quang Minh (Hang này không trong số 30 các hang núi thọ ký, trong Mật Lặc ca tập (Milla Grubum) có đề cập đến). Tôn giả quay lại hang Bồ Đề gặp Nhạ Mã Phật Hộ. Ở hang Áp Long Trước truyền quán đỉnh, khẩu quyết và hóa độ cho đệ tử quy y Giác Phóng Thích Ca Cổ Na. Trên đường trở về gặp Sắc Vần Nhạ Ba, ở Thượng Hỷ Nhiệt gặp Chích Cống Ba, ở Đông Nhạ Lương gặp Nha Ba Tịch Quang, ở Kiếm Long gặp Nga Tông Nhạ Ba. Sau này lại đến Na Kỳ Tuyết Sơn tu hành, Không Hạnh Mẫu dẫn tôn giả đến Đích Sắc, trên đường gặp Đương Ba Giáp Phổ. Ở Ca Điều Các gặp Ca Quỳnh Ba, ở Cống Thị gặp Đả Mã Cang Khử. Sau đó đi lên đến Đích Sắc, dùng phép Thần thông hàng phục Na Nhược Ban Quỳnh. Trở về xuống đến hang Bạch Nhai Kim Cang gặp Nhược Quận Nhạ Ba. Lúc đó Không Hạnh Mẫu lại dẫn đi đến một nơi khác, phát hiện ra hang Mật Đông Ma Mẫu, tôn giả ở đó mấy ngày, gặp một em bé chăn dê, tên là Lạc Tắc Nhạ Ba, sau này cậu bé có thành tựu lớn. Ở Lai Phổ Liên Hoa Nhai gặp Tạ Cống Nhạ Ba, ông đã mang đồ ăn uống ngon cúng dường tôn giả. Vì vậy danh tiếng tôn giả vang khắp thập phương. Lại do

Độ Mẫu thọ ký, nên tôn giả độ quốc vương Khả Khả Mã. Từ đó về sau, quốc vương thời thời cúng dường tôn giả. Toàn Nhạ Quỳnh Ba và Tạ Cống Nhạ Ba đón thầy về hang Na Kỳ Tuyết Sơn và Đa Niệm Nguyên, hai hang này không trong 30 hang thọ ký, trong Mật Lặc ca tập đã đề cập đến. Năm sau đi đến hang Quận Long. Rồi lại đi Khúc Ba diễn thuyết Trường Thọ Nữ Vương ca tập cho Trường Thọ Nữ Thứ Đệ. Ở Đình Nhật gặp Nhạ Ba Đa Kiệt Tự Tại. Sau này khi tôn giả ở Ấp Long Trước Phổ, Đả Mã Bồ Đề ở Ấn Độ đến tham kiến. Với các nhân duyên này, danh tiếng tôn giả đại hiển. Có Lạt ma giỏi hùng biện, học rộng biện luận với tôn giả, tôn giả đã dùng Thần thông khiến ông ta khâm phục, thuyết ca tập bổ sung của Nhạ Quỳnh Ba. Ở Trước Phổ gặp Mai Cống Nhạ Ba. Ở Ấp Long gặp Tát Lai Nga. Khi tôn giả đến Mã Thác Hiển, đúng lúc Nhạ Quỳnh Ba từ Ấn Độ trở về, tôn giả đi đón ngài, thuyết Ngưu Giác ca và Dã Lư ca. Tiếp đến lại đi Khúc Ba, gặp Đạt Ba Lĩnh Cống Nhạ Ba. Lại ở dốc Đình Nhật Cát Tường Khoái Lặc gặp Đại sỹ được Thích Ca Văn Phật thọ ký trong Kinh Bi Hoa, tỳ kheo Tâm Tử Tối Thắng Sỹ Phi Mật Hành, đồng tử Đại Bồ Tát Nguyệt Quang, vì sự nghiệp lợi ích chúng sinh, đã đầu sinh nơi nhân thế, dưới thân tướng thầy thuốc, xưng là Ưc Vị Đạt Ba Na Kết (có nghĩa là Đạt Bị Vô Tỷ lương y, tức Cang Ba Ba đại sư).

Khi ở Khúc Ba Nga Mã Quỳnh, hóa độ tỳ kheo Chi La Đốn, người trước kia thù hận tôn giả. Ở hang Kết Phổ Thái Dương gặp Chiết Đốn Cát Tường Quang. Trong các tỳ kheo, do Lý Quả Phổ Nhữ lễ bái tôn giả, nên đại chúng đều quy y Chính Pháp.

Không Hạnh Mẫu đã từng thọ ký: Trong các đệ tử của tôn giả, có 25 người có thành tựu lớn. Trong đó đệ tử đặc ý có 8 người, đệ tử như con trai có 13 người, đệ tử như con gái có 4 người. Quá trình hóa độ của họ đều được ghi chép ở trong Đại Ca Tập.

Thứ ba, đối với các sự tích tôn giả ứng hóa khác. Trong Ca Truyện có ghi chép, trong các hang núi bí mật trong thời gian gặp các đệ tử đặc ý có chút sai lệch. Trong đó có các ca tụng Đáp tỳ kheo vấn và Đáp đệ tử vấn, ca tụng thuyết phục Bốn giáo khi ở với Cang Ba Ba. Ở Áp Long có ca tụng quán đỉnh và khai quang, và ca tụng Ta Mã Tà Đa và Lai Sắc, lại thuyết Vô cụ lạc tử ca. Sau này khi cùng Nhạ Quỳnh Ba đi Na Kỳ thuyết Hàng ma ca và Trừ ưu ca. Sau đó lại thuyết Nhượng đỉnh lang phổ ca. Sau đó được các đệ tử nghênh đón tới ở Áp Long Phổ Trước, tôn giả theo lời thỉnh cầu của Nhạ Quỳnh Ba đã tự thuyết Truyện ký. Không Hạnh Sư Vương Phật Mẫu làm trợ duyên, nên người có thành tựu lớn ở Ấn Độ là Đương Ba Tang Kết tương ngộ với tôn giả ở Cổng Thông. Sau đó thuyết Tử pháp bi câu ca và Báo mẫu ân ca. Thuyết tử biệt ca cho Ta Mã Nhã và những người ở Áp Long. Ở Khứ Nga thuyết Đỉnh Nhật Na Kiệt Ung Nhật ca. Ở Khúc Ba thuyết Nhân trung hậu thế ca, và Chân ngôn vấn đáp ca. Để các đệ tử vui thích, đã hiển thị các sự tích Thần thông.

Tôn giả đã dùng đủ các loại phương tiện chuyển đại pháp luân, dùng phương tiện bất khả tư nghị khiến cho vô lượng chúng sinh thượng căn, trung căn, hạ căn có duyên được thành tựu giải thoát. Người thượng căn có được đại thành tựu, người trung căn đắc đạo, người hạ căn cũng pháp tâm Bồ Đề, hành Bồ Đề hạnh. Với

người không có căn cơ, cũng gieo các hạt giống thiện pháp, khiến cho người, Trời vui vẻ. Lòng từ bi quảng đại như thiên không, ánh sáng Phật Pháp như mặt trời đang lên, khiến vô lượng chúng sinh trừ được nỗi khổ ác đạo, thoát khỏi trói buộc luân hồi; đối với vô lượng chúng sinh trong bể sinh tử khổ đau, là chỗ dựa, cứu hộ, sự nghiệp ân đức của tôn giả thực sự không thể nào tưởng tượng nổi.

Sự nghiệp của tôn giả lợi ích vô lượng chúng sinh, cuối cùng đến Đình Nhật, gặp một hành giả tên gọi tiến sỹ Tháo Phổ. Tháo Phổ yêu của cải hơn mạng sống, nhưng vì ông ta là một học giả, bách tính khắp vùng Đình Nhật đều cung kính ông ta. Mỗi dịp lễ hội yến tiệc đều để ông ta ngồi vị trí thứ nhất. Sau khi ông gặp tôn giả, bề ngoài ông ta biểu hiện cung kính tín ngưỡng, thực tế là trong lòng đố kỵ. Nhiều lần khi đông đảo mọi người tụ hội, ông ta đã cố ý đưa ra những câu hỏi khó cho tôn giả, muốn tôn giả bị bế mặt trước mọi người, nhưng chưa lần nào thành công.

Ngày đầu tiên mùa thu năm Mộc Hổ, dân làng Đình Nhật cổ chúc một hội tiệc lớn, mời tôn giả ngồi vị trí cao nhất, tiến sỹ Tháo Phổ ngồi ở vị trí thứ hai.

Tiến sỹ Tháo Phổ trước mặt mọi người đánh lễ với tôn giả, trong lòng nghĩ tôn giả nhất định sẽ đáp lễ. Nhưng thói quen trước nay của tôn giả là, trừ đánh lễ với thượng sư ra, quyết không đánh lễ với bất kỳ người nào, do đó không đáp lễ tiến sỹ Tháo Phổ. Tiến sỹ Tháo Phổ vì vậy bất bình, trong lòng thầm nghĩ: Ta là học giả học rộng tài cao như thế này, ông lại không đáp lễ, ngồi vị trí cao, trên cao không động gì, làm gì có cái lý ấy, không báo thù thì quyết không được!. Thế là ông ta lấy

cuốn Luận điển Nhân minh, đặt trước mặt tôn giả nói: “Xin ngài giảng giải từng chữ quyển này, giải đáp nghi vấn, đồng thời phát huy sở kiến và cho bình luận.”

Tôn giả nói: “Ngũ nghĩa Luận điển, ông có lẽ cũng có thể giải thích được từng câu, nhưng ý nghĩa chân chính, là khắc phục dục vọng Bát pháp của thế gian, và hàng phục chấp trước bản thân, và chấp pháp thanh tịnh một mực luân hồi niết bàn. Ngoài đó ra, những học thuyết dạy con người hỏi như thế nào, đáp như thế nào, căn bản đều chẳng có tác dụng gì lớn, do đó ta chẳng học qua, lại càng không hiểu. Nếu mà đã học qua, hoặc từng hiểu qua, thì hiện nay cũng đã quên từ lâu rồi.”

Tiến sỹ Tháo Phổ nói: “Những người chuyên tu hành như các ngài, đương nhiên là dùng câu nói này trả lời. Nhưng chúng tôi giảng học lý, tư duy biện luận theo đạo lý logic, thì những lời ngài vừa nói, hoàn toàn không hợp với nghĩa lớn của Phật Pháp. Vì ngài là một người tốt, tôi mới đánh lễ ngài...” Miệng vẫn còn nói thao thao.

Đại chúng thí chủ nghe rồi, rất không hài lòng. Mọi người đồng thanh nói: “Tiến sỹ, bất luận ngài biết bao nhiêu giáo lý Phật Pháp, người như ngài thì khắp nơi đều có, nhưng cả thế giới cũng không lấp đầy một lỗ chân lông của tôn giả! Ngài chớ nói nữa, an phận ngồi ghế thượng khách của chúng tôi, và nghĩ cách tăng thêm tài sản của ngài là được rồi, đừng làm trò hề ở Pháp hội nữa!”

Ông ta nghe rồi nổi cơn thịnh nộ, nhưng lại sợ mọi người phẫn nộ, cho dù có làm loạn lên thì cũng không thắng được. đành phải nén cái nộ khí dùng dằng đó xuống. Miệng tuy yên lặng chẳng nói năng gì, trong lòng

vô cùng bức bối, ngầm tính toán rằng: “Milarepa không có tri thức này, hành vi điên cuồng, nói lời mơ mộng, dùng lời giả dối vọng ngôn để lừa đại chúng, để được họ cúng dường, đúng là làm mất mặt Phật Pháp! Như ta một tiến sỹ có học vấn, có danh vọng lại có tài sản như ta đây, về phương diện pháp mà nói, mọi người lại coi ta không bằng con chó, làm gì có cái lý đó! Không nghĩ cách thì không thể được!”

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 11)

Vị tiến sỹ Tháo Phổ này có một cô tình nhân ở thôn Bồ Lâm. Ông ta bảo cô gái này bỏ thuốc độc vào trong pho mát rồi mang đi cúng dường tôn giả, định hạ độc chết tôn giả. Tháo Phổ đồng ý với điều kiện của cô gái là sẽ tặng cho cô ta một viên ngọc lớn. Cô gái tưởng ông ta nói thật, liền bỏ thuốc độc vào trong pho phát mang đến Nha Thành cúng dường tôn giả.

Lúc đó Tôn giả sớm đã biết rõ hết thấy sự việc. Tôn giả quan sát nhân duyên, biết chúng sinh có duyên đều đã được hóa độ. Mặc dù thuốc độc không thể làm hại ông, nhưng ngày mà ông niết bàn cũng sắp đến, nên ông sẵn sàng nhận đồ ăn cúng dường có độc này. Nhưng tôn giả biết, nếu trước khi ông nhận pho mát độc mà người phụ nữ này không nhận được viên ngọc, vậy thì cô ta sẽ không thể có được nó nữa, bởi vì tiến sỹ Tháo Phổ chắc chắn sẽ không đưa viên ngọc cho cô ta, cho nên Tôn giả nói với cô gái rằng: “Hiện giờ ta không cần ăn, xin cô hãy mang đến cho ta sau, có lẽ lúc đó ta sẽ cần ăn.”

Nghe tôn giả nói vậy, trong lòng cô ta vừa nghi hoặc, vừa sợ hãi, đoán chừng tôn giả đã biết trong pho mát có độc rồi, liền ra về với tâm trạng vô cùng bất an.

Cô gái gặp tiến sỹ Tháo Phổ kể cho ông ta nghe sự tình, còn nói tôn giả chắc chắn có thần thông cho nên không chịu ăn.

Tháo Phổ nói: “Hừm, nếu ông ta có thần thông thì sẽ không bảo cô lần sau lại mang đến cho ông ta, hoặc

là sẽ bảo cô tự mình ăn chỗ pho mát có độc kia đi, ông ta không làm vậy mà bảo cô lần sau mang đến, rõ ràng là ông ta không có thần thông. Giờ cô hãy cầm lấy viên ngọc này đi, rồi cô lại mang pho mát đến cho ông ấy, lần này cô nhất định phải bảo ông ấy ăn hết đấy nhé”, nói rồi đưa ngọc cho cô gái.

Cô ấy nói: “Mọi người đều tin rằng ông ấy chắc chắn có thần thông, bởi vì ông ấy có thần thông nên hôm qua mới không ăn. Hôm nay lại mang đến, ông ấy cũng nhất định không ăn đâu. Tôi sợ lắm, không dám đi đâu, tôi thà không lấy viên ngọc này nữa. Xin ông hãy lượng thứ cho tôi, việc này tôi không thể làm giúp ông được.”

Tháo Phổ nói: “Trên đời này chỉ có loại người phàm phu tục tử mới tin rằng ông ta có thần thông, vì họ không xem kinh sách, không hiểu đạo lý, nên bị những lời dối trá của ông ta lừa gạt. Ta xem trong sách thấy nói người có thần thông có bộ dạng không giống ông ta. Ta dám bảo đảm rằng ông ta không có thần thông. Giờ cô lại mang pho mát có độc đến cho ông ta ăn, nếu chúng ta đạt được mục đích, ta nhất định sẽ không phụ cô. Chúng ta mến nhau lâu như vậy rồi, sau này cũng không cần phải sợ người khác đàm tiếu nữa, nếu việc này thành công ta sẽ kết hôn với cô, lúc đó không chỉ viên ngọc này thuộc về cô, mà những tài sản bên ngoài và tài sản trong nhà ta cũng đều giao cho cô quản, hai chúng ta sẽ sống cuộc đời sung túc, bách niên giai lão, cô thấy có được không?”

Cô gái này tưởng rằng những lời ông ta nói đều là thật, liền bỏ thuốc độc vào trong pho mát mang đến Nguyên Lạc Cát Tường cúng dường Tôn giả. Tôn giả

mỉm cười đón nhận. Cô gái nghĩ trong tâm: Lời của tiền sỹ thật đúng, ông ấy thực sự không có thần thông gì.

Tôn giả mỉm cười nói với cô: “Cái giá cho việc làm này của cô – viên ngọc đó, cô đã cầm được chưa?”

Cô ta vừa nghe đã há hốc mồm, kinh ngạc không nói được lời nào. Vừa sợ hãi vừa xấu hổ, toàn thân run rẩy, sắc mặt xanh lét, vừa phủ phục khóc lóc run rẩy nói: “Ngọc tôi đã cầm ở tay rồi, nhưng xin ngài đừng ăn pho mát này, hãy đưa nó cho tôi.”

Tôn giả nói: “Cô cần nó làm gì?”

Cô ấy khóc thút thít nói: “Để kẻ gây tội là tôi ăn là được rồi.”

Tôn giả nói: “Một là ta không nỡ bảo cô ăn đi, bởi vì cô quá đáng thương, hai là nếu ta không nhận thứ cô tặng, ta sẽ đi ngược lại lời dạy của Bồ Tát, phạm vào đạo căn bản. Hơn nữa sự nghiệp tự, tha, độ sinh của ta đời này đều đã viên mãn rồi, thời điểm đến thế giới khác cũng đã đến rồi. Kỳ thực, thứ mà cô tặng không thể làm tổn thương ta được, ăn hay không ăn cũng không có quan hệ gì. Nếu ta ăn món pho mát mà lần trước cô tặng ta, vậy thì e là cô sẽ không lấy được viên ngọc này, cho nên ta không ăn. Hiện giờ cô đã có viên ngọc trong tay rồi, ta cũng có thể yên tâm ăn rồi, đồng thời anh ta cũng có thể thỏa mãn nguyện vọng của mình. Vả lại, mặc dù anh ta hứa hẹn sau khi cô làm xong sự việc này thì sẽ cho cô cái này cái kia, nhưng những lời đó đều không có cơ sở. Những gì mà anh ta nói về ta không có một câu nào là chân thực. Sau này cô và anh ta sẽ rất hối tiếc. Lúc đó hai người hãy thực sự sám hối, hãy học Phật Pháp thật tốt, nếu không ít nhất cũng phải nhớ

sau này nếu gặp sự việc liên quan đến tính mệnh thì không nên tạo nghiệp nữa.

Anh ta và cô, hai người thường xuyên vứt bỏ hạnh phúc vui vẻ mà tự tìm cái khổ. Nghiệp mà các người gây ra lần này, ta phải phát nguyện tẩy tịnh cho các người. Vì sự an toàn của các người, việc làm lần này mặc dù sớm muộn gì cũng bị người khác biết đến, nhưng trước khi ta chết thì đừng nói với người khác. Ông lão già như ta trước nay lời nói rất cuộc là thật hay giả, người chưa tận mắt nhìn thấy có thể không tin, lần này cô tận mắt thấy rồi thì cũng tin lời ta nói là thật rồi chứ.”

Nói rồi tôn giả liền ăn hết pho mát độc.

Cô gái trở về kể lại sự tình cho tiến sỹ Tháo Phổ nghe, Tháo Phổ nói: “Rau trong nồi không nhất định đều là ngon, lời người ta nói không nhất định đều là thật. Chỉ cần ông ta ăn pho mát độc đó thì ta đã đạt được mục đích rồi, cô nói ít thôi, nhớ giữ kín chuyện này chớ nói cho ai biết.”

Tôn giả truyền lời cho các thiện nam thí chủ khắp nơi ở Đình Nhật Ấp Long và những người chưa từng gặp ông ở những nơi khác đến triệu kiến. Các đồ đệ của ông cũng đang chuẩn bị Pháp hội, nghe tin này, rất nhiều người đều không tin, mọi người đều tụ tập đến. Tôn giả liên tục thuyết thiên pháp cho mọi người. Giải thích tường tận đạo lý nhân quả trong thế tục. Khi ông thuyết pháp, rất nhiều đệ tử có căn cơ cao đều tận mắt nhìn thấy vô lượng Phật, Bồ Tát trên không trung đang nghe Tôn giả thuyết pháp. Có người nhìn thấy trên trời, dưới đất đầy người và những sinh mệnh không phải người đang hân hoan nghe Pháp. Mọi người cũng nhìn thấy trong không trung xuất hiện cầu vòng ngũ

sắc, những áng mây màu sắc tràn ngập hư không, hoa ngũ sắc rơi như mưa từ trên trời xuống, mùi hương kỳ lạ thơm ngát, những âm thanh êm dịu cũng vang vọng xuống từ không trung.

Trong số đệ tử nghe Pháp, có người hỏi tôn giả: “Chúng con thấy trên trời dưới đất đâu đâu cũng có người trời đang nghe pháp, được tận mắt nhìn thấy những điềm lành hiếm có này, rốt cuộc là lý do gì vậy?”

Tôn giả trả lời: “Thiên nhân và thiện thần đang ở trên trời nghe ta thuyết pháp, cúng dường ta thắng diệu ngũ dục. Vì các con đều là các hành giả Yoga và những thiện nam có thiện căn, cho nên các con cũng cảm thấy hân hoan, nhìn thấy được rất nhiều điềm lành này.”

Có người lại hỏi: “Tại sao chúng con không thể nhìn thấy những thiên nhân ấy?”

Tôn giả nói: “Trong số các thiên nhân có rất nhiều người là Bồ Tát từ trần thế lên và những người đắc quả vị rồi nhưng không chuyển đi, muốn tận mắt thấy họ thì nhất định phải có thiên nhân thông, thấp nhất thì cũng phải hội tụ đủ hai loại vốn liếng là phúc và huệ, hai chướng ngại là phiền não và lý trí không quá nặng thì mới được. Nếu có thể nhìn thấy Phật, Bồ Tát, vậy thì cũng có thể nhìn thấy những gia quyến khác. Nếu muốn nhìn thấy Phật, Bồ Tát, nhất định phải sám hối các tội lỗi, chăm chỉ tu hành, tương lai nhất định sẽ có thể nhìn thấy Phật Đà thù thắng nhất, tự tâm.”

Tôn giả thuyết pháp xong, trong dân chúng nghe Pháp, những người căn cơ cao đều chứng ngộ được đạo lý pháp thân tự tâm; người căn cơ trung bình khởi giác ngộ thù thắng về lạc, minh, vô niệm, tiến vào đại đạo; tất cả người tham dự đều khởi tâm đại Bồ Đề.

Tôn giả nói: “Các tăng ni, tục, nhân, thiên nhân đến nghe Pháp hội lần này đều từng phát thiện nguyện vào đời trước, cho nên hiện giờ mọi người mới có thể tụ hội ở đây, đây là Pháp hội nhân duyên Phật Pháp. Lão già ta đây giờ đã suy yếu rồi, đời này chúng ta có thể gặp lại không, thực sự rất khó nói. Nhưng Pháp mà ta giảng cho các vị đều là chân thực, hy vọng các vị theo Pháp mà tu trì. Trong chùa của ta, khi ta hiện thân thành Phật, các con đều sẽ là những đệ tử đầu tiên được nghe Pháp, cho nên các con nên lấy làm vui mừng.”

Các đệ tử ở Áp Long liền hỏi dụng ý dẫn dò của tôn giả, có phải vì việc độ sinh đã hoàn tất phải niết bàn không? Mọi người thỉnh cầu Sư tôn nếu thực sự phải niết bàn, dù thế nào cũng phải niết bàn ở Áp Long, nếu không ít nhất cũng phải đến Áp Long một lần. Họ khóc lóc nức nở kiên trì thỉnh cầu tôn giả phải đến Áp Long, người ở Đình Nhật Khúc Ba và các nơi khác cũng thỉnh cầu Tôn giả đến địa phương của họ.

Tôn giả nói: “Ta không đến Áp Long, ta ở Bồ Lâm và Khúc Ba chờ chết là được rồi. Hiện mọi người chúng ta đều phát một thiện niệm đi, nguyện tương lai đều sẽ gặp nhau tại Không Hành tịnh thổ.” Các đệ tử liền nói: “Nếu như tôn giả thật sự không thể đi, vậy đành xin tôn giả phát nguyện gia trì cho tất cả những nơi mà tôn giả từng qua và tất cả chúng sinh ở đó, xin tôn giả phát nguyện gia trì chúc phúc, cát tường.”

Tôn giả nói: “Các con đều có tín tâm như vậy, khiến ta vô cùng cảm động, ta đã có thiện tâm thuyết pháp cho các con rồi, tương lai ta tất nhiên sẽ phải phát nguyện mang niềm vui, hạnh phúc đến cho hết thảy chúng sinh.” Thế là tôn giả liền hát một bài ca phát nguyện.

Dân chúng nghe Pháp vô cùng mừng vui, nhưng lại không dám tin, nghĩ rằng tôn giả chắc sẽ không niết bàn đâu. Đồ đệ ở Áp Long và Bồ Lâm đều đến trước mặt tôn giả thỉnh cầu gia trì và chúc nguyện. Sau đó dân chúng nghe Pháp đều ra về. Những cầu vồng ngũ sắc trên trời cũng dần dần tan biến.

Dân chúng ở Bồ Lâm thành khẩn xin đại đệ tử của tôn giả Nhã Ba Tịch Quang thỉnh cầu tôn giả đến Mao Bồng ở hang Độc Long Đỉnh cư ngụ, tôn giả liền đến đó ở một thời gian, thuyết pháp cho các thí chủ ở thôn Bồ Lâm. Một hôm, tôn giả nói với tất các đồ đệ: “Nếu có thắc mắc gì về Pháp thì nên mau chóng hỏi ta, ta sắp đi rồi”, vậy là các đệ tử liền chuẩn bị Hội Cung Luân (nghỉ thức cúng lễ của Mật giáo) mọi người hỏi tôn giả về Pháp, đưa ra những vấn đề còn thắc mắc. Cuối cùng Trí Cống Ba và Tát Văn Nhật Ba nói với tôn giả: “Thưa Thượng sư lão nhân, theo lời của ngài thì ngài sẽ nhanh chóng niết bàn, chúng con quả là không thể tin nổi. Xin ngài ở lại thế gian lâu hơn, có thể có lợi cho chúng sinh hơn.”

Tôn giả nói: “Thọ mệnh ở thế gian của ta đã hết rồi, những chúng sinh nên hóa độ cũng đã hóa độ xong rồi. Phàm là vạn vật đều có sinh tất có tử, kỳ thực, sinh chẳng qua cũng chỉ là bề ngoài của tử mà thôi.”

Mấy hôm sau, tôn giả quả nhiên có hiện tượng mắc bệnh, đệ tử Nhạn Tổng Nhã Ba liền tụ tập tất cả thí chủ và các đệ tử đến khẩn cầu thượng sư, Bản Tôn Không Hành hộ pháp, cử hành Hội Cung. Đồng thời nói với tôn giả: “Thưa thượng sư, ngài biết pháp trường thọ và các phương pháp trị bệnh, hiện giờ xin ngài mở lượng từ bi sử dụng một chút có được không?”

Tôn giả nói: “Căn bản mà nói, hành giả yoga không thể dùng được pháp gì, hết thấy cảnh giới thuận, nghịch đều không phải là đạo, ốm cũng được, chết cũng được. Nhất là Milarepa ta đã tu xong Pháp của đại ân thượng sư Mã Nhĩ Ba rồi nên hiện giờ không thể nhờ vào Pháp Cứu Thần Lai; ta có thể biến kẻ thù thành bạn thân thiết thì còn phải tu Pháp Cứu Bồ Tát làm gì nữa? Còn nói những yêu ma quỷ quái, chúng đã sớm bị ta bắt hàng phục rồi, đều đã biến thành hộ pháp bảo hộ cho Phật giáo rồi, cho nên niệm chú hàng yêu khua chiêng gõ mõ cũng chẳng ích gì. Ta đã chuyển ngũ độc (tức là năm loại phiền não tham, sân, si, ngạo mạn, đố kỵ) thành ngũ trí Như Lai (ngũ trí gồm thành sở tác trí, đại viên kính trí, bình đẳng tính trí, diệu quan sát trí, pháp giới trí. Ngũ Như Lai là Bất Động Phật, Bảo Sinh Phật, A Di Đà Phật, Bất Không Thành Tựu Phật, Đại Nhật Như Lai Phật), còn phải uống sáu vị thuốc thì có tác dụng gì? Hiện giờ thời gian đến rồi, Phật thân huyễn hóa thứ tự, trong Pháp tính quang minh phải nhập viên mãn này không thể thay đổi.

Con người thế nhân do quả báo đã làm điều ác trước đây, đời này chịu khổ đau trong sinh, lão, bệnh, tử, cho dù uống thuốc để chữa trị hay cầu Phật tu Pháp, cũng không thể giải thoát khỏi đau khổ. Dù quốc vương có uy quyền thế nào, dũng sỹ có sức mạnh thế nào, người giàu có của cải nhiều thế nào, mỹ nhân có sắc đẹp thế nào, người thông minh có tài trí thế nào, diễn giả có tài ăn nói thế nào, người ta cuối cùng đều phải chết, hết thấy điều này đều không thể thoát khỏi thành, trụ, hoại, diệt. Nếu các con sợ đau khổ, thích an lạc, ta

có một phương pháp có thể giúp các con không phải chịu thống khổ và luôn hưởng an lạc.”

Các đệ tử nói: “Vậy xin thượng sư hãy nói cho chúng con.”

Tôn giả nói: “Hết thấy Pháp trong luân hồi, thành rồi phải hoại, tụ rồi phải tan, sinh rồi phải tử, yêu rồi phải ly. Có thể giác ngộ được từ đây thì nên vứt bỏ hết thấy những tác nhân gây ra khổ: không cầu tài, không cầu danh, đi theo con đường mà thượng sư đã đặt ra, theo đó mà tu hành Vô sinh pháp yếu. Các con phải biết tu hành Vô Sinh không quan, là hết thấy sự thù thắng nhất trong tu hành. Ngoài ra còn có những lời quan trọng khác, sau này ta sẽ nói cho các con.”

Hai đại đệ tử Nhã Ba Tịch Quang và Tổng Nhã Ba nói với tôn giả: “Thưa thượng sư, nếu sức khỏe của ngài tốt, chẳng phải ngài có thể ở lại thế gian và cứu độ được thêm chúng sinh nữa hay sao? Nếu ngài không nhận lời thỉnh cầu của chúng con thì hãy ở lại thế gian 100 năm, nhưng dù thế nào xin ngài hãy tu Bí mật chân ngôn thừa, uống một chút thuốc đi vậy, để ngài hồi phục sớm một chút”, họ cứ khẩn cầu như thế mãi.

Tôn giả liền nói: “Nếu không phải là thời khắc nhân duyên đã đến, ta sẽ có thể làm theo lời của hai con. Nhưng nếu không phải vì lợi dụng duyên có đó mà cầu thọ mệnh cho bản thân, lợi dụng chân ngôn Nghi quỹ mời Phật, Bồ Tát đến, thì cũng bằng như bảo hoàng đế từ trên ngai vàng xuống làm người hầu vậy, như vậy là có tội. Cho nên các con không nên vì bản thân mình, vì đời này mà tu Chân ngôn pháp. Nếu là vì lợi ích của chúng sinh mà tu Chân ngôn pháp, vậy thì rất tốt. Ta vì hết thấy chúng sinh, suốt đời ở nơi núi sâu không

người tu tập được Nghi quỹ có ý nghĩa nhất, cho nên ta cũng không thể dùng được bất cứ Nghi quỹ nào khác nữa. Cảnh giới của ta đã đạt đến thống nhất với Pháp cảnh bản tính, cảnh giới không thể phân khai, không cần phải tu thêm bất cứ pháp nào tại thế gian nữa. Ta theo khẩu quyết lương yếu của thượng sư Mã Nhĩ Ba, ngũ độc trong người ta đã bị xóa trừ hết rồi, cho nên ta không thể dùng được bất cứ loại thuốc nào. Nếu các con không thể hỗ trợ ta, thì không thể được coi là người học chân chính. Nếu như thời gian chưa đến, gặp nghịch cảnh cản trở Bồ đề đạo, vậy thì nên uống thuốc hay tu pháp đều nên làm. Như lúc trừ bỏ nghị duyên chuyển thành trợ duyên này, không phải là không có. Vì để siêu độ những chúng sinh có căn cơ thấp, Thế tôn Thích Ca Mâu Ni cũng từng dùng thuốc chữa bệnh của Kỳ Bà Đồng Tử (Jivaka Kumara). Nhưng một khi nhân duyên đến, bản thân Phật Đà cũng phải niết bàn. Hiện giờ nhân duyên của ta đã đến rồi, cho nên căn bản không thể uống thuốc hay tu Pháp nữa.”

Hai đại đệ tử lại thỉnh hỏi: “Nếu tôn giả nhất định phải vì lợi ích của người mà đến thế giới tha phương, vậy thì xin ngài nói cho chúng con phương pháp cúng dường cho ngài khi ngài xuống cõi niết bàn, xử lý thi thể ngài thế nào, xây dựng tháp cho ngài thế nào. Ngoài ra, xin ngài hãy nói cho chúng con làm thế nào tu tập hành đạo theo nghe, tư, tu.”

Tôn giả nói: “Ta theo ân đức của thượng sư Mã Nhĩ Ba, hết thấy sự nghiệp trong luân hồi niết bàn đều đã sạch trơn rồi. Hành giả yoga mà ba nghiệp thân, khẩu, ý trong Pháp tính đã giải thoát thì không nhất định để lại thân thể; các con không cần tạc tượng, cũng không

cần xây tháp. Ta không chấp trước vào tượng hay chùa chiền, đã không có miếu thờ thì cũng không cần dọn ai làm trụ trì. Trên núi cao, các con hãy tu hành vì thương xót chúng sinh trong lục đạo, đây chính là bức tượng thù thắng nhất suốt bốn mùa. Hiểu rõ hết thấy Pháp vốn là thanh tịnh tức là đã tu tháp, xây cột rồi. Tâm khẩu như một, lời cầu nguyện từ sâu thẳm trong nội tâm chính là sự cúng dường thù thắng nhất.

Nếu làm bạn với người cam chịu phiền não và chấp trước nặng nề, làm những việc gây tổn hại cho chúng sinh, vậy chính là làm trái với những quy tắc mà người học Phật nên có. Nếu là để xa rời ngũ độc và mang lại lợi ích cho chúng sinh, trên bề mặt dường như là đang làm việc ác, kỳ thực lại là đang hành theo Phật Đạo, điều này không quan hệ.

Nếu chỉ để hiểu về Phật Pháp mà không tu hành thực tế, thì dù có nghe nhiều cũng lại trở thành trở ngại, kết quả chắc chắn sẽ bị rớt xuống vực sâu trong tam ác đạo. Cho nên phải hiểu rằng mệnh người vô thường, phải nỗ lực gìn giữ và bảo vệ nghiệp thiện ác mà mình biết, dù phải mất mạng cũng quyết không được làm việc ác. Nói một cách đơn giản, người học Phật phải biết hổ thẹn với bản thân mới có thể hành đạo. Các con theo đó mà tu hành, có thể sẽ tương phản với những điều tôn chỉ hoang đường nào đó trong kinh sách, nhưng làm như vậy là phù hợp với bốn ý của Phật, Bồ Tát. Hết thấy những điều cốt yếu tóm lược lại là như vậy. Ta cũng cho rằng như vậy là đủ rồi. Nếu các con có thể làm theo lời ta nói, ta cũng mãn nguyện rồi. Các con cũng có thể đi đến tận cùng của hết thấy luân hồi niết bàn. Nếu

không, dùng con mắt và phương thức thế tục để thỏa mãn tâm nguyện của ta đều không có lợi ích gì.”

Chúng đệ tử cảm động sâu sắc, mọi người đều ghi nhớ trong tâm những lời giáo huấn này.

Không lâu sau, tôn giả sinh bệnh nặng. Lúc đó, tiến sỹ Tháo Phổ cải trang làm người đến cúng dường mang rất nhiều rượu thịt ngon đến cho tôn giả, cười mỉa mai rằng: “Ôi dào, một bậc đại thành tựu như tôn giả thì không nên mắc bệnh nặng như vậy! Sao ông lại bị bệnh tật hành hạ như vậy? Nếu có thể san sẻ bệnh tật sang cho người khác, thì ông có thể san sẻ cho các đại đệ tử, nếu có thể chuyển được bệnh tật thì xin ông hãy chuyển nó cho tôi vậy. Ông hiện giờ hết đường xoay sở rồi, kết thúc thế nào đây?”

Tôn giả cười bình thản nói: “Ta vốn dĩ không cần phải mắc bệnh này. Nguyên nhân không thể không mắc bệnh, anh nên biết rõ chứ. Thông thường nguyên nhân sinh bệnh của kẻ phàm phu khác với bản chất sinh bệnh của bậc hành giả Yoga, duyên khởi không giống nhau. Bệnh của ta hiện nay thực ra là biểu hiện của sự trang nghiêm của Phật Pháp.”

Tiến sỹ Tháo Phổ nghĩ trong tâm: Tôn giả hình như đang nghi ngờ ta, nhưng không dám khẳng định. Bởi vì tôn giả nói rằng có thể dịch chuyển được bệnh, điểm này không thể nào đáng tin được, trong thiên hạ này ở đâu có chuyện có thể chuyển được bệnh cho người khác chứ? Do vậy ông ta nói: “Tôi không biết rõ bệnh của tôn giả, nếu bệnh là do ma quỷ nhập lên thân thì nên tu theo pháp đuổi ma, nếu là do tứ đại (phong, hỏa, địa, thủy) không điều hòa thì nên uống thuốc điều chỉnh cơ

thể. Nếu bệnh thực sự có thể chuyển sang thân người khác thì xin tôn giả hãy chuyển nó sang người tôi.”

Tôn giả nói: “Có một người mắc đại tội, ma quỷ trong tâm chạy ra làm tổn hại đến ta, làm cho nội tạng của ta không ổn định nên mới mắc bệnh. Bệnh này anh không có khả năng để tiêu trừ nó. Bệnh này của ta mặc dù có thể chuyển lên thân của anh, nhưng chỉ e anh không chịu nổi lấy một giây, cho nên tốt nhất là không nên chuyển.”

Tháo Phổ nghĩ bụng: “Ông già này căn bản không thể chuyển được bệnh cho ai đâu, cho nên cố ý nói những lời bóng bẩy này, để không bị mất mặt thôi.” Vậy nên cứ nài nỉ thỉnh cầu Tôn giả phải chuyển bệnh sang cho anh ta.

Tôn giả liền nói: “Anh đã kiên quyết thỉnh cầu như vậy thì ta sẽ tạm thời chuyển bệnh sang cánh cửa bên kia. Nếu chuyển cho anh thì anh không chịu nổi đâu, anh thấy được không?” Tôn giả liền dùng thần lực chuyển những đau khổ vì bệnh tật sang cánh cửa đối diện. Cánh cửa lúc đầu phát ra tiếng kéo kẹt, như thể sắp bị nứt ra vậy, một lúc sau nó thực sự vỡ ra thành rất nhiều mảnh vụn. Nhìn lại tôn giả, quả nhiên đáng vẻ trở nên khỏe khoắn vô bệnh.

Tiến sỹ Tháo Phổ nghĩ trong tâm: “Đây chỉ là trò ma thuật che mắt, không thể lừa gạt được ta.” Liền nói: “A, điều này thật hiếm có, nhưng tôn giả chuyển bệnh cho tôi có tốt hơn không?”

Tôn giả nói: “Anh đã khổ sở yêu cầu thì ta sẽ chuyển một nửa bệnh của ta cho anh. Nếu chuyển toàn bộ bệnh thì anh chắc chắn không chịu đựng nổi.” Tôn giả chuyển một nửa nỗi khổ bệnh tật cho anh ta. Tiến

sỹ Tháo Phổ lập tức đau đến nổi ngất xỉu, toàn thân run rẩy, thở không ra hơi. Một lúc sau khi thấy anh ta sắp sửa hết hơi rồi, tôn giả liền thu lại phần lớn bệnh tật đã chuyển qua cho anh ta, lại hỏi anh ta: “Ta mới chuyển cho anh một phân nhỏ thôi, anh thấy thế nào? Có chịu nổi không?”

Tiến sỹ Tháo Phổ sau khi tự mình trải qua nỗi đau khổ này, trong tâm trào dâng lòng hối hận mãnh liệt. Anh ta quỳ xuống khấu đầu dưới chân Tôn giả, nước mắt đầm đìa khóc rằng: “Hỡi tôn giả, hỡi thánh nhân, con thành tâm hối hận rồi. Mong ngài thứ lỗi cho con. Con mang toàn bộ gia sản cúng dường cho tôn giả, tội nghiệp quả báo của con mong tôn giả hãy nghĩ cách tiêu trừ.” Tháo Phổ khóc lóc vô cùng thống thiết.

Tôn giả thấy anh ta thực tâm hối cải thì vô cùng vui mừng, liền lấy lại một chút bệnh tật còn lại trên thân thể anh ta, rồi nói với anh ta rằng: “Cả đời ta chưa từng cần đến đất đai, tài sản, hiện giờ ta sắp chết rồi lại càng không cần những thứ đó. Anh hãy giữ lại. Sau này dù có mất mạng cũng không được làm điều ác nữa. Tội nghiệp quả báo mà anh đã làm lần này, ta đồng ý tiêu trừ giúp anh là được.”

Tháo Phổ nói với tôn giả: “Lý do con hành ác trước đây đa phần đều là vì tiền tài, giờ đây con cũng không cần bất cứ tài sản nào nữa. Mặc dù bản thân tôn giả không cần, nhưng các đệ tử của tôn giả tu hành đều cần có tư lương, xin ngài hãy nhận thay cho họ.” Dù ông ấy thỉnh cầu, tôn giả vẫn không nhận. Sau đó các đệ tử của ông đã nhận, họ mang tài sản này ra cúng dường tập thể. Đến nay vùng Khứ Ba vẫn có cúng dường tập thể này.

Tiến sỹ Tháo Phổ sau đó quả nhiên đã vứt bỏ được những tham sân si trong cuộc đời, trở thành một người tu hành rất tốt.

Tôn giả nói với các đệ tử: “Sở dĩ ta phải ở đây chính là phải khiến cho người mắc đại tội này thực tâm hối cải, được giải thoát khỏi đau khổ. Đến nay việc này đã xong rồi, ta nên đi được rồi. Vốn dĩ người đại tu hành viên tịch trong thôn xóm cũng giống như hoàng đế băng hà ở nhà bình dân vậy, cho nên ta phải đến Khứ Ba tìm nơi viên tịch.”

Đệ tử Sắc Vấn Nhã Ba liền nói: “Thưa Thượng sư, ngài tuổi cao mà bệnh nặng như vậy, nếu đi thì thực sự quá vất vả, để chúng con làm một cái kiệu đưa ngài đi.”

Tôn giả nói: “Ta không nhất định là thật sự mắc bệnh, ta chết cũng không phải thật sự chết, chỉ là biểu hiện bề ngoài như mắc bệnh, sắp chết mà thôi! Cần phải kiệu gì chứ? Hỡi các đồ đệ trẻ, các con hãy đến Khứ Ba trước đi.”

Khi các đệ tử trẻ đã đi đến Khứ Ba, Tôn giả đã ở trong động Sý Kết Nha đợi họ rồi. Rất nhiều đồ đệ lâu năm nói: “Chúng tôi đã cùng tôn giả đến.” Một người khác nói: “Tôn giả đã nghỉ ngơi trên hang Độc Long Đỉnh.” Còn các thí chủ ở thôn Khứ Ba đến sau lại nói: “Chúng tôi trông thấy tôn giả thuyết pháp trong hang Triều Táp Đỉnh.” Lại có một số thí chủ khác nói: “Chúng tôi đến cùng lúc với tôn giả.” Còn có rất nhiều người lại nói: “Nhà của mỗi chúng tôi đều có một tôn giả đến nhận cúng dường.” Những người từ Khứ Ba đến trước tiên nói: “Tôn giả hãy đến Khứ Ba trước, chúng con cùng đến hầu hạ tôn giả.” Thế là người đến sau, người trông thấy tôn giả thuyết pháp, người cúng dường cho

tôn giả, bên nào cũng cho là mình đúng, tranh luận không thôi, không biết ai sai ai đúng. Tôn giả nghe xong cười nói: “Các con đều đúng, ta làm vậy chẳng qua chỉ để đùa các con mà thôi.”

Câu chuyện tu luyện của Phật Milarepa (Phần 12)

Tôn giả thị hiện trạng thái bệnh ở động Sý Kết. Lúc đó trên không trung xuất hiện các điềm lành như cầu vồng, mưa hoa giống y như lúc ngài thuyết pháp. Thế là mọi người biết tôn giả thực sự muốn đến thế giới của ngài rồi. Các đệ tử Tịch Quang Nhã Ba, Nhạn Tổng Đốn Ba, Sắc Vấn Nhạ Ba bèn thỉnh giáo tôn giả rằng: “Sau khi tôn giả Niết Bàn, sẽ đến nơi Tịnh Thổ nào? Đệ tử chúng con nên hướng về đâu cầu nguyện?”

Tôn giả nói: “Các con tùy ý cầu nguyện ở nơi nào đều như nhau. Chỉ cần có tín tâm, thành kính cầu nguyện, ta nhất định sẽ ở trước mặt các con. Điều các con cầu nguyện, ta nhất định sẽ ban cho. Lần này, ta muốn đến Tịnh Thổ Hiện Hỷ ở phương Đông để báỉ Bất Động Như Lai. Trước đây ta đã đề cập đến rồi, vẫn còn lời muốn nói với các con, đó chính là di chúc của ta. Ta Milarepa sau khi chết, trừ vài vật dụng rất ít ra, ta không có bất kỳ tài sản nào khác. Các con có thể đem áo bông và gậy của ta giao cho Nhạ Quỳnh Ba, cậu ấy sẽ sớm đến đây, bảo cho cậu ấy biết hai vật này có liên quan đến duyên khởi của tu luyện khí công. Trước khi Nhạ Quỳnh Ba đến, nhất định không được động đến thi thể ta.

Chiếc mũ và gậy gỗ trầm hương của Chủ Mai Kỳ Ba này, có duyên khởi hoằng dương Phật Pháp bằng việc thiện quan thiện kiến, giao cho Vệ Ba Đốn Ba. Cái bát gỗ này, Tịch Quang, con cầm lấy đi. Cái Linh Cái này, Nhạn Tổng Đốn Ba, cho con đó. Đá đánh lửa thì cho Sắc Vấn Nhạ Ba. Cái chìa khóa bằng xương này, cho

Sý Cống Nhạ Ba. Hãy lấy chiếc nệm vải này, chia thành nhiều mảnh nhỏ, chia cho các đệ tử khác, mỗi người có thể lấy một miếng. Những đồ vật này của ta không có giá trị tiền bạc gì, ý nghĩa tặng cho các con, chủ yếu là ở hiển thị duyên khởi mà thôi.

Di chúc quan trọng nhất của ta và vàng mà nhiều đời ta, Milarepa tích tụ lại, đều được cất giữ ở dưới cái bếp này. Sau khi ta chết, có nhiều đệ tử không hiểu biết có thể sẽ tranh cãi vì chuyện hậu sự của ta, lúc đó các con có thể mở di chúc đó ra xem. Trong đó còn có biện pháp chỉ bảo các con tu hành.

Lại có một số người học Phật chỉ có rất ít phúc đức, vì nghe danh cung kính ta đời này, bề ngoài là làm Phật sự, làm công đức, trên thực tế, họ cúng thí tiền trăm thì trong lòng lại muốn thu hồi tiền nghìn. Những người thế tục hành thiện vì tham cầu quả báo này, cũng giống như đem thuốc độc trộn với rượu ngon mà uống. Do đó, các con không nên vì cung kính nghe danh đời này mà uống thuốc độc ‘háo danh’ đó. Những việc bề ngoài biểu hiện là Phật Pháp, nhưng thực tế lại là việc thế gian pháp đó, các con đều phải triệt để vứt bỏ, một lòng tinh tấn, tu hành Phật Pháp thuần tịnh mới được.”

Các đệ tử lại thỉnh giáo tôn giả: “Nếu có lợi cho chúng sinh, chúng con có được làm một chút thế gian pháp không?”

Tôn giả nói: “Động cơ làm thế gian pháp, nếu không hề có tí chút vì bản thân nào, thế thì có thể làm. Nhưng làm như thế này, thực tế là quá khó rồi. Nếu là vì tham dục bản thân mà làm việc lợi cho người khác, thì tự lợi cho mình cũng không thành, càng không thể nói là lợi cho người khác được. Chính là giống như người không

biết bơi mà đi bơi, không những bơi không nổi, trái lại lại bị nước chìm chết. Do đó, trước khi chúng được thực tướng không tính, tốt nhất là không được nói đến việc lợi ích chúng sinh. Bản thân không tu được đắc chúng mà muốn lợi ích chúng sinh, thì cũng giống như người mù dẫn đường kẻ đui, cuối cùng sẽ rơi vào vực sâu của tự tư. Bản lai hư không vô tận, chúng sinh cũng vô tận, sau khi bản thân tu hành thành tựu rồi, cơ hội độ chúng sinh thực sự quá nhiều. Bất kể lúc nào, bất kể nơi nào, đều có thể hóa độ chúng sinh. Trước khi thành tựu, các con nên phát ‘đại từ tâm’ bằng ‘thanh tịnh ý’, vì duyên có lợi ích hết thấy chúng sinh mà khẩn cầu Phật quả. Buông bỏ tư tưởng ăn mặc danh lợi, thân thể chịu khổ nhọc, tâm chí chịu gánh nặng, như thế tu mới được. Đây chính là độ chúng sinh, cũng chính là lợi ích cuối cùng của tu hành nhập đạo, hoàn thành hết thấy bản thân và cho người khác.”

Tôn giả Milarepa lại nói tiếp: “Bây giờ ta không thể ở lại lâu nữa, các con nên nhớ kỹ lời ta, kế thừa giữ gìn tông phong của ta.” Nói xong liền nhập đại định, thị hiện viên tịch. Hưởng thọ 84 tuổi, vào bình minh ngày 14 tháng cuối đông năm Mộc thử (năm 1135), khi ánh sáng các vì sao sắp hết, mặt trời bình minh đang lên, sắc thân tôn giả nhập Pháp giới thể tính, hiển thị tướng Niết Bàn.

Lúc này thắng tướng Thiên nhân Không hành tụ hội so với trước đây càng to lớn thù thắng hơn. Trên không trung xuất hiện cầu vòng rực rỡ rất to lớn. Cầu vòng này rõ ràng đến mức như với tay ra là có thể chạm được. Các loại màu sắc rực rỡ đan xen trên bầu trời, giữa cầu vòng có hình tượng đóa sen 8 cánh, trên hoa

sen có chiếc Mạn đà la (Đàn tràng) cực kỳ mỹ lệ. Họa sỹ giỏi nhất thế giới cũng không thể vẽ được Đàn tràng đẹp như thế này. Những đám mây ngũ sắc nhón đầu biến thành các hình dáng vô tận như cờ phướn thẳng chàng, vòng tua rua, bảo phướn ... Các đóa hoa đủ các loại các màu sắc từ trên trời rơi xuống, phất phới như mưa rơi. Mây màu quấn quanh bốn bề đỉnh núi. Đám mây có hình bảo tháp bao quanh trung tâm Khúc Ba. Mọi người đều nghe được tiếng nhạc Trời và lời ca tụng vui tai. Mùi hương kỳ lạ bao trùm khắp mặt đất. Người thế tục thế gian cũng đều nhìn thấy tượng Thần người Trời đầy khắp bầu trời, đều tiến hành cúng dường rộng khắp. Mọi người thấy các Thiên Thần lỏa thể cũng không cho là kỳ lạ. Các Thiên Thần ai nấy đều sợ ngửi mùi hôi của cơ thể con người, gặp người thường lấy tay che mặt bịt mũi mà đi qua. Có Thiên Thần cùng con người trò chuyện, chào hỏi. Mọi người ai cũng trông thấy những kỳ tích hy hữu này.

Các thí chủ ở Áp Long nghe tin tôn giả đã nhập Niết Bàn đều chạy đến Khúc Ba, nói rất nhiều lý do với các đại đệ tử và các thí chủ ở Khúc Ba, muốn đem di thể của tôn giả đến Áp Long mai táng, nhưng bị các đại đệ tử của tôn giả từ chối. Thế là các thí chủ ở Áp Long yêu cầu tạm hoãn cử hành đại lễ, để cho các tín đồ ở Bồ Lâm và các nơi khác có cơ hội cuối cùng, đến chiêm ngưỡng lần cuối Thánh dung của tôn giả. Các thí chủ ở Khúc Ba đồng ý yêu cầu này. Người Áp Long liền trở về khẩn cấp họp bàn, kết quả họ đem theo một nhóm dũng sỹ có sức mạnh đến chuẩn bị cướp di thể tôn giả. Thế là cùng với các thí chủ ở Khúc Ba, hai bên tranh cãi nảy lửa, đến mức dường như sắp dùng vũ lực. Các đại đệ

tử thấy tình hình như thế này, lập tức nói với họ rằng: “Mọi người đều là tín đồ của tôn giả, xin đừng tranh cãi nữa. Tôn giả đã nhập Niết Bàn ở Khúc Ba, đương nhiên không thích hợp cử hành đại lễ ở Áp Long, xin mọi người hãy đợi ở đây, sau khi đại lễ cử hành xong, mọi người nhất định được một phần xá lợi và tro cốt của tôn giả để cúng dường.”

Nhưng những người Áp Long cậy nhiều người, không muốn nghe theo, vẫn muốn chuẩn bị cướp. Bỗng nhiên trên không trung xuất hiện một Thiên Thần, miệng phát ra tiếng nói của tôn giả.

Các thí chủ và các tín đồ như là lại thấy tôn giả, hoan hỷ và vui mừng không nói nên lời, mọi người đều không tranh cãi nữa, chỉ một lòng một dạ cầu nguyện. Cuối cùng trong huyền ảo không thể tưởng tượng nổi, ngoài di thể tôn giả mà các đại đệ tử và các thí chủ ở Khúc Ba đang bảo quản ra, người dân ở Áp Long lại có được một bộ di thể khác của tôn giả, họ liền rước di thể này lên đỉnh hang Đại Bằng Đản ở Na Kỳ Tuyết Sơn cử hành hỏa táng. Trên không trung lại xuất hiện cầu vòng ngũ sắc, mây màu, nhạc Trời, hương thơm kỳ lạ, và các cảnh tượng kỳ diệu khác giống như lần trước khi Niết Bàn.

Ở Khúc Ba, các đại đệ tử và các thí chủ liên tục nhất tâm cầu nguyện 6 ngày rồi, gương mặt tôn giả bỗng nhiên phát ra ánh sáng rực, dáng vẻ trẻ ra như một tiểu đồng 8 tuổi. Lúc đó mấy đại đệ tử bàn luận rằng: “Nhạ Quỳnh Ba e rằng sẽ không đến. Nếu chúng ta tiếp tục trì hoãn nữa, có thể không còn gì để lưu lại nữa. Thậm chí một chút tro xương cũng không có được. Hay là chúng ta nhanh chóng cử hành hỏa táng đi.”

Sau khi mọi người thương lượng, bèn theo thứ tự chiêm ngưỡng Thánh dung của tôn giả lần cuối cùng. Đồng thời, đem Thánh thể đến bảo tọa phía trước động Sý Kết, và bắt đài hỏa táng, sau đó đem Thánh thể để lên đài, vạch xong đàn tràng. Tuy cúng dường không so được với Thiên nhân, nhưng đem các đồ cúng tốt nhất chốn nhân gian bày ra. Và lúc bình minh, cử hành các nghi thức cầu nguyện, mọi người đều muốn cử hành hỏa táng. Nhưng bất luận thể nào đi nữa, lửa không thể thắp lên được. Lúc đó, trên không trung bỗng xuất hiện một cầu vồng, đem theo năm vị Không hành mẫu.

Thế là Nhạ Tổng Nhạ Ba nói: “Di huấn của tôn giả và mấy vị Không hạnh, đều bảo chúng ta là, trước khi Nhạ Quỳnh Ba đến, không được động đến di thể tôn giả. Nhưng Nhạ Quỳnh Ba đến giờ vẫn chưa đến, e rằng chẳng bao lâu di thể sẽ thối rữa, làm thế nào bây giờ?”

Tịch Quang Nhã Ba nói: “Từ giáo huấn của tôn giả và Không hành giả, và các nhân duyên lửa không thiêu được di thể, có thể thấy, Nhạ Quỳnh Ba nhất định sẽ mau chóng trở về. Chúng ta hãy cứ khẩn thiết cầu nguyện đi.”

Mọi người đem Thánh thể trở lại trong hang động, đều nhất tâm khẩn thiết cầu nguyện.

Lại nói, Nhạ Quỳnh Ba lúc đó đang tu Pháp ở chùa La Nhược Đa. Một hôm vào buổi tối, sau lúc nửa đêm, cảm giác ánh sáng và buồn ngủ hòa vào nhau, ông nhìn thấy vùng đất Khúc Ba, có tòa tháp pha lê phát ánh sáng ra bốn phía xung quanh trống trải. Vô số các Không hành vây quanh bảo tháp này, cung thỉnh đến thể giới khác. Trên mặt đất, nơi nơi đều là anh em Kim Cang của mình và các thí chủ của tôn giả. Tiếng hát của Thiên

Thần và Không hành vang khắp bầu không, nơi nơi đều có những đám mây cúng dường lớn không thể tưởng tượng nổi. Nhạ Quỳnh Ba đánh lễ với bảo tháp, bỗng nhiên gương mặt tôn giả từ trong bảo tháp hiện ra, nói với Nhạ Quỳnh Ba rằng: “Con à, tuy con không theo lời ta kịp thời trở về, nhưng nếu cha con ta có thể được gặp lại lần nữa, ta sẽ vô cùng vui mừng. Cha con ta từ nay về sau e rằng không thể thường gặp nhau được nữa, đừng để mất cơ hội khó có được như thế này nữa, để cha con ta trò chuyện một lần nữa nhé!” Nói rồi, tôn giả liền đặt tay lên đầu Nhạ Quỳnh Ba, gương mặt tươi cười nhìn anh. Nhạ Quỳnh Ba trong lòng vừa buồn vừa vui, nẩy sinh tín tâm xưa nay chưa từng có, và có cảm giác khó có được.

Sau khi Nhạ Quỳnh Ba tỉnh lại, nghĩ tới trước đây tôn giả đã nói với mình, muốn anh vào thời gian nào trở về, trong lòng vô cùng kinh hoàng: “Lẽ nào tôn giả Niết Bàn rồi?” Bỗng nhiên nẩy sinh bi ai khó chịu nổi và tín tâm mạnh mẽ. Thế là một lòng cầu nguyện với tôn giả rằng: “Thưa thượng sư, con không đến kịp thời, thực sự rất hối hận. Nhưng con sẽ trở về ngay đây.” Đang suy nghĩ, trên không trung xuất hiện hai thiếu nữ nói với anh rằng: “Nhạ Quỳnh Ba, tôn giả sắp đi đến Tịnh thổ rồi, nếu anh không nhanh lên, e rằng đời này không thể gặp được tôn giả nữa. Đi nhanh lên!”

Lúc này Nhạ Quỳnh Ba trong lòng chỉ nhớ thượng sư, lòng mong mỗi trở về như tên bay, lập tức lên đường trở về. Chim chóc ở chùa La Nhục Đa vào lúc đó đang riu rít báo trời sáng.

Nhạ Quỳnh Ba một lòng cầu nguyện thượng sư, một mặt vận khí công, bay như mũi tên. Quãng đường

lừa, ngựa đi phải mất hai tháng, nửa buổi sáng anh đã bay qua rồi. Khi đến đỉnh núi Bát Trại nơi giao giới giữa Đình Nhật và Bồ Lâm, trời mới sáng rõ, mặt trời mới vừa mọc. Anh bèn ngồi xuống nghỉ ngơi một chút. Ngẩng đầu nhìn, khắp nơi đều thấy mây lành màu sắc rực rỡ bao phủ. Đặc biệt là trên đỉnh núi nơi tôn giả nhập tịch, có một cái lọng mây rộng vô biên vô tế, phát ra những tia sáng muôn trượng. Vô số Thiên Thần, Không hành đang ở đám mây Ngũ Dục làm lễ cúng dường. Có Thiên nhân đang cầu nguyện, có người phát nguyện, có người lễ bái, có người đang hát bài hát ngợi ca. Nhạ Quỳnh Ba trông thấy, trong lòng lại buồn lại mừng, hỏi một vị Thiên Thần một cách hoài nghi: “Các ngài làm lễ cúng dường như thế này, là vì điều gì đấy?”

Thiên Thần đáp: “Nhà ngươi, cái con người này chẳng lẽ tai điếc hay sao? Mắt mù hay sao? Một duyên hội phi thường cả người và Trời đều cúng dường như thế này, ngươi lại không biết sao? Đây là Kim Cang Đại Sĩ Mật Lặc Hỷ Tiểu đến Không hành Sát thổ, đại chúng người và Trời đều đang làm lễ cúng dường cầu nguyện ngài, lẽ nào ngươi không biết?”

Nhạ Quỳnh Ba nghe được mấy lời này, lòng đau như dao cắt, chạy như bay về phía hang núi nơi tôn giả nhập tịch. Khi chạy đến bãi đất bằng phẳng hình như bảo tháp ở Khúc Ba, giống như đang mơ, anh thấy tôn giả gương mặt tươi cười nói với anh: “Có phải con trai ta Nhạ Quỳnh Ba đã về đấy à!”

Nhạ Quỳnh Ba vừa trông thấy, trong lòng vui mừng không tả xiết, cho rằng tôn giả vẫn chưa Niết Bàn, vội vàng bước tới đánh lễ, cầu nguyện vạn an. Nhạ Quỳnh Ba lại hỏi tôn giả rất nhiều vấn đề, tôn giả đều giải đáp

hết. Cuối cùng tôn giả nói với Nhạ Quỳnh Ba: “Con trai à, ta đi trước đây, con đến sau nhé! Tương lai ta sẽ đến tiếp dẫn con! Chớ có quên lời của ta nhé!” Nói rồi, bỗng nhiên trong chớp mắt, tôn giả đã chẳng thấy đâu nữa.

Nhạ Quỳnh Ba trong lòng thấp thỏm vội đến Khúc Ba, đến trước hang núi nơi tôn giả nhập diệt, trông thấy các tín đồ và các thí chủ đứng bên di thể của tôn giả đang đau buồn cầu nguyện đi xung quanh. Có rất nhiều các tín đồ mới đến, họ chưa từng gặp Nhạ Quỳnh Ba, bèn chặn lại không cho anh vào trong động đến gần di thể tôn giả. Nhạ Quỳnh Ba trong lòng đau khổ không tả xiết, đau đớn nhỏ lệ.

“Thượng sư, người cha nhân từ ƠN NẶNG của con ơi! Trong tâm trí vô duyên đại bi đó của ngài, chẳng lẽ không nghe thấy chúng con khóc? Trong tâm trí vô duyên đại bi đó của ngài, chẳng lẽ không thương xót nỗi thống khổ của các đồ nhi của ngài? Ôi, Thượng sư, người cha nhân từ của con ơi!”

Tiếng hát của Nhạ Quỳnh Ba vừa truyền vào trong động, dung nhan của tôn giả đột nhiên phát ánh sáng màu rực rỡ, diện mạo như còn sống. Di thể của tôn giả tự nhiên sinh ra ngọn lửa. Tịch Quang Nhạ Ba, Nhạ Tổng Đốn Ba và các đại đệ tử, các thí chủ nghe thấy tiếng hát của Nhạ Quỳnh Ba, tất cả chạy vội ra nghênh đón. Nhưng Nhạ Quỳnh Ba vì những đệ tử mới đến kia không quen anh, không cho anh vào, trong lòng vô cùng buồn rầu, do đó không lập tức vào ngay. Đến khi hát xong 7 bài hát cúng dường rồi, anh mới đi vào trong động. Vì lời ca nhiệt tình và chí thành của Nhạ Quỳnh Ba cầu nguyện đã cảm động tôn giả. Tuy tôn giả đã đi nhập Đại niết bàn Quang Minh Pháp Tính, lúc này lại từ

Quang Minh đến, ngồi lên, nói với các tín đồ mới đến rằng: “Các con là đồ đệ mới tu, không được làm như thế này! Nhạ Quỳnh Ba là Sư tử trong loài người, các con nên kính trọng cậu ấy.” Rồi lại nói với Nhạ Quỳnh Ba: “Con à, con chớ có buồn rầu như thế này, hãy đến bên cha đi con.”

Mọi người thấy kỳ tích này, đều kinh ngạc tán thán không ngớt, trong lòng nảy sinh niềm vui vô lượng.

Nhạ Quỳnh Ba đến trước di thể của tôn giả, ôm lấy tôn giả rồi khóc rống lên. Do đau buồn quá mức, Nhạ Quỳnh Ba đã ngất lả ra đất. Đến khi anh tỉnh lại, thấy các tín đồ và các thí chủ đang vây quanh đàn tế, song vận thân kim cương vô cấu của tôn giả không ngã xuống, mà đang ngồi vững chãi trong đám lửa hình hoa sen tám lá. Thân thể tôn giả giống như nhụy hoa trong đóa hoa, ngồi trong đám lửa rừng rực của bông sen tám cánh, tay phải làm thủ ấn thuyết pháp hạ xuống áp lên đỉnh ngọn lửa, tay trái đỡ má, làm tư thế ca hát, nói với Nhạ Quỳnh Ba và các đệ tử rằng: “Các con hãy nghe bài hát cuối cùng của ta nhé!” Ngài liền hát một bài ca sáu tâm yếu ngay trên đàn tế:

“Con yêu của ta, Nhạ Quỳnh Ba, hãy nghe bài ca di chúc cuối cùng của ta:

Luân hồi trong biển lửa tam giới, tấm thân ảo ngũ uẩn là mấu chốt;

Tham ăn mặc vật chất nhiều việc bôn tẩu, thế sự vĩnh viễn không hồi kết;

Hãy xả bỏ pháp thế gian đi Nhạ Quỳnh Ba!

Trong thân uẩn huyễn hóa này, vô thể tự tâm là mấu chốt;

Nếu tâm này mà bị cái thân sai khiến, pháp tính thực tướng vĩnh viễn khó chứng ngộ được;

Hãy thiện đãi tự tâm, Nhạ Quỳnh Ba!

Ý nghĩa vi diệu của tâm, vật, lấy, bỏ, bản lai trí huệ là mấu chốt;

Truy cầu biến hóa các duyên khởi, vĩnh viễn khó đắc chứng nghĩa vô sinh;

Hãy thiện quán vô sinh, Nhạ Quỳnh Ba!

Giữ, bỏ đời này, đời kia, trung ấm tâm thức là mấu chốt;

Thường kết bạn với loài vô thân hoặc hữu thân, vĩnh viễn khó đắc chứng ý nghĩa thực tướng;

Hãy thiện quán thực tướng, Nhạ Quỳnh Ba!

Trong lục đạo mê loạn trong thành trì vô minh, tội chướng, ác nghiệp tích tụ như núi;

Tham, sân, phiền não không trừ diệt, vĩnh viễn khó chứng được tính bình đẳng của con người;

Hãy xả tham, sân đi, Nhạ Quỳnh Ba!

Trong vạn ngàn Sát thổ của chư Phật, chư Phật thiện xảo thuyết pháp;

Nếu dựa vào cái lý quyền xảo tướng, vĩnh viễn khó giải ngộ được ý nghĩa cuối cùng;

Hãy xả bỏ quyền giáo đi, Nhạ Quỳnh Ba!

Thượng sư bản tôn và Không hạnh, hãy làm nhất thể quán mà cầu thỉnh;

Chánh kiến thắng hạnh và chánh tu, 3 cái không sai biệt mà tu hành;

Đời này đến thế gian và trung ấm, làm nhất thể tu mà niệm thuộc lòng.

Nay ta truyền cho con khẩu quyết cuối cùng, đây là di ngôn cuối cùng;

Bỏ cái này thì không có chuyên tâm nào khác nữa, y theo cái này tu hành thì là con của ta.”

Tôn giả thuyết lời giáo huấn cuối cùng xong, lại nhập vào Quang minh pháp tính. Tôn giả vừa viên tịch, đàn tế liền phóng ra ánh sáng, biến thành một Việt lượng cung hình vuông, rất nhiều đồ cúng dường như các loại lông che, mây màu, ngọc tràng sáng rực, vô cùng trang nghiêm. Trong ánh sáng rực lại hóa hiện ra vô số các Thiên nữ, hát múa trong tiếng âm nhạc mỹ diệu.

Trên không phía trên đàn tế, Thiên tử và Thiên nữ bùng các bình ngọc đầy nước cam lộ cúng dường cho tôn giả. Các đồ đệ và các thí chủ, có người thấy trên đàn tế, tôn giả là Hỷ Kim Cương, có người thấy tôn giả là Kim Cương Hối Mẫu, theo nhân duyên, căn khí của mỗi người khác nhau, mỗi người trông thấy Phật thân khác nhau.

Lúc đó, khắp bầu không vô số các Không hạnh, nhất tề đồng thanh hát rằng:

“Khi Như bảo chí tôn nhập diệt, đại chúng Trời, người đều bi ai;

Người khóc đau đớn, nước mắt như sợi tơ, người hoa mắt loạn choạng không đứng nổi.

Ngọn lửa tự sinh tự thiêu, lửa thành hình bông sen 8 cánh;

Có thất bảo bát cát tường, như ý trai cúng hiện muôn ngàn.

Các nhạc cụ cầm sắt quản huyền, diễn tấu ra vô lượng những âm thanh tuyệt diệu;

Trong lửa hóa ra những Thiên nữ, dâng lên nhiều đồ cúng trong ngoài.

Hương kỳ diệu bao quanh, khí đất trời hòa hợp, ô
báu lộng che rực rỡ;

Thiên nữ cát tường để hiến cúng, mang cốt về có
tịnh thân;

Thân uẩn chẳng lưu mảy bụi trần, di cốt thượng sư
thật hiếm có.

Pháp thân như hư không, bi nguyện báo thân như
pháp vân;

Hóa thân sự nghiệp như mưa hoa, thành tựu vô tận
các chúng sinh hữu tình.

Pháp tính không tịch vốn chẳng sinh, trong đó
không có gì có thể sinh ra;

Không tính cũng rời khỏi tướng sinh tử, sinh diệt
cũng chính là không tính;

Nghĩa ‘Không – Có’ ở đây rất thâm sâu, chớ có nghi
hoặc sinh ra kiến giải sai lệch.”

Những Không hành hát xong bài ca này, thời gian
đã gần hoàng hôn, trời dần dần tối, lửa trên đàn tế cũng
đã cháy hết. Nhưng trong và ngoài đàn tế lại là ánh
sáng trong suốt. Các đồ đệ cảm thấy vô cùng kỳ lạ, nhìn
vào trong đàn tế. Thì ra ở giữa đàn tế xuất hiện một
bảo tháp sáng rực. Giữa bảo tháp có người nhìn thấy
Nhạc Kim Cương, có người thấy Hối Mẫu hoặc Hỷ Kim
Cương, có người thấy các loại hình chữ chuông, chày,
bình quý, thủ ấn, thân, khẩu, ý Kim Cương. Có người
thấy ánh sáng vàng kim, có người thấy nước biển, hoặc
một đám lửa rừng rực, cũng có người chẳng nhìn thấy
gì cả.

Thế là các tín đồ bắt đầu mở cửa đàn tế, để khí
nóng tản đi, để hôm sau đến lấy xá lợi tử. Lúc này lại
xuất hiện rất nhiều cảnh tượng không thể tưởng tượng

nổi. Đêm đó, mọi người quay đầu vào đàn tế, nằm ngay dưới đất ngủ. Sáng sớm hôm sau, khi Nhạ Quỳnh Ba vừa tỉnh giấc, trông thấy năm vị Không hành mẫu cầm các báu vật trang nghiêm, đồ trang sức bằng xương có tua lụa, và các loại đồ cúng dường bước vào trong đàn tế để cúng dường. Một lát, thấy năm vị Không hành mẫu chính từ đàn tế nâng một thứ sáng rực bay đi. Nhạ QUỳnh Ba đang nhìn ngây ra, bỗng nhiên nghĩ ra, ắt là các Không hành mẫu đã đem xá lợi tử tro xương tôn giả đem đi rồi, trong lòng sốt ruột, vội vàng đuổi theo. Lúc đó những Không hạnh mẫu đã nâng xá lợi bay vọt trên trời rồi. Nhạ Quỳnh Ba lập tức trở về gọi hết các huynh đệ dậy. Mọi người mở cửa đàn tế, nhìn vào trong, một hạt xá lợi tử cũng chẳng còn. Nhạ Quỳnh Ba đau đớn buồn rầu vô cùng, bèn thỉnh cầu các Không hành mẫu từ bi chia một chút xá lợi tử cho các đệ tử ở nhân gian.

Không hạnh mẫu nói: “Các người những đại đệ tử này, đã đắc được xá lợi thù thắng nhất rồi, đích thân nhìn thấy pháp thân rồi. Nếu như thế vẫn thấy chưa đủ, có thể cầu xin tôn giả, tôn giả sẽ tự nhiên cho các người. Còn với những người khác, so với tôn giả rực rỡ như nhật nguyệt, thì họ còn không bằng con đom đóm. Những người đó, cho họ xá lợi tử làm gì? Những xá lợi tử này thuộc về chúng tôi.” Nói rồi liền dừng lại giữa không trung bất động. Các đồ đệ nghe thấy những lời của các Không hành mẫu, mọi người nghĩ, những lời này nói không sai, trong lòng rất hối hận.

Mọi người thấy trong tay các Không hành mẫu phóng ra hào quang ngũ sắc, xá lợi tử của tôn giả to như quả trứng chim, giáng hạ xuống đàn tế. Các đệ tử thấy xá lợi tử giáng hạ xuống, đều giơ tay muốn đi lấy,

xá lợi tử đột nhiên lại bay lên không trung, lại hòa vào trong ánh hào quang phát ra từ tay các Không hành mẫu. Bồ đề hào quang chia làm hai luồng, một luồng biến thành tòa sư tử bên tòa nhật nguyệt, còn một luồng biến thành một bảo tháp lưu ly trong suốt từ trong ra ngoài. Trong bảo tháp phóng ra ánh sáng ngũ sắc màu hồng, trắng, lam, vàng, lục, chiếu sáng khắp tam thiên đại thiên thế giới, có 1002 vị Phật vây bốn xung quanh, ở giữa là tôn giả Milarepa đang ngồi ngay ngắn. Ưc vạn Không hành tập hợp như mây, cúng dường tán thán, có hai Thiên Nữ ở dưới nâng bảo tháp.

Tôn giả nói xong, Không hành mẫu đem bảo tháp, chuẩn bị nghênh thỉnh tôn giả đến Không Hành Sát Thổ. Lúc này Tịch Quang Nhạ Ba trong lòng nghĩ: “Mình nên tính phúc điền cho chúng sinh chốn nhân gian, khẩn cầu Không hành mẫu ban cho bảo tháp này, để các đệ tử chốn nhân gian cúng dường.” Thế là thỉnh cầu một cách đau khổ bức thiết.

Không hành mẫu nâng bảo tháp, bay đến trên các đại đệ tử, bảo tháp bồ đề hào quang phóng ra rất nhiều luồng hào quang. Trên đỉnh đầu mỗi đại đệ tử đều có một luồng hào quang chiếu lên. Mọi người đều nhìn thấy tôn giả ở giữa bảo tháp bay vọt vào không trung, biến thành Hỷ Kim Cương, Thượng Lạc Kim Cương, Mật Tập Kim Cương, Chí Tôn Mẫu Đàn Thành, vô lượng Phật Đà, được các Không hành mẫu vây quanh. Cuối cùng chư Phật Bồ Tát hóa thành ánh sáng, tan nhập vào trong tâm tôn giả. Trong tiếng Thiên nhạc đồng thời nổi lên, tôn giả được nghênh thỉnh đến Đông phương Hiên Hỷ Sát Thổ.

Có đồ đệ trông thấy báo thân của tôn giả trang nghiêm, ngồi tòa sư tử, tứ bộ Không hành nâng đưa, Kim Cương Hối Mẫu dẫn đường, trong tiếng Thiên nhạc không thể tưởng tượng nổi cúng dường, bay về Đông phương Hiện Hỷ Sát Thổ.

Các đại đệ tử trông thấy tôn giả đã lặng lẽ bay đi, không cách nào có được xá lợi tử để cúng dường, thế là mọi người òa lên khóc, đau buồn cầu nguyện. Bỗng nhiên thấy giọng nói của tôn giả từ trên không: “Các con à, các con không phải bị thương như thế này, ở dưới vách đá, tìm bài minh huấn 4 chữ (Thư tịch không đề cập đến 4 chữ đó là gì). Sau này, các con sẽ phát hiện ra đồ cúng đó.” Thế là mọi người liền tìm 4 chữ xung quanh vách đá, quả nhiên phát hiện ra bài minh huấn. Vách đá này hiện nay vẫn còn có thể thấy ở chùa Khúc Ba.

Các đệ tử thấy tôn giả đã đến thế giới khác rồi, trong lòng tuy vô cùng bị thương, nhưng đều biết tương lai nhất định có thể vãng sinh Tịnh thổ của tôn giả, đồng thời cũng minh bạch hết thấy thị hiện của tôn giả, đều là duyên có vì Phật Pháp và chúng sinh. Mọi người đều quyết tâm hiến thân cho sự nghiệp nhị lợi, rồi đi xem di chúc của tôn giả và vàng ở phía dưới bếp rớt cuộc là như thế nào.

Mọi người tuy biết tôn giả quyết sẽ không chôn giữ vàng bạc gì, nhưng vì tuân theo di huấn của tôn giả, mọi người đều đến trước bếp đi xem. Quả nhiên dưới bếp phát hiện ra có một miếng vải bông, bên trong bọc một con dao nhỏ, lưỡi dao vẫn rất sắc bén. Chuôi dao có buộc một cái chùy. Ngoài ra còn có một miếng đường, và đá mài dao cùng được bọc trong vải. Mọi người xem

xét tỉ mỉ, thấy trên dao còn có khắc mấy hàng chữ nhỏ: “Dùng con dao này, cắt miếng đường và cắt mảnh vải này, mãi mãi chúng sẽ không bị cắt hết. Các con cứ thế này đem đường và vải cắt chia cho tất cả mọi người. Hễ ai ăn chút đường này, hoặc ai được chia phần mảnh vải này, thì sẽ không bị đọa và ba ác đạo. Thức ăn và y phục tam muôi của Milarepa, là thượng sư và chư Phật gia trì. Nếu có chúng sinh, nghe được tên của ta, sinh một niệm tín tâm, trong 7 đời, cũng quyết không đọa vào ác thú, đồng thời có thể nhớ việc của 7 đời. Đây là thọ ký của chư Phật Bồ Tát. Nếu có người nói Milarepa có vàng, thì người đó phải ăn phân.” Các đệ tử đang trong bi thương cực độ, nhìn thấy câu di chúc cuối cùng này, thực sự không nén nổi cười phá lên, họ đều rất đổi vui mừng.

Thế là mọi người liền dùng dao cắt miếng đường, quả thực bất kể cắt bao nhiêu lần, miếng đường đó vẫn cắt không hết. Vải cũng như thế, cắt rất nhiều lần, mảnh vải gốc không hề bị suy giảm một ly. Cứ cắt vô cùng vô tận như thế, mọi người đều được chia đường và vải. Rất nhiều người mắc bệnh, sau khi ăn đường, bệnh lập tức khỏi ngay. Người hạ căn nhiều phiền não, sau khi ăn miếng đường, dần dần trí tuệ tăng trưởng, từ bi cũng tăng lên nhiều.

Khi tổ chức cúng tang lễ, trên Trời giáng hạ hoa tươi ngũ sắc. khi những bông hoa này giáng hạ xuống, quá nửa là các đầu người không nhiều tan biến mất. Có bông hoa rơi xuống đất, nhặt lên xem, mỏng manh nhỏ như cánh ong mật, mỹ lệ dị thường.

Khắp vùng thôn Khúc Ba, Thiên hoa giáng hạ xuống khắp mặt đất, cao đến đầu gối. Các vùng đất lân cận,

hoa cũng như tuyết rơi, giáng hạ xuống rất nhiều. Sau khi nghi lễ cúng hoàn tất, các cảnh tượng kỳ lạ dần dần biến mất.

Rất nhiều năm sau đó, mỗi dịp ngày kỷ niệm tôn giả, trên không trung lại xuất hiện cầu vồng dài, giáng hạ mưa hoa, có tiếng thiên nhạc, cuốn theo mùi hương kỳ diệu, và xuất hiện nhiều loại kỳ tích. Đồng thời, trên mặt đất cũng mọc ra rất nhiều hoa kỳ lạ khác nhau. Quanh năm được mùa, người không tai nạn bệnh tật, cũng không có họa chiến tranh. Những chủng loại kỳ tích này, kể ra cũng không thể kể hết.

(Hết)

